

BỘ XÂY DỰNG
HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM



SỔ TAY SINH VIÊN

Năm học 2025 - 2026

LƯU HÀNH NỘI BỘ

Tháng 8 năm 2025

GIỚI THIỆU VỀ HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

Học viện Hàng không Việt Nam được thành lập ngày 17/07/2006 theo Quyết định số 168/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở Trường Hàng không Việt Nam (thành lập ngày 24/03/1979). Học viện Hàng không Việt Nam là cơ sở đào tạo công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, trực thuộc Bộ Xây dựng, là cơ sở giáo dục đại học đầu ngành trong hệ thống giáo dục đại học của cả nước về lĩnh vực hàng không dân dụng, giữ vai trò quan trọng trong việc đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực cho ngành hàng không Việt Nam và cho xã hội.

Sứ mạng: *Đào tạo nguồn nhân lực ưu tú, có kiến thức chuyên sâu, kỹ năng thực hành tốt, tư duy sáng tạo, đạo đức nghề nghiệp và khả năng hội nhập quốc tế cho ngành hàng không, vũ trụ và các ngành kỹ thuật, kinh tế liên quan; Tiên phong nghiên cứu và phát triển các công nghệ cốt lõi cho ngành hàng không, vũ trụ và các ngành kỹ thuật, kinh tế liên quan, giải quyết các thách thức chiến lược của quốc gia và đóng góp vào kho tàng tri thức nhân loại; Chuyển giao tri thức và công nghệ hiệu quả, gắn kết chặt chẽ với các doanh nghiệp, cơ quan nhà nước và cộng đồng để tạo ra giá trị thiết thực, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh quốc phòng.*

Tầm nhìn: *Trở thành đại học đổi mới sáng tạo hàng đầu khu vực, là nơi đào tạo nguồn nhân lực, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ có uy tín trong lĩnh vực hàng không, vũ trụ và các ngành kỹ thuật và kinh tế khác; tiên phong trong đổi mới sáng tạo; thuộc top 20 trường đại học ở Việt Nam và top 2.000 trường đại học thế giới.*

Giá trị cốt lõi:

Chất lượng và hiệu quả: *Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, lấy năng lực của người học làm thước đo chất lượng; sử dụng nguồn lực hiệu quả nhất;*

Độc lập và sáng tạo: *Đào tạo người học tư duy độc lập và sáng tạo;*

Toàn diện và hội nhập: *Đào tạo con người phát triển toàn diện, sẵn sàng hội nhập xã hội, hội nhập quốc tế, hội nhập công nghệ mới.*

Triết lý giáo dục: “Chất lượng - Sáng tạo - Hội nhập”

Triết lý giáo dục là tư tưởng chỉ đạo, xuyên suốt làm định hướng phát triển cho Học viện. Học viện Hàng không Việt Nam hướng đến mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, thành thực kỹ năng nghề nghiệp, tư duy độc lập sáng tạo và hội nhập quốc tế, hội nhập công nghệ mới.

Học viện hiện đang đào tạo 02 ngành trình độ thạc sĩ (Quản trị kinh doanh và Kỹ thuật hàng không), đào tạo 13 ngành trình độ Đại học hệ Chính quy với 28 chuyên ngành đào tạo bằng tiếng Anh và tiếng Việt (Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Quản lý hoạt động bay, Kỹ thuật hàng không, Công nghệ kỹ thuật điện tử viễn thông, Ngôn ngữ Anh, Công nghệ thông tin, Quản trị nhân lực, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng, Kinh tế vận tải, Marketing).

Ngoài ra, Học viện còn đào tạo trình độ đại học hệ vừa làm vừa học với 03 ngành (Quản lý hoạt động bay, Quản trị kinh doanh, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành), các khóa bồi dưỡng ngắn hạn, các khóa học cấp chứng chỉ chuyên môn hàng không, ngành Quản trị dịch vụ thương mại hàng không tích hợp chương trình đào tạo Tiếp viên hàng không/Phục vụ mặt đất và chuyên ngành Quản lý và khai thác bay tích hợp chương trình đào tạo Phi công.

Học viện được tổ chức thành 7 phòng chức năng (Đào tạo, Tuyển sinh và Công tác sinh viên, Tổ chức - Hành chính, Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế, Kế hoạch - Tài chính, Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Quản lý và phát triển cơ sở vật chất), 01 Bộ phận Thanh tra – Pháp chế, 10 khoa chuyên ngành (Khoa Kinh tế hàng không, Điện - Điện tử, Khai thác hàng không, Kỹ thuật hàng không, Cơ bản, Ngoại ngữ, Quản trị kinh doanh, Xây dựng, Công nghệ thông tin, Du lịch và Dịch vụ hàng không), 3 trung tâm (Trung tâm Đào tạo nhân viên hàng không, Trung tâm Đào tạo Phi công, Trung tâm Dịch vụ sinh viên) và 02 viện (Viện Đào tạo quốc tế, Viện Khoa học kỹ thuật hàng không).

Học viện gồm 3 cơ sở:

Trụ sở chính: 104 Nguyễn Văn Trỗi, Phường Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028 - 38442251 Fax: 028 – 38447523

Website: www.vaa.edu.vn Email: info@vaa.edu.vn

Cơ sở 2: 18A/1 Cộng Hòa, Phường Tân Sơn Nhất, Tp. Hồ Chí Minh

Cơ sở 3: 243 Nguyễn Tất Thành, Phường Bắc Cam Ranh (Sân bay Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa)

Fanpage: <https://www.facebook.com/hvhangkhongvietnam/>

LỜI NÓI ĐẦU

Sổ tay này dùng cho sinh viên trình độ đào tạo đại học hệ chính quy của Học viện Hàng không Việt Nam nhằm cung cấp những thông tin cần thiết về đào tạo đại học hệ chính quy để sinh viên chủ động tổ chức, sắp xếp công việc học tập của mình một cách hợp lý, nhằm đạt kết quả tốt nhất trong việc học tập.

Sổ tay sinh viên gồm có 10 phần chính được liệt kê ở phần mục lục.

Để công tác học vụ đại học được vận hành một cách có hiệu quả, sinh viên cần tìm hiểu kỹ, chi tiết về nội dung và thực hiện đầy đủ các qui chế, quy định được hướng dẫn trong sổ tay, hoặc trên trang công thông tin sinh viên của Học viện Hàng không Việt Nam.

Cổng thông tin sinh viên: sv.vaa.edu.vn

Mọi ý kiến thắc mắc về công tác đào tạo sinh viên liên hệ:

Phòng Đào tạo

Phòng A303, 104 Nguyễn Văn Trỗi, Phường Phú Nhuận, Tp. HCM

Điện thoại: 028 – 38 44 92 42

Mọi ý kiến thắc mắc về công tác sinh viên, sinh viên liên hệ:

Phòng Tuyển sinh và Công tác sinh viên

Phòng A14, A15, 104 Nguyễn Văn Trỗi, Phường Phú Nhuận, Tp. HCM

Điện thoại: 028 – 38 42 21 99

MỤC LỤC

Phần 1: MỘT SỐ QUY ĐỊNH CHUNG	6
Phần 2: QUY CHẾ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC	13
Phần 3: CÁC QUY CHẾ, QUY ĐỊNH VỀ ĐÀO TẠO	44
Phần 4: QUY ĐỊNH VỀ CÔNG TÁC SINH VIÊN	64
4.1. Một số quy định chung	64
4.2. Các Quy chế, Quy định liên quan đến công tác sinh viên	69
Phần 5: THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC DÀNH CHO SINH VIÊN	116
Phần 6: CÔNG TÁC HƯỚNG NGHIỆP – TƯ VẤN VIỆC LÀM	120
Phần 7: HƯỚNG DẪN ĐĂNG KÝ HỌC PHẦN TRỰC TUYẾN	122
Phần 8: HƯỚNG DẪN THANH TOÁN HỌC PHÍ TRỰC TUYẾN	126
PHẦN 9: QUY ĐỊNH VỀ VIỆC THI, KHIẾU NẠI, PHÚC KHẢO KẾT QUẢ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN, THI TỐT NGHIỆP, ĐÁNH GIÁ ĐỒ ÁN, KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP	143
Phần 10: MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC	151
NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	151
CHUYÊN NGÀNH KINH DOANH SỐ (MỚI MỞ 2025)	159
- NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH	159
NGÀNH MARKETING	166
NGÀNH KỸ THUẬT HÀNG KHÔNG	173

CHUYÊN NGÀNH KỸ THUẬT THIẾT BỊ BAY KHÔNG NGƯỜI LÁI (MỚI MỞ 2025) - NGÀNH KỸ THUẬT HÀNG KHÔNG	180
CHUYÊN NGÀNH KỸ THUẬT BẢO DƯỠNG TÀU BAY (MỚI MỞ 2025)- NGÀNH KỸ THUẬT HÀNG KHÔNG	187
NGÀNH QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG BAY	211
CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	219
QUẢN TRỊ NHÂN LỰC	230
CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG	236
CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỀU KHIỂN VÀ TỰ ĐỘNG HÓA	242
NGÔN NGỮ ANH	247
QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	256
KINH TẾ VẬN TẢI	264
NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	273
NGÀNH KINH TẾ VẬN TẢI	281
NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ	290
NGÀNH ĐIỆN TỬ ỨNG DỤNG AI & IoT	297
KHOA DU LỊCH VÀ DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG	314
NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH	314
Chuyên ngành Quản trị Khách sạn - Nhà hàng	314
Chuyên ngành Quản trị Lữ hành	321

Phần 1: MỘT SỐ QUY ĐỊNH CHUNG

1. Tài khoản trên cổng thông tin sinh viên: mỗi sinh viên được cấp 1 tài khoản sinh viên trên trang **sv.vaa.edu.vn** để theo dõi thời khóa biểu, công nợ sinh viên, kết quả học tập, đăng ký học phần, đề xuất các yêu cầu, nhận các thông báo và theo dõi các thông tin liên quan khác.

Tài khoản truy cập là mã sinh viên, mật khẩu được cấp mặc định là 1111. Sinh viên sau khi nhập học cần khai báo đầy đủ thông tin sinh viên, mã số bảo hiểm xã hội, và đổi mật khẩu. Trường hợp bị mất mật khẩu, sinh viên xem mục Hướng dẫn trên trang sinh viên để cấp lại mật khẩu.

2. Lịch tiếp sinh viên của các Phòng, Khoa, Trung tâm:

Để tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên, các công tác liên quan đến sinh viên được Học viện triển khai trực tuyến trên trang sinh viên (đăng ký học phần, đóng học phí, đăng ký bảng điểm, đăng ký giấy xác nhận sinh viên, các thủ tục hành chính của sinh viên... và các công tác khác).

Sinh viên nếu cần thêm thông tin hoặc hướng dẫn trong quá trình học tại Học viện, liên hệ với cố vấn học tập để được hướng dẫn và hỗ trợ.

Trường hợp cần liên hệ trực tiếp với các Phòng ban để giải quyết công việc, sinh viên liên hệ theo lịch tiếp như sau:

Phòng Đào tạo (A303): tiếp sinh viên thứ 3, thứ 5 hàng tuần, điện thoại liên hệ: 028.38449242

Phòng Kế hoạch – Tài chính (A18): tiếp sinh viên chiều thứ 2, chiều thứ 3, chiều thứ 5 hàng tuần, điện thoại liên hệ: 028.38424761

Bộ phận Công tác sinh viên - Phòng TS&CTSV (A14): tiếp sinh viên chiều thứ 2, chiều thứ 3, chiều thứ 5 hàng tuần. Điện thoại liên hệ: 028.38422199

Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng (A212): 028.39970592

Bộ phận IT (A207): ductv@vaa.edu.vn

Sinh viên liên hệ công việc ở Khoa xem lịch tiếp sinh viên của khoa mình và liên hệ khi cần thiết.

3. Quy định về đăng ký học phần: sinh viên theo dõi và cập nhật thường xuyên thông tin trên cổng thông tin sinh viên: **sv.vaa.edu.vn**. Thời gian đăng ký học phần được Phòng Đào tạo thông báo và diễn ra trước khi bắt đầu học kỳ mới (trừ học kỳ đầu tiên của khóa học). Sinh viên cần đọc kỹ thông báo và hướng dẫn, đăng ký đúng thời gian quy định. Phòng Đào tạo không giải quyết các trường hợp sinh viên đăng ký muộn hoặc không đăng ký học phần trong thời gian quy định.

4. Quy định về đóng học phí: sinh viên phải đóng học phí đúng thời hạn và theo đúng hướng dẫn quy định sau khi đăng ký học phần thành công theo thông báo của Phòng Kế hoạch – Tài chính. Trường hợp đặc biệt không thể hoàn thành học phí đúng thời gian quy định, sinh viên phải làm đơn xin gia hạn thời gian đóng học phí và nộp đơn về phòng Kế hoạch – Tài chính trước khi hết hạn đóng học phí theo thông báo. Sinh viên không đóng học phí đúng thời gian quy định sẽ không có tên trong danh sách lớp học phần, không được dự thi, vi phạm nội quy của Học viện, trừ điểm rèn luyện, không được xét học bổng khuyến khích học tập của học kỳ đó, không được xét thi đua khen thưởng và các chế độ khác của Học viện (nếu có).

5. Quy định về rèn luyện sinh viên: song song với kết quả học tập, điểm rèn luyện sinh viên đóng vai trò quan trọng, là cơ sở xếp loại toàn diện sinh viên, là căn cứ xét học bổng, xét khen thưởng, kỷ luật, xét tốt nghiệp và các công tác khác. Sinh viên phải thực hiện đánh giá rèn luyện sinh viên vào cuối mỗi học kỳ theo thông báo của Học viện trên trang sinh viên (SV đăng nhập vào tài khoản sinh viên và thực hiện công tác tự đánh giá điểm của mình, sau đó đến phần đánh giá của ban cán sự lớp, cố vấn học tập, khoa và phòng TS&CTSV). Sinh viên cần đánh giá đúng thời gian quy định, đánh giá trung thực và có đầy đủ minh chứng. Lưu ý tự kiểm tra điểm rèn luyện sinh viên trong mục Kết quả học tập của mình sau khi chấm điểm sau mỗi học kỳ, nếu có thắc mắc cần phản hồi ngay cho cố vấn học tập và Phòng TS&CTSV A14 trong thời gian quy định.

6. Quy định về sinh hoạt Đoàn – Hội: sinh viên phải tích cực tham gia các hoạt động học tập, rèn luyện, sinh hoạt Đoàn Thanh niên – Hội Sinh viên tại Học viện trong thời gian học tập, hoàn thành chương trình rèn luyện Đoàn viên thanh niên và Hội viên theo quy định (đóng đoàn phí, hội phí đầy đủ và hoàn thành đủ từ 10 ngày rèn luyện trở lên trong toàn khóa học đối với sinh viên trình độ đại học). Văn phòng Đoàn Thanh niên – Hội Sinh viên tại cơ sở 2, khu vực quả cầu gần cổng ra vào (tầng 2).

Fanpage: <https://www.facebook.com/DoanTNHoiSV.VAA>

7. Thông tin sinh viên: sinh viên cần theo dõi thường xuyên, liên tục thông tin cá nhân, điểm và các thông tin có liên quan khác. Nếu có sai sót phải kịp thời báo cáo các đơn vị chức năng của Học viện để xử lý.

Trong quá trình học tập, sinh viên có thay đổi thông tin cá nhân, điện thoại, email... sinh viên vào mục **Thông tin chung/Đề xuất cập nhật thông tin sinh viên**, sau đó khai báo cập nhật thông tin của mình.

8. Bảo hiểm Y tế sinh viên: sinh viên là đối tượng bắt buộc phải mua bảo hiểm y tế theo quy định của Nhà nước. Sau khi đóng tiền bảo hiểm y tế vào học kỳ 1 mỗi năm học, sinh viên cần theo dõi và cung cấp đầy đủ thông tin theo yêu cầu của bộ phận Y tế để đảm bảo thẻ BHYT được gia hạn kịp thời cho năm tiếp theo, đảm bảo quyền lợi khám chữa bệnh của sinh viên. Sinh viên cần khai báo đầy đủ thông tin bảo hiểm y tế trên tài khoản sinh viên và theo thông báo của Học viện.

9. Xin xác nhận kết quả học tập: sinh viên có nhu cầu xác nhận kết quả học tập (bảng điểm), đăng nhập vào tài khoản trên trang sinh viên, vào mục **Thông tin chung/Đề xuất biểu mẫu/Đơn xin cấp bằng điểm/ kết quả học tập**. Sau khi được duyệt, sinh viên vào mục **Danh sách biểu mẫu đã đề xuất**, nhấp vào tên biểu mẫu xem phản hồi và đến nhận giấy theo lịch hẹn.

10. Xin xác nhận sinh viên: sinh viên đăng nhập vào tài khoản trên trang sinh viên, vào mục **Thông tin chung/Đề xuất biểu mẫu**, chọn biểu mẫu cần đề xuất (Giấy xác nhận hoãn nghĩa vụ quân sự (NVQS), vay vốn sinh viên, giấy xác nhận (lý do khác: cần ghi rõ lý do xin xác nhận)... Sau khi đề xuất thành công, sinh viên theo dõi **Danh sách biểu mẫu đã đề xuất**, khi được duyệt sinh viên nhấp vào tên biểu mẫu đã đề xuất xem phản hồi và đến nhận giấy theo lịch hẹn.

11. Các đề xuất, yêu cầu khác của sinh viên (miễn, chuyển điểm tiếng Anh; giấy xác nhận hoàn thành chương trình học; nộp công nhận chuẩn đầu ra; xin bảo lưu kết quả học tập; xin thôi học...): sinh viên đăng nhập vào trang sinh viên và thực hiện trực tuyến: vào menu, chọn mục **KHÁC/Yêu cầu sinh viên/Tạo mới**, chọn đơn vị giải quyết, nêu nội dung và gửi yêu cầu theo hướng dẫn. Sinh viên theo dõi phản hồi sau khi đề xuất yêu cầu và bổ sung hồ sơ nếu cần. Đối với các yêu cầu, đề xuất không giải quyết trực tuyến được, sinh viên liên hệ cố vấn học tập và các phòng ban để được hướng dẫn.

12. Hướng dẫn sử dụng hệ thống học tập trực tuyến:

*** Đăng nhập hệ thống:**

- Bước 1: Vào hệ thống bằng cách nhấp vào link: <http://lms.vaa.edu.vn>
- Bước 2: Đăng nhập vào hệ thống lần đầu
 - Username: MSSV
 - Password: Lms@MSSV

Trong đó: MSSV là mã số sinh viên của sinh viên

- **Sinh viên đổi mật khẩu khi đăng nhập lần đầu đổi mật khẩu** bằng cách điền password cũ ở **Current password**, rồi nhập password mới ở **New password** -> nhập lại password mới lần nữa tại **New password (again)** rồi bấm **Save Changes**.
- Lưu ý: Mật khẩu mới ít nhất 8 ký tự & phải thỏa đủ 03 điều kiện: ít nhất 1 ký tự HOA, ít nhất 1 ký tự viết thường, ít nhất 1 ký tự đặc biệt

2. Quên mật khẩu đăng nhập hệ thống:

Mật khẩu hệ thống LMS có thể reset bất kỳ thời điểm nào thông qua email học viện

- Bước 1: Vào hệ thống bằng cách nhập vào link: <http://lms.vaa.edu.vn>
- Bước 2: Bấm vào "**Forgot Password?**" -> Nhập địa chỉ **email học viện** của sinh viên vào ô **Email address** ở mục **Search by email address**

Search by username

Username

KHÔNG điền mã số sinh viên tại đây

Search

Search by email address

Email address

2250000001@vaa.edu.vn

Điền địa chỉ email sinh viên của sinh viên vào đây. Ví dụ: 2250000001@vaa.edu.vn (Sử dụng email của học viện, không sử dụng email cá nhân khác)

Search

Sinh viên bấm Search -> Continue thì hệ thống sẽ gửi đến email học viện của sinh viên (**mssv@vaa.edu.vn**). Trong đó: mssv là mã số sinh viên của sinh viên. Sinh viên mở email của học viện ra và bấm vào link trong nội dung email để đặt lại mật khẩu.

- Bước 3: Sinh viên đặt mật khẩu mới & lưu lại (Lưu ý: Mật khẩu mới ít nhất 8 ký tự & phải thỏa đủ 03 điều kiện: ít nhất 1 ký tự HOA, ít nhất 1 ký tự viết thường, ít nhất 1 ký tự đặc biệt)

Lưu ý:

- Sinh viên nào quên mật khẩu email học viện thì làm theo hướng dẫn này: <https://sv.vaa.edu.vn/sinh-vien/tin-tuc/thong-bao-ho-tro-quen-mat-khau-mail.html>

- Địa chỉ email học viện nếu sau thời gian thông báo trong link sinh viên chưa vào được có thể liên hệ email: tamnt@vaa.edu.vn với nội dung cần có họ tên & mã số sinh viên và tiêu đề mail: **Hỗ trợ email VAA**

*** Sinh viên ghi danh vào lớp học trên LMS**

Vào đầu mỗi học kỳ/khóa học bắt đầu thì sinh viên ghi danh vào lớp học trên LMS bằng cách thực hiện các bước sau:

Bước 1: Sinh viên đăng nhập vào hệ thống <http://lms.vaa.edu.vn>

Bước 2: Sinh viên chọn **Site home** -> chọn **Học kỳ** ở cây thư mục & nhập mã học phần ở **Search course**, bấm nút tìm kiếm và kiểm tra lại đúng **Mã lớp học phần - Tên môn học (Học kỳ đang theo học)**. Sau đó bấm nút **Enrol me** để ghi danh vào lớp học.

Lưu ý: Sinh viên ghi danh đúng **Mã lớp học phần - Tên môn học (Học kỳ đang theo học)** vì việc ghi danh sai sẽ ảnh hưởng trong quá trình học tập.

*** Cách vào lớp học trực tuyến:**

- Học trực tuyến bằng Quickom

Nếu lớp học học trực tuyến bằng Quickom vào thời gian cụ thể theo thời khóa biểu của Phòng Đào Tạo mà sinh viên đã có đầu mỗi học kỳ thì trước thời gian lớp học trực tuyến bắt đầu khoảng 5 phút, sinh viên đăng nhập vào hệ thống <http://lms.vaa.edu.vn> và nhấp vào biểu tượng Quickom như



hình bên dưới để vào lớp

Lưu ý:

- Sinh viên nên sử dụng máy tính để bàn hoặc laptop để sử dụng các chức năng & quá trình tương tác với giảng viên tốt hơn sử dụng điện thoại.

- Nếu màn hình sinh viên báo Waiting for host (Đang chờ máy chủ) thì giảng viên chưa vào lớp, sinh viên đợi giảng viên ít phút rồi bấm F5 load lại trang hoặc load lại ứng dụng để vào lớp.

- Đối với điện thoại iPhone thì cần cài thêm ứng dụng

Quickom <https://quickom.com/downloads>

- Trong quá trình sử dụng Quickom nếu gặp sự cố ngoài Ban LMS của học viện. Sinh viên có thể được hỗ trợ từ Tập đoàn Beowulf bằng cách vào <https://quickom.com/> và scan mã QR Code ở Live Support gọi đến Call Center Quickom (từ 8 giờ đến 18 giờ - miễn phí) được hướng dẫn thêm.

- Học trực tuyến bằng Google Meet:

Nếu lớp học học trực tuyến bằng Google Meet vào thời gian cụ thể theo thời khóa biểu của Phòng Đào Tạo mà sinh viên đã có đầu mỗi học kỳ thì trước thời gian lớp học trực tuyến bắt đầu khoảng 5 phút, sinh viên đăng nhập vào hệ thống <http://lms.vaa.edu.vn> và nhấp vào biểu tượng Google Meet như



hình bên dưới để vào lớp

Lưu ý:

- Sinh viên nên sử dụng máy tính để bàn hoặc laptop để sử dụng các chức năng & quá trình tương tác với giảng viên tốt hơn sử dụng điện thoại.

5. Hướng dẫn sinh viên làm bài trắc nghiệm

Bước 1: Sinh viên đăng nhập vào hệ thống <http://lms.vaa.edu.vn>

Bước 2: Sinh viên vào lớp học phần & tìm bài kiểm tra trắc nghiệm giảng viên cho.

Bước 3: Bấm vào chữ **Attempt quiz now** rồi chọn **Start attempt** để làm bài (nếu sinh viên chưa thấy nút để bấm làm bài thì bấm F5 để load lại trang) bằng cách chọn các lựa chọn ở câu hỏi rồi bấm **Next page** & tiếp tục làm cho đến **Finish attempt** xuất hiện thì sinh viên bấm vào nút này

Bước 4: Kiểm tra lại toàn bộ một lần nữa về các câu đã làm (Not yet answered: câu sinh viên chưa làm (chưa lựa chọn một trong các đáp án) - sinh viên có thể bấm vào số thứ tự để quay lại câu chưa làm để hoàn thành câu này; Answer saved: Câu sinh viên đã làm (đã lựa chọn một trong các đáp án)). Sinh viên có thể bấm vào Return to attempt rồi Previous page để kiểm tra lại những câu trắc nghiệm lần nữa (nếu có).

Bước 5: Bấm **Submit all and finish** rồi màn hình xác nhận (confirm) mở ra để yêu cầu sinh viên chắc chắn gửi bài làm không. Nếu chắc chắn sinh viên bấm nút **Submit all and finish** để gửi kết quả. (**Lưu ý: Để hoàn thành bài trắc nghiệm: Sinh viên phải bấm 02 lần Submit all and finish**)

Lưu ý quan trọng:

- Sinh viên hoàn thành bài kiểm tra trước hạn & quên bấm nút **Submit all and finish** mà signout ra khỏi hệ thống LMS thì hệ thống sẽ ghi nhận sinh viên chưa hoàn thành bài thi.

- Trong quá trình làm bài, nếu sinh viên làm không kịp mà vẫn ở trong bài trắc nghiệm thì hệ thống tự gửi kết quả cho sinh viên

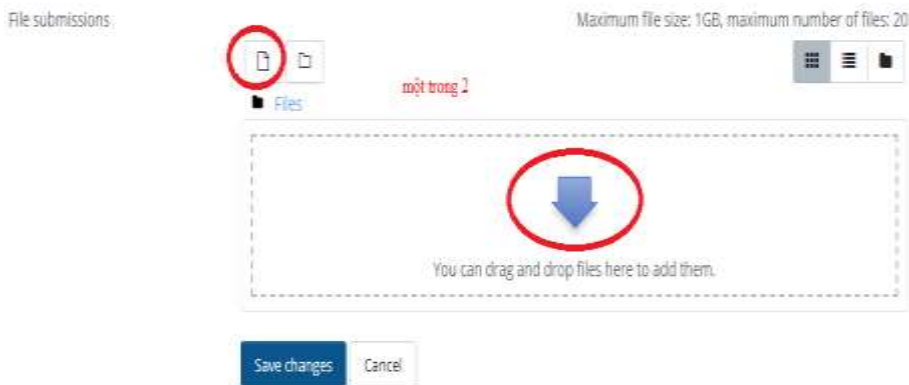
6. Hướng dẫn sinh viên làm bài assignment

Bước 1: Sinh viên đăng nhập và vào lớp học phần có bài assignment.

Bước 2: Bấm vào bài assignment mà giảng viên cho. Sinh viên vào trước thời gian làm bài thì có thể sinh viên chưa được thấy tiêu đề của đề bài (tùy

thuộc vào cách thiết lập đề bài của giảng viên). Sinh viên bấm F5 để load lại trang LMS để thấy đề

Bước 3: Bấm vào **Add submission** rồi kéo thả file từ máy tính vào (rồi qua bước 5) hoặc chọn bấm 1 trong 2 vòng tròn ghi chú màu đỏ hình dưới đây (rồi qua bước 4)



Bước 4: Chọn **Upload file** rồi chọn **Choose file**. Sau đó, chọn file cần upload từ máy tính của sinh viên rồi bấm **Upload this file**.

Bước 5: Bấm **Save changes** rồi **Submit assignment** (hoặc không có nút Submit assignment tùy theo thiết kế bài assignment của giảng viên). Sinh viên chắc chắn rằng trên màn hình của mình **Submission status** ở trạng thái **Submitted for grading** (và xem ở **File submissions** phải có file đính kèm) thì bài assignment mới được nộp chính thức.

7. Các thông báo về Elearning:

Sinh viên xem tại đây: <http://sv.vaa.edu.vn/sinh-vien/dm-tin-tuc/e-learning-032551.html>

Phần 2: QUY CHẾ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 572 /QB-HVHKVN-DT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học
của Học viện Hàng không Việt Nam

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 168/2006/QĐ-TTg, ngày 17 tháng 7 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Hàng không Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế đào tạo trình độ đại học của Học viện Hàng không Việt Nam”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ học kỳ 3 năm học 2022-2023, áp dụng đối với các khóa tuyển sinh từ năm 2021 trở đi.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng phòng Tuyển sinh và Công tác sinh viên, Trưởng các đơn vị thuộc Học viện Hàng không Việt Nam và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ GDĐT (để báo cáo);
- HĐHIV;
- BGĐ;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, PDT.



TS. Nguyễn Thị Hải Hằng

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Đào tạo trình độ đại học của Học viện Hàng không Việt Nam
(Kèm theo Quyết định số 572/QĐ-HVHKVN-DT ngày 20 tháng 6 năm 2023
của Giám đốc Học viện Hàng không Việt Nam)

Chương I.

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định chung về tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học của Học viện Hàng không Việt Nam (sau đây gọi tắt là Học viện), bao gồm: những quy định chung, lập kế hoạch và tổ chức giảng dạy, đánh giá kết quả học tập và cấp bằng tốt nghiệp, những quy định khác đối với sinh viên và tổ chức thực hiện.

2. Quy chế này áp dụng đối với việc đào tạo trình độ đại học chính quy, vừa làm vừa học (VLVH) do Học viện tuyển sinh. Các chương trình đào tạo do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp bằng bao gồm cả các chương trình liên kết đào tạo được áp dụng quy chế này hoặc quy định của Học viện cấp bằng theo thỏa thuận liên kết, hợp tác giữa các bên nhưng không trái với những quy định của Quy chế này.

Điều 2. Chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo được xây dựng theo đơn vị tín chỉ, cấu trúc từ các môn học hoặc học phần (sau đây gọi chung là học phần), trong đó phải có đủ các học phần bắt buộc và đáp ứng chuẩn chương trình đào tạo theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong trường hợp đào tạo song ngành hoặc ngành chính - ngành phụ, chương trình đào tạo phải thể hiện rõ khối lượng học tập chung và riêng theo từng ngành.

2. Chương trình đào tạo áp dụng chung đối với các hình thức, phương thức tổ chức đào tạo và đối tượng người học khác nhau. Chương trình đào tạo bao gồm: mục tiêu, chuẩn đầu vào, chuẩn đầu ra, đề cương chi tiết; các điều kiện thực hiện chương trình nhằm đáp ứng Khung trình độ quốc gia Việt Nam và chuẩn chương trình đào tạo.

a) Chuẩn đầu vào (hay yêu cầu đầu vào) là những yêu cầu tối thiểu về trình độ, năng lực, kinh nghiệm mà người học cần có để theo học chương trình đào tạo.

b) Chuẩn đầu ra (hay yêu cầu đầu ra) là những yêu cầu cần đạt về phẩm chất và

năng lực của người học sau khi hoàn thành một chương trình đào tạo, gồm cả yêu cầu tối thiểu về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm của người học khi tốt nghiệp.

c) Chuẩn chương trình đào tạo là những yêu cầu chung, tối thiểu về mục tiêu, chuẩn đầu vào, chuẩn đầu ra, khối lượng học tập tối thiểu, cấu trúc và nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập, các điều kiện thực hiện chương trình để bảo đảm chất lượng đào tạo.

d) Đối với người đã tốt nghiệp trình độ khác hoặc ngành khác, khối lượng học tập thực tế được xác định trên cơ sở công nhận, hoặc chuyển đổi tín chỉ đã tích lũy và miễn trừ học phần trong chương trình đào tạo trước.

đ) Để cương chi tiết của từng học phần phải thể hiện rõ số lượng tín chỉ, điều kiện học phần (tiền quyết, học trước, tự chọn,...) (nếu có), mục tiêu, chuẩn đầu ra của học phần, nội dung lý thuyết và thực hành, kế hoạch giảng dạy, cách thức đánh giá học phần, giáo trình, tài liệu tham khảo và điều kiện thí nghiệm, thực hành, thực tập phục vụ học phần.

3. Chương trình đào tạo phải được công khai đối với người học trước khi tuyển sinh và khi bắt đầu khóa học; những thay đổi, điều chỉnh liên quan đến chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định hiện hành và công bố trước khi áp dụng, không gây tác động bất lợi cho người học.

4. Giám đốc Học viện ban hành Chương trình đào tạo trình độ đại học của Học viện.

Điều 3. Thời gian học tập và khối lượng học tập chuẩn toàn khóa

1. Tùy thuộc chương trình đào tạo, thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa đối với từng hình thức đào tạo được quy định cụ thể như sau:

a) Đại học chính quy:

+ 4 năm (8 học kỳ): đối với các chương trình đào tạo cấp bằng cử nhân;

+ 5 năm (10 học kỳ): đối với các chương trình đào tạo cấp bằng kỹ sư (đào tạo chuyên sâu đặc thù).

b) Đại học VL VH dài hơn tối thiểu 20% so với hình thức đào tạo chính quy của cùng chương trình đào tạo và được Giám đốc Học viện quyết định cho từng chương trình đào tạo.

2. Thời gian tối đa để sinh viên hoàn thành khóa học (số năm tối đa mà một sinh

viên được theo học tại Học viện tính từ khi có quyết định nhập học) bằng **02 lần** thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa đối với mỗi hình thức đào tạo được nêu tại khoản 1 Điều này. Đối với sinh viên học liên thông đã được miễn trừ khối lượng tín chỉ tích lũy, thời gian tối đa để sinh viên hoàn thành khóa học được xác định trên cơ sở thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa giảm tương ứng với khối lượng được miễn trừ.

3. Khối lượng học tập tối thiểu toàn khóa đối với hình thức đào tạo chính quy (đơn ngành) là:

+ 120 tín chỉ (chưa tính khối lượng Giáo dục thể chất (GDTC), Giáo dục Quốc phòng - An ninh (GDQP-AN)) đối với các chương trình đào tạo cấp bằng cử nhân.

+ 150 tín chỉ (chưa tính khối lượng GDTC, GDQP-AN) đối với các chương trình đào tạo cấp bằng kỹ sư.

4. Khối lượng học tập tối thiểu đối với các chương trình đào tạo song ngành phải cộng thêm 30 tín chỉ; đối với chương trình đào tạo ngành chính - ngành phụ phải cộng thêm 15 tín chỉ so với chương trình đào tạo đơn ngành tương ứng.

Điều 4. Học phần và tín chỉ

1. Học phần là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho sinh viên tích lũy trong quá trình học tập. Nội dung học phần được bố trí giảng dạy trọn vẹn và phân bố đều trong một học kỳ. Mỗi học phần được ký hiệu bằng một mã số riêng do Học viện quy định.

2. Các loại học phần

a) Học phần bắt buộc là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình đào tạo và bắt buộc sinh viên phải tích lũy;

b) Học phần tự chọn là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, nhưng sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của Học viện nhằm đa dạng hóa hướng chuyên môn hoặc được tự chọn tùy ý để tích lũy đủ số học phần và tín chỉ tối thiểu quy định cho mỗi chương trình;

c) Học phần tiên quyết là học phần bắt buộc sinh viên phải đạt trước khi đăng ký và học học phần mới;

đ) Học phần điều kiện là học phần mà sinh viên phải hoàn thành nhưng kết quả học phần không dùng để tính điểm trung bình chung tích lũy bao gồm: GDQP-AN, GDTC hoặc các học phần khác được quy định trong từng chương trình đào tạo;

d) Học phần tương đương là một hay một nhóm học phần thuộc chương trình đào tạo của một khóa học, ngành học được Giám đốc Học viện quy định và cho phép tích lũy để thay thế cho một hay một nhóm học phần trong chương trình đào tạo của ngành;

e) Học phần thay thế là học phần được sử dụng thay thế cho một học phần có trong chương trình đào tạo khóa trước nhưng khóa sau không còn tổ chức giảng dạy nữa, hoặc là một học phần tự chọn thay cho một học phần tự chọn khác mà sinh viên học nhưng không đạt;

f) Học phần học trước là học phần mà sinh viên đã học (đã học xong và dự thi, có thể kết quả chưa đạt) trước học phần tiếp theo.

3. Tín chỉ là đơn vị dùng để đo lường khối lượng học tập của người học. Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá. Đối với hoạt động dạy học trên lớp, một tín chỉ được quy định bằng 15 giờ học lý thuyết; hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.

4. Số giờ đối với từng học phần; số giờ giảng dạy của từng giảng viên cho các học phần (số giờ giảng dạy trên lớp, số giờ thực hành, thực tập, số giờ chuẩn bị khối lượng tự học cho sinh viên); đánh giá kết quả tự học của sinh viên và số giờ tiếp xúc sinh viên ngoài giờ lên lớp được quy định cụ thể trong từng chương trình đào tạo và để cương chi tiết học phần phù hợp với đặc điểm của Học viện.

Điều 5. Phương thức tổ chức đào tạo

1. Học viện tổ chức đào tạo theo tín chỉ thống nhất cho tất cả các khóa học của hình thức đào tạo chính quy và VL.VH, cho phép sinh viên tích lũy tín chỉ từng học phần và thực hiện chương trình đào tạo theo kế hoạch học tập của cá nhân, phù hợp với kế hoạch giảng dạy của Học viện.

2. Sinh viên không đạt một học phần bắt buộc sẽ phải học lại học phần đó hoặc học một học phần tương đương theo quy định trong chương trình đào tạo, hoặc học một học phần thay thế nếu học phần đó không còn được giảng dạy.

3. Sinh viên không đạt một học phần tự chọn sẽ phải học lại học phần đó hoặc có thể chọn học một học phần tự chọn khác theo quy định trong chương trình đào tạo.

Điều 6. Hình thức đào tạo

1. Đào tạo chính quy

5

a) Các hoạt động giảng dạy được thực hiện tại Học viện, riêng những hoạt động thực hành, thực tập, trải nghiệm thực tế và giảng dạy trực tuyến có thể thực hiện bên ngoài Học viện;

b) Thời gian tổ chức hoạt động giảng dạy, học tập của Học viện trong khoảng từ 6 giờ đến 20 giờ các ngày trong tuần từ thứ 2 đến thứ 7 và thực hiện theo quy định cụ thể của Học viện; trường hợp đặc biệt và các hoạt động đặc thù của chương trình đào tạo thực hiện theo kế hoạch được Giám đốc Học viện phê duyệt.

2. Đào tạo vừa làm vừa học

a) Các hoạt động giảng dạy được thực hiện tại Học viện hoặc tại cơ sở phối hợp đào tạo quy định tại Điều 7 của Quy chế này; riêng những hoạt động thực hành, thực tập, trải nghiệm thực tế và giảng dạy trực tuyến có thể thực hiện bên ngoài Học viện hoặc ngoài cơ sở phối hợp đào tạo;

b) Thời gian tổ chức hoạt động giảng dạy linh hoạt trong ngày và trong tuần.

3. Đối với các ngành đào tạo ưu tiên phục vụ nguồn nhân lực phát triển kinh tế - xã hội trong từng giai đoạn, Học viện thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 7. Liên kết đào tạo

1. Học viện liên kết đào tạo trình độ đại học đối với hình thức VL VH với các cơ sở giáo dục đại học, trường cao đẳng, trường trung cấp, trung tâm giáo dục thường xuyên cấp tỉnh; trường đào tạo bồi dưỡng của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, lực lượng vũ trang nhân dân và theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

2. Các yêu cầu tối thiểu đối với Học viện để thực hiện liên kết đào tạo

a) Đã được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục đại học bởi tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục hợp pháp và còn hiệu lực theo quy định;

b) Chương trình đào tạo dự kiến liên kết đào tạo đã được tổ chức thực hiện tối thiểu 03 khoá liên tục theo hình thức chính quy; từ khóa tuyển sinh năm 2024 yêu cầu chương trình đào tạo đã được công nhận đạt chuẩn chất lượng theo quy định hiện hành;

c) Bảo đảm đội ngũ giảng viên cơ hữu giảng dạy tối thiểu 70% nội dung, khối lượng chương trình đào tạo.

3. Các yêu cầu tối thiểu của cơ sở phối hợp đào tạo

a) Đáp ứng các yêu cầu về môi trường sư phạm, cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện

6

và cán bộ quản lý theo yêu cầu của chương trình đào tạo;

b) Đã có báo cáo tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục gửi về cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định; từ khóa tuyển sinh năm 2024 yêu cầu đã được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục theo quy định hiện hành, trừ các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

4. Trách nhiệm của các bên tham gia liên kết đào tạo

a) Học viện thực hiện liên kết đào tạo với vai trò là cơ sở chủ trì đào tạo;

b) Học viện và cơ sở phối hợp đào tạo chịu trách nhiệm ký kết hợp đồng liên kết đào tạo, thỏa thuận cụ thể về quyền và trách nhiệm của các bên trong việc phối hợp tổ chức thực hiện, quản lý quá trình dạy học bảo đảm chất lượng đào tạo và thực hiện nội dung đã thỏa thuận phù hợp với các quy định của Quy chế này và các quy định pháp luật khác có liên quan;

c) Học viện chịu trách nhiệm quản lý chất lượng đào tạo; báo cáo hoạt động liên kết đào tạo với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi liên kết đào tạo trước khi tổ chức tuyển sinh; nếu cơ sở phối hợp đào tạo không đáp ứng được các yêu cầu về bảo đảm chất lượng theo quy định của học phần hoặc của chương trình đào tạo thì phải chuyển sinh viên về Học viện để tiếp tục đào tạo theo quy định và bảo đảm quyền lợi cho sinh viên;

d) Cơ sở phối hợp đào tạo có trách nhiệm cùng Học viện bảo đảm đủ điều kiện cơ sở vật chất thực hiện đào tạo; tham gia quản lý, giảng dạy theo thỏa thuận giữa hai bên;

đ) Học viện và cơ sở phối hợp đào tạo chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện hợp đồng liên kết đào tạo; thực hiện quy chế về tuyển sinh, đào tạo; bảo đảm quyền lợi chính đáng cho giảng viên, sinh viên trong suốt quá trình thực hiện hoạt động đào tạo.

5. Tổ chức thực hiện liên kết đào tạo

a) Việc tuyển sinh, đào tạo, cấp bằng được thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, quyết định của Hội đồng Học viện và các quy định của Học viện.

b) Giám đốc Học viện là người đại diện ký hợp đồng liên kết đào tạo. Hợp đồng liên kết đào tạo gồm các nội dung cơ bản sau đây:

- Thông tin Học viện, cơ sở phối hợp đào tạo và người đại diện của mỗi bên;
- Nội dung chính của hợp đồng bao gồm: thông tin về tuyển sinh, tổ chức đào

tạo, quản lý sinh viên, cấp bằng, trách nhiệm và quyền lợi của mỗi bên, công tác tài chính, hiệu lực thi hành;

- Biên bản thẩm định các điều kiện bảo đảm chất lượng của cơ sở phối hợp đào tạo.

c) Phòng Đào tạo phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện các nhiệm vụ:

- Thẩm định các điều kiện bảo đảm chất lượng liên kết đào tạo;

- Báo cáo hoạt động liên kết đào tạo với địa phương nơi liên kết đào tạo;

- Xây dựng hợp đồng liên kết đào tạo, đề xuất và thống nhất phương án tài chính trình Giám đốc Học viện xem xét quyết định;

- Tổ chức tuyển sinh; quản lý quá trình đào tạo, kiểm tra đánh giá, xét công nhận tốt nghiệp và cấp bằng;

- Thực hiện việc báo cáo và lưu trữ hồ sơ theo quy định.

Chương II

LẬP KẾ HOẠCH VÀ TỔ CHỨC GIẢNG DẠY

Điều 8. Kế hoạch giảng dạy và học tập

1. Kế hoạch giảng dạy và học tập của Học viện được tổ chức đào tạo theo năm học. Một năm học có 02 hoặc 03 học kỳ, với tổng số tối thiểu 30 tuần lên lớp.

2. Số học phần cho từng năm học, từng học kỳ được phân bổ theo kế hoạch đào tạo chuẩn trong các chương trình đào tạo.

3. Kế hoạch học kỳ bao gồm kế hoạch mở lớp, hình thức dạy và học (trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc kết hợp cả trực tiếp và trực tuyến), lịch học, lịch thi của các lớp học phần được tổ chức trong học kỳ cho các khóa học, chương trình đào tạo và hình thức đào tạo. Kế hoạch học kỳ phải được xây dựng và công bố kịp thời với đầy đủ thông tin cần thiết, bảo đảm thuận tiện cho sinh viên xây dựng kế hoạch và đăng ký học tập.

4. Căn cứ vào điều kiện giảng viên cơ hữu, giảng viên thỉnh giảng và điều kiện cơ sở vật chất của Học viện, phòng Đào tạo phối hợp với các Khoa sắp xếp thời khóa biểu cho các học phần thông thường và các học phần của Khoa này dạy cho Khoa khác. Các Khoa xếp thời khóa biểu cho các học phần thực tập, thực tế, thực hành, thí nghiệm chuyên ngành, thực tập tốt nghiệp và các học phần lý thuyết chuyên ngành, đồ án môn

học, khóa luận tốt nghiệp/đồ án tốt nghiệp. Phòng Đào tạo tổng hợp và công bố thời khóa biểu cho sinh viên, giảng viên toàn Học viện vào đầu mỗi học kỳ.

5. Thời khóa biểu thể hiện thời gian, phòng học, địa điểm hoạt động dạy và học của từng lớp thuộc các khoa học, hình thức và chương trình đào tạo. Thời khóa biểu của các lớp học phân bình thường được bố trí đều trong các tuần của học kỳ. Trong trường hợp cần thiết phải xếp lịch học tập trung thời gian, số giờ giảng đối với một học phần bất kỳ không vượt quá 15 giờ/tuần và 4 giờ/ngày. Các trường hợp đặc biệt khác thực hiện theo kế hoạch được Giám đốc Học viện phê duyệt.

Điều 9. Tổ chức lớp học và đăng ký học tập

1. Tổ chức lớp học

a) Lớp danh nghĩa

- Lớp danh nghĩa bao gồm các sinh viên cùng một ngành học, được tổ chức theo khóa tuyển sinh, theo chuyên ngành đào tạo và được duy trì ổn định trong cả khóa học;

- Đối với những ngành đào tạo có nhiều chuyên ngành, sau khi hoàn thành phần giáo dục đại cương và một số kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành, Khoa quản lý ngành sẽ tổ chức phân chuyển ngành cho sinh viên và thông qua phòng Đào tạo trình Giám đốc Học viện xem xét phê duyệt. Số lượng sinh viên cho mỗi chuyên ngành sẽ dựa vào nguyện vọng của sinh viên, nhu cầu của xã hội và năng lực đào tạo của Học viện;

- Mỗi lớp danh nghĩa có một tên riêng (ký hiệu) gắn với khóa đào tạo, ngành đào tạo và đơn vị quản lý. Đại diện lớp danh nghĩa là ban cán sự lớp;

- Phụ trách lớp danh nghĩa là cố vấn học tập (CVHT) được Giám đốc học viện phân công nhiệm vụ trên cơ sở đề xuất của lãnh đạo Khoa quản lý sinh viên. Mỗi CVHT phụ trách không quá 02 lớp danh nghĩa. Trường hợp đặc biệt sẽ do Giám đốc Học viện xem xét quyết định trên cơ sở đề nghị của Khoa quản lý sinh viên;

- Việc tổ chức hoạt động của lớp danh nghĩa; tiêu chuẩn, trách nhiệm, quyền hạn của CVHT thực hiện theo quy định cụ thể do Giám đốc Học viện ban hành.

b) Lớp học phần

- Lớp học phần là lớp của các sinh viên cùng đăng ký một học phần, có cùng thời khóa biểu của học phần trong cùng một học kỳ. Mỗi lớp học phần được ký hiệu một mã số riêng. Số lượng sinh viên của một lớp học phần được sắp xếp theo các yêu cầu đặc thù của học phần và thực hiện theo quy định phân bổ lớp học phần;

- Số lượng sinh viên tối thiểu để xem xét mở lớp trong học kỳ quy định cho học phần lý thuyết là 30 sinh viên. Các trường hợp đặc biệt khác, Giám đốc Học viện sẽ xem xét trên cơ sở đề nghị của Khoa thông qua phòng Đào tạo;

- Số lượng sinh viên để xem xét mở lớp học phần trong học kỳ đối với các học phần thí nghiệm, thực hành được xác định theo khả năng đảm nhận của đơn vị chuyên môn, phòng thí nghiệm. Mỗi lớp học phần có thể được biên chế thành một hoặc một số nhóm tùy theo số lượng sinh viên của lớp học phần;

- Các lớp học phần được tổ chức giảng dạy theo hình thức trực tuyến thực hiện theo quy định về đào tạo trực tuyến do Giám đốc Học viện ban hành.

2. Đầu mỗi học kỳ, Học viện sẽ công bố thời khóa biểu dự kiến cho từng chương trình đào tạo, danh sách các học phần bắt buộc và tự chọn, điều kiện tiên quyết/học trước để được đăng ký học cho từng học phần.

3. Căn cứ vào danh sách lớp học phần dự kiến mở và điều kiện đăng ký của mỗi học phần, sinh viên phải tự xây dựng kế hoạch học tập và đăng ký lớp của các học phần dự định sẽ học trong học kỳ (học phần mới, một số học phần chưa đạt (để học lại) và một số học phần đã đạt để cải thiện điểm nếu có) trừ học kỳ đầu tiên của khóa học, Học viện sẽ đăng ký học phần cho sinh viên.

4. Trong mỗi học kỳ, sinh viên phải đảm bảo đăng ký thành công tối thiểu 10 tín chỉ (không tính cho học kỳ 3 đối với sinh viên đã đăng ký thành công tối thiểu 20 tín chỉ trong 2 học kỳ trước đó thuộc cùng năm học) và tối đa không vượt quá 22 tín chỉ. Trường hợp đặc biệt sẽ do Giám đốc Học viện xem xét quyết định.

5. Việc đăng ký các học phần cho từng học kỳ phải bảo đảm điều kiện tiên quyết/học trước của từng học phần và trình tự học tập của mỗi chương trình cụ thể. Nếu số lượng sinh viên đăng ký thấp hơn số lượng tối thiểu quy định thì lớp học phần sẽ không được tổ chức; sinh viên đã đăng ký phải chuyển sang đăng ký các lớp học phần phù hợp được mở nếu chưa đảm bảo đủ quy định về khối lượng học tập tối thiểu cho mỗi học kỳ.

6. Đầu khóa học, sinh viên sẽ được CVHT và các phòng chức năng của Học viện phổ biến, hướng dẫn việc đăng ký học phần và các thủ tục liên quan trong quá trình học tập. Trước mỗi học kỳ, Học viện sẽ có thông báo hướng dẫn cho sinh viên về việc đăng ký học phần và đóng học phí.

7. Đăng ký học phần được thực hiện trực tuyến tại trang cá nhân sinh viên thông qua việc đăng nhập vào hệ thống cổng thông tin sinh viên tại <https://sv.vaa.edu.vn/>

bằng tài khoản (mã sinh viên, mật khẩu) đã được Học viện cấp. Sinh viên phải có trách nhiệm bảo mật và sử dụng tài khoản này một cách hiệu quả. Sinh viên phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về các vấn đề phát sinh do không bảo mật thông tin tài khoản cá nhân của mình.

8. Trang cá nhân sinh viên (nếu tại khoản 7 Điều này) đồng thời là nơi thực hiện việc rút học phần trực tuyến, thực hiện các giao dịch trực tuyến với Học viện; lưu trữ và xem kết quả đăng ký học phần, thời khóa biểu, lịch thi, kết quả học tập, chương trình đào tạo, quá trình đào tạo, thông báo, nhắc nhở người học,...

Điều 10. Đăng ký học lại, học cải thiện

1. Sinh viên có học phần bị điểm F, F⁻ phải đăng ký học lại học phần đó hoặc học phần tương đương theo quy định trong chương trình đào tạo, hoặc học một học phần thay thế theo quy định ở một trong các học kỳ tiếp theo cho đến khi đạt điểm D trở lên. Điểm đạt lần học cuối là điểm chính thức của học phần.

2. Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, sinh viên được quyền đăng ký học cải thiện hoặc học đổi sang học phần khác tương đương để cải thiện điểm trung bình chung tích lũy. Sinh viên học cải thiện trong học kỳ nào, số tín chỉ và kết quả học tập được tính vào điểm trung bình của học kỳ đó. Kết quả cao nhất trong các lần học sẽ được chọn để tính vào điểm trung bình chung tích lũy.

Điều 11. Rút bớt học phần đã đăng ký

1. Việc rút bớt học phần trong khối lượng học tập đã đăng ký được chấp nhận trước ít nhất 01 tuần khi học kỳ diễn ra và thực hiện theo thông báo cụ thể của Học viện. Người học phải đảm bảo khối lượng học tập còn lại tối thiểu theo quy định tại khoản 4 Điều 9 của Quy chế này. Ngoài thời hạn quy định, các học phần được giữ nguyên trong kết quả đăng ký học; nếu sinh viên không học các học phần này sẽ xem như tự ý bỏ học và phải nhận điểm F, đồng thời không được hoàn trả học phí các học phần này.

2. Sinh viên có nhu cầu và được rút bớt học phần đã đăng ký khi có đơn đề nghị được nộp theo quy định hoặc tự thực hiện việc rút bớt học phần trực tuyến tại trang cá nhân sinh viên trong thời gian quy định.

3. Sinh viên chỉ được phép không tham dự lớp học phần đã rút bớt sau khi có kết quả xác nhận rút thành công của phòng Đào tạo hoặc học phần đã được rút khỏi dữ liệu đăng ký của sinh viên (xem tại trang cá nhân sinh viên).

4. Các trường hợp đặc biệt sẽ do Giám đốc Học viện xem xét quyết định trên cơ

sở đề nghị của phòng Đào tạo.

Điều 12. Đăng ký thực tập cuối khóa, khóa luận tốt nghiệp/đồ án tốt nghiệp

1. Thực tập cuối khóa là một học phần chuyên biệt được quy định trong từng chương trình đào tạo.

2. Đầu học kỳ cuối khóa, các sinh viên được đăng ký làm khóa luận tốt nghiệp/đồ án tốt nghiệp hoặc học một số học phần chuyên môn thay thế được quy định như sau:

a) Làm khóa luận tốt nghiệp/đồ án tốt nghiệp: áp dụng cho sinh viên đảm bảo các điều kiện theo quy định của Học viện. Khóa luận tốt nghiệp/đồ án tốt nghiệp là học phần có khối lượng được quy định trong từng chương trình đào tạo;

b) Học một số học phần chuyên môn: những sinh viên không đạt điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp/đồ án tốt nghiệp thì phải học và thi một số học phần chuyên môn để tích lũy đủ tín chỉ tốt nghiệp.

3. Điều kiện để sinh viên được đăng ký làm khóa luận tốt nghiệp/đồ án tốt nghiệp; các học phần chuyên môn thay thế cho khóa luận tốt nghiệp và các nội dung liên quan khác thực hiện theo quy định về đồ án, khóa luận tốt nghiệp do Giám đốc Học viện ban hành.

4. Sinh viên có khóa luận tốt nghiệp/đồ án tốt nghiệp bị điểm F, F' thì phải đăng ký làm lại khóa luận tốt nghiệp hoặc đồ án tốt nghiệp hoặc phải đăng ký học một số học phần chuyên môn để thay thế theo quy định (đảm bảo tổng số tín chỉ của các học phần chuyên môn thay thế tương đương với số tín chỉ của khóa luận tốt nghiệp/đồ án tốt nghiệp thuộc chương trình đào tạo).

Điều 13. Tổ chức giảng dạy và học tập

1. Yêu cầu về tổ chức giảng dạy và học tập

a) Phát huy năng lực chuyên môn và trách nhiệm nghề nghiệp của đội ngũ giảng viên, phù hợp với quy định về chế độ làm việc của giảng viên;

b) Phát huy vai trò chủ động đồng thời đề cao trách nhiệm của sinh viên, tạo điều kiện và động lực để sinh viên nỗ lực học tập; giữ vững kỷ cương học đường, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo;

c) Có cơ chế thanh tra, giám sát nội bộ và có hệ thống cải tiến chất lượng dựa trên thu thập, đánh giá ý kiến phản hồi của người học.

2. Các phương thức tổ chức giảng dạy

a) Học viện sử dụng các phương thức trực tiếp, trực tuyến, kết hợp cả trực tiếp

và trực tuyến trong dạy và học;

b) Tối đa 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo được thực hiện bằng lớp học trực tuyến. Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh phức tạp và các trường hợp bất khả kháng khác, Học viện thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Nguyên tắc tổ chức giảng dạy và học tập

a) Giảng viên được phân công giảng dạy, trợ giảng, hướng dẫn sinh viên thực hiện thí nghiệm, thực hành, thực tập, đồ án môn học, khóa luận tốt nghiệp/đồ án tốt nghiệp và các hoạt động học tập khác phải thực hiện đầy đủ khối lượng, thời lượng học phần theo đề cương chi tiết học phần và thời khóa biểu đã công bố. Trách nhiệm và quyền hạn của giảng viên; trách nhiệm của các đơn vị chuyên môn, đơn vị quản lý, đơn vị hỗ trợ có liên quan thực hiện theo quy định của Học viện và quy định của pháp luật.

b) Sinh viên có nghĩa vụ đóng học phí, thực hiện đầy đủ yêu cầu của lớp học phần đã đăng ký thành công theo đúng quy định Học viện; trong đó phải tham gia đủ theo quy định các giờ học lý thuyết, thí nghiệm, thực hành, thực tập (nếu có) của mỗi học phần; thực hiện nghiêm túc việc thực tập cuối khóa, khóa luận tốt nghiệp/đồ án tốt nghiệp và các hoạt động học tập, nghiên cứu khoa học khác. Trách nhiệm và quyền lợi của sinh viên đối với mỗi học phần được nêu trong đề cương chi tiết học phần, quy định về công tác sinh viên và các quy định có liên quan của Học viện.

c) Học viện ban hành quy định riêng về việc lấy ý kiến phản hồi của người học về các điều kiện đảm bảo chất lượng, hiệu quả học tập đối với tất cả các lớp học phần, bao gồm việc công khai ý kiến của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên và học tập của sinh viên.

Chương III

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ CẤP BẰNG TỐT NGHIỆP

Điều 14. Đánh giá và tính điểm học phần

1. Thi kết thúc học phần

a) Mỗi học kỳ, Học viện tổ chức thi, đánh giá kết thúc học phần (sau đây gọi tắt là thi kết thúc học phần);

b) Thời gian đánh giá cho ôn thi kết thúc học phần tỷ lệ thuận với số tín chỉ của học phần đó, ít nhất là 2/3 ngày cho một tín chỉ, không kể chủ nhật và các ngày nghỉ lễ theo quy định;

c) Sinh viên tham dự thi kết thúc học phần phải ký tên vào danh sách dự thi hoặc giấy cho phép thi. Các trường hợp không có chữ ký được xem là vắng mặt;

d) Sinh viên bị cấm thi hoặc vắng mặt trong buổi thi kết thúc học phần (hoặc không nộp bài đánh giá kết thúc học phần theo quy định) mà không có lý do chính đáng sẽ phải nhận điểm thi kết thúc là 0 cho học phần đó. Sinh viên vắng mặt có lý do chính đáng được xem xét dự thi ở một đợt khác và được tính điểm thi lần đầu.

đ) Lý do chính đáng được xem xét nêu tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 22 của Quy chế này, đồng thời phải có minh chứng phù hợp kèm theo và có đơn đề nghị được nộp theo quy định.

2. Điểm thành phần, điểm tổng kết học phần

a) Mỗi học phần, sinh viên được đánh giá qua tối thiểu hai điểm thành phần: điểm quá trình và điểm thi kết thúc học phần. Học phần có khối lượng 01 tín chỉ có thể không cần điểm quá trình. Phương pháp đánh giá, hình thức đánh giá và trọng số của mỗi điểm thành phần được quy định trong đề cương chi tiết của mỗi học phần;

b) Điểm quá trình có thể bao gồm một hoặc một vài điểm thành phần như: chuyên cần (điểm danh), bài tập, thí nghiệm, tham quan/thực tập cơ sở, bài tập lớn/đồ án, bài kiểm tra giữa kỳ,... trong đó có thể có một số điểm thành phần bắt buộc phải đạt yêu cầu để được tham gia thi kết thúc học phần:

- Học phần có khối lượng 02 tín chỉ có tối thiểu 01 bài kiểm tra giữa kỳ;

- Học phần có khối lượng từ 03 tín chỉ trở lên có tối thiểu 02 bài kiểm tra: thường xuyên và giữa kỳ.

c) Hình thức thi kết thúc học phần có thể là: thi tự luận, thi trắc nghiệm, thi vấn đáp, thuyết trình; chấm tiểu luận, bài thu hoạch,...

d) Các nội dung về kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần, trọng số mỗi thành phần được quy định cụ thể trong đề cương chi tiết của học phần, trong đó điểm thi kết thúc học phần phải có trọng số không nhỏ hơn 50%;

đ) Điểm thi kết thúc học phần yêu cầu phải lớn hơn 1,0 điểm (tương đương 10). Trường hợp sinh viên có điểm thi kết thúc học phần từ 1,0 điểm trở xuống thì học phần đó phải nhận điểm F;

e) Giảng viên có thể sử dụng hình thức đánh giá trực tuyến khi đảm bảo trung thực, công bằng và khách quan như đánh giá trực tiếp, đồng thời đóng góp không quá 50% trọng số điểm học phần. Hình thức này phải được Giám đốc Học viện xem xét chấp thuận trên cơ sở đề nghị của Khoa chuyên môn trước khi thực hiện.

14

3. Cách tính điểm đánh giá thành phần, điểm học phần

a) Các điểm đánh giá thành phần (bao gồm cả điểm thi kết thúc học phần) được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10) và được làm tròn đến một chữ số thập phân.

b) Điểm học phần được tính từ tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng, được làm tròn tới một chữ số thập phân và xếp loại điểm chữ nếu tại Bảng 14-1 trừ trường hợp nêu tại điểm d khoản 2 Điều này.

Bảng 14-1. Bảng phân loại và quy đổi điểm học phần

Phân loại	Thang điểm 10	Điểm chữ	Áp dụng
Đạt có phần mức	Từ 8,5 đến 10	A	Các học phần được tính vào điểm trung bình học tập
	Từ 8,0 đến 8,4	B+	
	Từ 7,0 đến 7,9	B	
	Từ 6,5 đến 6,9	C+	
	Từ 5,5 đến 6,4	C	
	Từ 5,0 đến 5,4	D+	
Không đạt	Từ 4,0 đến 4,9	D	
	Từ 3,0 đến 3,9	F+	
	Dưới 3,0	F	
Đạt không phần mức	Từ 5,0 trở lên	P	Các học phần chỉ yêu cầu đạt, không tính vào điểm trung bình học tập

4. Một số trường hợp đặc biệt sử dụng các điểm chữ xếp loại, không được tính vào điểm trung bình học tập (học kỳ, năm học hoặc tích lũy) nêu tại Bảng 14-2.

Bảng 14-2. Một số loại điểm chữ đặc biệt

Điểm chữ	Ý nghĩa	Áp dụng
I	Điểm chưa hoàn thiện do được phép hoãn thi, hoãn kiểm tra	- Trong thời gian học hoặc thời gian thi kết thúc học phần, sinh viên có lý do chính đáng (nếu tại điểm d khoản 1 Điều này) không thể tham dự kiểm tra giữa kỳ hoặc thi kết thúc học phần thì được đăng ký nhận điểm I học phần tương ứng; - Trong thời hạn 01 năm học kể từ khi nhận điểm I, sinh viên phải hoàn tất các điểm thành phần còn thiếu để được công nhận điểm học phần (khác điểm I); sau thời

Điểm chữ	Ý nghĩa	Áp dụng
		hạn này điểm I tự động được chuyển thành điểm F; - Các trường hợp đặc biệt khác sẽ do Giám đốc Học viện quy định.
X	Điểm chưa hoàn thiện do chưa đủ dữ liệu	Những học phần mà phòng KT&ĐBCL chưa nhận được báo cáo chính thức kết quả học tập của sinh viên từ Khoa chuyển lên.
R	Điểm học phần được miễn học và công nhận tín chỉ	- Điểm học phần được đánh giá ở các mức điểm A, B+, B, C+, C, D+, D trong đợt đánh giá đầu học kỳ (nếu có) đối với một số học phần được phép thi sớm để giúp sinh viên học vượt; - Những học phần được công nhận tín chỉ khi sinh viên chuyển từ trường khác đến hoặc chuyển đổi giữa các chương trình.

5. Học viện xem xét cho phép sinh viên thi lại, đánh giá lại một điểm thành phần để cải thiện điểm học phần từ không đạt (chỉ áp dụng với mức điểm F) thành đạt; trong trường hợp này, điểm học phần sau khi thi lại, đánh giá lại chỉ được giới hạn ở mức điểm C. Đối với các học phần đã đạt hoặc học phần thuộc diện bị cấm thi (hoặc bị điểm F) thì không cho phép cải thiện bằng cách thi lại, đánh giá lại điểm thành phần mà sinh viên phải đăng ký học cải thiện hoặc học lại học phần đó theo quy định nêu tại Điều 10 của Quy chế này.

6. Quy trình thực hiện việc đánh giá, tính điểm học phần, bảo quản hồ sơ thi kết thúc học phần, bài thi kết thúc học phần được thực hiện theo Quy định kiểm tra, thi kết thúc học phần do Giám đốc Học viện ban hành.

Điều 15. Đánh giá kết quả học tập theo học kỳ, năm học

1. Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ hoặc sau từng năm học, dựa trên kết quả các học phần nằm trong yêu cầu của chương trình đào tạo mà sinh viên đã học và có điểm theo các tiêu chí sau đây:

a) Tổng số tín chỉ của những học phần mà sinh viên không đạt trong một học kỳ, trong một năm học, hoặc nợ đọng từ đầu khóa học;

b) Tổng số tín chỉ của những học phần mà sinh viên đã đạt từ đầu khóa học (số tín chỉ tích lũy), tính cả các học phần được miễn học, được công nhận tín chỉ;

16

c) Điểm trung bình của những học phần mà sinh viên đã học trong một học kỳ (điểm trung bình học kỳ), trong một năm học (điểm trung bình năm học) hoặc tính từ đầu khóa học (điểm trung bình tích lũy), tính theo điểm chính thức của học phần và trọng số là số tín chỉ của học phần đó.

2. Tính điểm trung bình

a) Để tính điểm trung bình, điểm chữ của học phần được quy đổi về điểm số (thang điểm 4) như Bảng 15-1 dưới đây.

Bảng 15-1. Bảng quy đổi điểm chữ sang thang điểm 4

Điểm chữ	Thang điểm 4
A	4,0
B ⁺	3,5
B	3,0
C ⁺	2,5
C	2,0
D ⁺	1,5
D	1,0
F ⁺	0,5
F	0

b) Điểm trung bình (DTB) tính theo công thức (*):

$$DTB = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i} \quad (*)$$

Trong đó:

+ DTB là điểm trung bình (h kỳ, năm học, tích lũy) được làm tròn đến hai chữ số thập phân (0,01)

+ a_i là điểm của học phần thứ i

+ n_i là số tín chỉ của học phần thứ i

+ n là tổng số học phần.

c) Xếp loại học lực theo điểm trung bình học kỳ, điểm trung bình năm học hoặc điểm trung bình tích lũy (sau khi đã làm tròn đến hai chữ số thập phân) được quy định tại Bảng 15-2.

Bảng 15-2. Xếp loại học lực theo điểm trung bình

17

Thang điểm 4	Xếp loại
Từ 3,60 đến 4,00	Xuất sắc
Từ 3,20 đến cận 3,60	Giỏi
Từ 2,50 đến cận 3,20	Khá
Từ 2,00 đến cận 2,50	Trung bình
Từ 1,00 đến cận 2,00	Yếu
Dưới 1,00	Kém

3. Những điểm chữ không được quy định tại Bảng 15-1 (điểm a khoản 2 Điều này) không được tính vào các điểm trung bình học kỳ, năm học hoặc tích lũy. Những học phần không nằm trong yêu cầu của chương trình đào tạo không được tính vào các tiêu chí đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

4. Sinh viên được xếp trình độ năm học căn cứ số tín chỉ tích lũy được từ đầu khóa học và số tín chỉ trung bình một năm học theo kế hoạch học tập chuẩn, cụ thể theo Bảng 15-3.

Bảng 15-3. Xếp trình độ năm học của sinh viên

Trình độ năm học	Số tín chỉ tích lũy (STCTL)
Năm thứ nhất	STCTL < 30 tín chỉ
Năm thứ hai	30 tín chỉ $\leq$ STCTL < 60 tín chỉ
Năm thứ ba	60 tín chỉ $\leq$ STCTL < 90 tín chỉ
Năm thứ tư	90 tín chỉ $\leq$ STCTL < 120 tín chỉ
Năm thứ năm	120 tín chỉ $\leq$ STCTL < 150 tín chỉ

Điều 16. Đánh giá khóa luận tốt nghiệp, đồ án tốt nghiệp

1. Việc đánh giá mỗi khóa luận tốt nghiệp hay đồ án tốt nghiệp được thực hiện bởi Hội đồng chấm đồ án tốt nghiệp hay khóa luận tốt nghiệp, gồm ít nhất 03 thành viên do Giám đốc Học viện ký quyết định thành lập.

2. Điểm khóa luận tốt nghiệp hay đồ án tốt nghiệp của mỗi sinh viên là trung bình cộng điểm được cho bởi các thành viên của Hội đồng và được làm tròn đến một chữ số thập phân (0,1). Các thành viên của Hội đồng chấm theo thang điểm 10, lấy lẻ đến 0,5 điểm và không được lệch nhau quá 2,0 điểm. Trường hợp lệch quá 2,0 điểm thì Hội đồng phải hội ý, xem xét để điều chỉnh phù hợp và được quyết định bởi Hội đồng (trong đó, khi bỏ phiếu lấy ý kiến, thì phiếu của Chủ tịch Hội đồng có trọng số cao hơn 10% so với các thành viên khác của Hội đồng). Tất cả các ý kiến và kết luận cuối cùng phải được ghi vào biên bản họp Hội đồng.

3. Điểm khóa luận tốt nghiệp, đồ án tốt nghiệp được tính vào điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học.

4. Việc tổ chức bảo vệ và đánh giá khóa luận tốt nghiệp, đồ án tốt nghiệp có thể được thực hiện trực tuyến khi đáp ứng thêm các điều kiện sau đây:

a) Hình thức bảo vệ và đánh giá trực tuyến được sự đồng thuận của các thành viên Hội đồng và người học;

b) Diễn biến của buổi bảo vệ trực tuyến được ghi hình, ghi âm đầy đủ và lưu trữ.

Điều 17. Xử lý kết quả học tập

1. Cảnh báo học tập được thực hiện theo từng học kỳ, nhằm giúp cho sinh viên có kết quả học tập yếu, kém biết và lập phương án học tập thích hợp để có thể tốt nghiệp trong thời hạn tối đa cho phép sinh viên hoàn thành khóa học. Cuối mỗi học kỳ, sinh viên được cảnh báo học tập dựa trên một số điều kiện như sau:

a) Sinh viên không đăng ký học tập trong học kỳ; sinh viên không đăng ký đủ tối thiểu 10 tín chỉ trong một học kỳ mà không có lý do chính đáng được phân ánh, trừ các trường hợp: sinh viên năm cuối, sinh viên hết thời gian thiết kế của chương trình học, sinh viên thuộc diện được nêu tại điểm a Khoản 3 Điều này;

b) Tổng số tín chỉ không đạt trong học kỳ vượt quá 50% khối lượng đã đăng ký học trong học kỳ, hoặc tổng số tín chỉ nợ đọng từ đầu khóa học vượt quá 24;

c) Điểm trung bình học kỳ đạt dưới 0,80 đối với học kỳ đầu của khóa học, dưới 1,00 đối với các học kỳ tiếp theo;

d) Điểm trung bình tích lũy đạt dưới 1,20 đối với sinh viên trình độ năm thứ nhất, dưới 1,40 đối với sinh viên trình độ năm thứ hai, dưới 1,60 đối với sinh viên trình độ năm thứ ba dưới 1,80 đối với sinh viên các năm tiếp theo.

2. Sinh viên bị buộc thôi học trong các trường hợp sau:

a) Có số lần cảnh báo học tập vượt quá 2 lần liên tiếp hoặc vượt quá 4 lần tính từ đầu khóa học;

b) Thời gian học tập vượt quá giới hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 3 của Quy chế này;

c) Nghi học tạm thời quá thời hạn cho phép;

d) Vi phạm kỷ luật ở mức buộc thôi học.

3. Quy trình xử lý kết quả học tập

a) Không xét cảnh báo học tập ở học kỳ 3 của năm học đối với sinh viên không đăng ký học phần ở học kỳ này mà đã đăng ký thành công được tối thiểu 20 tín chỉ ở 2 học kỳ trước đó trong cùng năm học;

b) Việc lựa chọn áp dụng một số điều kiện cảnh báo học tập sẽ do Giám đốc Học viện xem xét quyết định ở mỗi học kỳ;

c) Hằng năm, Học viện sẽ ban hành và thông báo kế hoạch xử lý kết quả học tập cho từng học kỳ, theo đó sẽ có hướng dẫn cụ thể về các điều kiện cảnh báo học tập được áp dụng; mỗi thời gian công bố kết quả xét sơ bộ, tiếp nhận ý kiến phản hồi, công bố kết quả chính thức cảnh báo học tập và buộc thôi học mỗi học kỳ;

d) Sinh viên đã bị buộc thôi học được cấp bằng điểm với các học phần đã học và tích lũy trong chương trình đào tạo. Các học phần đã tích lũy sẽ được xem xét công nhận khi sinh viên trúng tuyển trở lại vào Học viện hoặc chuyển sang hình thức đào tạo VL.VH theo các quy định cụ thể của Học viện và phải còn trong thời gian 05 năm kể từ thời điểm bị buộc thôi học.

Điều 18. Công bố kết quả học tập

1. Giảng viên giảng dạy phải công bố các điểm kiểm tra thường xuyên, giữa kỳ; giải thích các thắc mắc liên quan (nếu có) trong vòng 1 tuần sau ngày kiểm tra.

2. Cán bộ/Giảng viên được phân công có trách nhiệm nhập điểm vào hệ thống quản lý đào tạo của Học viện, in bảng điểm tổng kết chính thức của lớp học phần có ký tên đầy đủ theo quy định, nộp về Khoa và phòng Khảo thí & Đảm bảo chất lượng (KT&ĐBCL). Điểm phải được công bố cho sinh viên biết và nộp muộn nhất sau 02 tuần kể từ ngày thi. Đối với các lớp học phần có lịch thi linh hoạt (tiểu luận, bài tập lớn, đồ án môn học,...) thì thời hạn nộp bảng điểm muộn nhất sau 02 tuần kể từ ngày kết thúc học kỳ.

3. Trường hợp có sai sót sau khi đã nộp bảng điểm, trong thời hạn tối đa một tháng sau khi nộp điểm, cán bộ/giảng viên được phân công thông qua Bộ môn phụ trách gửi Phiếu điều chỉnh điểm (có đầy đủ chữ ký theo quy định), sau khi được phép phải thực hiện điều chỉnh trực tuyến tại hệ thống quản lý đào tạo, in, ký và nộp bảng điểm sau điều chỉnh như lần đầu.

4. Thông tin điểm của từng lớp học phần và kết quả học tập của sinh viên được cập nhật tự động vào trang cá nhân sinh viên ngay sau khi giảng viên nhập và lưu điểm trên hệ thống quản lý đào tạo của Học viện. Phòng Đào tạo công bố bảng điểm chính thức trên hệ thống quản lý đào tạo của Học viện.

5. Giải đáp thắc mắc, phúc tra bài thi

- a) Giảng viên phụ trách có trách nhiệm giải đáp các thắc mắc của sinh viên về điểm thành phần;
- b) Sinh viên có nhu cầu phúc tra bài thi nộp đơn theo quy định của Học viện;
- c) Việc phúc tra bài thi được thực hiện theo Quy định kiểm tra, thi kết thúc học phần do Giám đốc Học viện ban hành.

Điều 19. Kỳ thi bổ sung

1. Kỳ thi bổ sung được tổ chức dành cho các sinh viên chưa tham gia kỳ thi được tổ chức lần đầu cho mỗi lớp học phần. Căn cứ vào tình hình thực tế, Giám đốc Học viện sẽ quyết định tổ chức kỳ thi bổ sung trên cơ sở đề xuất của phòng Đào tạo.

2. Sinh viên được xem xét tham dự kỳ thi bổ sung phải có lý do chính đáng trong thời gian thi và thuộc các đối tượng được nêu tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 22 của Quy chế này, đồng thời phải có minh chứng phù hợp kèm theo và có đơn đề nghị được thi bổ sung nộp trong thời gian quy định.

3. Sinh viên được tham dự kỳ thi bổ sung phải thực hiện nghiêm túc các quy định và hướng dẫn của Học viện.

4. Kết quả kỳ thi bổ sung được công nhận như kỳ thi tổ chức lần đầu.

5. Kỳ thi bổ sung tuân thủ và thực hiện đúng Quy định kiểm tra, thi kết thúc học phần của Học viện.

Điều 20. Công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ

1. Kết quả học tập của người học đã tích lũy từ một trình độ đào tạo khác, một ngành đào tạo hoặc một chương trình đào tạo khác, một khóa học khác hoặc từ một cơ sở đào tạo khác được Học viện xem xét công nhận, chuyển đổi sang tín chỉ của những học phần trong chương trình đào tạo theo học.

2. Hội đồng chuyên môn của Học viện xem xét công nhận, chuyển đổi tín chỉ trên cơ sở đối sánh chuẩn đầu ra, nội dung và khối lượng học tập, cách thức đánh giá học phần và các điều kiện bảo đảm chất lượng thực hiện chương trình theo các cấp độ:

- a) Công nhận, chuyển đổi theo từng học phần;
- b) Công nhận, chuyển đổi theo từng nhóm học phần;
- c) Công nhận, chuyển đổi theo cả chương trình đào tạo.

3. Khối lượng tối đa được công nhận, chuyển đổi không vượt quá 50% khối

lượng học tập tối thiểu của chương trình đào tạo.

4. Việc công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ thực hiện theo quy định công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ do Giám đốc Học viện ban hành.

Điều 21. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp

1. Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

a) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;

b) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên (tối thiểu 2,0 theo thang điểm 4);

c) Hoàn thành chương trình học GDQP-AN và GDTC theo quy định;

d) Đạt điểm rèn luyện toàn khóa tối thiểu đạt loại trung bình;

đ) Có đăng ký xét tốt nghiệp theo kế hoạch của Học viện;

e) Hoàn tất các nghĩa vụ với Học viện;

f) Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

2. Học viện tổ chức xét tốt nghiệp cho các sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp. Giám đốc Học viện thành lập Hội đồng xét tốt nghiệp hằng năm cho sinh viên. Giám đốc Học viện hoặc ủy quyền cho Phó Giám đốc phụ trách đào tạo của Học viện làm Chủ tịch Hội đồng; Trưởng phòng Đào tạo làm ủy viên thường trực; các ủy viên là các Trưởng khoa quản lý sinh viên tốt nghiệp, Trưởng phòng Tuyển sinh và Công tác sinh viên, Trưởng phòng KT&DBCL.

3. Sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp phải chủ động đăng ký xét tốt nghiệp theo kế hoạch hằng năm của Học viện. Mỗi năm Học viện tổ chức 03 đợt xét tốt nghiệp chính thức và các đợt bổ sung (nếu có) trên cơ sở đề nghị của các Khoa thông qua phòng Đào tạo trình Giám đốc Học viện xem xét quyết định.

4. Trên cơ sở kết quả xét của Hội đồng xét tốt nghiệp, những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp được Giám đốc Học viện ra quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp trong thời hạn 03 tháng tính từ thời điểm sinh viên đáp ứng đầy đủ điều kiện tốt nghiệp và hoàn thành nghĩa vụ với Học viện. Sinh viên có trách nhiệm kiểm tra thông tin cá nhân, kết quả học tập tại trang cá nhân sinh viên; phải kịp thời phản hồi, điều chỉnh các sai sót (nếu có) trước khi xét công nhận tốt nghiệp. Sinh viên được cấp giấy chứng nhận tốt nghiệp (nếu có nhu cầu) trong thời gian chờ nhận bằng tốt nghiệp. Tuy

vào điều kiện thực tế, Học viện sẽ tổ chức Lễ tốt nghiệp mỗi năm hai lần.

5. Phòng Tuyển sinh và Công tác sinh viên tham mưu chủ trì tổ chức Lễ tốt nghiệp cho sinh viên hàng năm.

6. Hạng tốt nghiệp xác định dựa vào điểm trung bình tích lũy toàn khóa (sau khi đã làm tròn đến hai chữ số thập phân) và được quy định cụ thể tại Bảng 21-1.

Bảng 21-1. Bảng xếp hạng tốt nghiệp (theo thang điểm 4)

Điểm trung bình tích lũy toàn khóa (thang điểm 4)	Xếp hạng tốt nghiệp
Từ 3,60 đến 4,00	Xuất sắc
Từ 3,20 đến cận 3,60	Giỏi
Từ 2,50 đến cận 3,20	Khá
Từ 2,00 đến cận 2,50	Trung bình

Trong đó, hạng tốt nghiệp của sinh viên có điểm trung bình tích lũy loại xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Khối lượng của các học phần phải học lại vượt quá 5% so với tổng số tín chỉ quy định cho toàn chương trình;

b) Sinh viên đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học.

7. Sinh viên đã hết thời gian học tập tối đa theo quy định nhưng chưa đủ điều kiện tốt nghiệp do chưa hoàn thành những học phần GDQP-AN hoặc GDTC hoặc chưa đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, công nghệ thông tin theo quy định, trong thời hạn 03 năm tính từ khi thôi học được hoàn thiện các điều kiện còn thiếu và đề nghị xét công nhận tốt nghiệp.

8. Sinh viên không đủ điều kiện tốt nghiệp được cấp chứng nhận về các học phần đã tích lũy trong chương trình đào tạo của Học viện.

Chương IV

NHỮNG QUY ĐỊNH KHÁC ĐỐI VỚI SINH VIÊN

Điều 22. Nghỉ học tạm thời, tự thôi học

1. Sinh viên nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học cần phải nộp đơn nghỉ học tạm thời về cho phòng Tuyển sinh và Công tác sinh viên tham mưu trình Giám đốc Học viện xem xét giải quyết; các trường hợp được xem xét giải quyết nghỉ học tạm

thời như sau:

- a) Được điều động vào lực lượng vũ trang;
- b) Được cơ quan có thẩm quyền điều động, đại diện quốc gia tham dự các kỳ thi, giải đấu quốc tế;
- c) Bị ốm, thai sản hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài có chứng nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền theo quy định của Bộ Y tế (từ cấp Quận, Huyện và tương đương trở lên);
- d) Vì lý do cá nhân khác nhưng đã học tối thiểu 01 học kỳ ở Học viện và không thuộc các trường hợp bị xem xét buộc thôi học hoặc xem xét kỷ luật.

2. Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân phải được tính vào thời gian học chính thức và được xem xét nhằm đảm bảo sinh viên có thể hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian tối đa cho phép quy định tại khoản 2 Điều 3 của Quy chế này, nhưng không được phép nghỉ liên tục quá 02 học kỳ liên tiếp.

3. Sinh viên tự thôi học vì lý do cá nhân, trừ trường hợp bị xem xét buộc thôi học hoặc xem xét kỷ luật cũng phải nộp đơn thôi học (thông qua phòng Tuyển sinh và Công tác sinh viên) và hoàn thành các nghĩa vụ với Học viện theo quy định. Sinh viên thôi học vì lý do cá nhân chỉ được thôi học khi có quyết định chấp thuận của Giám đốc Học viện. Trường hợp tự ý bỏ học sẽ bị xử lý cảnh báo học tập theo quy định nêu tại điểm a khoản 1 Điều 17 của Quy chế này. Sinh viên thôi học được bảo lưu và công nhận kết quả học tập đã tích lũy được theo quy định. Những sinh viên này muốn quay trở lại học phải dự tuyển đầu vào như những thí sinh khác.

4. Sinh viên nghỉ học tạm thời, trước khi hết thời hạn cho phép theo quyết định (chậm nhất 01 tháng trước khi bắt đầu học kỳ mới cần quay lại học tập) phải nộp đơn nhập học trở lại (kèm theo giấy tờ liên quan) thông qua phòng Tuyển sinh và Công tác sinh viên trình Giám đốc Học viện xem xét giải quyết.

Điều 23. Chuyển ngành, chuyển cơ sở đào tạo, chuyển hình thức học

1. Sinh viên được xem xét chuyển sang học một chương trình, một ngành đào tạo khác của Học viện khi có đủ các điều kiện sau:

- a) Không phải là sinh viên trình độ năm thứ nhất hoặc năm cuối khóa, không thuộc diện bị xem xét buộc thôi học và còn đủ thời gian học tập theo quy định tại khoản 2 Điều 3 của Quy chế này;
- b) Sinh viên đạt điều kiện trúng tuyển của chương trình, ngành đào tạo của Học viện trong cùng khóa tuyển sinh;

c) Được sự đồng ý của Giám đốc Học viện trên cơ sở ý kiến của các Trường khoa phụ trách chương trình đào tạo mà sinh viên đang theo học và chương trình đào tạo chuyển đến.

2. Sinh viên được xem xét chuyển cơ sở đào tạo khi có đủ các điều kiện sau:

a) Không phải là sinh viên trình độ năm thứ nhất hoặc năm cuối khóa, không thuộc diện bị xem xét buộc thôi học và còn đủ thời gian học tập theo quy định tại khoản 2 Điều 3 của Quy chế này;

b) Sinh viên đạt điều kiện trúng tuyển của chương trình, ngành đào tạo cùng khóa tuyển sinh tại nơi chuyển đến;

c) Nơi chuyển đến có đủ các điều kiện bảo đảm chất lượng, chưa vượt quá năng lực đào tạo đối với chương trình, ngành đào tạo đó theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

d) Được sự đồng ý của thủ trưởng cơ sở đào tạo xin chuyển đến và cơ sở đào tạo xin chuyển đi.

3. Sinh viên được xem xét chuyển từ đào tạo theo hình thức chính quy sang hình thức VL VH của Học viện nếu còn đủ thời gian học tập theo quy định.

Điều 24. Trao đổi sinh viên và hợp tác trong đào tạo

1. Căn cứ vào quy định về việc công nhận lẫn nhau về quy trình đào tạo, nội dung đào tạo và giá trị của tín chỉ, Học viện cho phép sinh viên của cơ sở đào tạo này được học một số học phần tại cơ sở đào tạo khác và ngược lại (sau đây gọi là trao đổi sinh viên).

2. Nếu Giám đốc Học viện và Thủ trưởng cơ sở đào tạo khác đồng ý, sinh viên của Học viện có thể đăng ký học một số học phần tại cơ sở đào tạo đó. Trong hợp tác đào tạo giữa Học viện và cơ sở đào tạo khác, việc đánh giá và công nhận lẫn nhau số lượng tín chỉ mà sinh viên tích lũy tại cơ sở phối hợp đào tạo khác không vượt quá 25% tổng khối lượng của chương trình đào tạo (không bao gồm khối lượng các học phần GDQP-AN và GDTC).

3. Điều kiện trao đổi sinh viên, hợp tác đào tạo, công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ cho sinh viên khi thực hiện chương trình đào tạo theo quy định của Học viện.

Điều 25. Học cùng lúc hai chương trình

1. Sinh viên có thể đăng ký học thêm các học phần của một chương trình khác,

ngành khác khi điều kiện của Học viện cho phép, nhưng chỉ được hưởng các quyền lợi chính thức và được xem xét công nhận tốt nghiệp chương trình thứ hai khi đã đăng ký thành công học chương trình thứ hai theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Sinh viên được đăng ký học chương trình thứ hai sớm nhất khi đã được xếp trình độ năm thứ hai của chương trình thứ nhất. Tại thời điểm đăng ký, sinh viên phải đáp ứng 01 trong 02 điều kiện sau:

a) Học lực tính theo điểm trung bình tích lũy xếp loại khá trở lên và đáp ứng ngưỡng bảo đảm chất lượng của chương trình thứ hai trong năm tuyển sinh;

b) Học lực tính theo điểm trung bình tích lũy xếp loại trung bình và đáp ứng điều kiện trúng tuyển của chương trình thứ hai trong năm tuyển sinh.

3. Trong quá trình sinh viên học cùng lúc hai chương trình, nếu điểm trung bình tích lũy của chương trình thứ nhất đạt dưới điểm trung bình (dưới 2,0) hoặc thuộc diện cảnh báo học tập thì phải dừng học chương trình thứ hai ở học kỳ tiếp theo, khi đó sinh viên sẽ bị loại khỏi danh sách đã đăng ký học chương trình thứ hai.

4. Thời gian tối đa được phép học đối với sinh viên học cùng lúc hai chương trình là thời gian tối đa quy định cho chương trình thứ nhất, quy định tại khoản 2 Điều 3 của Quy chế này. Khi học chương trình thứ hai, sinh viên được công nhận kết quả của những học phần có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương có trong chương trình thứ nhất.

5. Sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp chương trình thứ hai, nếu có đủ điều kiện tốt nghiệp ở chương trình thứ nhất và đã đăng ký muộn nhất 02 năm trước thời điểm xét tốt nghiệp chương trình thứ hai.

6. Học viện chỉ tổ chức đào tạo chương trình thứ hai cho sinh viên khi đáp ứng các yêu cầu bảo đảm chất lượng về chỉ tiêu tuyển sinh, năng lực đào tạo. Giám đốc Học viện quy định chi tiết về quy trình, thủ tục, điều kiện đăng ký học và cấp bằng tốt nghiệp chương trình thứ hai.

Điều 26. Học liên thông đối với người có văn bằng khác

1. Người đã tốt nghiệp các trình độ đào tạo của giáo dục nghề nghiệp được dự tuyển và học liên thông lên trình độ đại học theo quy định hiện hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Học viện.

2. Người đã tốt nghiệp đại học được dự tuyển và học liên thông để nhận thêm một bằng tốt nghiệp đại học của một ngành đào tạo khác, khi Học viện đã áp dụng thống nhất phương thức đào tạo theo tín chỉ và đã tuyển sinh được tối thiểu 03 khóa

theo ngành đào tạo và hình thức đào tạo mà người học lựa chọn.

3. Người học liên thông thực hiện chương trình đào tạo và đăng ký học tập theo kế hoạch chung như các sinh viên khác cùng hình thức đào tạo. Trên cơ sở công nhận và chuyển đổi tín chỉ, sinh viên được miễn trừ các học phần tương ứng với những khối lượng học tập đã tích lũy theo quy định về công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ của Học viện.

4. Các nội dung về điều kiện, thủ tục tiếp nhận học liên thông; công nhận, chuyển đổi tín chỉ và miễn trừ học phần cho sinh viên liên thông được thực hiện theo Quy định có liên quan do Giám đốc Học viện ban hành.

Điều 27. Xử lý vi phạm đối với sinh viên

1. Sinh viên vắng mặt trên 20% số giờ lên lớp của học phần sẽ không được dự thi kết thúc học phần, nhận điểm thi kết thúc học phần là 0 điểm (điểm học phần F).

2. Sinh viên vắng mặt hơn 01 buổi các môn thực hành, thí nghiệm; không thực hiện đầy đủ các nội dung bắt buộc của học phần (nếu trong đề cương chi tiết học phần) sẽ bị xử lý theo các mức được nêu rõ trong đề cương chi tiết học phần.

3. Sinh viên có gian lận trong kiểm tra giữa kỳ, thi kết thúc học phần, bảo vệ tốt nghiệp sẽ bị xử lý kỷ luật đối với từng học phần đã vi phạm theo quy định của Học viện.

4. Sinh viên thi hộ hoặc nhờ người thi hộ đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập 01 năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai.

5. Người học sử dụng hồ sơ, văn bằng, chứng chỉ giả làm điều kiện trúng tuyển hoặc điều kiện tốt nghiệp sẽ bị buộc thôi học; văn bằng tốt nghiệp nếu đã được cấp sẽ bị thu hồi, huỷ bỏ.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 28. Chế độ báo cáo, công khai thông tin, lưu trữ

1. Chế độ báo cáo và công khai thông tin

a) Định kỳ trước ngày 31 tháng 12 hằng năm:

- Học viện báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Giao thông vận tải về số liệu

sinh viên: tuyển mới, tốt nghiệp, thôi học và đang học trong năm, dự kiến tốt nghiệp trong năm sau, tốt nghiệp đã có việc làm trong thời gian 12 tháng; phân loại theo đối tượng đầu vào, ngành đào tạo, khóa đào tạo và hình thức đào tạo;

- Học viện báo cáo hoạt động liên kết đào tạo với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi liên kết đào tạo về tình hình tuyển sinh và đào tạo tại địa phương.

- b) Học viện thực hiện các báo cáo về hoạt động đào tạo khi có yêu cầu của cấp trên;

- c) Học viện công khai trên trang thông tin điện tử <https://vaa.edu.vn/> chậm nhất 45 ngày trước khi tổ chức đào tạo các nội dung sau:

- Quy chế của Học viện và các quy định quản lý đào tạo có liên quan;

- Quyết định mở ngành; các quyết định tổ chức đào tạo chính quy, VLVI, liên kết đào tạo, đào tạo liên thông báo đảm đầy đủ các yêu cầu theo quy chế này; trong đó phải ghi rõ tên ngành, hình thức đào tạo, đối tượng, chỉ tiêu và phương thức tuyển sinh, địa điểm đào tạo, cơ sở phối hợp đào tạo và các thông tin khác có liên quan;

- Các điều kiện bảo đảm chất lượng theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Minh chứng về việc các chương trình đào tạo đáp ứng chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

- Thông báo tuyển sinh theo quy chế tuyển sinh hiện hành;

- Minh chứng về việc đáp ứng các yêu cầu tối thiểu đối với liên kết đào tạo VLVI theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 7 của Quy chế này.

2. Chế độ lưu trữ, bảo quản, tiêu hủy

- a) Học viện có trách nhiệm lưu trữ, bảo quản an toàn các tài liệu liên quan tới công tác đào tạo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, quy định của Học viện.

- Quyết định trúng tuyển, bảng điểm, quyết định công nhận tốt nghiệp, sổ gốc cấp phát bằng tốt nghiệp cho sinh viên là tài liệu được lưu trữ, bảo quản vĩnh viễn tại Học viện;

- Tài liệu khác liên quan đến tuyển sinh, đào tạo được lưu trữ, bảo quản trong suốt quá trình đào tạo.

- b) Việc tiêu hủy tài liệu liên quan tuyển sinh, đào tạo hết thời gian lưu trữ được thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước và của Học viện.

3. Trách nhiệm thực hiện

a) Phòng Đào tạo

- Chịu trách nhiệm báo cáo số liệu sinh viên tốt nghiệp, thôi học và đang học trong năm; dự kiến tốt nghiệp trong năm; số lượng các chương trình đào tạo được xây dựng mới, cập nhật, chỉnh sửa bổ sung; việc liên kết đào tạo; cấp bằng tốt nghiệp;

- Chịu trách nhiệm lưu trữ các tài liệu liên quan đến đào tạo: đề án mở ngành, quyết định cho phép mở ngành đào tạo, kế hoạch đào tạo, thời khóa biểu, lịch thi, quyết định thôi học, nghỉ học tạm thời, tiếp tục học; bảng điểm tổng hợp; hồ sơ xét tốt nghiệp (quyết định thành lập hội đồng xét tốt nghiệp, biên bản họp xét tốt nghiệp, bảng điểm tổng kết toàn khóa học), quyết định công nhận tốt nghiệp và cấp bằng; các hồ sơ khác theo yêu cầu của Giám đốc Học viện.

b) Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng

- Chịu trách nhiệm báo cáo liên quan đến công tác khảo thí và đảm bảo chất lượng;

- Chịu trách nhiệm lưu trữ bảng điểm học phần, bài thi kết thúc học phần, báo cáo thực tập hoặc chuyên đề thực tập tốt nghiệp của sinh viên, các tài liệu liên quan đến công tác khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục.

c) Phòng Tuyển sinh và Công tác sinh viên

- Chịu trách nhiệm báo cáo tuyển sinh, việc làm của người học sau khi tốt nghiệp; công tác sinh viên, khen thưởng, kỷ luật hoặc xử lý vi phạm (nếu có);

- Chịu trách nhiệm lưu trữ quyết định trúng tuyển, nhập học (kèm danh sách); các hồ sơ, tài liệu liên quan đến công tác tuyển sinh, công tác sinh viên theo quy định; hồ sơ khảo sát việc làm sinh viên sau khi tốt nghiệp; sổ gốc cấp phát văn bằng tốt nghiệp cho người học.

d) Phòng Tổ chức Hành chính

- Chịu trách nhiệm báo cáo số lượng cán bộ quản lý và giảng viên; tình hình khen thưởng và kỷ luật (nếu có); báo cáo diện tích đất, diện tích xây dựng, cơ sở vật chất phục vụ đào tạo.

- Chịu trách nhiệm lưu trữ hồ sơ giảng viên, cán bộ quản lý; hồ sơ minh chứng diện tích đất, diện tích xây dựng, cơ sở vật chất phục vụ đào tạo.

đ) Các Khoa đào tạo

- Có trách nhiệm phối hợp thực hiện các báo cáo có liên quan đến hoạt động đào

tạo, kiểm định chất lượng các ngành đào tạo đang phụ trách;

- Chịu trách nhiệm lưu trữ chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần do Khoa phụ trách; báo cáo khảo sát các bên liên quan đối với ngành đang phụ trách; khóa luận tốt nghiệp, đồ án tốt nghiệp của sinh viên; tài liệu xét công nhận tốt nghiệp của Khoa.

Điều 29. Trách nhiệm tổ chức thực hiện quy chế đào tạo

1. Phòng Đào tạo

a) Phổ biến quy chế, tổng hợp ý kiến, đề xuất giải quyết các vấn đề phát sinh có liên quan trong quá trình thực hiện quy chế và trình Giám đốc Học viện xem xét quyết định;

b) Chủ trì rà soát, tham mưu cho Giám đốc Học viện sửa đổi, bổ sung, ban hành các văn bản, quy trình, biểu mẫu cho hoạt động đào tạo nhằm thống nhất và thực hiện có hiệu quả quy chế này;

c) Thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại quy chế này và các quy định có liên quan khác.

2. Phòng Tuyển sinh và Công tác sinh viên

a) Phối hợp với phòng Đào tạo và các đơn vị liên quan tổ chức phổ biến nội dung quy chế này đến toàn thể sinh viên, giảng viên, cán bộ, nhân viên toàn Học viện;

b) Chủ trì rà soát tham mưu cho Giám đốc Học viện xây dựng, sửa đổi các quy định liên quan đến tuyển sinh, công tác sinh viên phù hợp với các quy định hiện hành;

c) Thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại quy chế này và các quy định có liên quan khác.

3. Các Khoa đào tạo

a) Phổ biến quy chế này đến toàn thể sinh viên, cán bộ, giảng viên, nhân viên thuộc đơn vị quản lý để biết và thực hiện;

b) Kịp thời ghi nhận và phản ánh các vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện quy chế này;

c) Thực hiện các nhiệm vụ có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.

4. Trách nhiệm giám sát, thanh tra, kiểm tra

a) Phòng Tổ chức Hành chính tham mưu thành lập các tổ giám sát, thanh tra, kiểm tra hoạt động đào tạo. Tổ có trách nhiệm xây dựng kế hoạch và tổ chức thanh tra,

kiểm tra toàn bộ hoạt động đào tạo của Học viện; kịp thời tham mưu tổ chức thanh tra, kiểm tra đột xuất khi cần.

b) Phòng Đào tạo chủ trì phối hợp với các Khoa và đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát thường xuyên hoạt động dạy và học theo quy định.

c) Các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm phối hợp, thực hiện công tác kiểm tra hoạt động đào tạo, kiểm tra việc thực hiện quy chế này theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị đã được Học viện quy định.

Điều 30. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ học kỳ 3 năm học 2022-2023 và áp dụng đối với các khóa tuyển sinh từ năm 2021 trở đi.

2. Quy chế này thay thế quy chế tạm thời về đào tạo trình độ đại học của Học viện hàng không Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 475/QĐ-HVHKVN-ĐT ngày 02 tháng 8 năm 2021 của Giám đốc. Trước thời điểm quy chế này có hiệu lực, các khóa 2021 và 2022 thực hiện theo quy chế tạm thời nêu trên. Trường hợp quy chế tạm thời không có quy định cụ thể thì áp dụng quy chế này theo hướng có lợi cho người học.

3. Trường hợp các văn bản viện dẫn tại quy chế này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản mới ban hành.

4. Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh phức tạp và các trường hợp bất khả kháng khác, Học viện thực hiện theo các hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Phần 3: CÁC QUY CHẾ, QUY ĐỊNH VỀ ĐÀO TẠO

- Quy định về công nhận kết quả, miễn, chuyển điểm học phần
- Quy định về đồ án, khóa luận tốt nghiệp

*Sinh viên tải các biểu mẫu trên trang sv.vaa.edu.vn, mục **Biểu mẫu***

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Về công nhận kết quả, miễn, chuyển điểm học phần tại Học Viện Hàng Không Việt Nam

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 829/QĐ-HVHK ngày 23 tháng 09
năm 2019 của Giám đốc Học Viện Hàng Không Việt Nam)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định các vấn đề về điều kiện và quy trình công nhận kết quả học tập các học phần; miễn học, thi và chuyển điểm các học phần tiếng Anh, tin học/ tin học đại cương và công nhận điều kiện về tiếng Anh, tin học trong chuẩn đầu ra; miễn học, thi và tạm hoãn các học phần quốc phòng - an ninh và giáo dục thể chất trong các chương trình đào tạo.

2. Quy định này áp dụng đối với người học đào tạo ở trình độ cao học, đại học theo luật giáo dục đại học và cao đẳng theo luật giáo dục nghề nghiệp hệ chính quy và hình thức vừa làm vừa học tại Học Viện Hàng Không Việt Nam (sau đây gọi tắt là Học Viện).

3. Quy định này không áp dụng cho việc trả nợ học phần và cải thiện điểm.

Chương II

CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HỌC TẬP CÁC HỌC PHẦN

Điều 2. Điều kiện được công nhận kết quả học tập các học phần

1. Các học phần của người học được Giám đốc Học Viện chấp nhận chuyển trường từ trường khác đến hoặc người học đã học ở trường khác

thuộc hệ thống giáo dục quốc dân Việt nam có nội dung phù hợp và thời lượng lớn hơn hoặc bằng thời lượng học phần được công nhận.

2. Các học phần chuyển đổi giữa các chương trình đào tạo hoặc được Giám đốc Học Viện công nhận tương đương trong các chương trình đào tạo của Học Viện.

Điều 3. Thời gian và quy trình xin công nhận kết quả học tập các học phần

1. Việc công nhận kết quả học tập các học phần của người học chuyển trường đến Học Viện được xác định trong quyết định chấp nhận chuyển trường của Giám đốc Học Viện.

2. Các học phần người học đã học ở trường khác muốn được công nhận tại Học Viện, người học phải làm đơn xin công nhận gửi bộ phận hành chính 1 cửa theo mẫu BM01.QT07-ĐT trong hệ thống ISO9001 kèm hồ sơ minh chứng (nộp bản sao có chứng thực bảng điểm hoặc xác nhận điểm học phần của trường). Phòng đào tạo xem xét trình Giám đốc công nhận. Trong trường hợp cần thiết, Phòng đào tạo có thể lấy ý kiến của Khoa quản lý học phần để xác định sự phù hợp về nội dung và thời lượng.

3. Đối với các học phần chuyển đổi giữa các chương trình đào tạo hoặc được Giám đốc công nhận tương đương, người học làm đơn gửi phòng đào tạo theo mẫu 1 tại Phụ lục 2 để được công nhận.

4. Thời gian nộp đơn và xử lý được quy định cụ thể trong quy trình công nhận kết quả, miễn, tạm hoãn và chuyển điểm học phần số QT07-ĐT trong hệ thống ISO9001.

Chương III

CHUYỂN ĐIỂM CÁC HỌC PHẦN TIẾNG ANH, TIN HỌC/ TIN HỌC ĐẠI CƯƠNG VÀ CÔNG NHẬN ĐIỀU KIỆN VỀ TIẾNG ANH, TIN HỌC TRONG CHUẨN ĐẦU RA

Mục 1

Chuyển điểm các học phần tiếng Anh, tin học/ tin học đại cương từ các chứng chỉ quốc tế.

Điều 4. Điều kiện được xem xét chuyển điểm các học phần tiếng Anh, tin học/ tin học đại cương

1. Người học được xem xét miễn học, thi và chuyển điểm các học phần tiếng Anh cơ bản của các chương trình đào tạo nếu có các Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế: TOEIC, TOEFL paper, TOEFL CBT, TOEFL iBT, IELTS, CEFR và chứng chỉ tiếng Anh quốc tế do Trung tâm Ngoại ngữ Tin học Hàng Không còn thời hạn 2 năm kể từ ngày cấp tính đến ngày làm thủ tục miễn học, thi và chuyển điểm.

2. Người học được xem xét miễn học, thi và chuyển điểm học phần tin học/ tin học đại cương nếu có các Chứng chỉ tin học ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (đối với cao đẳng) và Chứng chỉ tin học ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao (đối với đại học) của Trung tâm Ngoại ngữ Tin học Hàng Không.

Điều 5. Quy đổi điểm chuyển các học phần tiếng Anh và tin học/ tin học đại cương

1. Quy đổi điểm chuyển các học phần tiếng Anh cơ bản từ các Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế:

a) Trình độ đại học

Anh văn 1	An h văn 2	An h văn 3	TOEI C	TOEF L paper	TOEF L CBT	TOEF L iBT	IELT S	CEF R
5			300-324	400-406	90-99	29-32		
6			325-349	407-419	100-109	33-35	2,5	A1
7	5		350-374	420-432	110-119	36-39		

Anh văn 1	An h văn 2	An h văn 3	TOE I C	TOEF L paper	TOEF L CBT	TOEF L iBT	IELT S	CEF R
8	6		375-399	433-439	120-129	40-43	3,0	A2
9	7	5	400-424	440-442	230-139	44-47		
10	8	6	425-449	443-449	140-149	48-51	3,5	A2
	9	7	450-474	450-471	150-159	52-55		
	10	8	475-499	472-483	160-169	56-59	4,0	B1
		9	500-549	484-499	170-179	60-69	4,5	
		10	≥ 550	≥ 500	≥ 180	≥ 70	≥ 5,0	B1

b) Trình độ cao đẳng

Anh văn 1	Anh văn 2	TOEIC	TOEFL paper	TOEFL CBT	TOEFL iBT	IELT S	CEFR
5		250-274	380-391	70-79	20-24		
6		275-299	392-399	80-89	25-28	2,0	A1
7	5	300-324	400-406	90-99	29-32		
8	6	325-349	407-419	100-109	33-35	2,5	A1
9	7	350-374	420-432	110-119	36-39		
10	8	375-399	433-439	120-129	40-43	3,0	A2
	9	400-449	440-449	130-139	44-51	3,5	A2
	10	≥ 450	≥ 450	≥ 140	≥ 51	≥ 4,0	B1

2. Điểm học phần tin học/ tin học đại cương chuyển từ các chứng chỉ tin học ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản và nâng cao là điểm trung bình cộng của điểm lý thuyết và thực hành trong chứng chỉ.

Điều 6. Quy trình xét miễn học, miễn thi, chuyển điểm và công nhận các học phần tiếng Anh và tin học/ tin học đại cương

1. Người học làm đơn xin miễn học, miễn thi và chuyển điểm cho bộ phận hành chính 1 của theo mẫu BM02.QT07-ĐT trong hệ thống ISO9001 kèm theo bản sao có chứng thực chứng chỉ. Thời gian nộp đơn và xử lý được quy định cụ thể trong quy trình QT07-ĐT trong hệ thống ISO9001 về công nhận kết quả, miễn, tạm hoãn và chuyển điểm học phần.

2. Phòng đào tạo xem xét trình Giám đốc phê duyệt miễn học, miễn thi và điểm chuyển cho người học. Trong trường hợp cần thiết, Phòng đào tạo có thể lấy ý kiến của Khoa quản lý học phần để xác nhận miễn học, miễn thi và chuyển điểm cho người học.

3. Riêng các học phần tiếng Anh:

a) Đối với người học xin miễn học, miễn thi và chuyển điểm các học phần tiếng Anh cơ bản từ chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế thuộc các trung tâm đào tạo khác: người học phải nộp đơn vào thời điểm đăng ký học phần theo kế hoạch đào tạo chuẩn của Học viện.

b) Đối với người học đăng ký và đang theo học chương trình tiếng Anh tổng quát hoặc chương trình luyện thi chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tại Trung tâm Ngoại ngữ Tin học Hàng Không: người học được phép không đăng ký các học phần tiếng Anh cơ bản theo kế hoạch đào tạo chuẩn và khi có danh sách xác nhận từ Trung tâm người học được chuyển điểm các học phần tiếng Anh cơ bản vào thời điểm có kết quả kỳ thi kết thúc khóa học tiếng Anh tổng quát của Trung tâm hoặc có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế.

Người học phải đảm bảo thời gian để đăng ký học tiếp các học phần tiếng Anh chuyên ngành hoặc đánh giá kết quả học tập trong chương trình đào tạo.

Mục 2

Công nhận đủ điều kiện về tiếng Anh, tin học trong chuẩn đầu ra

Điều 7. Điều kiện được xem xét công nhận đủ điều kiện về tiếng Anh, tin học trong chuẩn đầu ra

1. Người học được xem xét công nhận đủ điều kiện về tiếng Anh trong chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo nếu có các Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế: TOEIC, TOEFL paper, TOEFL CBT, TOEFL iBT, IELTS, CEFR còn thời hạn 2 năm kể từ ngày cấp tính đến ngày xét tốt nghiệp. Cụ thể:

STT	Ngành đào tạo	Chứng chỉ	Áp dụng khóa tuyển sinh
Thạc sĩ			
1	Quản trị kinh doanh	Tối thiểu đạt TOEIC 600 hoặc chứng chỉ quốc tế tương đương	Áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2018 trở đi
Đại học chính quy			
2	Quản trị kinh doanh	Tối thiểu đạt TOEIC 500 hoặc chứng chỉ quốc tế tương đương	Áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2013 trở đi
3	Công nghệ kỹ thuật điện tử truyền thông	Tối thiểu đạt TOEIC 400 hoặc chứng chỉ quốc tế tương đương	Áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2013 đến khóa 2017
		Tối thiểu đạt TOEIC 500 hoặc chứng chỉ quốc tế tương đương	Áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2018 trở đi
4	Quản lý hoạt động bay	Tối thiểu đạt TOEIC 550 hoặc chứng chỉ quốc tế tương đương	Áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2013 đến khóa 2017
		IELTS 5.5 hoặc các chứng chỉ quốc tế tương đương trở lên được thừa nhận	Áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2018 trở đi

5	Kỹ thuật hàng không	Tối thiểu đạt TOEIC 500 hoặc chứng chỉ quốc tế tương đương	Áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2017 trở đi
Đại học vừa làm vừa học			
6	Quản trị kinh doanh	Tối thiểu đạt TOEIC 500 hoặc chứng chỉ quốc tế tương đương	Áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2017 trở đi
7	Công nghệ kỹ thuật điện tử truyền thông	Tối thiểu đạt TOEIC 500 hoặc chứng chỉ quốc tế tương đương	Áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2017 trở đi
8	Quản lý hoạt động bay	IELTS 5.5 hoặc TOEIC 500 hoặc chứng chỉ tiếng Anh chuyên ngành ICAO Level 4 hoặc các chứng chỉ quốc tế tương đương trở lên được thừa nhận	Áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2017 trở đi
Cao đẳng chính quy			
9	Kỹ thuật bảo dưỡng cơ khí tàu bay	Tối thiểu đạt TOEIC 400 hoặc chứng chỉ quốc tế tương đương	Áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2017 trở đi
10	Kỹ thuật điện tử tàu bay		
11	CN kỹ thuật điện tử, truyền thông	Tối thiểu đạt TOEIC 400 hoặc chứng chỉ quốc tế tương đương	Áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2018 trở đi

12	Dịch vụ thương mại HK	Tối thiểu đạt TOEIC 450 hoặc chứng chỉ quốc tế tương đương	Áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2017 trở đi
13	Kiểm tra an ninh hàng không		
14	Kiểm soát không lưu	Tối thiểu đạt TOEIC 500 hoặc chứng chỉ quốc tế tương đương hoặc chứng chỉ ICAO Level 3	Áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2017 trở đi

2. Người học là người nước ngoài được miễn áp dụng chuẩn ngoại ngữ đầu ra trong các chương trình đào tạo giảng dạy bằng tiếng Việt theo quy định của Bộ giáo dục và đào tạo.

3. Người học được xem xét công nhận đủ điều kiện về tin học trong chuẩn đầu ra nếu có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin theo quy định tại thông tư số 03/2014/TT-BTTTT, cụ thể:

STT	Chứng chỉ	Áp dụng khóa tuyển sinh
1	Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	Cao đẳng từ khóa tuyển sinh năm 2017 trở đi
2	Ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao	Đại học từ khóa tuyển sinh năm 2016 trở đi (bao gồm chính quy và vừa làm vừa học) và Thạc sĩ từ khóa tuyển sinh năm 2018 trở đi

Điều 8. Thời điểm nộp và quy đổi điểm tương đương của các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế và tin học trong chuẩn đầu ra

1. Trong thời gian đào tạo, người học có thể nộp đơn và các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế, tin học tại bộ phận hành chính 1 của theo mẫu BM03.QT07-ĐT trong hệ thống ISO9001 để được xác nhận đủ điều kiện về tiếng Anh và tin học trong chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Giám đốc ủy quyền cho Trưởng phòng Đào tạo xác nhận đủ điều kiện về tiếng Anh và tin học trong chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo cho người học.

2. Điểm quy đổi điểm tương đương các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế với TOEIC trong chuẩn đầu ra như sau:

TOEIC	TOEFL paper	TOEFL CBT	TOEFL iBT	IELTS	CEFR
300	400	90	29	2,5	A1
350	420	110	36	3,0	A2
400	440	130	44	3,5	A2
450	450	150	52	4,0	B1
500	484	170	60	4,5	
550	500	180	70	5,0	B1

Chương IV

MIỄN HỌC, MIỄN THI VÀ TẠM HOÃN CÁC HỌC PHẦN QUỐC PHÒNG - AN NINH VÀ GIÁO DỤC THỂ CHẤT

Điều 9. Đối tượng được miễn học, miễn thi, miễn học các nội dung thực hành và tạm hoãn học Quốc Phòng - An Ninh

1. Đối tượng được miễn học môn học giáo dục quốc phòng & an ninh:
 - a) Người học có giấy chứng nhận sĩ quan dự bị hoặc bằng tốt nghiệp do các trường quân đội, công an cấp;
 - b) Người học đã có chứng chỉ học giáo dục quốc phòng và an ninh tương đương với trình độ đào tạo;

c) Người học là người nước ngoài.

2. Đối tượng được miễn học, miễn thi học phần, nội dung trong chương trình giáo dục quốc phòng & an ninh là các người học có giấy xác nhận kết quả học tập các học phần, nội dung đó đạt từ 5 điểm trở lên theo thang điểm 10.

3. Đối tượng được miễn học, các nội dung thực hành kỹ năng quân sự:

a) Người học là người khuyết tật, có giấy xác nhận khuyết tật theo quy định của pháp luật về người khuyết tật;

b) Người học không đủ sức khỏe về thể lực hoặc mắc những bệnh lý thuộc diện miễn làm nghĩa vụ quân sự theo quy định hiện hành;

c) Người học đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự, công an nhân dân.

4. Đối tượng được tạm hoãn học môn học giáo dục quốc phòng & an ninh:

a) Người học vì lý do sức khỏe phải dừng học trong thời gian dài để điều trị, phải có giấy xác nhận của bệnh viện nơi người học điều trị;

b) Người học là nữ đang mang thai hoặc trong thời gian nghỉ chế độ thai sản theo quy định hiện hành.

Các đối tượng quy định tại khoản 4 Điều này phải được sự đồng ý của Giám đốc Học Viện. Hết thời gian tạm hoãn, Học Viện sẽ bố trí cho người học vào học các lớp phù hợp để hoàn thành chương trình

Điều 10. Đối tượng được miễn, tạm hoãn học các học phần về Giáo dục thể chất

1. Người học được miễn học toàn bộ các học phần về Giáo dục thể chất nếu đã hoàn thành các học phần về Giáo dục thể chất phù hợp với trình độ đào tạo.

2. Người học được thay đổi hình thức học các học phần thực hành về *Giáo dục thể chất trong các trường hợp sau:*

a) Có thương tật, dị tật bẩm sinh làm hạn chế chức năng vận động (có giấy chứng nhận của bệnh viện cấp huyện và tương đương trở lên) có thể áp dụng thay thế các học phần đặc thù dành cho người khuyết tật.

b) Bị các bệnh không được vận động mạnh (có giấy chứng nhận của bệnh viện cấp huyện và tương đương).

3. Người học được tạm hoãn học các học phần về Giáo dục thể chất trong các trường hợp sau:

- a) Đang học nhưng sức khỏe không đảm bảo;
- b) Đang mang thai, nuôi con nhỏ dưới 24 tháng tuổi.

Các đối tượng quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều này nếu được Học Viện chấp thuận cho tạm hoãn học các học phần về Giáo dục thể chất thì sau khi hết thời hạn tạm hoãn phải tiếp tục học những nội dung còn thiếu trong chương trình quy định.

Điều 11. Quy trình đăng ký miễn học hoặc tạm hoãn các môn học giáo dục quốc phòng & an ninh và giáo dục thể chất

1. Trừ người học là người nước ngoài, những người học khác phải viết đơn theo mẫu kèm theo các giấy tờ phù hợp đề nghị Học Viện miễn học, miễn thực hành hoặc tạm hoãn học phần về bộ phận hành chính 1 cửa trước 2 tuần đối với học kỳ đầu hoặc trước thời điểm bắt học phần đối học kỳ thứ 2 trở đi theo mẫu BM04.QT07-ĐT trong hệ thống ISO9001.

2. Phòng đào tạo xem xét trình Giám đốc phê duyệt miễn học hoặc tạm hoãn học phần cho người học. Trong trường hợp cần thiết, Phòng đào tạo có thể lấy ý kiến của Khoa quản lý học phần để xác nhận việc miễn, chuyển đổi hình thức hoặc tạm hoãn cho người học.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Sửa đổi, bổ sung

Những vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện, các đơn vị phản ánh qua phòng Đào tạo để tổng hợp báo cáo Giám đốc xem xét điều chỉnh cho phù hợp.

GIÁM ĐỐC
(đã ký)

TS. Nguyễn Thị Hải Hằng

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

Số: 1072/QĐ-HVHKVN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phủ Nhuận, ngày 12 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Điều chỉnh quy định miễn, chuyển điểm các học phần tiếng Anh

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 168/2006/QĐ-TTg, ngày 17/07/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Hàng không Việt Nam;

Căn cứ Quy chế Tổ chức và hoạt động của Học viện Hàng không Việt Nam ban hành theo quyết định số 49/QĐ-HĐHV ngày 08 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng Học viện Hàng không Việt Nam;

Căn cứ Quy chế tạm thời về đào tạo trình độ đại học của Học viện Hàng không Việt Nam ban hành kèm theo quyết định số 475/QĐ-HVHKVN-ĐT ngày 02 tháng 8 năm 2021 của Giám đốc Học viện Hàng không Việt Nam;

Căn cứ theo Quy định về công nhận kết quả, miễn, chuyển điểm học phần tại Học viện Hàng không Việt Nam ban hành kèm theo quyết định số 829/QĐ-HVHK ngày 23 tháng 9 năm 2019 của Giám đốc Học viện Hàng không Việt Nam;

Căn cứ theo các chương trình Đào tạo tại Học viện Hàng không Việt Nam;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo và Trưởng khoa Ngoại ngữ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh khoản 1, điều 5 của Quy định về công nhận kết quả, miễn, chuyển điểm học phần tại Học viện Hàng không Việt Nam ban hành kèm theo quyết định số 829/QĐ-HVHK như sau:

1. Quy đổi chuyển điểm các học phần tiếng Anh như sau:

a). Trình độ đại học:

Tiếng Anh 1	Tiếng Anh 2	Tiếng Anh 3	Tiếng Anh 4	TOEIC	TOEFL paper	TOEFL CBT	TOEFL iBT	IELTS	CEFR	English score
5				300-324	400-406	90-99				250-269
6				325-349	407-419	100-109				270-279
7	5			350-374	420-432	110-119	36-39			280-289
8	6	5		375-399	433-439	120-129	40-43	3,0	A2.1	290-299

9	7	6	5	400-424	440-442	130-139	44-47			300-309
10	8	7	6	425-449	443-449	140-149	48-51	3.5	A2.2	310-319
	9	8	7	450-474	450-471	150-159	52-55			320-329
	10	9	8	475-499	472-483	160-169	56-59	4.0	B1.1	330-339
		10	9	500-549	484-499	170-179	60-69	4.5		340-349
			10	≥ 550	≥ 500	≥ 180	≥ 70	≥ 5.0	≥ B1.2	≥ 350

b). Trình độ cao đẳng:

Tiếng Anh	TOEIC	TOEFL paper	TOEFL CBT	TOEFL iBT	IELTS	CEFR
5	250-274	380-381	70-79	20-24		
6	275-299	392-399	80-89	25-28	2.0	A1.1
7	300-324	400-406	90-99	29-32		
8	325-349	407-419	100-109	33-35	2.5	A1.2
9	350-374	420-432	110-119	36-39		
10	≥ 375	≥ 433	≥ 120	≥ 40	≥ 3.0	≥ A2

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế các quyết định, quy định trước đây.

Điều 3. Trường phòng Đào tạo, trưởng các đơn vị liên quan và các sinh viên của Học viện chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc Học viện,
- Như điều 3,
- Lưu VT, ĐT.



TS. Nguyễn Thanh Đông

QUY ĐỊNH
Về đồ án, khóa luận tốt nghiệp
tại Học viện Hàng không Việt Nam

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 643/QĐ-HVHKVN-ĐT ngày 10 tháng 9 năm 2014 của Giám đốc Học Viện Hàng Không Việt nam)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định các vấn đề về điều kiện sinh viên được đăng ký làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp; thời gian thực hiện, nội dung và hình thức của đồ án, khóa luận tốt nghiệp; giảng viên hướng dẫn và đánh giá đồ án, khóa luận tốt nghiệp; điều kiện, hình thức và nội dung đánh giá đồ án, khóa luận tốt nghiệp.

2. Quy định này áp dụng đối với sinh viên đào tạo ở trình độ đại học và cao đẳng theo hệ chính quy và hình thức vừa làm vừa học tại Học Viện Hàng Không Việt nam (sau đây gọi tắt là Học Viện).

Điều 2. Khối lượng của đồ án, khóa luận tốt nghiệp

1. Đồ án, khóa luận tốt nghiệp là học phần có khối lượng được quy định trong các chương trình đào tạo do Giám đốc Học Viện ban hành.

2. Đồ án, khóa luận tốt nghiệp đào tạo theo niên chế có khối lượng tính theo đơn vị học trình; đào tạo theo tín chỉ có khối lượng tính theo đơn vị tín chỉ.

Chương II
THỰC HIỆN ĐỒ ÁN, KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Điều 3. Điều kiện được đăng ký làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp

1. Sinh viên được đăng ký làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp nếu tại thời điểm xét thỏa mãn các điều kiện sau đây:

a) Đã hoàn thành tất cả các học phần của chương trình theo kế hoạch đào tạo chuẩn;

b) Điểm trung bình kết quả học tập đối với đào tạo theo niên chế đạt 7,0 hoặc điểm trung bình tích lũy đối với đào tạo theo tín chỉ đạt 3,0 trở lên;

c) Có đơn đăng ký làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp nộp về Khoa quản lý chương trình đào tạo theo mẫu 1 tại Phụ lục 2 của Quy định này;

d) Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo pháp luật của Nhà nước, hoặc các hình thức kỷ luật khác của Học Viện.

2. Tuỳ theo khả năng hướng dẫn thực tế, Khoa quản lý chương trình đào tạo quy định mức điểm trung bình cụ thể cho từng khóa và lập danh sách gửi Phòng đào tạo trình Giám đốc phê duyệt.

Điều 4. Thời gian thực hiện đồ án, khoá luận tốt nghiệp

1. Khoa quản lý chương trình đào tạo thông báo điều kiện sinh viên được làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp cho từng khóa vào đầu học kỳ cuối của chương trình đào tạo.

2. Thời gian làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp được kết hợp với thời gian thực tập chuyên môn cuối khoá và được xác định trong kế hoạch học tập và giảng dạy năm học được Giám đốc phê duyệt.

Điều 5. Cấu trúc và hình thức của đồ án, khoá luận tốt nghiệp

1. Đề tài của đồ án, khoá luận tốt nghiệp được xác định riêng cho từng sinh viên và phải phù hợp với chuyên ngành được đào tạo của sinh viên.

2. Cấu trúc và hình thức trình bày của đồ án, khoá luận tốt nghiệp được quy định cụ thể tại Phụ lục 3 của Quy định này.

Điều 6. Giảng viên hướng dẫn và phản biện đồ án, khoá luận tốt nghiệp

1. Tiêu chuẩn của giảng viên hướng dẫn và phản biện đồ án, khoá luận tốt nghiệp:

a) Có trình độ từ thạc sĩ trở lên và đã tham gia giảng dạy khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp của ngành đào tạo mà sinh viên làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp;

b) Một số ngành đào tạo đặc thù, Giám đốc có thể có quy định về tiêu chuẩn của giảng viên hướng dẫn và đánh giá đồ án, khoá luận tốt nghiệp riêng theo đề nghị của các Khoa quản lý chương trình đào tạo.

2. Số lượng sinh viên hướng dẫn tối đa của giảng viên cho một khóa theo từng ngành và hình thức đào tạo như sau:

- | | |
|-------------------------------|-----------|
| a) Thạc sỹ: | 4 đề tài |
| b) Giảng viên chính, tiến sỹ: | 8 đề tài |
| c) Giáo sư, phó giáo sư: | 12 đề tài |

3. Nhiệm vụ của giảng viên hướng dẫn:

- a) Lập kế hoạch công tác hướng dẫn đồ án, khóa luận tốt nghiệp cho sinh viên;
 - b) Tổ chức hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc sinh viên thực hiện đồ án, khóa luận tốt nghiệp theo kế hoạch;
 - c) Nhận xét đồ án, khóa luận tốt nghiệp của sinh viên theo mẫu 5 hoặc 6 tại Phụ lục 2 của Quy định này.
4. Giảng viên phản biện có nhiệm vụ đánh giá đồ án, khóa luận tốt nghiệp theo mẫu 5 hoặc 6 tại Phụ lục 2 của Quy định này.

Chương III

ĐÁNH GIÁ ĐỒ ÁN, KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Điều 7. Điều kiện được đánh giá đồ án, khóa luận tốt nghiệp

Đồ án, khóa luận tốt nghiệp của sinh viên được Học Viện đánh giá khi đáp ứng các điều kiện sau:

1. Tại thời điểm đánh giá sinh viên không bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập trở lên, không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
2. Sinh viên đã nộp cho Văn phòng khoa đủ 3 cuốn đồ án, khóa luận tốt nghiệp và 1 đĩa CD chứa nội dung đồ án, khóa luận tốt nghiệp;
3. Sinh viên đã hoàn các nghĩa vụ tài chính tất đủ các loại phí theo qui định của Học Viện;
4. Đồ án, khóa luận tốt nghiệp được giáo viên hướng dẫn nhận xét. Riêng đối với đào tạo niên chế phải được được giáo viên hướng dẫn đồng ý cho bảo vệ trước hội đồng.

Điều 8. Hình thức và nội dung đánh giá đồ án, khóa luận tốt nghiệp

1. Sinh viên học theo chương trình đào tạo niên chế sẽ phải bảo vệ trước hội đồng chấm đồ án, khóa luận tốt nghiệp.

a) Giám đốc Học Viện ra quyết định thành lập các hội đồng chấm đồ án, khóa luận tốt nghiệp trên cơ sở đề nghị của Khoa qua lý chương trình đào tạo và Phòng đào tạo. Số thành viên của mỗi hội đồng là 5, bao gồm: Chủ tịch, thư ký, phản biện, giảng viên hướng dẫn và ủy viên. Thành viên của hội đồng là giảng viên của trường hoặc có thể mời thêm những người có chuyên môn phù hợp ở ngoài Học Viện.

b) Khoa quản lý chương trình đào tạo có trách nhiệm tổ chức lễ bảo vệ đồ án, khóa luận tốt nghiệp theo kế hoạch. Trình tự buổi bảo vệ đồ án, khóa luận tốt nghiệp bao gồm: Thư ký Hội đồng tuyên bố lý do, đọc Quyết định của Giám đốc Học Viện về việc tổ chức bảo vệ đồ án, khóa luận tốt nghiệp; Chủ tịch Hội đồng điều khiển quá trình bảo vệ; Sinh viên trình bày nội dung chấm đồ án, khóa luận tốt nghiệp của mình với thời lượng không quá 15 phút.

c) Sau khi sinh viên trình bày nội dung và trả lời những câu hỏi, các thành viên của Hội đồng chấm đồ án, khóa luận tốt nghiệp cho điểm theo phiếu. Điểm đánh giá đồ án, khóa luận tốt nghiệp là trung bình cộng các điểm của từng thành viên hội đồng, người đánh giá và người hướng dẫn, được làm tròn đến phần nguyên.

d) Sinh viên bảo vệ đồ án, khóa luận tốt nghiệp nếu có điểm dưới 5, được Học Viện tổ chức cho bảo vệ lại trong thời gian từ 3 đến 6 tháng sau khi Học Viện công bố kết quả.

2. Sinh viên học theo chương trình đào tạo tín chỉ sẽ không bảo vệ trước hội đồng.

a) Mỗi đồ án, khóa luận tốt nghiệp sẽ do 3 giảng viên đánh giá (giảng viên hướng dẫn và 2 giảng viên phản biện). Trưởng khoa đề xuất và lập danh sách giảng viên phản biện thông qua Phòng đào tạo trình Giám đốc phê duyệt trước thời gian chấm đồ án, khóa luận tốt nghiệp.

b) Điểm đồ án, khóa luận tốt nghiệp là điểm trung bình của 03 giảng viên đánh giá trong trường hợp điểm của 3 giảng viên chênh lệch không lớn hơn 2. Trường hợp điểm chênh lệch giữa các giảng viên chấm lớn hơn 2 thì sẽ Trưởng Khoa yêu cầu các giảng viên có điểm chênh lệch lớn hơn 2 chấm lại. Nếu kết quả chấm lại vẫn lớn hơn 2 điểm, Trưởng khoa trình Giám đốc Học Viện mời giảng viên thứ 4 đánh giá. Trường hợp này điểm đồ án, khóa luận sẽ là điểm trung bình của 04 giảng viên.

c) Nội dung và hình thức đánh giá đồ án, khóa luận tốt nghiệp do Trưởng các Khoa quy định cụ thể theo biểu mẫu do Phòng Đào tạo ban hành. Hồ sơ điểm đồ án, khóa luận tốt nghiệp được quản lý giống như quản lý điểm kết thúc học phần.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Khiếu nại, tố cáo về đồ án, luận văn tốt nghiệp

1. Khiếu nại của sinh viên làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp phải được gửi bằng văn bản đến Khoa quản lý chương trình đào tạo để xử lý theo quy trình về phúc khảo điểm học phần.

2. Mọi tố cáo về đồ án, khoá luận tốt nghiệp của sinh viên phải được gửi bằng văn bản đến Khoa quản lý chương trình đào tạo trong vòng 1 tháng kể từ khi công bố kết quả đánh giá. Trong trường hợp này, Khoa quản lý chương trình đào tạo trình Giám đốc Học Viện phương án xử lý cụ thể.

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung

Những vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện, các đơn vị phản ánh qua phòng Đào tạo để tổng hợp báo cáo Giám đốc xem xét điều chỉnh cho phù hợp.

GIÁM ĐỐC

(đã ký)

TS. Nguyễn Thị Hải Hằng

Phần 4: QUY ĐỊNH VỀ CÔNG TÁC SINH VIÊN

4.1. Một số quy định chung

1. Hồ sơ sinh viên:

Sinh viên khi nhập học nộp giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời trong hồ sơ nhập học, giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời có giá trị trong 06 tháng, sau thời gian 06 tháng, sinh viên bắt buộc phải nộp bản sao có công chứng bằng tốt nghiệp THPT để hoàn chỉnh hồ sơ sinh viên tại phòng Công tác sinh viên – A14. Sinh viên nộp khi có thông báo bổ sung hồ sơ sinh viên của Học viện.

Tất cả hồ sơ sinh viên phải nộp đầy đủ trước khi tốt nghiệp.

2. Xác nhận sinh viên:

Sinh viên cần xin xác nhận đang là sinh viên của Học viện để xin tạm hoãn nghĩa vụ quân sự, vay vốn ngân hàng hay để bổ sung hồ sơ cá nhân: sinh viên đăng nhập tài khoản trang sinh viên, vào mục **Thông tin chung/Đề xuất biểu mẫu/Chọn biểu mẫu cần đề xuất** (Tạm hoãn nghĩa vụ quân sự, vay vốn sinh viên hoặc mẫu giấy xác nhận lý do khác (cần ghi rõ lý do xin xác nhận)...). Sau khi đề xuất, sinh viên theo dõi trong phần **Danh mục biểu mẫu đã đề xuất**, khi đề xuất được duyệt, sinh viên nhấp vào tên biểu mẫu đã duyệt để xem phản hồi thời gian nhận giấy và nơi nhận giấy. Nếu biểu mẫu không được duyệt, sinh viên nhấp vào tên biểu mẫu không duyệt, xem thông tin phản hồi lý do không được duyệt để xử lý.

3. Miễn giảm học phí cho sinh viên

3.1. Đối tượng được miễn giảm học phí:

- a) Đối tượng được miễn 100% học phí:
 - Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh
 - Con của người hoạt động cách mạng, con của anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, con của Liệt sỹ; con thương binh, bệnh binh; con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.
 - Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Sinh viên khuyết tật.
- Sinh viên là người dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng có điều kiện theo kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định hiện hành của cơ quan có thẩm quyền (theo Nghị định 57/2017/NĐ-CP).

b) Đối tượng được giảm 70% học phí:

- Sinh viên là người dân tộc thiểu số (ngoài đối tượng dân tộc thiểu số rất ít người) ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền

c) Đối tượng được giảm 50% học phí:

- Sinh viên là con cán bộ, công chức, viên chức, công nhân mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.

3.2. Thủ tục miễn giảm học phí:

Sinh viên tải các biểu mẫu trên trang web sv.vaa.edu.vn và hoàn chỉnh hồ sơ xin miễn giảm học phí nộp về phòng TS&Công tác sinh viên gồm:

- Con thương binh, bệnh binh phải có thẻ thương – bệnh binh, giấy khai sinh.
- Các đối tượng khác phải có Hộ khẩu, Giấy chứng nhận của địa phương
- Các giấy tờ phải sao y công chứng.

Lưu ý: Sinh viên thực hiện đóng học phí theo quy định. Đầu mỗi năm học, Học viện sẽ thông báo, sinh viên thuộc diện được miễn giảm học phí làm hồ sơ xin miễn giảm theo quy định, Học viện sẽ hoàn lại số tiền học phí được miễn giảm cho sinh viên thuộc đối tượng được miễn giảm học phí.

4. Học bổng cho sinh viên:

4.1. Các hình thức học bổng:

Học bổng khuyến khích học tập: được công khai trên cổng thông tin sinh viên.

Học bổng của các tổ chức, đơn vị, cá nhân trong và ngoài nước hằng năm cấp cho những sinh viên có kết quả tốt trong học tập, nghiên cứu khoa học, rèn luyện, tham gia các phong trào hoặc vượt khó... theo tiêu chí của nhà tài trợ.

4.2. Đối tượng được xét học bổng:

Sinh viên có kết quả học tập và rèn luyện mỗi học kỳ từ loại Khá trở lên, có số tín chỉ đăng ký học lần đầu trong học kỳ từ 15 tín chỉ trở lên (không tính điểm học lại, học cải thiện, điểm miễn, chuyển...), không vi phạm các nội quy, quy định của Học Viện, không vi phạm pháp luật, không có điểm D.

4.3. Phương thức xét học bổng:

Căn cứ chỉ tiêu học bổng đã được Giám đốc Học viện quyết định và công bố, Hội đồng xét học bổng của Học viện sẽ xét theo kết quả từ cao xuống thấp đến hết chỉ tiêu.

5. Sinh hoạt Đảng, Đoàn thể của sinh viên:

Sinh viên đã là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, khi làm thủ tục chuyển sinh hoạt Đảng về Học viện, cần ghi rõ nơi chuyển đến là: Đảng ủy Bộ Giao thông vận tải, sau đó mang nộp tại Đảng ủy Học viện Hàng không Việt Nam. Các vấn đề liên quan đến công tác Đảng liên hệ Phòng A309.

Sinh viên đã học lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng, có nguyện vọng phấn đấu vào Đảng cần báo cáo cho Bí thư chi đoàn, Ban chấp hành Đoàn Khoa và phải tích cực học tập, rèn luyện, tham gia hoạt động Đoàn – Hội trong quá trình học tập tại Học viện.

Sinh viên phải hoàn thành nhiệm vụ rèn luyện sinh viên, rèn luyện Đoàn viên theo quy định, chuyển sinh hoạt Đoàn đến Học viện khi nhập học và chuyển sinh hoạt đi khi tốt nghiệp, gia nhập và tham gia tổ chức Hội Sinh viên.

6. Bảo hiểm y tế sinh viên:

Bảo hiểm y tế sinh viên là bắt buộc và là quyền lợi của sinh viên. Sinh viên kiểm tra công nợ và đóng tiền bảo hiểm y tế vào học kỳ I mỗi năm học để mua bảo hiểm y tế cho năm kế tiếp (đóng theo thông báo của Học viện hoặc trước tháng 12 hàng năm để mua thẻ/gia hạn

thẻ cho năm tiếp theo). Sau khi đóng tiền bảo hiểm y tế, sinh viên đăng nhập vào tài khoản trên trang sinh viên, vào mục Thông tin chung/Khai báo thông tin bảo hiểm y tế, sau đó khai đầy đủ thông tin để mua thẻ, đồng thời cung cấp thông tin đầy đủ theo thông báo của bộ phận Y tế học đường để được gia hạn thẻ. Thẻ Bảo hiểm y tế sinh viên có giá trị sử dụng là 12 tháng. Lưu ý: Sinh viên lưu ý phải đóng tiền bảo hiểm đúng hạn và khai báo đầy đủ thông tin.

Trường hợp sinh viên đã có thẻ được cấp tại địa phương đang còn giá trị sử dụng, sau khi đóng tiền bảo hiểm y tế, sinh viên phô to thẻ bảo hiểm y tế được cấp tại địa phương của mình và biên lai đóng tiền bảo hiểm y tế, liên hệ Bộ phận Y tế (Phòng G110) làm thủ tục hoàn lại tiền bảo hiểm y tế theo thông báo.

7. Đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên:

Điểm rèn luyện sinh viên thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Học viện, được thực hiện theo từng học kỳ, là cơ sở đánh giá toàn diện sinh viên, xét học bổng, xét tốt nghiệp...

Sau khi kết thúc học kỳ, Bộ phận Công tác sinh viên sẽ thông báo về việc thực hiện chấm điểm rèn luyện sinh viên. Sinh viên thực hiện tự đánh giá điểm rèn luyện của mình trên trang sinh viên theo thời gian thông báo (*lưu ý: điểm kết quả học tập: sinh viên không đánh giá, Phòng TS&CTSV sẽ cập nhật điểm này cho sinh viên sau khi Phòng Đào tạo xét kết quả học tập của học kỳ*), nếu quá thời hạn mà sinh viên không thực hiện tự đánh giá, hệ thống sẽ đóng và sinh viên sẽ nhận điểm 0, xếp loại kém.

Sau khi sinh viên đánh giá, lớp trưởng, cố vấn học tập và khoa sẽ đánh giá, sau đó Phòng TS&CTSV sẽ thực hiện đánh giá lần 1 và thông báo cho sinh viên kiểm tra. Sau khi có kết quả học tập, điểm về kết quả học tập sẽ được cập nhật. Sinh viên tự kiểm tra điểm rèn luyện của mình trên tài khoản sinh viên và phản hồi nếu có sai sót trong vòng 10 ngày kể từ khi phòng TS&CTSV thông báo. Sau thời hạn 10 ngày kể từ khi thông báo kiểm tra điểm rèn luyện, điểm rèn luyện của học kỳ sẽ được khóa. Mọi thắc mắc khiếu nại về điểm rèn luyện sau khi khóa điểm sẽ không được giải quyết.

8. Hoạt động của ban cán sự lớp:

Vào đầu mỗi năm học, các lớp tổ chức họp lớp, bầu ra Ban cán sự lớp gồm: 1 lớp trưởng, 1 lớp phó và được Học viện ra quyết định công nhận. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban cán sự các lớp hoạt động phù hợp với quy chế và nội quy của Học viện. Đồng thời, bầu ra Ban chấp hành chi đoàn gồm 1 bí thư, 1 phó bí thư. Lớp trưởng sẽ kiêm nhiệm là Chi hội trưởng chi hội sinh viên của lớp. Ban chấp hành chi đoàn và chi hội trưởng chi hội do Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên Học viện ra quyết định công nhận. Biên bản họp lớp có sự tham gia của Cố vấn học tập nộp về Khoa để lập danh sách Ban cán sự lớp theo quy định. Ban cán sự lớp được hưởng phụ cấp khi hoàn thành nhiệm vụ từng năm học.

9. Các quy định và thông tin khác:

Sinh viên có ý kiến đóng góp có thể gửi về hòm thư góp ý của Học viện.

Học viện hàng năm tổ chức đối thoại giữa sinh viên và Ban lãnh đạo Học viện để lắng nghe và giải đáp những ý kiến của sinh viên.

Sinh viên theo dõi lịch tiếp sinh viên của các phòng ban để thuận tiện trong việc liên hệ công tác.

4.2. Các Quy chế, Quy định liên quan đến công tác sinh viên

- Quy định xét cấp học bổng khuyến khích học tập
- Quy chế khen thưởng và kỷ luật sinh viên
- Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên
- Hướng dẫn đề xuất biểu mẫu (giấy xác nhận sinh viên để tạm hoãn nghĩa vụ quân sự, vay vốn sinh viên, giảm trừ thuế thu nhập cho phụ huynh và các loại giấy xác nhận sinh viên khác; giấy giới thiệu thực tập doanh nghiệp; bảng điểm...)

*Sinh viên tải các biểu mẫu trên trang sv.vaa.edu.vn, mục **Biểu mẫu***

Số: 1871/QĐ-HVHK

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định xét, cấp học bổng khuyến khích học tập
tại Học viện Hàng không Việt Nam

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 2321/QĐ-BGTVT ngày 30/10/2006 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Học viện Hàng không Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của Chính phủ về việc quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/07/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 16/2015/TT-BGDĐT ngày 12/08/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của người học được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tuyển sinh và Công tác sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về xét, cấp học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên chính quy đang theo học tại Học viện Hàng không Việt Nam.

Điều 2. Quyết định này được áp dụng từ năm học 2024 - 2025. Các Quyết định về xét, cấp học bổng khuyến khích học tập đã ban hành trước đây khác với Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Các đơn vị trực thuộc Học viện Hàng không Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

TS. Nguyễn Thị Hải Hằng

QUY ĐỊNH

VỀ XÉT, CẤP HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1871/QĐ/HVHK ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Giám đốc Học viện Hàng không Việt Nam)

Điều 0. Giải thích từ ngữ:

- Tổng học phí: là tổng số tiền học phí thu được của các học phần đăng ký mới trong kỳ xét, cấp học bổng.
- Tổng học phí của ngành: là tổng số tiền học phí thu được của các học phần đăng ký mới của khóa học, hệ đào tạo và ngành học.
- Tổng tiền cấp học bổng của ngành: là 8% tổng học phí của ngành.
- Học bổng: là học bổng khuyến khích học tập.
- Chỉ tiêu học bổng: là số lượng chỉ tiêu học bổng phân bổ cho khóa học, hệ đào tạo và ngành học.
- Tổng chỉ tiêu học bổng: là số lượng chỉ tiêu học bổng trong kỳ xét, cấp học bổng.
- Giá trị học bổng: là số tiền học bổng mà sinh viên sẽ nhận được.
- Điểm trung bình chung học kỳ: là điểm trung bình chung của tất cả các học phần mà sinh viên đăng ký trong học kỳ. Không bao gồm các học phần Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng an ninh, chương trình đào tạo thứ 2 và các học phần được bảo lưu, học lại, thi lại, học cải thiện và các học phần sinh viên được miễn điểm, chuyển điểm.

Điều 1. Quy định chung về Học bổng

1. Quỹ học bổng hình thành từ nguồn học phí và được bố trí tối thiểu bằng 8% (tám phần trăm) tổng học phí.
2. Mức Học bổng có 3 loại:
 - **Học bổng loại Khá:** bằng 100% giá trị của học bổng;

- **Học bổng loại Giỏi:** bằng 110% giá trị của học bổng;
- **Học bổng loại Xuất sắc:** bằng 120% giá trị của học bổng.

3. Tổng tiền cấp học bổng của ngành và giá trị của từng loại học bổng được tính theo quy định của pháp luật hiện hành sẽ được công bố ở đầu học kỳ;

4. Thời gian xét, cấp học bổng được cấp theo từng học kỳ.

Điều 2. Đối tượng được xét, cấp Học bổng

- Sinh viên đại học, cao đẳng đang học trong thời gian thiết kế cho chương trình đào tạo của ngành đào tạo thứ nhất ở hình thức chính quy tại Học viện Hàng không Việt Nam.

- Không xét, cấp học bổng đối với sinh viên đang chịu hình thức kỷ luật từ mức khiển trách trở lên trong kỳ xét, cấp học bổng.

Điều 3. Xếp loại Học bổng

Loại học bổng	Kết quả học tập	Kết quả rèn luyện
KHÁ	Khá	Khá, Tốt, Xuất sắc
	Giỏi	Khá
	Xuất sắc	Khá
GIỎI	Giỏi	Tốt, Xuất sắc
	Xuất sắc	Tốt
XUẤT SẮC	Xuất sắc	Xuất sắc

Điều 4. Phân bổ tổng tiền cấp học bổng của ngành:

Việc phân bổ và công bố bổ tổng tiền cấp học bổng của ngành sẽ được thực hiện sau khi sinh viên hoàn thành việc đóng học phí trong kỳ. Tổng tiền cấp học bổng của ngành bằng tám phần trăm tổng học phí ngành.

Điều 5. Tiêu chuẩn và nguyên tắc xét, cấp học bổng

- Điểm trung bình chung học kỳ xét học bổng có kết quả từ Khá trở lên và không có điểm D, D+;

- Tổng số tín chỉ các học phần/môn học xét trong học kỳ từ 15 trở lên, ngoại trừ học kỳ 1 năm 1;

- Các học phần sinh viên đăng ký trong học kỳ phải nằm trong chương trình đào tạo của ngành mà sinh viên đang học. Không tính điểm những học phần nằm ngoài chương trình đào tạo của ngành mà sinh viên đang học.

- Kết quả rèn luyện trong kỳ tính học bổng từ Khá trở lên xác định theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đánh giá kết quả rèn luyện;

- Học bổng sẽ được cấp cho sinh viên theo thứ tự Xuất sắc, Giỏi, Khá cho đến khi hết tổng tiền cấp học bổng của ngành hoặc số tiền còn lại của tổng tiền cấp học bổng của ngành nhỏ hơn giá trị học bổng loại khá (công bố tại khoản 3 điều 1).

- Nếu số tiền còn lại của tổng tiền cấp học bổng của ngành lớn hơn hoặc bằng 50% học bổng loại khá, thì sẽ cấp thêm một suất học bổng nữa.

- Nếu có từ hai sinh viên trở lên có cùng mức học bổng bằng nhau ở chỉ tiêu cuối (gọi tắt là kết quả bằng nhau), thì sẽ căn cứ lần lượt vào điểm học tập (theo thang 4), điểm rèn luyện, điểm học tập (theo thang 10) để xét thứ tự ưu tiên; Nếu vẫn có kết quả bằng nhau thì Hội đồng sẽ quyết định.

Điều 6. Hội đồng xét cấp học bổng

1. Hội đồng xét, cấp học bổng được thành lập theo Quyết định của Giám đốc, có nhiệm vụ giúp Giám đốc thực hiện xét, cấp học bổng căn cứ quy định tại các điều, khoản của Quy định này.

2. Thành viên của Hội đồng xét cấp học bổng bao gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Một thành viên của Ban Giám đốc.

- Ủy viên thường trực: Trưởng phòng Tuyển sinh & Công tác Sinh viên.

- Các ủy viên của Hội đồng gồm đại diện các đơn vị: Phòng Đào tạo, Phòng Kế hoạch - Tài chính, Lãnh đạo các khoa và một số ủy viên khác thuộc các đơn vị có liên quan.

Điều 7. Quy trình xét, cấp Học bổng

1. Cuối mỗi học kỳ, Phòng Tuyển sinh và Công tác sinh viên tổng hợp kết quả học tập, rèn luyện của sinh viên (sau khi có kết quả học tập và kết quả rèn luyện), xét và công bố danh sách sinh viên đủ điều kiện cấp học bổng theo quy định tại Điều 5 của Quy định này, đồng thời giải quyết thắc mắc của sinh viên trong vòng 7 ngày kể từ ngày công bố;

2. Sau khi hết thời gian giải quyết thắc mắc, Phòng TS&CTSV tổng hợp danh sách xét, cấp học bổng đã điều chỉnh bổ sung, báo cáo Hội đồng xét, cấp học bổng quyết định danh sách sinh viên được cấp học bổng trong học kỳ;

3. Công bố danh sách chính thức sinh viên được cấp học bổng trong học kỳ. Phòng Kế hoạch – Tài chính có trách nhiệm chuyển trị giá học bổng vào tài khoản của sinh viên hoặc ghi nhận vào công nợ của sinh viên trên hệ thống.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Quy định này có hiệu lực thi hành từ năm học 2024 – 2025 trở đi.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh cần điều chỉnh, bổ sung các điều khoản của Quy định này, các đơn vị, cá nhân gửi ý kiến đóng góp bằng văn bản về Học viện thông qua Phòng Tuyển sinh & Công tác sinh viên để trình Giám đốc xem xét, quyết định.

Điều 9. Trách nhiệm thi hành

Các đơn vị, cá nhân có liên quan và sinh viên đang học tại Học viện Hàng không Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Số: 694/QĐ-HVHK

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**V/v ban hành Quy chế công tác khen thưởng và kỷ luật sinh viên
tại Học viện Hàng không Việt Nam**

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

*Căn cứ Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT ngày 05/04/2016
của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế công tác sinh viên đối
với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy;*

*Căn cứ Thông tư số 17/2017/TT-BLĐTBXH ngày 30/06/2017
của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội ban hành Quy chế công tác
học sinh, sinh viên trong trường trung cấp, trường cao đẳng;*

*Căn cứ Quyết định số 2321/QĐ-BGTVT ngày 30/10/2006 của
Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền
hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Học viện Hàng không Việt Nam;*

*Căn cứ Quy chế tổ chức hoạt động, Quy chế tài chính, Quy
chế chi tiêu nội bộ hiện hành của Học viện Hàng không Việt Nam,
Xét đề nghị của Trưởng phòng Tuyển sinh và Công tác sinh
viên,*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy chế công tác khen thưởng và kỷ luật sinh viên tại Học viện Hàng không Việt Nam.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Các quy định trước đây trái với quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Trưởng Phòng Tuyển sinh và Công tác sinh viên, trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, CTSV.

GIÁM ĐỐC
(Đã ký)

TS. Nguyễn Thị Hải Hằng

QUY CHẾ

Công tác khen thưởng và kỷ luật sinh viên tại Học viện Hàng không Việt Nam

(Ban hành kèm theo Quyết định số 694/QĐ-HVHK ngày 07 tháng 9 năm 2022 của Giám đốc Học viện Hàng không Việt Nam)

Chương I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về công tác khen thưởng và kỷ luật đối với sinh viên tại Học viện Hàng không Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với sinh viên Học viện Hàng không Việt Nam trình độ đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy và vừa làm vừa học.

Điều 3. Mục đích, yêu cầu

1. Đẩy mạnh tuyên truyền, chủ động phát hiện và biểu dương những gương điển hình trong sinh viên, đồng thời khuyến khích sự nỗ lực trong học tập và rèn luyện của sinh viên;
2. Xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm quy chế học đường;
3. Công tác khen thưởng, kỷ luật trong sinh viên phải bảo đảm đúng pháp luật, khách quan, công bằng, công khai, minh bạch, dân chủ.

Chương II. KHEN THƯỞNG

Điều 4. Nội dung khen thưởng

1. Khen thưởng đối với cá nhân và tập thể sinh viên đạt thành tích xứng đáng để biểu dương, khen thưởng.

2. Khen thưởng đối với sinh viên đạt thành tích Thủ khoa toàn Học viện và Thủ khoa ngành trong kỳ thi/xét tuyển sinh đầu vào.

3. Khen thưởng đối với sinh viên tốt nghiệp.

Việc khen thưởng được thực hiện thường xuyên, kịp thời, toàn diện đối với cá nhân, tập thể sinh viên đạt thành tích xứng đáng để biểu dương, khen thưởng.

Điều 5. Khen thưởng đối với cá nhân và tập thể sinh viên đạt thành tích xứng đáng để biểu dương, khen thưởng

Cá nhân, tập thể sinh viên đạt thành tích xứng đáng để biểu dương, khen thưởng thuộc các trường hợp sau:

1. Đạt giải trong các cuộc thi sáng tạo kỹ thuật, học thuật, văn hóa, văn nghệ, thể thao; có thành tích trong hoạt động nghiên cứu khoa học;

2. Đóng góp có hiệu quả trong công tác Đảng, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên, các hoạt động trong lớp, khoa, ký túc xá và các hoạt động xã hội khác;

3. Có thành tích trong việc thực hiện phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc, bảo đảm an ninh, trật tự trường học, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội, dũng cảm cứu người bị nạn, chống tiêu cực, tham nhũng;

4. Có thành tích xuất sắc trong các hoạt động tuyên truyền, giới thiệu, quảng bá, phát triển, nâng cao thương hiệu, uy tín của Học viện Hàng không Việt Nam;

5. Các thành tích đặc biệt khác.

Điều 6. Khen thưởng đối với sinh viên là Thủ khoa toàn Học viện và Thủ khoa ngành kỳ thi/xét tuyển sinh đầu vào

Sinh viên trúng tuyển trong kỳ thi/xét tuyển đầu vào của trường, đã làm thủ tục nhập học được khen thưởng danh hiệu Thủ khoa toàn Học viện và Thủ khoa ngành khi đạt được tiêu chuẩn sau:

1. Danh hiệu Thủ khoa toàn Học viện: Sinh viên có điểm thi/xét tuyển cao nhất toàn Học viện (không tính điểm thưởng);
2. Danh hiệu Thủ khoa ngành: Sinh viên có điểm thi/xét tuyển cao nhất ngành dự thi (không tính điểm thưởng).

Điều 7. Khen thưởng đối với sinh viên tốt nghiệp

1. Các điều kiện chung để xét khen thưởng đối với sinh viên tốt nghiệp:

- Sinh viên không chịu mức kỷ luật nào trong toàn khóa học;
- Sinh viên không bị hạ bậc khi xét tốt nghiệp;
- Sinh viên đã được công nhận và đủ điều kiện cấp bằng tốt nghiệp có điểm trung bình học tập tích lũy từ giỏi trở lên và điểm rèn luyện từ tốt trở lên;
- Sinh viên tốt nghiệp đúng hoặc trước thời gian thiết kế chương trình đào tạo.

2. Tiêu chuẩn, danh hiệu khen thưởng đối với sinh viên tốt nghiệp:

a) Danh hiệu tốt nghiệp Thủ khoa khóa, Thủ khoa ngành đào tạo.

Danh hiệu tốt nghiệp Thủ khoa toàn khóa được xét toàn khóa học đối với sinh viên đạt kết quả học tập cao nhất khóa và xếp loại rèn luyện từ loại tốt trở lên.

Danh hiệu tốt nghiệp Thủ khoa ngành đào tạo được xét theo từng ngành học, khóa học đối với sinh viên đạt kết quả học tập cao nhất và xếp loại rèn luyện từ loại tốt trở lên.

Trong trường hợp sinh viên có Điểm học tập bằng nhau và xếp loại rèn luyện giống nhau thì sẽ xét đến số điểm rèn luyện; nếu số điểm rèn luyện cũng bằng nhau thì công nhận đồng Thủ khoa.

b) Danh hiệu sinh viên tốt nghiệp Xuất sắc và Giỏi

Danh hiệu sinh viên tốt nghiệp Xuất sắc: xếp loại học tập toàn khóa xuất sắc và xếp loại rèn luyện toàn khóa xuất sắc.

Danh hiệu sinh viên tốt nghiệp Giỏi: xếp loại học tập toàn khóa từ giỏi trở lên và xếp loại rèn luyện toàn khóa từ tốt trở lên.

c) Các trường hợp đặc biệt sẽ do Hội đồng khen thưởng và kỷ luật sinh viên xem xét và quyết định.

Điều 8. Trình tự, thủ tục xét khen thưởng

1. Căn cứ vào thành tích đạt được trong học tập và rèn luyện của sinh viên và căn cứ theo đề nghị của các đơn vị, các tổ chức đoàn thể có liên quan trong Học viện, Phòng Tuyển sinh và Công tác sinh viên lập danh sách cá nhân, tập thể sinh viên đạt thành tích xứng đáng để biểu dương, khen thưởng, trình Hội đồng khen thưởng và kỷ luật sinh viên.

2. Hội đồng khen thưởng và kỷ luật sinh viên họp xét và đề nghị Giám đốc công nhận danh hiệu đối với cá nhân, tập thể lớp sinh viên.

Điều 9: Hình thức khen thưởng

1. Danh hiệu Thủ khoa toàn khóa, Thủ khoa ngành tuyển sinh; tốt nghiệp Thủ khoa toàn khóa, Thủ khoa ngành; sinh viên tốt nghiệp Xuất sắc, sinh viên tốt nghiệp Giỏi, sinh viên tiêu biểu: giấy khen và phần thưởng (nếu có).

2. Các danh hiệu khác: giấy khen và phần thưởng (nếu có) theo Quy chế chi tiêu nội bộ của Học viện.

Trường hợp đạt nhiều danh hiệu, sinh viên được nhận danh hiệu cao nhất và phần thưởng cao nhất.

Chương III. KỶ LUẬT

Điều 10. Hình thức kỷ luật và nội dung vi phạm

1. Những sinh viên có hành vi vi phạm thì tùy tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi vi phạm có thể được nhắc nhở, phê bình hoặc phải chịu một trong các hình thức kỷ luật sau:

a) Khiển trách: Áp dụng đối với sinh viên có hành vi vi phạm lần đầu nhưng ở mức độ nhẹ;

b) Cảnh cáo: Áp dụng đối với sinh viên đã bị khiển trách mà tái phạm hoặc vi phạm ở mức độ nhẹ nhưng hành vi vi phạm có tính chất thường xuyên hoặc mới vi phạm lần đầu nhưng mức độ nghiêm trọng;

c) Đình chỉ học tập có thời hạn: Áp dụng đối với những sinh viên đang trong thời gian bị cảnh cáo mà vẫn vi phạm kỷ luật hoặc vi phạm nghiêm trọng các hành vi sinh viên không được làm. Tùy từng trường hợp cụ thể, Giám đốc căn cứ vào quy chế đào tạo để quyết định thời hạn đình chỉ học tập theo các mức: đình chỉ một học kỳ, đình chỉ một năm học

d) Buộc thôi học: Áp dụng đối với sinh viên đang trong thời gian bị đình chỉ học tập mà vẫn tiếp tục vi phạm kỷ luật hoặc vi phạm lần đầu nhưng có tính chất và mức độ vi phạm đặc biệt nghiêm trọng, gây ảnh hưởng xấu đến cơ sở giáo dục đại học và xã hội; vi phạm pháp luật bị xử phạt tù giam.

2. Hình thức kỷ luật của sinh viên từ cảnh cáo trở lên được lưu vào hồ sơ quản lý sinh viên và thông báo cho gia đình sinh viên. Trường hợp sinh viên bị kỷ luật mức đình chỉ học tập có thời hạn hoặc buộc thôi học, Học viện gửi thông báo cho địa phương và gia đình sinh viên biết để phối hợp quản lý, giáo dục.

3. Nội dung vi phạm và khung xử lý kỷ luật thực hiện theo Phụ lục kèm theo Quy chế này.

Điều 11. Trình tự, thủ tục và hồ sơ xét kỷ luật

1. Thủ tục xét kỷ luật

a) Sinh viên có hành vi vi phạm phải làm bản tường trình, bản tự kiểm điểm và tự nhận hình thức kỷ luật. Trong trường hợp sinh viên không chấp hành làm bản tường trình, bản tự kiểm điểm thì Hội đồng khen thưởng và kỷ luật sinh viên vẫn họp để xử lý trên cơ sở các chứng cứ thu thập được;

b) Cố vấn học tập/GVCN chủ trì họp với tập thể lớp sinh viên, phân tích và đề nghị hình thức kỷ luật gửi Khoa/Bộ môn xem xét;

c) Khoa/Bộ môn xem xét, kiến nghị hình thức kỷ luật và đề nghị Hội đồng khen thưởng và kỷ luật sinh viên Học viện xem xét xử lý;

d) Hội đồng khen thưởng và kỷ luật sinh viên Học viện tổ chức họp xét đề kỷ luật, thành phần bao gồm: các thành viên của Hội đồng, cố vấn học tập/GVCN, đại diện tập thể lớp sinh viên có sinh viên vi phạm và sinh viên có hành vi vi phạm. Sinh viên vi phạm kỷ luật đã được mời mà không đến tham dự (nếu không có lý do chính đáng), không có bản tự kiểm điểm thì Hội đồng vẫn tiến hành họp và thêm khuyết điểm thiếu ý thức tổ chức kỷ luật. Hội đồng kiến nghị áp dụng hình thức kỷ luật, đề nghị Giám đốc Học viện ra quyết định kỷ luật bằng văn bản, ghi rõ hình thức và thời gian thi hành kỷ luật.

2. Hồ sơ xử lý kỷ luật của sinh viên gồm có:

a) Bản tường trình, bản tự kiểm điểm (nếu có);

b) Biên bản họp của tập thể lớp sinh viên họp kiểm điểm sinh viên có hành vi vi phạm;

d) Biên bản họp Hội đồng khen thưởng và kỷ luật sinh viên Học viện,

đ) Các tài liệu có liên quan khác.

Điều 12. Chấm dứt hiệu lực của quyết định kỷ luật

1. Đối với sinh viên bị kỷ luật khiển trách

Sau 03 tháng kể từ ngày có quyết định kỷ luật, nếu sinh viên không tái phạm hoặc không có những vi phạm đến mức phải xử lý kỷ

luật thì đương nhiên được chấm dứt hiệu lực của quyết định kỷ luật và được hưởng quyền lợi của sinh viên kể từ ngày quyết định kỷ luật chấm dứt hiệu lực.

2. Đối với sinh viên bị kỷ luật cảnh cáo

Sau 06 tháng kể từ ngày có quyết định kỷ luật, nếu sinh viên không tái phạm hoặc không có những vi phạm đến mức phải xử lý kỷ luật thì đương nhiên được chấm dứt hiệu lực của quyết định kỷ luật và được hưởng quyền lợi của sinh viên kể từ ngày quyết định kỷ luật chấm dứt hiệu lực.

3. Đối với trường hợp đình chỉ học tập có thời hạn

Khi hết thời hạn đình chỉ, sinh viên phải xuất trình chứng nhận của địa phương (cấp xã, phường, thị trấn) nơi cư trú về việc chấp hành nghĩa vụ công dân tại địa phương để Học viện xem xét, tiếp nhận vào học tiếp nếu đủ điều kiện.

Điều 13. Cơ cấu tổ chức và nhiệm vụ của Hội đồng khen thưởng và kỷ luật sinh viên

1. Cơ cấu tổ chức

- Chủ tịch: Giám đốc hoặc Phó Giám đốc phụ trách đào tạo
- Ủy viên thường trực: Trưởng phòng Tuyển sinh và Công tác sinh viên
- Thư ký: Chuyên viên phụ trách công tác khen thưởng, kỷ luật
- Các ủy viên gồm: Trưởng phòng Đào tạo, Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Trường, Trưởng Khoa có sinh viên vi phạm. Tùy nội dung, đối tượng vi phạm, Hội đồng có thể mời thêm Trưởng các đơn vị liên quan, cố vấn học tập/GVCN, đại diện lớp sinh viên dự họp.

Giám đốc Học viện ra quyết định thành lập Hội đồng và quy định cụ thể về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức và hoạt động của Hội đồng khen thưởng và kỷ luật sinh viên.

2. Nhiệm vụ của Hội đồng khen thưởng và kỷ luật

a) Hội đồng khen thưởng và kỷ luật sinh viên có nhiệm vụ tư vấn giúp Giám đốc triển khai công tác khen thưởng, kỷ luật đối với sinh viên;

b) Căn cứ các quy định hiện hành, trên cơ sở đề nghị của Khoa/Bộ môn, Hội đồng khen thưởng và kỷ luật sinh viên tiến hành xét cá nhân và tập thể lớp sinh viên có thành tích/vi phạm kỷ luật đề nghị Giám đốc ra quyết định khen thưởng/ kỷ luật.

Điều 14. Quyền khiếu nại về khen thưởng, kỷ luật

Cá nhân và tập thể nếu xét thấy các hình thức khen thưởng và kỷ luật không thoả đáng có quyền khiếu nại lên Giám đốc; nếu cấp Học viện đã xem xét nhưng chưa thoả đáng có thể khiếu nại lên cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Chương IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Điều khoản thi hành

Quy chế này thay thế cho các quy định về khen thưởng, kỷ luật sinh viên đã được ban hành trước đây.

Phòng Tuyển sinh và Công tác Sinh viên có trách nhiệm bổ sung quy chế này vào Sổ tay sinh viên, đồng thời phổ biến rộng rãi quy chế này đến sinh viên.

Trong quá trình thực hiện, các cá nhân và đơn vị liên quan, Khoa/Bộ môn có những vướng mắc thì kịp thời báo cáo Giám đốc để xem xét bổ sung cho phù hợp.

PHỤ LỤC						
Một số nội dung vi phạm và khung xử lý kỷ luật sinh viên						
(Kèm theo Quyết định số 694/QĐ-HVHK ngày 07 tháng 09 năm 2022 của Giám đốc Học viện Hàng không Việt Nam)						
TT	Nội dung vi phạm	Số lần vi phạm và hình thức xử lý (Số lần tính trong cả khóa học)				Ghi chú
		Khiển trách	Cảnh cáo	Đình chỉ có thời hạn	Buộc thôi học	
1	Đến muộn giờ học, giờ thực tập; nghỉ học không phép hoặc quá phép					Tùy theo mức độ vi phạm: Trừ 5-10 điểm rèn luyện.
2	Mất trật tự, làm việc riêng trong giờ học, giờ thực tập và tự học					Tùy theo mức độ vi phạm: Trừ 5-10 điểm rèn luyện.
3	Vô lễ với thầy, cô giáo và CBVC Học viện					Tùy theo mức độ, xử lý từ khiển trách đến buộc thôi học
4	Học thay hoặc nhờ người khác học thay					Tùy theo mức độ, xử lý từ khiển trách đến buộc thôi học
5	Thi, kiểm tra thay, hoặc nhờ thi, kiểm tra thay; làm thay, nhờ làm hoặc sao chép tiểu luận, đồ án, khóa luận tốt nghiệp			Lần 1	Lần 2	
6	Tổ chức học, thi, kiểm tra thay; tổ chức làm thay tiểu luận, đồ án, khóa luận tốt nghiệp				Lần 1	Tùy theo mức độ có thể giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật

7	Mang tài liệu vào phòng thi, đưa đề thi ra ngoài nhờ làm thay, ném tài liệu vào phòng thi, vẽ bậy vào bài thi; bỏ thi không có lý do chính đáng và các hình thức gian lận khác trong học tập, thi, kiểm tra					Đình chỉ thi, hạ điểm rèn luyện xuống bậc Trung bình.
8	Cố tình chậm nộp hoặc không nộp học phí, bảo hiểm y tế theo quy định của Học viện mà không có lý do chính đáng.					Tùy theo mức độ, xử lý từ nhắc nhở, khiển trách đến buộc thôi học
9	Làm hư hỏng tài sản trong KTX và các tài sản khác của Học viện					Tùy mức độ xử lý từ khiển trách đến buộc thôi học và phải bồi thường thiệt hại
10	Uống rượu, bia trong giờ học; say rượu, bia khi đến lớp.	Lần 1	Lần 2	Lần 3	Lần 4	
11	Hút thuốc lá trong giờ học, phòng họp, phòng thí nghiệm và nơi cấm hút thuốc theo quy định					Từ lần 3 trở lên, xử lý từ khiển trách đến cảnh cáo
12	Đánh bạc dưới mọi hình thức	Lần 1	Lần 2	Lần 3	Lần 4	Tùy mức độ có thể giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định pháp luật
13	Tàng trữ, lưu hành, truy cập, sử dụng sản phẩm văn hóa đồi trụy hoặc tham gia các hoạt động mê tín dị đoan, hoạt động tôn giáo trái phép	Lần 1	Lần 2	Lần 3	Lần 4	Nếu nghiêm trọng giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật
14	Buôn bán, vận chuyển, tàng trữ, lôi kéo người khác sử dụng ma túy				Lần 1	Giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật

15	Sử dụng ma túy					Xử lý theo quy định về xử lý sinh viên liên quan đến ma túy.
16	Chứa chấp, môi giới mại dâm				Lần 1	Giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật
17	Lấy cắp tài sản, chứa chấp, tiêu thụ tài sản do lấy cắp mà có					Tùy theo mức độ xử lý từ cảnh cáo đến buộc thôi học. Nếu nghiêm trọng, giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật
18	Chứa chấp, buôn bán vũ khí, chất nổ và hàng cấm theo quy định của Nhà nước.				Lần 1	Giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật
19	Đưa phần tử xấu vào trong Học viện, KTX gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự trong Học viện.					Tùy theo mức độ xử lý từ cảnh cáo đến buộc thôi học
20	Đánh nhau, tổ chức hoặc tham gia tổ chức đánh nhau		Lần 1	Lần 2	Lần 3	Nếu nghiêm trọng, giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật
21	Kích động, lôi kéo người khác biểu tình, viết truyền đơn, áp phích trái pháp luật			Lần 1	Lần 2	Nếu nghiêm trọng, giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật
22	Tham gia biểu tình, tụ tập đông người, khiếu kiện trái quy định của pháp luật	Lần 1	Lần 2	Lần 3	Lần 4	Nếu nghiêm trọng, giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật

23	Đăng tải, bình luận, chia sẻ bài viết, hình ảnh có nội dung dung tục, bạo lực, đồi trụy, xâm phạm an ninh quốc gia, chống phá Đảng và Nhà nước, xuyên tạc, vu khống, xúc phạm uy tín của tổ chức, danh dự và nhân phẩm của cá nhân trên mạng Internet.					Tùy theo mức độ, xử lý từ khiển trách đến buộc thôi học. Nếu nghiêm trọng, giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật
24	Có hành động quấy rối, dâm ô, xâm phạm nhân phẩm, đời tư của người khác					Tùy theo mức độ, xử lý từ khiển trách đến buộc thôi học. Nếu nghiêm trọng, giao cho cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật.
25	Vi phạm các quy định về an toàn giao thông					Tùy theo mức độ, xử lý từ khiển trách đến buộc thôi học
26	Các vi phạm khác					Tùy theo mức độ, Học viện xem xét, nhắc nhở, phê bình, trừ Điểm rèn luyện hoặc xử lý kỷ luật từ khiển trách đến buộc thôi học.
27	Sinh viên thi hộ hoặc nhờ người thi hộ			Lần 1	Lần 2	Sinh viên thi hộ hoặc nhờ người thi hộ đều bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập 01 năm đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ hai
28	Người học sử dụng hồ sơ, văn bằng, chứng chỉ giả làm điều kiện trúng tuyển hoặc điều kiện tốt nghiệp				Lần 1	Người học sử dụng hồ sơ, văn bằng, chứng chỉ giả làm điều kiện trúng tuyển hoặc điều kiện tốt nghiệp sẽ bị buộc thôi học; văn



						bằng tốt nghiệp nếu đã được cấp sẽ bị thu hồi, hủy bỏ.
--	--	--	--	--	--	--

Số: 129/QĐ-HVHK

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 03 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên Học viện Hàng không Việt Nam trình độ đại học và cao đẳng hệ chính quy

Căn cứ Quyết định số 2321/QĐ-BGTVT ngày 30/10/2006 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Học viện Hàng không Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 16/2015/TT-BGDĐT ngày 12/08/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của người học được đào tạo trình độ đại học chính quy;

Căn cứ quyết định số 54/2008/QĐ-LĐTBXH ngày 19/05/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về ban hành quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của người học hệ chính quy trong cơ sở dạy nghề;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tuyển sinh và Công tác sinh viên;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên Học viện Hàng không Việt Nam trình độ đại học và cao đẳng hệ chính quy.

Điều 2. Quyết định này được áp dụng từ năm học 2022-2023 và thay thế quyết định số 891A/QĐ-HVHK ngày 05/09/2016 của Giám đốc Học viện Hàng không Việt Nam.

Điều 3. Phòng Tuyển sinh và Công tác sinh viên, Phòng Đào tạo, các Phòng, Khoa liên quan và Sinh viên đang theo học tại Học viện chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, CTSV.

GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

TS. Nguyễn Thị Hải Hằng

QUY CHẾ

Ban hành Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên Học viện Hàng không Việt Nam trình độ đại học và cao đẳng hệ chính quy

(Ban hành kèm theo quyết định số 129/QĐ-HVHK ngày 11 tháng 03 năm 2022 của Giám đốc Học viện hàng không Việt Nam)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định việc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên được đào tạo trình độ đại học và cao đẳng hệ chính quy (sau đây gọi chung là sinh viên) của Học viện Hàng không Việt Nam (sau đây gọi là Học viện), bao gồm: Đánh giá kết quả rèn luyện và khung điểm; Phân loại và quy trình đánh giá; Tổ chức đánh giá và sử dụng kết quả; Tổ chức thực hiện.

Điều 2. Nguyên tắc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên

1. Thực hiện nghiêm túc quy trình và các tiêu chí đánh giá được quy định tại quy chế này; đảm bảo khách quan, công khai, công bằng, chính xác.
2. Đảm bảo yếu tố bình đẳng, dân chủ, tôn trọng quyền làm chủ của người được đánh giá.
3. Phối hợp đồng bộ, chặt chẽ các bộ phận, các đơn vị có liên quan trong Học viện tham gia công tác đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên.

Điều 3. Nội dung đánh giá và thang điểm

1. Xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên là đánh giá ý thức, thái độ của sinh viên theo các mức điểm đạt được trên các mặt:

- a) Ý thức tham gia học tập;
- b) Ý thức chấp hành nội quy, quy chế, quy định trong Học viện;
- c) Ý thức tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội;
- d) Ý thức công dân trong quan hệ cộng đồng;
- đ) Ý thức và kết quả tham gia công tác cán bộ lớp, các đoàn thể, tổ chức khác trong Học viện hoặc sinh viên đạt được thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện.

2. Điểm rèn luyện được đánh giá bằng thang điểm 100.

Chương II

CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VÀ KHUNG ĐIỂM

Điều 4. Đánh giá về ý thức tham gia học tập

1. Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá:

- a) Ý thức và thái độ trong học tập;
- b) Ý thức và thái độ tham gia các câu lạc bộ học thuật, các hoạt động học thuật, hoạt động ngoại khóa, hoạt động nghiên cứu khoa học;
- c) Ý thức và thái độ tham gia các kỳ thi, cuộc thi;
- d) Tinh thần vượt khó, phấn đấu vươn lên trong học tập;
- đ) Kết quả học tập.

2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 20 điểm.

Điều 5. Đánh giá về ý thức chấp hành nội quy, quy chế, quy định trong Học viện

1. Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá:

a) Ý thức chấp hành các văn bản chỉ đạo của ngành Giáo dục, của Bộ Giao thông vận tải, của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội được thực hiện trong Học viện;

b) Ý thức chấp hành các nội quy, quy chế và các quy định khác được áp dụng trong Học viện.

2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 25 điểm.

Điều 6. Đánh giá về ý thức tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội

1. Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá:

a) Ý thức và hiệu quả tham gia các hoạt động rèn luyện về chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao;

b) Ý thức tham gia các hoạt động công ích, tình nguyện, công tác xã hội;

c) Tham gia tuyên truyền, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội.

2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 20 điểm.

Điều 7. Đánh giá về ý thức công dân trong quan hệ cộng đồng

1. Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá:

a) Ý thức chấp hành và tham gia tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong cộng đồng;

b) Ý thức tham gia các hoạt động xã hội có thành tích được ghi nhận, biểu dương, khen thưởng;

c) Có tinh thần chia sẻ, giúp đỡ người thân, người có khó khăn, hoạn nạn.

2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 25 điểm.

Điều 8. Đánh giá về ý thức và kết quả khi tham gia công tác cán bộ lớp, các đoàn thể, tổ chức tại Học viện hoặc sinh viên đạt được thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện

1. Các tiêu chí để xác định điểm đánh giá:

a) Ý thức, tinh thần, thái độ, uy tín và hiệu quả công việc của sinh viên được phân công nhiệm vụ quản lý lớp, các tổ chức Đảng, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên và các tổ chức khác tại Học viện;

b) Kỹ năng tổ chức, quản lý lớp, quản lý các tổ chức Đảng, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên và các tổ chức khác tại Học viện;

c) Hỗ trợ và tham gia tích cực vào các hoạt động chung của lớp, tập thể, khoa.

d) Sinh viên đạt được các thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện.

2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 10 điểm.

Chương III

PHÂN LOẠI ĐÁNH GIÁ VÀ QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN

Điều 9. Phân loại kết quả rèn luyện

1. Kết quả rèn luyện được phân thành các loại: xuất sắc, tốt, khá, trung bình, yếu và kém.

2. Phân loại kết quả rèn luyện:

- a) Từ 90 đến 100 điểm: loại xuất sắc;
- b) Từ 80 đến dưới 90 điểm: loại tốt;
- c) Từ 65 đến dưới 80 điểm: loại khá;
- d) Từ 50 đến dưới 65 điểm: loại trung bình;
- đ) Từ 35 đến dưới 50 điểm: loại yếu;
- e) Dưới 35 điểm: loại kém.

Điều 10. Phân loại để đánh giá

1. Trong thời gian sinh viên bị kỷ luật mức khiển trách, khi đánh giá kết quả rèn luyện không được vượt quá loại khá.

2. Trong thời gian sinh viên bị kỷ luật mức cảnh cáo, khi đánh giá kết quả rèn luyện không được vượt quá loại trung bình.

3. Sinh viên bị kỷ luật mức đình chỉ học tập không được đánh giá rèn luyện trong thời gian bị đình chỉ.

4. Sinh viên bị kỷ luật mức buộc thôi học không được đánh giá kết quả rèn luyện.

5. Sinh viên hoàn thành chương trình học và tốt nghiệp chậm so với quy định của khóa học thì tiếp tục được đánh giá kết quả rèn luyện trong thời gian đang hoàn thành bổ sung chương trình học và tốt nghiệp, tùy thuộc vào nguyên nhân để quy định mức đánh giá rèn luyện tại kỳ bổ sung.

6. Sinh viên khuyết tật, tàn tật, mồ côi cả cha lẫn mẹ hoặc cha hoặc mẹ, hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn có xác nhận của địa phương theo quy định đối với những hoạt động rèn luyện không có khả năng tham gia hoặc đáp ứng yêu cầu chung thì được ưu tiên, động viên, khuyến khích, cộng điểm khi đánh giá kết quả rèn luyện qua sự



nỗ lực và tiến bộ của người học tùy thuộc vào đối tượng và hoàn cảnh cụ thể.

7. Sinh viên nghỉ học tạm thời được bảo lưu kết quả rèn luyện sẽ được đánh giá kết quả rèn luyện khi tiếp tục trở lại học tập theo quy định.

8. Sinh viên đồng thời học hai chương trình đào tạo sẽ được đánh giá kết quả rèn luyện tại ngành thứ nhất và lấy ý kiến nhận xét của quản lý ngành thứ hai làm căn cứ, cơ sở để đánh giá thêm. Trường hợp chương trình ngành thứ nhất đã hoàn thành thì lãnh đạo Khoa của chương trình thứ hai sẽ tiếp tục đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên.

9. Sinh viên chuyển trường được sự đồng ý của lãnh đạo Học viện và lãnh đạo cơ sở giáo dục đại học nơi chuyển đi hoặc đến thì được bảo lưu kết quả rèn luyện cũ khi học tại cơ sở giáo dục đại học mới và tiếp tục được đánh giá kết quả rèn luyện ở các học kỳ tiếp theo.

Điều 11. Quy trình đánh giá kết quả rèn luyện

1. Sinh viên căn cứ vào kết quả rèn luyện của bản thân, tự đánh giá theo mức điểm chi tiết trong biểu mẫu (phụ lục 1) trên trang sinh viên.

2. Tổ chức họp lớp có cố vấn học tập tham gia, tiến hành xem xét và thông qua mức điểm tự đánh giá của từng sinh viên trên cơ sở các minh chứng xác nhận kết quả và phải được quá nửa ý kiến đồng ý của tập thể đơn vị lớp và phải có biên bản kèm theo.

Cố vấn học tập xác nhận kết quả, duyệt kết quả của sinh viên trên hệ thống phần mềm và chuyển kết quả lên Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên cấp Khoa.

3. Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên cấp Khoa thông qua, duyệt kết quả của sinh viên trên hệ thống phần mềm và

trình kết quả lên Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của người học cấp Học viện.

4. Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên cấp Học viện họp xét, thống nhất trình Giám đốc xem xét và quyết định công nhận kết quả.

5. Kết quả đánh giá, phân loại rèn luyện của người học phải được công bố công khai và thông báo cho người học biết trước 10 ngày trước khi ban hành quyết định chính thức.

Chương IV

TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ VÀ SỬ DỤNG KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

Điều 12. Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện

1. Học viện ban hành Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên và chấm dứt hoạt động khi Hội đồng ban hành Quyết định công nhận kết quả của sinh viên chính thức.

2. Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên cấp Học viện

a) Thẩm quyền thành lập

Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên cấp Học viện do Giám đốc ký Quyết định thành lập.

b) Thành phần Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên cấp Học viện bao gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Giám đốc hoặc Phó Giám đốc được Giám đốc ủy quyền.

- Thường trực Hội đồng: Trưởng phòng Tuyển sinh và Công tác sinh viên.



- Các ủy viên: Đại diện Lãnh đạo các khoa, phòng (ban) có liên quan, đại diện Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên cấp Học viện.

c) Nhiệm vụ của Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên cấp Học viện:

- Tư vấn giúp Giám đốc xem xét, công nhận kết quả rèn luyện của từng sinh viên và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Giám đốc.

3. Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên cấp Khoa

a) Thẩm quyền thành lập

Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên cấp Khoa do Giám đốc Học viện ra quyết định thành lập theo đề xuất danh sách nhân sự của Khoa.

b) Thành phần Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên cấp Khoa gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: Trưởng khoa hoặc Phó trưởng khoa được Trưởng khoa ủy quyền.

- Các ủy viên: Trợ lý theo dõi công tác quản lý sinh viên; cố vấn học tập; đại diện Liên chi đoàn Thanh niên (Đoàn Khoa); Chi hội hoặc Liên chi Hội Sinh viên, Ban cán sự lớp.

c) Nhiệm vụ của Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên cấp Khoa:

- Giúp Trưởng khoa xem xét, đánh giá chính xác, công bằng, công khai và dân chủ kết quả rèn luyện của từng sinh viên trong khoa.

- Căn cứ vào các quy định hiện hành, trên cơ sở đề nghị của các Trưởng khoa, tiến hành xem xét, đánh giá kết quả rèn luyện của từng khoa, đề nghị Giám đốc công nhận.

Điều 13. Thời gian đánh giá

1. Việc đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên được tiến hành định kỳ theo học kỳ, toàn khóa.

2. Điểm rèn luyện của học kỳ là tổng điểm đạt được của 5 nội dung đánh giá chi tiết của Học viện.

3. Điểm rèn luyện toàn khóa học là trung bình cộng của điểm rèn luyện các học kỳ của khóa học.

Điều 14. Sử dụng kết quả

1. Kết quả đánh giá rèn luyện từng học kỳ của sinh viên được lưu trong hồ sơ quản lý sinh viên của trường, được sử dụng trong việc xét duyệt học bổng, xét khen thưởng - kỷ luật, xét thôi học, ngừng học, xét lưu trú ký túc xá, xét giải quyết việc làm thêm, xét miễn giảm chi phí, dịch vụ và sinh hoạt trong ký túc xá và các ưu tiên khác tùy theo quy định của Học viện.

2. Kết quả đánh giá rèn luyện toàn khóa học của sinh viên được lưu trong hồ sơ sinh viên của Học viện, làm căn cứ để xét thi tốt nghiệp, làm luận văn hoặc khóa luận tốt nghiệp.

3. Kết quả đánh giá rèn luyện toàn khóa học được ghi chung vào bảng điểm kết quả học tập và lưu trong hồ sơ của sinh viên khi tốt nghiệp ra trường.

4. Sinh viên bị xếp loại rèn luyện yếu, kém trong hai học kỳ liên tiếp thì phải tạm ngừng học ít nhất một học kỳ ở học kỳ tiếp theo và nếu bị xếp loại rèn luyện yếu, kém hai học kỳ liên tiếp lần thứ hai thì sẽ bị buộc thôi học.

Điều 15. Quyền khiếu nại

Sinh viên có quyền khiếu nại về việc đánh giá kết quả rèn luyện

1. Khiếu nại về chi tiết điểm từng hoạt động của học kỳ đang xét.

2. Khiếu nại về kết quả đánh giá điểm rèn luyện học kỳ chậm nhất 10 ngày kể từ ngày ra thông báo dự thảo đánh giá điểm rèn luyện.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Tổ chức thực hiện

1. Phòng Tuyển sinh và Công tác sinh viên là đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện và đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên đào tạo trình độ đại học và cao đẳng hệ chính quy thuộc Học viện.

2. Các đơn vị phòng, khoa có liên quan phối hợp, hỗ trợ với phòng Tuyển sinh và Công tác sinh viên trong thực hiện công tác đánh giá điểm rèn luyện của sinh viên.

3. Phòng Tuyển sinh và Công tác sinh viên tham mưu Giám đốc xem xét quyết định đối với các trường hợp đặc biệt (nếu có).

4. Kết quả thực hiện công tác đánh giá điểm rèn luyện của các Khoa và cổ vấn học tập các lớp là một trong những tiêu chuẩn để xem xét, đánh giá hoàn thành nhiệm vụ.

GIÁM ĐỐC

(đã ký)

Nguyễn Thị Hải Hằng

Phụ lục

(Ban hành kèm theo quyết định số 129/QĐ-HVHK ngày 11 tháng 03 năm 2022 của Giám đốc Học viện hàng không Việt Nam)

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM



PHIẾU ĐÁNH GIÁ ĐIỂM RÈN LUYỆN SINH VIÊN

Học kỳ: Năm học:

Lớp:....., Khoa:

Họ và tên:.....

MSSV:.....

Sinh viên tham gia hoạt động và hoàn thành công việc ở học kỳ nào thì tính điểm ở học kỳ đó, 01 hoạt động sinh viên chỉ được tính điểm cho 01 tiêu chí và chỉ tính cho thành tích cao nhất.

1. Đánh giá về ý thức tham gia học tập.

TT	Nội dung	Điểm	Minh chứng/ Diễn giải	Điểm đánh giá		
				SV (01)	Lớp (02)	Khoa (03)
1.1 Điểm cộng: Khung tối đa + 20 điểm						
1.1.1	Đi học chuyên cần, đúng giờ, nghiêm túc trong giờ học; chuẩn bị bài tốt, đóng góp ý kiến xây dựng bài	5đ				
1.1.2	Thành viên các câu lạc bộ, đội nhóm về học thuật, nghiên cứu khoa học... *Thành viên: 1đ * Thành viên tích cực: 2đ	2đ				
1.1.3	Tham dự các buổi hội thảo, tọa đàm, báo cáo chuyên đề, huấn luyện kỹ năng, khảo sát đánh giá, sinh hoạt, giao lưu, trao đổi... về học tập, nghiên cứu khoa học.	2đ/lần				
1.1.4	Tham gia các cuộc thi học thuật trong và ngoài trường (Dự thi, được BTC xác nhận)	2đ/lần				
1.1.5	Thành viên đội tuyển học thuật, thành viên BTC các cuộc thi học thuật	5đ/lần				
1.1.6	Đạt giải cuộc thi học thuật cấp Học viện	6đ/giải				
1.1.7	Thực hiện nghiên cứu khoa học: - Bảo vệ đề tài đề cấp khoa - Bảo vệ đề tài cấp Học viện	5đ 6đ 10đ				

	- Bảo vệ đề tài cấp Thành, Bộ					
1.1.8	Có bài viết được đăng báo, tạp chí, kỷ yếu hội nghị, hội thảo, tham luận, báo cáo chuyên đề liên quan đến hoạt động học thuật	4đ/bài				
1.1.9	Kết quả học tập HKI: (Thang điểm 4) Khá: 2,50-3,19đ = 1đ Giỏi: 3,20-3,59đ = 3đ Xuất sắc: 3,60-4,00 = 5đ	5đ				
1.1.10	Đánh giá của lớp về tinh thần vượt khó, phấn đấu vươn lên trong học tập; ý thức tham gia các hoạt động, sinh hoạt học tập, thảo luận do lớp tổ chức.	2đ				
1.2 Điểm trừ: Khung – 20 điểm						
1.2.1	Bị xử lý kỷ luật trong các kỳ thi kết thúc học phần: - Khiển trách - Cảnh cáo - Đình chỉ thi	-5đ -10đ -15đ				
1.2.2	Không thực hiện các khảo sát, đánh giá về học tập theo quy định của Học viện	- 5đ				
1.2.3	Có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến công tác tổ chức các hoạt động học thuật, học tập. (Tùy vào mức độ gây ảnh hưởng, đề xuất điểm trừ)	-5đ				
Tổng điểm mục 1 (Không vượt khung 20 điểm)						

2. Đánh giá về ý thức chấp hành nội quy, quy chế, quy định

TT	Nội dung	Điểm	Minh chứng/ Diễn giải	Điểm đánh giá		
				SV	Lớp	Khoa
2.1 Điểm cộng: Khung + 25 điểm						
2.1.1	Ý thức chấp hành các văn bản chỉ đạo của ngành, của cơ quan chỉ đạo cấp trên được thực hiện trong cơ sở giáo dục đại học;	5đ				
2.1.2	Chấp hành các quy định, nội quy, quy chế trong Học viện	15đ				
2.1.3	Tham gia các buổi sinh hoạt lớp, chi đoàn, chi hội; các hoạt động do Khoa, lớp phân công...	5đ				
2.2 Điểm trừ: Khung – 25 điểm						
2.2.1	Không khai thông tin ngoại trú theo quy định (Học kỳ)	-10đ				

2.2.2	Vi phạm các quy định về an toàn giao thông	-10đ/lần				
2.2.3	Vi phạm nội quy Học viện: (Những hành vi chưa đến mức bị xử lý kỷ luật) - Không đeo băng tên khi đến Học viện - Trang phục không phù hợp khi đến Học viện - Gây ồn ào, mất trật tự làm ảnh hưởng đến giờ học - Uống rượu, hút thuốc lá trong khuôn viên Học viện - Lạm bẫn, mất vệ sinh dưới mọi hình thức, lên các trang thiết bị như: bàn, ghế, bảng viết, màn chiếu, trường, sân, cửa...; - Tự ý di chuyển trang thiết bị, tài sản ra khỏi vị trí đã sắp xếp, lắp đặt trong phòng. Đứng lên bàn ghế, leo trèo hoặc ngồi trên lan can, khung cửa sổ; - Sao in và phát hành các loại giáo trình, tài liệu học tập trái với các quy định của Học viện. (Số lượng dưới 10 quyển) <i>Những hành vi được quy định trong nội quy trường học tùy vào mức độ vi phạm, tái phạm sinh viên có thể bị xử lý kỷ luật ở mức cao hơn.</i>	-3đ/lần -5đ/lần -5đ/lần -5đ/lần -5đ/lần -10đ/lần -25đ/lần				
2.2.4	Vi phạm nội quy thư viện ở mức độ: Nhắc nhở, phê bình, khóa thẻ thư viện...	-5đ/lần				
2.2.5	Không thực hiện đúng quy định khi thực tập tại đơn vị được Học viện giới thiệu (tự ý bỏ thực tập, không tham gia thực tập mà không có lý do, vi phạm nội quy khi thực tập tại đơn vị...)	-20đ/lần				
2.2.6	Vi phạm không đóng học phí học kỳ đúng hạn.	-15đ/lần				
2.2.7	Không tham gia các buổi sinh hoạt được Học viện, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên triệu tập...	-10đ/lần				
Tổng điểm mục 2 (Không vượt khung 25 điểm)						

3. Đánh giá về ý thức tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội

TT	Nội dung	Điểm	Minh chứng/ Diễn giải	Điểm đánh giá		
				SV	Lớp	Khoa
3.1 Điểm cộng: Khung + 20 điểm						
3.1.1	Thành viên các câu lạc bộ, đội nhóm, đội tuyển, thành viên ban tổ chức các cuộc thi, các chương trình, phong trào hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, tình nguyện, công tác xã hội... *Thành viên: 1đ * Thành viên tích cực: 2đ	2đ				
3.1.2	Tham gia các hoạt động rèn luyện về chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao	3đ/lần				
3.1.3	Tham gia đầy đủ, đạt yêu cầu “Tuần sinh hoạt công dân sinh viên” (đánh giá chung cho cả hai học kỳ trong năm học)	10đ				
3.1.4	Đạt giải các cuộc thi, các giải phong trào hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao cấp khoa, cấp Học viện.	3đ/giải				
3.1.5	-Tham gia các hoạt động công ích, tình nguyện, công tác xã hội cấp Khoa, Câu lạc bộ đội nhóm, chia sẻ, giúp đỡ người thân, người có khó khăn, hoạn nạn: quyên góp, đi thăm, giúp đỡ người già trẻ em... (Có kế hoạch hoạt động cụ thể được đơn vị quản lý xét duyệt) -Tham gia tuyên truyền, phòng chống chống tội phạm và các tệ nạn xã hội. (Thành viên các đội, nhóm tuyên truyền có kế hoạch hoạt động cụ thể được đơn vị quản lý xét duyệt)	2đ/lần				
3.2 Điểm trừ: Khung – 20 điểm						
3.2.1	Đăng ký tham gia, dự thi các hoạt động rèn luyện về chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, nhưng tự ý bỏ cuộc (không có lý do)	- 2đ/lần				
3.2.2	Có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến công tác tổ chức các hoạt động (Tùy vào mức độ gây ảnh hưởng, BTC các hoạt động đề xuất điểm trừ)	-3đ/lần				
3.2.3	Tham gia đầy đủ, đạt yêu cầu “Tuần sinh hoạt công dân sinh viên” (đánh	-10đ				

	giả chung cho cả hai học kỳ trong năm học) (Vắng 01 lần (không có phép) bị trừ 02 điểm; Không tham gia bị trừ 10 điểm)					
Tổng điểm mục 3 (Không vượt khung 20 điểm)						

4. Đánh giá về ý thức công dân trong quan hệ cộng đồng

TT	Nội dung	Điểm	Minh chứng/ Diễn giải	Điểm đánh giá		
				SV	Lớp	Khoa
4.1 Điểm cộng: Khung điểm 25 điểm						
4.1.1	Chấp hành và tham gia tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong cộng đồng;	2đ				
4.1.2	Nhận thức về các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. (Thông qua kết quả điểm của bài thu hoạch tuần Công dân sinh viên)					
4.1.3	Tham gia các hoạt động công ích, tình nguyện, công tác xã hội cấp trường: Mua hè xanh, xuân tình nguyện, chiến dịch, các đợt hoạt động theo chủ điểm...(Thời gian hoạt động dài ngày)	8đ/lần				
4.1.4	Hoạt động giúp người, cứu người: Hiến máu nhân đạo, Các hoạt động giúp người cứu người được tập thể lớp, các tổ chức đoàn thể trong và ngoài Học viện công nhận...	8đ/lần				
4.1.5	Tham gia các hoạt động xã hội có thành tích được ghi nhận, biểu dương, khen thưởng;	7đ				
Tổng điểm mục 4 (Không vượt khung 25 điểm)						

5. Đánh giá về ý thức và kết quả khi tham gia công tác cán bộ lớp, các đoàn thể, tổ chức trong trường hoặc người học đạt được thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện

TT	Nội dung	Điểm	Minh chứng/ Diễn giải	Điểm đánh giá		
				SV	Lớp	Khoa
5.1 Điểm cộng: Khung điểm 10 điểm						
5.1.1	Hoàn thành nhiệm vụ được phân công quản lý lớp, các tổ chức Đảng, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên.	7đ				

5.1.2	- Các tổ chức Đảng, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên: đánh giá cán bộ đoàn thể hoàn thành tốt nhiệm vụ	3đ				
5.1.3	Sinh viên là Cộng tác viên của các tổ chức đoàn thể có nhiều đóng góp trong công tác tổ chức các hoạt động phong trào của Học viện. Được các tổ chức đoàn thể xác nhận đánh giá công nhận.	3đ				
5.2 Điểm thưởng: Khung điểm 10 điểm						
5.2.1	Sinh viên đạt giải thưởng nghiên cứu khoa học cấp Học viện và trên cấp Học viện	10đ				
5.2.2	Khen thưởng trong học tập, thi Olympic, các cuộc thi sinh viên giỏi các cấp.	10đ				
5.2.3	Thành viên đội tuyển Học viện tham gia các cuộc thi, hội thi từ cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên đạt thành tích cao (Giải A, B, C, hoặc I, II, III, khuyến khích).	10đ				
5.2.4	Sinh viên được biểu dương, khen thưởng từ cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên: trong công tác giữ gìn trật tự xã hội, đấu tranh bảo vệ pháp luật, cứu người;	10đ				
5.2.5	Có thành tích xuất sắc trong học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, đạt danh hiệu “Sinh viên tiêu biểu làm theo Bác” cấp Học viện	10đ				
5.2.6	Đạt danh hiệu “Sinh viên 5 tốt”; “Sao Tháng Giêng;”, “Thanh niên làm theo lời Bác” cấp Thành, cấp Trung ương.	10đ				
5.2.7	Sinh viên nhận giấy khen, bằng khen về công tác Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên, Hội Liên hiệp Thanh niên. - Cấp Học viện - Cấp Thành và Trung ương	5đ 10đ				
5.2.8	Tập thể lớp nhận giấy khen, bằng khen về công tác Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên, Hội Liên hiệp thanh niên. (công điểm cho tất cả sinh viên của lớp) - Cấp Học viện - Cấp Thành và Trung ương	2đ/SV 4đ/SV				
Tổng điểm mục 5 (Không vượt khung 10 điểm)						



Tổng cộng (mục 1 đến mục 5)			
------------------------------------	--	--	--

Điểm rèn luyện (sau khi thông qua tập thể lớp và giảng viên chủ nhiệm/cố vấn học tập): ..

Xếp loại kết quả rèn luyện (sau khi thông qua tập thể lớp và cố vấn học tập):

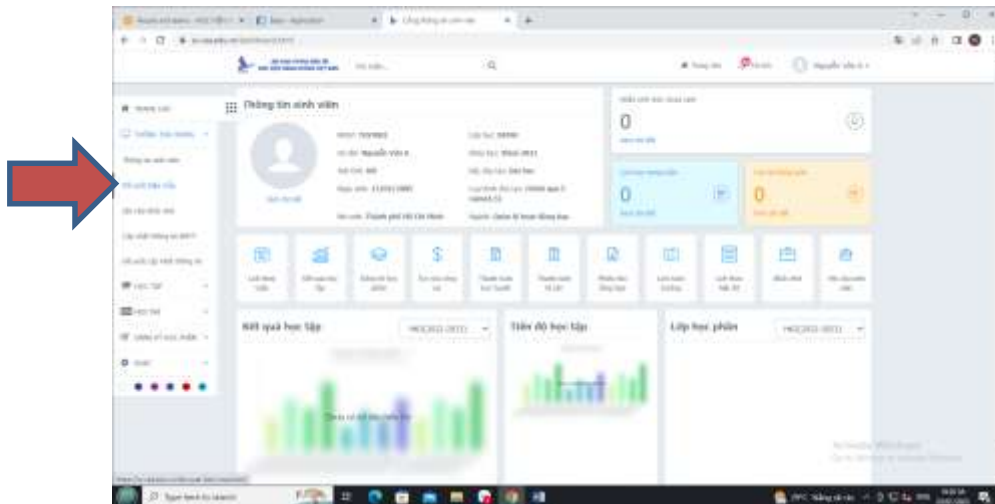
TP.HCM, ngày ... tháng ... năm 20...

XÁC NHẬN KHOA	XÁC NHẬN CVHT	BAN CÁN SỰ LỚP KÝ TÊN	SINH VIÊN KÝ TÊN
--------------------------------	--------------------------	----------------------------------	-----------------------------

HƯỚNG DẪN ĐỀ XUẤT BIỂU MẪU

Bước 1: Sinh viên đăng nhập tài khoản sinh viên

Bước 2: Vào mục THÔNG TIN CHUNG/ ĐỀ XUẤT BIỂU MẪU



Bước 3. Chọn biểu mẫu cần đề xuất

ĐỀ XUẤT BIỂU MẪU

HỌ TÊN: _____

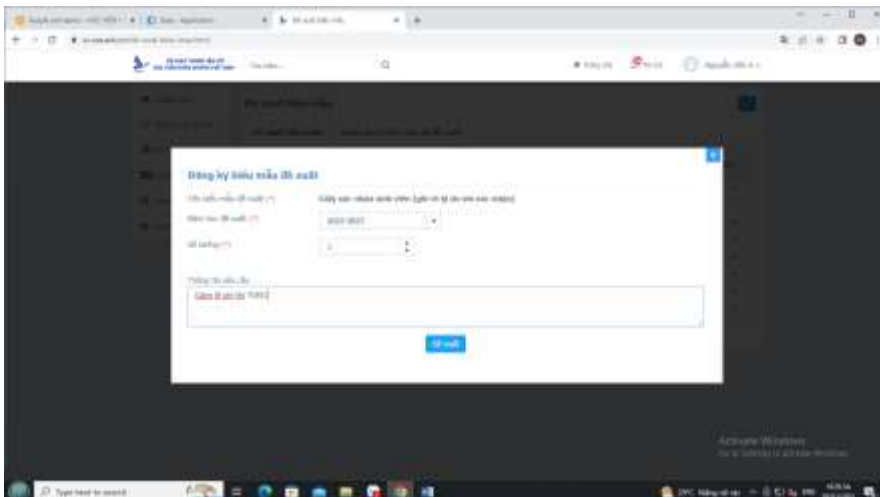
QUÂN QUẢN: _____

STT	Lý do (nếu có)	Trên gọi (nếu)
1	Học sinh gặp khó khăn về tài chính (Đúng sai)	
2	Học sinh gặp khó khăn về sức khỏe	
3	Học sinh gặp khó khăn về học tập	
4	Học sinh gặp khó khăn về gia đình	
5	Học sinh gặp khó khăn về xã hội	
6	Học sinh gặp khó khăn về khác	

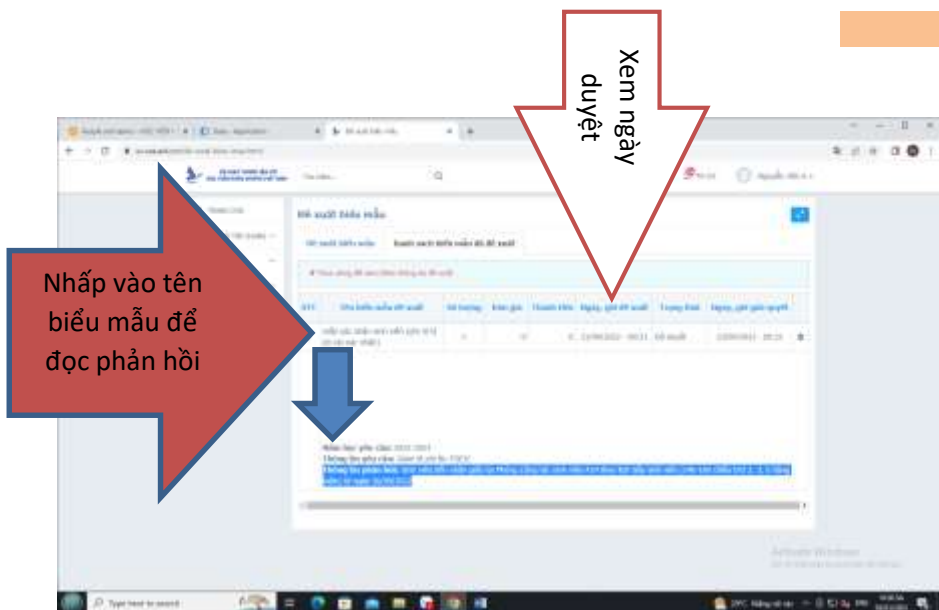
Ví dụ:

- Giấy xác nhận hoãn nghĩa vụ quân sự
- Giấy vay vốn sinh viên tại địa phương
- Giấy giới thiệu thực tập tại doanh nghiệp (Ghi rõ tên công ty/đơn vị thực tập trong ô thông tin yêu cầu)
- **Giấy xác nhận sinh viên (ghi rõ lý do xác nhận):** dành cho sinh viên có nhu cầu xin xác nhận là sinh viên đang học tại trường để bổ túc hồ sơ cá nhân, xin học bổng tại địa phương, thi TOEIC... hay các lý do khác. ...

Khi đề xuất biểu mẫu này, sinh viên cần nêu rõ lý do xin xác nhận để làm gì trong ô thông tin yêu cầu như ví dụ ở hình bên dưới..



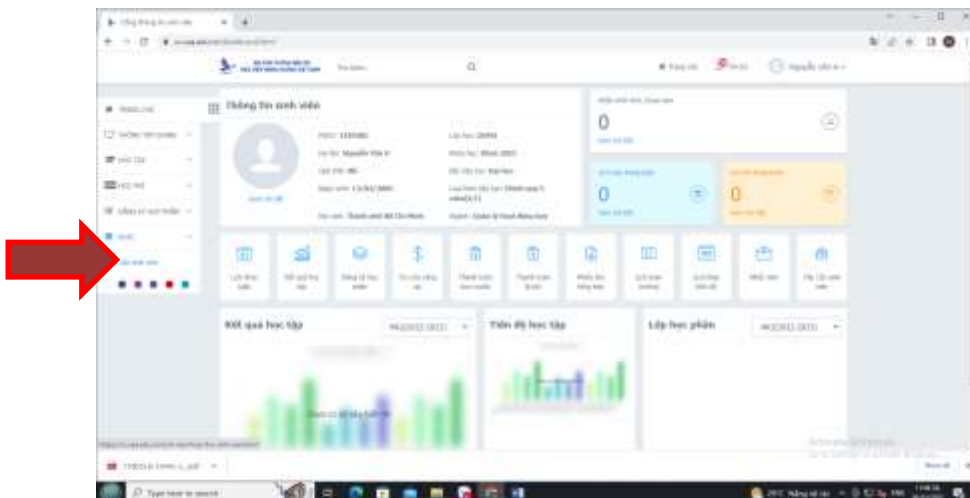
Bước 4. Sau khi đề xuất thành công, sinh viên kiểm tra trong thẻ: **DANH SÁCH BIỂU MẪU ĐÃ ĐỀ XUẤT**, khi được duyệt, sinh viên nhấp vào tên biểu mẫu đã được duyệt để xem phản hồi nơi nhận và thời gian nhận giấy.



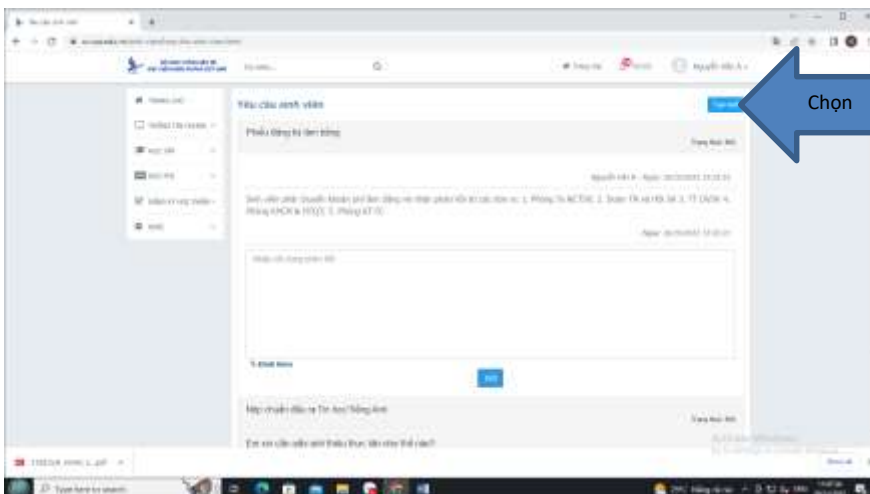
HƯỚNG DẪN ĐỀ XUẤT YÊU CẦU SINH VIÊN

Bước 1: Sinh viên đăng nhập tài khoản sinh viên

Bước 2: Vào mục **THÔNG TIN CHUNG/Khác/Yêu cầu sinh viên**



Bước 3: Chọn: **Tạo mới**

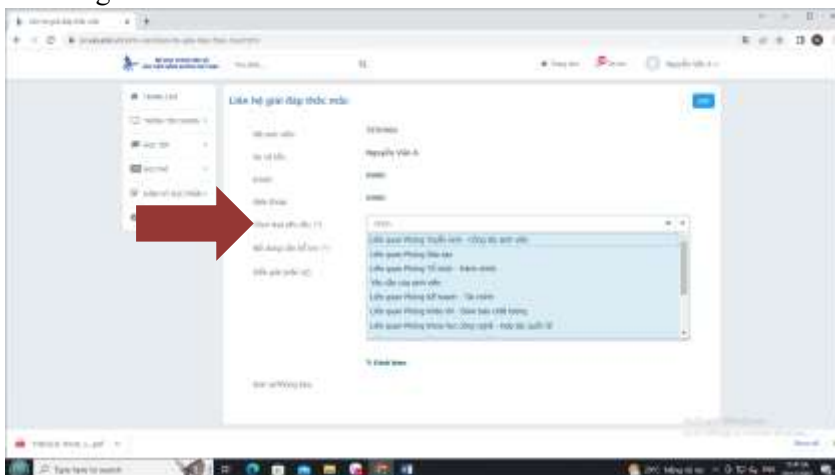


Bước 4: Chọn các danh mục cần yêu cầu

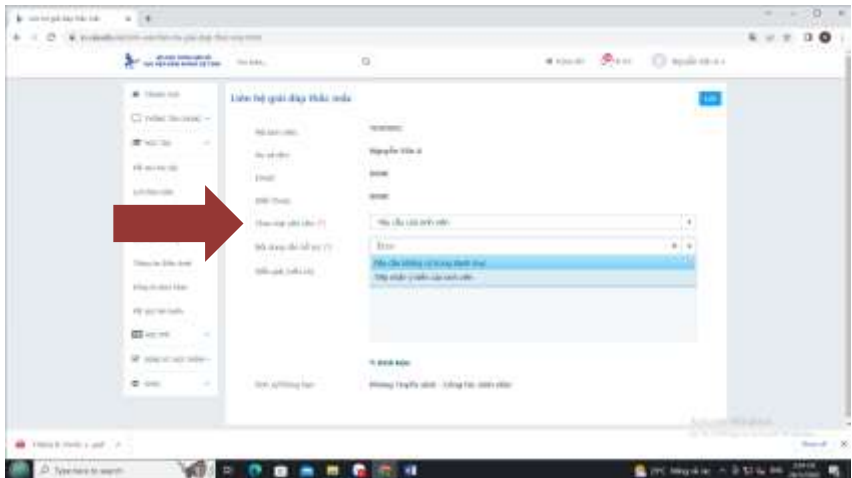
4.1. Chọn loại yêu cầu:

- Liên quan đến Phòng Tuyển sinh và công tác sinh viên (điện thoại liên hệ 028.38422199): các vấn đề liên quan đến hồ sơ sinh viên, điểm rèn luyện, học bổng khuyến khích học tập, sinh hoạt công dân, giấy xác nhận sinh viên...
- Liên quan đến Phòng Đào tạo (điện thoại liên hệ 028.38449242): đăng ký học phần, hủy/rút bớt học phần đã đăng ký, miễn/chuyển điểm, nộp chuẩn đầu ra, các vấn đề liên quan đến điểm, hoãn thi vì lý do bất khả kháng...
- Liên quan đến Phòng Quản lý và phát triển cơ sở vật chất: các vấn đề về bảo hiểm y tế, trang thiết bị, cơ sở vật chất. Cơ sở 1: 028.38420118, CS2: 028.38113075
- Liên quan đến Phòng Kế hoạch – Tài chính (điện thoại liên hệ 028.38424761): học phí, công nợ, các vấn đề liên quan đến tài chính...

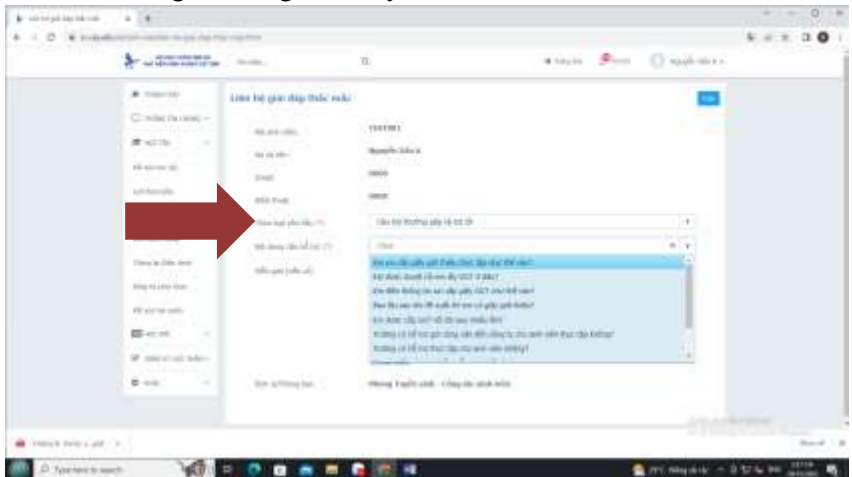
- Liên quan đến Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng (điện thoại liên hệ 028.39970592): phúc khảo điểm thi (trong mục Học tập/Đăng ký phúc khảo) và các vấn đề khác...
- Liên quan đến Phòng Khoa học công nghệ và Hợp tác quốc tế: thư viện, nghiên cứu khoa học sinh viên và các vấn đề khác...
- Liên quan đến Trung tâm Dịch vụ sinh viên: ký túc xá, bãi xe...
- Liên quan đến các Khoa chuyên môn: các vấn đề về chương trình học, thực tập, chuyên môn,...
- Các vấn đề khác: học phí, hủy học phần, phiếu đăng ký làm bằng...



- Các yêu cầu khác của sinh viên (không có trong danh mục trên)



- Các câu hỏi thường gặp và trả lời: sinh viên tra cứu để biết thêm thông tin trong mục này:



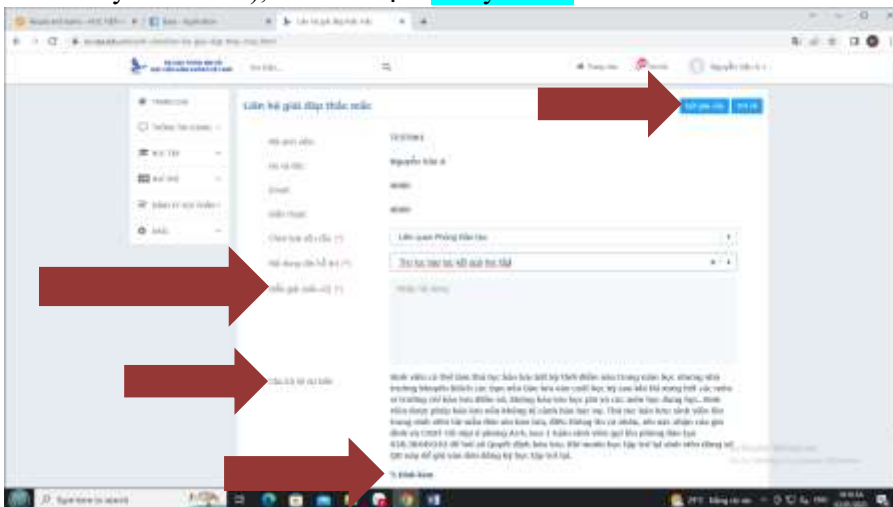
4.2. Chọn nội dung cần hỗ trợ:

(Sinh viên xem hướng dẫn hoặc phản hồi đối với các yêu cầu của mình chọn trong mục **Câu trả lời dự kiến**)

4.3. Diễn giải (nếu có):

nêu cụ thể vấn đề cần yêu cầu xử lý

Đính kèm file khi nộp các hồ sơ cần thiết (ví dụ nộp chuẩn đầu ra, miễn chuyển điểm...), sau đó chọn: **Gửi yêu cầu**



Trở về trang chủ để xem lại các yêu cầu đã gửi.

Bước 5: Kiểm tra thông tin phản hồi và giải quyết của các đơn vị, bổ sung hồ sơ nếu cần thiết.

LƯU Ý: Đối với các hồ sơ nộp online trong mục Yêu cầu sinh viên cần có đơn, sinh viên vào mục **Biểu mẫu** để tải mẫu đơn, điền thông tin, xin chữ ký của CVHT hoặc của các đơn vị có liên quan, chụp đơn và đính kèm trước khi gửi yêu cầu.

Phần 5: THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC DÀNH CHO SINH VIÊN

Điều 1. Trách nhiệm và quyền của sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học

1. Trách nhiệm của sinh viên

- a) Thực hiện các nghiên cứu khoa học một cách trung thực, nghiêm túc;
- b) Chịu trách nhiệm thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học dành cho sinh viên; tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, các hoạt động khoa học và công nghệ khác trong các cơ sở giáo dục đại học;
- c) Tuân thủ các quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ, hoạt động khoa học và công nghệ và các quy định khác của pháp luật hiện hành.

2. Quyền của sinh viên

- a) Được đề xuất, đăng ký thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học;
- b) Được tạo điều kiện sử dụng cơ sở vật chất và trang thiết bị sẵn có của Học viện để thực hiện hoạt động nghiên cứu;
- c) Được hỗ trợ kinh phí nghiên cứu khoa học theo định mức Quy chế chi tiêu nội bộ hằng năm;
- d) Được công bố, hỗ trợ công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí khoa học, kỷ yếu, các ấn phẩm khoa học và công nghệ khác trong và ngoài nước theo quy định;
- e) Được hỗ trợ đăng ký quyền sở hữu trí tuệ đối với các kết quả nghiên cứu theo quy định hiện hành;
- f) Được xem xét ưu tiên cộng điểm học tập, điểm rèn luyện; ưu tiên xét cấp học bổng và các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo quy định của cơ sở giáo dục đại học;
- g) Được hưởng các quyền lợi khác theo quy định.

Điều 2. Trách nhiệm và quyền của người hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học

1. Giảng viên, cán bộ nghiên cứu có trách nhiệm tham gia hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học và chịu trách nhiệm về nội dung của đề tài được phân công hướng dẫn, tuân thủ đầy đủ các nguyên tắc về đạo đức nghiên cứu và các quy định hiện hành.
2. Được tính giờ nghiên cứu khoa học theo quy định sau khi hoàn thành việc hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học.
3. Người hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học có kết quả xuất sắc, đạt các giải thưởng khoa học và công nghệ trong và ngoài nước hoặc các kết quả nghiên cứu được áp dụng, triển khai mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội được ưu tiên trong việc xét chọn danh hiệu thi đua các cấp và các hình thức khen thưởng khác.

Điều 3. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Sinh viên, người hướng dẫn sinh viên và các tổ chức, cá nhân có thành tích trong hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên được khen thưởng, đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét khen thưởng theo quy định hiện hành.
2. Tập thể, cá nhân vi phạm các quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên, tùy theo mức độ sai phạm phải chịu hình thức xử lý, kỷ luật theo quy định của cơ sở giáo dục đại học và các quy định hiện hành.

Điều 4. Hướng dẫn thực hiện đề tài NCKH của sinh viên

1. Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên gồm:

- a) Tổ chức triển khai thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học cho sinh viên;
- b) Tổ chức các hoạt động hỗ trợ kiến thức, bồi dưỡng nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ cho sinh viên;
- c) Tổ chức hội nghị, hội thảo và các diễn đàn khoa học; các cuộc thi ý tưởng, dự án khởi nghiệp dành cho sinh viên. Hướng dẫn, khuyến khích sinh viên tham gia các giải thưởng, triển lãm khoa học và công

nghệ, các cuộc thi, các diễn đàn học thuật trong và ngoài nước dành cho sinh viên;

d) Tổ chức các hoạt động truyền thông về khoa học và công nghệ nhằm nâng cao nhận thức đạo đức nghiên cứu, kiến thức về sở hữu trí tuệ cho sinh viên; giới thiệu các ý tưởng, dự án khởi nghiệp, kết quả nghiên cứu khoa học của sinh viên với các nhà đầu tư, các doanh nghiệp trong và ngoài nước;

e) Khen thưởng và đề xuất khen thưởng, biểu dương sinh viên, tập thể sinh viên và người hướng dẫn có thành tích xuất sắc trong hoạt động nghiên cứu khoa học; tôn vinh các tổ chức, cá nhân có nhiều đóng góp trong hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên;

f) Các hình thức hoạt động khoa học và công nghệ khác của sinh viên theo quy định hiện hành.

2. Quy định về nội dung nghiên cứu và Hội đồng nghiệm thu:

- Đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên có thể là một phần đề tài nghiên cứu khoa học các cấp của giảng viên, cán bộ nghiên cứu chủ trì hoặc là đề tài do sinh viên tự chọn.

- Mỗi sinh viên hay một nhóm sinh viên (không quá 5 sinh viên) thực hiện đề tài dưới sự hướng dẫn của giảng viên, cán bộ nghiên cứu hay nghiên cứu sinh.

- Đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên được Hội đồng khoa học Khoa nghiệm thu và cho điểm.

- Căn cứ kết quả nghiệm thu, Hội đồng khoa học Khoa chọn đề tài NCKH của sinh viên dự thi các giải thưởng “Sinh viên nghiên cứu khoa học” cấp thành phố.

- Hội đồng khoa học Khoa phải có từ 5-7 người, 2/3 là cán bộ khoa học, trong đó ít nhất phải có 2 phản biện (phản biện phải viết bằng văn bản), còn 1/3 là cán bộ quản lý NCKH.

3. Quy trình thực hiện :

- Sinh viên đăng ký đề tài tại Khoa thông qua giảng viên hướng dẫn (thời gian đăng ký tại Khoa chuyên môn: theo thông báo hàng

năm hàng năm, biểu mẫu đăng ký kèm theo của phòng KHCN&HTQT).

- Khoa chuyên môn chịu trách nhiệm tuyển chọn các đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên hàng năm nộp hồ sơ về phòng KHCN & HTQT gồm:

+ Danh mục các đề tài sinh viên được tuyển chọn.

+ Biên bản họp tuyển chọn đề tài của Khoa..

+ Phiếu đăng kí, Thuyết minh đề cương (dự toán kinh phí kèm theo), phiếu nhận xét đề cương của giảng viên Hướng dẫn của các đề tài.

- Phòng KHCN & HTQT dựa trên đề xuất của Khoa trình Giám đốc phê duyệt kinh phí.

- Sau khi có Quyết định triển khai thực hiện và Hợp đồng: Khoa tổ chức giám sát và nghiệm thu các đề tài đã được chọn theo tiến độ đã đăng ký trên đề cương đã được duyệt.

- Khoa tổ chức nghiệm thu đề tài sinh viên theo quy định.

- Sau khi có ý kiến của Hội đồng nghiệm thu đề tài, sinh viên hoàn thiện lại sản phẩm nghiên cứu và gửi kết quả về Khoa (02 bộ: file mềm và bản cứng).

- Sau khi nhận kết quả cuối cùng của đề tài NCKH sinh viên, Khoa gửi Hồ sơ đến phòng Khoa học Công nghệ và Hợp tác Quốc tế hồ sơ đề nghị thanh toán.

- Mỗi hồ sơ gồm:

+ 02 Bộ sản phẩm cuối cùng (file mềm và bản cứng).

+ Nhận xét, đánh giá và cho điểm của Hội đồng khoa học cấp Khoa (theo mẫu).

+ Biên bản nghiệm thu đề tài sinh viên cấp Khoa.

+ Phiếu nhận xét của 02 phản biện.

+ Phiếu đánh giá của thành viên hội đồng.

- Căn cứ vào kết quả nêu trên của Khoa gửi lên, Phòng KHCN & HTQT tiến hành thực hiện các thủ tục thanh toán kinh phí thực hiện đề tài đã được duyệt.

Phần 6: CÔNG TÁC HƯỚNG NGHIỆP – TƯ VẤN VIỆC LÀM

1. Công tác hướng nghiệp:

- Phòng Tuyển sinh và Công tác sinh viên là đơn vị tổ chức các hoạt động hướng nghiệp cho sinh viên trong toàn Học viện thông qua các buổi giao lưu hướng nghiệp của các đơn vị trong và ngoài ngành hàng không.
- Tổ chức tư vấn, hỗ trợ sinh viên về vị trí, việc làm phù hợp với khả năng, trình độ chuyên môn của từng cá nhân sau khi tốt nghiệp.

2. Công tác tư vấn việc làm:

- Cung cấp thông tin việc làm của các tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng lao động cho sinh viên, giới thiệu việc làm phù hợp cho sinh viên; giúp các tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng lao động lựa chọn lao động phù hợp với yêu cầu công việc.
- Tổ chức các buổi giao lưu, hội thảo, hội nghị, hội chợ việc làm cho sinh viên trong Học viện.
- Tổ chức các lớp bồi dưỡng ngắn hạn về kỹ năng và phương pháp làm việc nhằm trang bị cho sinh viên trước khi ra trường
- Trong các dịp cao điểm như hè, lễ tết... Học viện đã ký các biên bản thỏa thuận cung cấp lực lượng sinh viên làm việc bán thời gian tại sân bay. Khi có yêu cầu tuyển dụng việc làm bán thời gian từ các đơn vị Học viện sẽ thông báo thông qua các kênh truyền thông của Học viện. Sinh viên cần chuẩn bị bộ hồ sơ ứng tuyển và nộp hồ sơ nếu đạt yêu cầu.

3. Công tác khảo sát:

- Phòng Tuyển sinh và Công tác sinh viên là đơn vị xây dựng cơ sở dữ liệu về người học và chuẩn bị tốt nghiệp theo từng năm học để cung cấp cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu tuyển dụng lao động.
- Khảo sát, thống kê về tình hình việc làm của người học sau khi tốt nghiệp.

4. Công tác giới thiệu thực tập:



Học viện khuyến khích sinh viên chủ động liên hệ với doanh nghiệp để thực hiện học tập thực tập doanh nghiệp trong quá trình học tập. Sinh viên đề xuất Giấy giới thiệu thực tập trên tài khoản sinh viên và nhận giấy theo lịch hẹn (sinh viên nhập vào tên biểu mẫu đã duyệt, đọc và nhận giấy theo lịch trong phần phản hồi) để liên hệ với các công ty, đơn vị thực tập khi có nhu cầu.

Đối với các đơn vị trong ngành hàng không, Học viện hỗ trợ sinh viên liên hệ với các đơn vị, nếu các đơn vị đồng ý tiếp nhận thực tập, Học viện sẽ thông báo cho sinh viên thực tập theo thời gian và quy định của đơn vị và của Học viện.

Mọi thông tin về công tác sinh viên, công tác hướng nghiệp và tư vấn việc làm sinh viên liên hệ:

Phòng Tuyển sinh và Công tác sinh viên, Phòng A14

104 Nguyễn Văn Trỗi – Phường 8 – Quận Phú Nhuận

Tel: 028 – 38422199

Fanpage:

Bộ phận Quản lý sinh viên

Hướng nghiệp – tư vấn việc làm Học viện Hàng không

Phần 7: HƯỚNG DẪN ĐĂNG KÝ HỌC PHẦN TRỰC TUYẾN

1. Chọn đợt đăng ký và loại đăng ký

The screenshot shows a web interface with a blue header bar containing the text "NỘI DUNG CHI TIẾT". Below the header, there is a form with two main sections. The first section is labeled "Đợt đăng ký:" and has a dropdown menu currently set to "Đợt 1 năm 2012". The second section is labeled "Loại đăng ký:" and has two radio buttons: "Học mới" (which is selected) and "Học lại".

- Đợt đăng ký: đợt đăng ký tương ứng với học kỳ mà sinh viên muốn đăng ký môn học, căn cứ vào tiến độ đăng ký học phần và kế hoạch do Phòng đào tạo thông báo, Sinh viên tiến hành đăng ký đúng đợt quy định.

- Check chọn “Học mới”.

2. Chọn môn học phần đăng ký

The screenshot shows a web interface for selecting courses. At the top, there is a header bar with the text "Môn học phần chờ đăng ký". Below the header, there is a table with the following columns: STT, Mã HP, Tên học phần, TC, Bắt buộc, Học phần yêu cầu: học trước (a), tiên quyết (b), and Học phần tương đương. The table contains 5 rows of data. Row 1: STT 1, Mã HP 0201000048, Tên học phần Anh văn giao tiếp 2, TC 3, Bắt buộc (marked with a red X), Học phần yêu cầu: học trước (a) Thông tin học phần, Học phần tương đương. Row 2: STT 2, Mã HP 0201000319, Tên học phần Công nghệ may trang phục 1, TC 3, Bắt buộc (marked with a red X), Học phần yêu cầu: học trước (a) Mã học phần 0201000319, tiên quyết (b) Tên học phần Công nghệ may trang phục 1 (c), Học phần tương đương. Row 3: STT 3, Mã HP 0201000320, Tên học phần Công nghệ may trang phục 1 - Thực hành, TC 2, Bắt buộc (marked with a red X), Học phần yêu cầu: học trước (a) 0201000319(c), tiên quyết (b) , Học phần tương đương. Row 4: STT 4, Mã HP 0201001599, Tên học phần Đồ án thiết kế trang phục 2, TC 1, Bắt buộc (marked with a red X), Học phần yêu cầu: học trước (a) , tiên quyết (b) , Học phần tương đương. Row 5: STT 5, Mã HP 0201000565, Tên học phần Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, TC 3, Bắt buộc (marked with a red X), Học phần yêu cầu: học trước (a) 0201001040(a), tiên quyết (b) 0201001231(a), Học phần tương đương.

- Học phần yêu cầu: là những học phần yêu cầu sinh viên phải lưu ý trước khi đăng ký (SV rê chuột lên mã học phần yêu cầu để xem thông tin tên môn học) bao gồm 3 loại:

+ **Học phần trước (a)** là học phần mà sinh viên phải học xong (có thể chưa đạt) mới có điều kiện học tiếp học phần sau. Ví dụ: Học phần A là học phần trước của học phần B, điều kiện bắt buộc để đăng ký học học phần B là sinh viên được xác nhận học xong học phần A.

+ **Học phần tiên quyết (b)** là học phần mà sinh viên bắt buộc phải tích lũy (đạt yêu cầu) mới đủ điều kiện để tiếp thu kiến thức học phần sau. Ví dụ: Học phần A là tiên quyết của học phần B,

điều kiện bắt buộc để đăng ký học học phần B là sinh viên đã học hoàn tất học phần A và kết quả đạt yêu cầu.

+ **Học phần song hành (c)** là những học phần diễn ra trong cùng một thời gian. Ví dụ: Học phần A là học phần song hành với học phần B, điều kiện bắt buộc để đăng ký học học phần B là sinh viên đã đăng ký học phần A. Sinh viên được phép đăng ký học phần B vào cùng học kỳ đã đăng ký học phần A hoặc vào các học kỳ tiếp sau.

+ **Học phần tương đương:** là học phần sinh viên có quyền đăng ký thay thế cho một học phần khác. Ví dụ: Học phần A là học phần tương đương của B, nghĩa là trong trường hợp không tìm thấy học phần A, sinh viên có thể đăng ký học phần B, kết quả được xét giữa A hoặc B là tương đương nhau.

3. Chọn lớp học phần chờ đăng ký

	STT	Lớp học phần	Lớp dự kiến	Số tối đa đăng ký		Trạng thái
☒	1	020100004801	11CHL01	65	62	Đã khóa
☐	2	020100004805	10CTCHL02	60	6	Chỉ đăng ký
☐	3	020100004804	11CHL01	69	68	Chỉ đăng ký
☐	4	020100004802	11CHL01	65	64	Đã khóa
☐	5	020100004806	10CTCHL02	60	2	Chỉ đăng ký
☐	6	020100004803	11CHL01	68	68	Chỉ đăng ký

- **Lớp dự kiến:** là định hướng mở lớp học phần theo lớp danh nghĩa ban đầu, sinh viên căn cứ vào lớp dự kiến để đăng ký học phần thuận tiện hơn nhưng không phải là yếu tố bắt buộc lựa chọn.

- **Sĩ số:**

+ **Sĩ số tối đa:** là giới hạn số lượng sinh viên được phép đăng ký vào lớp học phần được chọn.

+ **Sĩ số đăng ký:** là số lượng sinh viên đã đăng ký vào lớp học phần được chọn.

- **Trạng thái:** quy định trạng thái hoạt động của lớp học phần được chọn bao gồm 5 trạng thái

1. Đăng lên kế hoạch: các đơn vị tiến hành lên lịch học cho lớp, SV chỉ đăng ký được khi môn học đã có lịch (thứ, từ tiết, đến tiết, ngày bắt đầu, kết thúc), trạng thái này SV chưa thể đăng ký.

2. Mở lớp: sinh viên được tự do đăng ký hoặc hủy đăng ký nhưng chưa thể đóng học phí.

3. Chỉ đăng ký: sinh viên chỉ được phép đăng ký vào nhưng không được rút tên ra khỏi lớp học phần đã đăng ký, sinh viên có thể đóng học phí tại phòng Kế toán.

4. Khóa lớp: sinh viên không được phép đăng ký vào và không được rút tên ra khỏi lớp học phần đã đăng ký, sinh viên phải đóng học phí tại phòng Kế toán, trong trường hợp đã đăng ký mà không đóng học phí, Sinh viên sẽ nhận điểm N (tương ứng điểm nợ) cho môn học đã đăng ký, ở học kỳ sau, khi đăng ký Sinh viên phải hoàn tất nghĩa vụ môn học nợ trước khi đăng ký học môn tiếp theo. Trong trường hợp có lý do chính đáng, sinh viên liên hệ P. Đào tạo để được giải quyết. Trạng thái này lớp học mới được nhập điểm.

5. Hủy lớp: Sinh viên không được phép đăng ký vào mà chỉ được rút tên ra khỏi danh sách lớp để đăng ký sang một lớp khác

- **Hạn nộp học phí lần 1 & lần 2:** quy định thời điểm kết thúc nộp học phí.

+ Nếu hết thời hạn nộp học phí lần 1 mà sinh viên chưa đóng học phí thì hệ thống sẽ hủy học phần đã đăng ký, để cho sinh viên khác có thể đăng ký.

+ Nếu hết thời hạn nộp học phí lần 2 mà sinh viên chưa đóng học phí thì hệ thống sẽ cập nhật học phần đã đăng ký thành điểm N, nghĩa là bị rớt và khi sinh viên đăng ký học lại môn này thì bắt buộc phải đóng học phí môn học phần bị điểm N thì mới được phép đăng ký học lại.

4. Xem thông tin chi tiết lớp học phần:

Thông tin chi tiết lớp học phần: 020100004801 Anh văn giao tiếp 2 - Đã khóa			
Chọn nhóm:	Nhóm 2	Sĩ số tối đa: 65	Sĩ số đăng ký: 62
Hạn nộp HP lần 1: 10-10-2012		Hạn nộp HP lần 2: 15-10-2012	
Lịch học	Phòng	Giảng viên	Thời gian
LT-Thứ 3(T13 -> T16)-Nhóm 2	V.208	Chu Quang Phê	23/10/2012 - 20/11/2012
LT-Thứ 5(T13 -> T16)-Nhóm 2	V.208	Chu Quang Phê	25/10/2012 - 22/11/2012

1. Click **Đăng ký** để hoàn tất đăng ký lớp học phần
2. Xem thống kê môn học đã đăng ký trong đợt học vừa chọn

Lớp học phần đã đăng ký trong học kỳ này										
STT	Mã LHP	Tên học phần	Số TC	Nhóm TH	Học phí	Hạn nộp lần 1	Hạn nộp lần 2	Thu	Trạng thái	Ngày đăng ký
1	020100004717	Anh văn giao tiếp 1	3		759.000			✓	Đăng ký mới	13-12-2012
2	020100058518	Giáo dục quốc phòng - Cao đẳng	9		270.000			✓	Đăng ký mới	26-09-2012
3	020100059218	Giáo dục thể chất 1	1		90.000			✓	Đăng ký mới	26-09-2012
4	020100059318	Giáo dục thể chất 2	1		90.000			✓	Đăng ký mới	26-09-2012
5	020100059418	Giáo dục thể	1		90.000			✓	Đăng ký	26-09-

- **Học phí:** số tiền sinh viên phải nộp cho từng học phần, số tiền này đã được miễn giảm (nếu có).
- **Thu:** thể hiện trạng thái thanh toán học phí của học phần: đã nộp, chưa nộp
- **Trạng thái:** là trạng thái đăng ký học phần của sinh viên bao gồm đăng ký mới, đăng ký học lại.
- **Ngày đăng ký:** thông tin ngày sinh viên đăng ký học phần.
- Trong trường hợp sinh viên muốn hủy học phần đã đăng ký thì chọn học phần cần hủy và click nút "Hủy".

Lưu ý: các trường hợp sau sẽ không được hủy học phần đã đăng ký, sinh viên cần liên hệ Phòng Đào tạo để được giải quyết.

1. Rơi vào trạng thái lớp: chỉ đăng ký, khóa lớp.
2. Học phần đã đóng học phí

Phần 8: HƯỚNG DẪN THANH TOÁN HỌC PHÍ TRỰC TUYẾN

Sinh viên nộp học phí trực tuyến và được thực hiện trên cổng thông tin dành cho Sinh viên qua các bước sau:

- **Bước 1:** Vào địa chỉ Website <http://sv.vaa.edu.vn>, đăng nhập bằng mã sinh viên.
- **Bước 2:** Vào mục **【 Thanh toán trực tuyến】** để xem công nợ học phí.
- **Bước 3:** Chọn các môn học cần Thanh toán.
- **Bước 4:** Chọn biểu tượng Vietinbank hoặc Bảo Kim để tiến hành thanh toán học phí.

LƯU Ý:

- Sinh viên thực hiện nộp học phí theo đúng hướng dẫn trên. Trong quá trình đóng học phí, sinh viên kiểm tra lại công nợ trên trang cá nhân mà vẫn còn nợ học phí thì sinh viên liên hệ đường dây nóng (hotline) **trong giờ hành chính** để được **giải quyết qua số điện thoại: 02838424761 hoặc 0944045122 (chị Mai - Vietinbank)** trong thời gian thông báo đóng học phí mỗi học kỳ.

- Để đảm bảo việc cập nhật học phí đúng thời gian quy định, sinh viên ***TUYỆT ĐỐI KHÔNG THỰC HIỆN CÁC PHƯƠNG THỨC ĐÓNG HỌC PHÍ KHÁC NGOÀI HƯỚNG DẪN TRÊN.***

- ***Đối với các trường hợp khó khăn chưa có khả năng nộp học phí theo đúng thời gian quy định, sinh viên đề xuất online (Mục Khác/Yêu cầu sinh viên/ Chọn Phòng Kế hoạch – Tài chính....) nộp đơn kèm theo minh chứng (Giấy xác nhận của địa phương nơi gia đình cư trú và các giấy tờ khác có giá trị pháp lý) để được gia hạn thời gian đóng học phí.***

- ***Học viện sẽ không nhận và không giải quyết bất kỳ đơn, thư nào liên quan đến vấn đề nộp học phí sau ngày hết hạn nộp học phí.***

Hướng dẫn thao tác sinh viên thanh toán học phí online

♦ **Mô tả:** Sinh viên đăng nhập thông tin (Mã sinh viên và Mật khẩu) thông qua cổng thông tin sinh viên và thực hiện đầy đủ các các thao tác theo hướng dẫn bên dưới để thanh toán học phí online

Đăng nhập vào cổng sinh viên

BIỂU MẪU TRA CỨU VB THÔNG BÁO

Đăng nhập

08

Biểu mẫu sinh viên năm 2020

Đăng nhập các biểu mẫu phục vụ học sinh - sinh viên năm 2020

XEM THÊM

Cổng thông tin sinh viên

Đăng nhập thông tin

Đăng nhập sinh viên

Mật khẩu sinh viên

Mã sinh viên

Đăng nhập

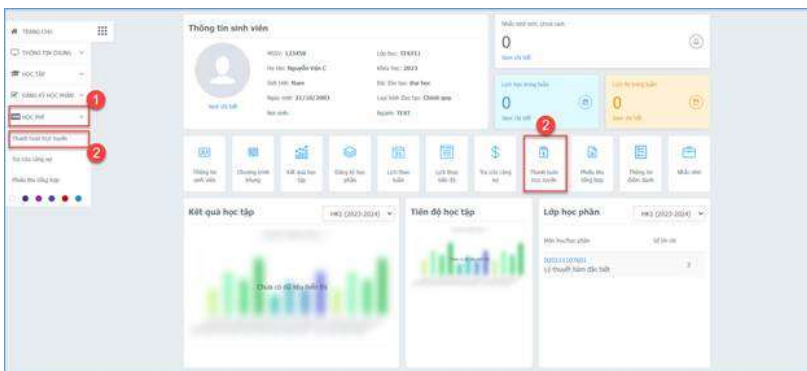
Hình 1

Bước 1: Nhập thông tin Mã sinh viên, mật khẩu và mã bảo mật

Bước 2: Chọn

Đăng nhập

1. Chọn chức năng “Thanh toán trực tuyến”

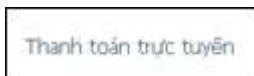


Hình 2

Bước 1: Chọn nhóm chức năng



Bước 2: Chọn chức năng



2. Thanh toán qua Vietinbank

2.1. Thanh toán quét mã QR-CODE

Thanh toán trực tuyến

STT	Mã	Nội dung thu	Tín chỉ	Bất buộc	Số tiền (VNĐ)
1	010100001604	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		1.640.000
Tổng thanh toán:					1.640.000

- Để thanh toán trực tuyến qua ngân hàng **thẻ ATM** phải đăng ký **Thanh toán online**.
- Vui lòng kiểm tra **HẠN HỨC THẺ** trước khi thanh toán.
- Xem hướng dẫn thanh toán **tại đây**.
- Để hủy giao dịch chờ ghi nợ, vui lòng bấm **vào đây**.
- Khuyến cáo thanh toán qua **QR-Code**, thẻ ATM nội địa.

Chọn ngân hàng thanh toán

THANH TOÁN QR-CODE

Hình 3

Bước 1: Check chọn các khoản thu học phí hay khoản thu ngoài học phí cần thanh toán trực tuyến

Bước 2: Chọn ngân hàng cần thanh toán trực tuyến (nếu chỉ có 1 ngân hàng thì không cần chọn)



Bước 3: Chọn chức năng

(Chú ý: thời gian quét mã trong vòng 15 phút, hết thời gian này sinh viên phải thực hiện lại bước thanh toán để gen lại mã mới)

Quét bằng ứng dụng ngân hàng để thanh toán



Bước 4: Thực hiện quét mã bằng App ngân hàng để thanh toán.

2.2. Kiểm tra phiếu thu đã thanh toán

Vào màn hình Phiếu thu trực tuyến để kiểm tra trạng thái giao dịch.

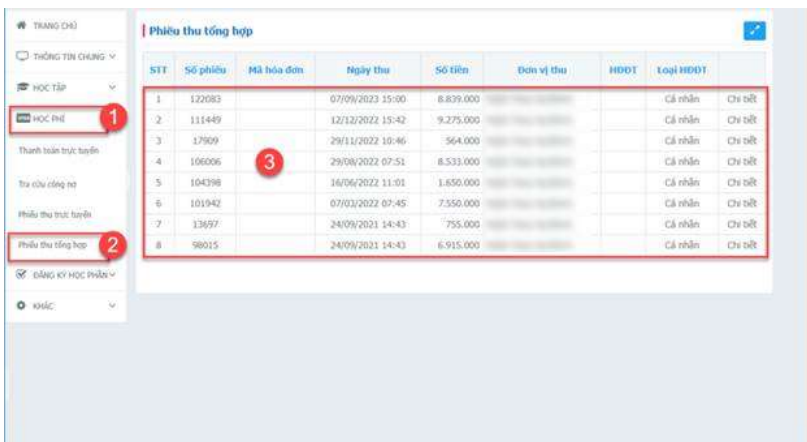
STT	Mã đơn	Nội dung thu	Số tiền (VND)	Ngày thanh toán	Đã thanh toán	Đã cập nhật công nợ	Trạng thái giao dịch
1	C295E605B709	Thu học phí	11.000	12/10/2023 11:02:41	☒	☒	Đang xử lý
2	81CS877975A1	Thu học phí	11.000	13/10/2023 14:55:01	☒	☒	Giao dịch đã hủy
3	1FE1ED2CAF4A	Thu học phí	11.000	13/10/2023 15:02:15	☒	☒	Giao dịch đã hủy
4	8883ACF4B626						Giao dịch đã hủy

Sinh viên xem được trạng thái giao dịch của mình đang xử lý, nếu giao dịch đó sinh viên chưa thực hiện thanh toán có thể click hủy giao dịch để tiếp tục thanh toán giao dịch mới => Các giao dịch thành công sẽ tự động trả trạng thái giao dịch là thành công

Hình 12: Kiểm tra phiếu thu đã thanh toán

Bước 1: Chọn menu “ Học phí” => Phiếu thu trực tuyến

Bước 2: Xem thông tin các giao dịch đã thực hiện hoặc hủy giao dịch nếu chưa thanh toán thành công để trả công nợ, sinh viên thực hiện thanh toán lại.



STT	Số phiếu	Mã hóa đơn	Ngày thu	Số tiền	Đơn vị thu	HĐĐT	Loại HĐĐT
1	122083		07/09/2023 15:00	6.839.000			Cả nhân Chi trả
2	111449		12/12/2022 15:42	9.275.000			Cả nhân Chi trả
3	17909		29/11/2022 10:46	564.000			Cả nhân Chi trả
4	106006		29/08/2022 07:51	8.533.000			Cả nhân Chi trả
5	104398		16/06/2022 11:01	1.650.000			Cả nhân Chi trả
6	101942		07/03/2022 07:45	7.550.000			Cả nhân Chi trả
7	13697		24/09/2021 14:43	755.000			Cả nhân Chi trả
8	98015		24/09/2021 14:43	6.915.000			Cả nhân Chi trả

Hình 13: Xem phiếu thu đã được thanh toán

Bước 1: Chọn menu “ Học phí” => Phiếu thu tổng hợp

Bước 2: Xem thông tin các phiếu thu sinh viên đã thanh toán đến thời điểm hiện tại.



Hình 14: Màn hình chức năng xem chi tiết .

Bước 1: Chọn menu “ Học phí” => Phiếu thu tổng hợp =>

Click 

Bước 2: Xem chi tiết nội dung các khoản đã thanh toán từng phiếu thu.

(Sinh viên có thể in phiếu thu tại màn hình chi tiết.)

1. Thanh toán qua BAOKIM

Thanh toán trực tuyến

Đơn: Tất cả

☒	Mã	Nội dung thu	Tin chỉ	Bắt buộc	Số tiền (VNĐ)
☒	1	THESV	Thu phí làm thẻ sinh viên	☒	50.000
☒	2	BIAS	Thu phí bi hồ sơ	☒	12.000
☒	3	010100000501	Vat ly đại cương	☒	10.000
☒	4	010100000115	Tong quan ve Hang khong dan dung	☒	15.000
☒	5	010100051004	Kien truc may tinh	☒	10.000
☒	6	010100001531	Giao duc quoc phong- an ninh	☒	1.650.000

Tổng thanh toán: 1.747.000

1. Để thanh toán trực tuyến qua ngân hàng **thẻ ATM** phải đăng ký **Thanh toán online**.
2. Vui lòng kiểm tra **HẠN MỨC THẺ** trước khi thanh toán.
3. Xem hướng dẫn thanh toán **tại đây**.
4. Để hủy giao dịch chờ gạch nợ, vui lòng bấm **vào đây**.
5. Khuyến cáo thanh toán qua các loại thẻ ATM nội địa, QR-Code.

Chọn ngân hàng thanh toán

backim Vietcombank AGRIBANK

THANH TOÁN QR CODE **THANH TOÁN**

Hình 3

Bước 1: Check chọn các khoản thu học phí hay khoản thu ngoài học phí cần thanh toán trực tuyến

Bước 2: Chọn ngân hàng cần thanh toán trực tuyến (nếu chỉ có 1 ngân hàng thì không cần chọn)

Bước 3: Chọn chức năng

THANH TOÁN

Bước 4: Hoặc chọn thanh toán bằng quét mã QRCode thực hiện chuyển khoản các ngân hàng được hỗ trợ.

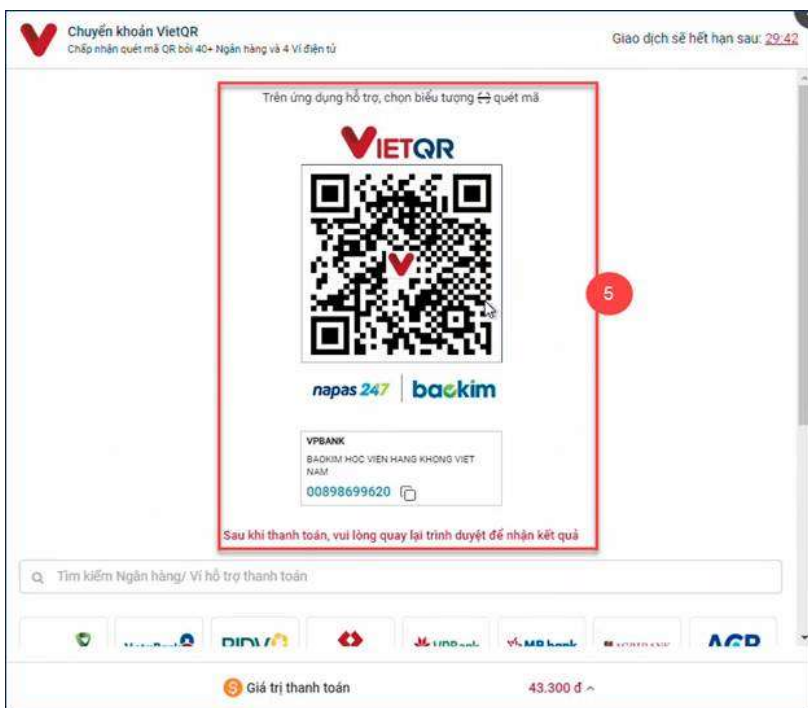
3.1. Nhập thông tin thẻ ngân hàng thanh toán:

3.1.1. Thanh toán quét mã QRCode

- **Bước 1: Chọn Chuyển khoản VietQR**
- **Bước 2: Dùng app ngân hàng, ví điện tử(momo, zalopay) để quét chuyển khoản**



Hình 4



Hình 5

3.1.2. Thanh toán bằng thẻ ATM

Bước 1: Nhập thông tin mã số thẻ và ngày phát hành thẻ

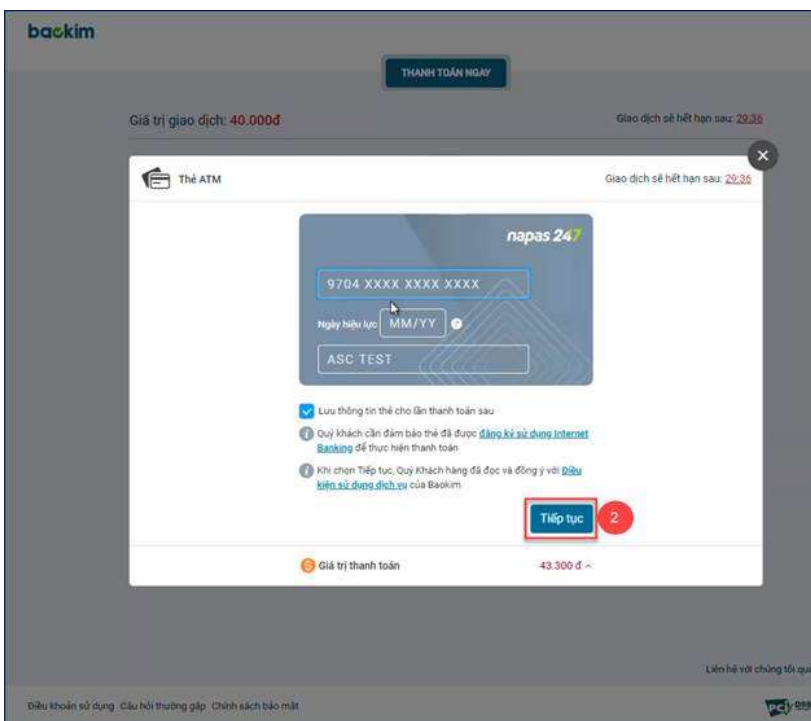
Bước 2: Nhập thông tin chủ thẻ, lưu ý không dấu

Bước 3: Chọn chức năng





Hình 6

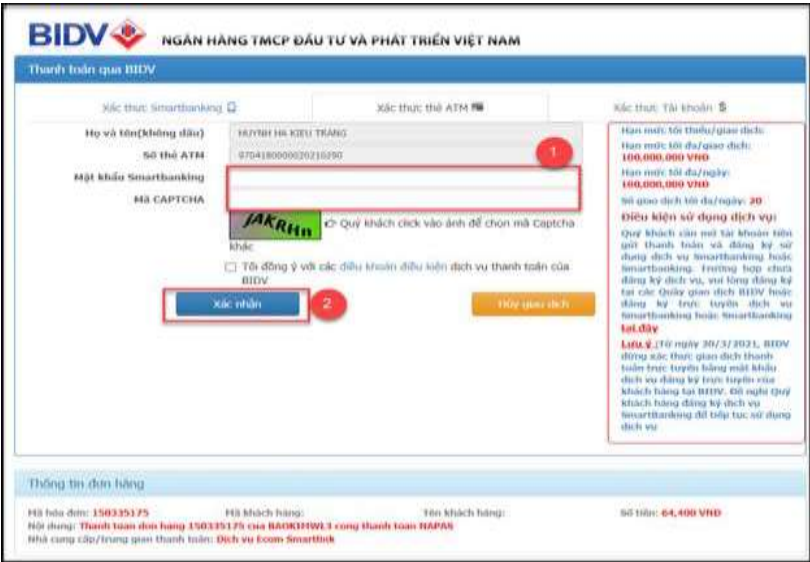


Hình 7

Bước 1: Nhập thông tin thẻ ATM

Bước 2: Chọn chức năng  để thanh toán

- **Lưu ý:** Một số thẻ ngân hàng sẽ hiện nhập mã OTP trực tiếp, một số ngân hàng liên kết sẽ qua trang internet banking để thực hiện giao dịch như hình số 6:



The screenshot shows the BIDV internet banking interface for a transaction. At the top, it says "BIDV NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM" and "Thanh toán qua BIDV". There are three tabs: "Xác thực Smartbanking", "Xác thực thẻ ATM", and "Xác thực Tài khoản". The "Xác thực thẻ ATM" tab is selected. Below the tabs, there are fields for "Họ và tên(không dấu)" (HÀ VĂN HẢI KIỀU TRƯỜNG), "Số thẻ ATM" (970418000020216290), and "Mã CAPTCHA" (JAKRHU). A red box highlights the "Số thẻ ATM" field with a red circle containing the number 1. Below the CAPTCHA field, there is a checkbox for "Tôi đồng ý với các điều khoản điều kiện dịch vụ thanh toán của BIDV" and a blue "Xác nhận" button with a red circle containing the number 2. To the right of the "Xác nhận" button is a yellow "Thực giao dịch" button. On the far right, there is a sidebar with transaction details: "Hạn mức tín dụng/giao dịch: Hạn mức tín dụng/giao dịch: 100,000,000 VND", "Hạn mức tín dụng/ngày: 100,000,000 VND", "Số giao dịch tín dụng/ngày: 20", and "Điều kiện sử dụng dịch vụ: Quý khách cần mở tài khoản tiền gửi thanh toán và đăng ký sử dụng dịch vụ Smartbanking hoặc Smartbanking. Trường hợp chưa đăng ký dịch vụ, vui lòng đăng ký tại các quầy giao dịch BIDV hoặc đăng ký trực tuyến dịch vụ Smartbanking hoặc Smartbanking tại đây". Below the sidebar, there is a section for "Thông tin đơn hàng" with fields for "Mã hóa đơn: 150335175", "Họ khách hàng: Tên khách hàng:", "Số tiền: 64,400 VND", and "Nội dung: Thanh toán đơn hàng 150335175 của BAOH31W2.3 cùng thanh toán HAPAS". At the bottom, there is a link: "Nhà cung cấp/trung gian thanh toán: Dịch vụ Ecom-SmartBank".

Hình 8

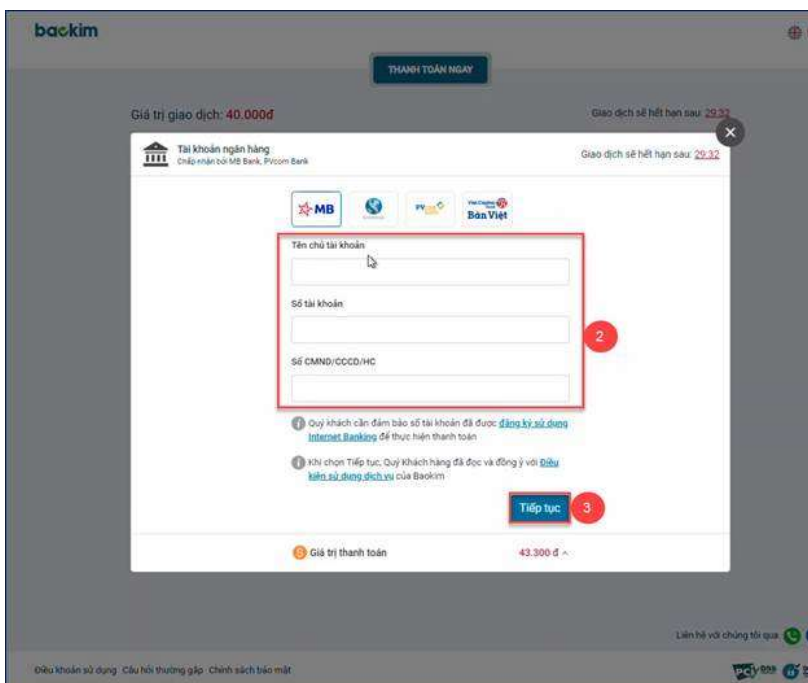
Bước 1: Nhập mật khẩu internet banking và mã CAPTCHA

Bước 2: Xác nhận thanh toán 

3.1.3. Thanh toán qua cổng Bảo Kim bằng tài khoản ngân hàng



Hình 9



Hình 10

4.4 Màn hình hệ thống xử lý và trả kết quả thanh toán

The screenshot displays the 'Baikim' system interface for transaction results. At the top, a green checkmark icon and the text 'Kết quả giao dịch' (Transaction Result) and 'Giao dịch thành công' (Transaction successful) indicate a successful transaction. Below this, a table lists transaction details. The table has two columns: 'Đơn vị cung cấp' (Provider) and 'Mã tham chiếu' (Reference code) on the left, and 'Giá trị giao dịch' (Transaction value), 'Phí dịch vụ' (Service fee), 'Phương thức' (Method), 'Ngân hàng' (Bank), 'Thời gian thanh toán' (Payment time), and 'Giá trị thanh toán' (Payment value) on the right. The transaction value is 40,000 đ, the service fee is 3,300 đ, and the total payment value is 43,300 đ. The transaction was completed on 2023-09-07 at 16:26:52. A green button at the bottom of the table area says 'Ấn vào đây để chuyển về trang trước' (Click here to return to the previous page). The footer contains links to 'Điều khoản sử dụng', 'Câu hỏi thường gặp', and 'Chính sách bảo mật', along with logos for 'VPS', 'VPS', and 'Baikim'.

Đơn vị cung cấp	Mã tham chiếu	Giá trị giao dịch	Phí dịch vụ	Phương thức	Ngân hàng	Thời gian thanh toán	Giá trị thanh toán
HOC VIEN HANG KHONG VIET NAM	BK_4584604_1932675_CDW	40.000 đ	3.300 đ	Chuyển khoản	Chuyển khoản	2023-09-07 16:26:52	43.300 đ

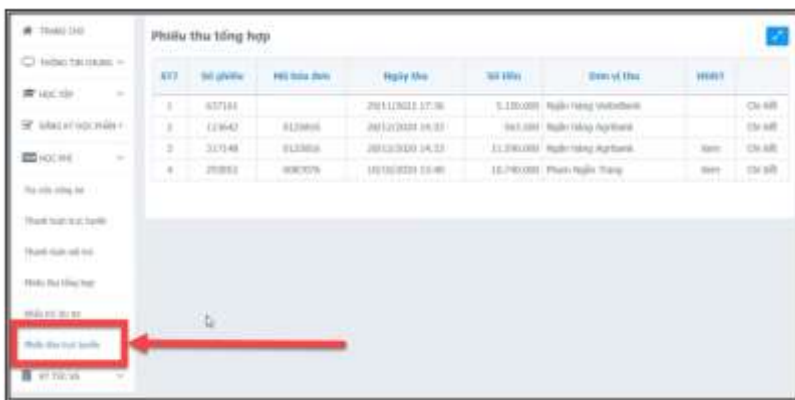
Chuyển đến trang trước sau

74

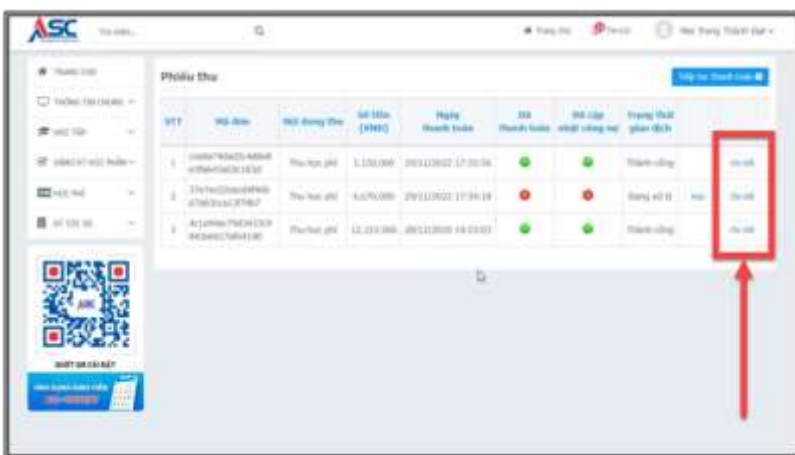
Ấn vào đây để chuyển về trang trước

Hình 11

1.5 Vào màn hình Phiếu thu trực tuyến để kiểm tra trạng thái giao dịch.



Hình 12



Hình 13: Màn hình phiếu thu trực tuyến



STT	Mã	Nội dung thu	Học kỳ	Số tiền (VNĐ)
1	423701042201	Chuan muc ke toan	2021-2022	1.420.000
TỔNG:				1.420.000

In phiếu thu

Hình 14: Màn hình chức năng xem chi tiết .

(Sinh viên có thể in phiếu thu tại màn hình chi tiết.)

PHẦN 9: QUY ĐỊNH VỀ VIỆC THI, KHIẾU NẠI, PHÚC KHẢO KẾT QUẢ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN, THI TỐT NGHIỆP, ĐÁNH GIÁ ĐỒ ÁN, KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

(Trích dẫn từ các văn bản liên quan)

1. Lịch thi kết thúc học phần: Sinh viên theo dõi lịch thi kết thúc học phần mỗi học kỳ trên trang sinh viên <http://sv.vaa.edu.vn/>

1. Trách nhiệm của sinh viên dự thi:

(Trích trong “Quy định trách nhiệm, quyền hạn của cán bộ coi thi, cán bộ giám sát phòng thi và sinh viên trong kỳ thi kết thúc học phần và thi tốt nghiệp” kèm theo Quyết định số 852/QĐ-HVHK, ban hành ngày 03 tháng 12 năm 2021)

Sinh viên dự thi phải có mặt tại phòng thi đúng giờ quy định trong lịch thi. Sinh viên đến chậm từ 15 phút sau khi bốc đề thi sẽ không được dự thi. Khi vào phòng thi sinh viên phải tuân thủ các yêu cầu sau đây:

2.1. Xuất trình thẻ sinh viên hoặc chứng minh thư/căn cước công dân cho CBCT và để trên bàn trong suốt quá trình làm bài thi.

2.2. Chỉ được đưa vào phòng thi bút viết, bút chì, compa, tẩy, thước kẻ, thước tính, máy tính điện tử không có thẻ nhớ, không có chức năng soạn thảo văn bản và các tài liệu được đề thi cho phép.

2.3. Không được đưa vào phòng thi giấy than, bút xóa, tài liệu các loại (nếu đề thi không cho phép), vũ khí, chất gây nổ, gây cháy, bia, rượu, phương tiện kỹ thuật thu, phát, truyền tin, ghi âm, ghi hình, thiết bị chứa thông tin có thể sử dụng để làm bài thi, không được hút thuốc lá trong phòng thi.

2.4. Mặc đồng phục hoặc trang phục lịch sự theo nội quy của Học viện

2.5. Trước khi làm bài thi, sinh viên phải ghi đầy đủ họ tên, mã số sinh viên hoặc số báo danh (nếu có) và các thông tin cá nhân cần thiết theo quy định trên tờ giấy thi; nhất thiết phải yêu cầu cả hai CBCT ký và ghi rõ họ tên trên tờ giấy làm bài thi trước khi nộp bài.

2.6. Sinh viên phải giữ bài làm rõ ràng, sạch sẽ trên tờ giấy làm bài thi đã được quy định.

+ Không được làm bài thi bằng hai màu mực, mực đỏ, bút chì (trừ hình tròn vẽ bằng compa hoặc tô trên phiếu TLTN).

+ Không được làm nhàu nát, đánh dấu hoặc làm ký hiệu riêng tờ bài thi.

+ Phải bảo vệ bài làm của mình, không cho sinh viên khác xem hoặc sao chép bài, không được xem hoặc sao chép bài của sinh viên khác, không được trao đổi ý kiến, tài liệu, giấy nháp trong khi làm bài thi.

2.7. Sinh viên phải giữ trật tự, im lặng trong phòng thi. Nếu cần thiết phải hỏi CBCT điều phải hỏi công khai.

2.8. Khi hết giờ làm bài thi, sinh viên phải dừng làm bài và nộp bài cho CBCT. Không làm được bài, sinh viên cũng phải nộp tờ giấy thi. Khi nộp bài, sinh viên phải tự ghi đúng số tờ giấy làm bài thi đã nộp (đối với bài thi tự luận) hoặc mã đề thi (đối với bài thi trắc nghiệm) và ký tên vào danh sách sinh viên dự thi.

2.9. Sinh viên chỉ được ra khỏi phòng thi sau khi đã hết 2/3 thời gian làm bài (đối với bài thi tự luận) hoặc kết thúc thời gian làm bài (đối với bài thi trắc nghiệm) và đã nộp bài làm, đề thi (nếu được yêu cầu) cho CBCT; trong trường hợp đau ốm bất thường, buộc phải ra khỏi phòng thi trước thời điểm quy định trên hoặc cần cấp cứu thì do cán bộ tổ chức thi quyết định.

2. Trách nhiệm của sinh viên dự thi theo hình thức thi trực tuyến:

(Trích trong “Quy định thi kết thúc học phần theo hình thức trực tuyến” kèm theo Quyết định số 853/QĐ-HVHK, ban hành ngày 03 tháng 12 năm 2021)

3.1. Sinh viên cần có các trang thiết bị tối thiểu và đảm bảo các trang thiết bị này hoạt động được:

+ Máy vi tính hoặc điện thoại thông minh có thể sử dụng đầy đủ chức năng phục vụ thi trực tuyến trên hệ thống của Học viện, camera, micro và loa.

+ Nếu sinh viên không có đủ các trang thiết bị nêu trên, cần thông báo với khoa, giảng viên giảng dạy ít nhất 10 ngày trước ngày bắt đầu môn thi đầu tiên của kỳ thi để được sắp xếp thi theo hình thức khác.

+ Ngoài ra, sinh viên nên có điện thoại để liên lạc với CBCT và cán bộ kỹ thuật hỗ trợ thi trực tuyến trong trường hợp cần thiết như: thiết bị thi trực tuyến bị mất kết nối internet, kết nối không ổn định, thiết bị hỏng, mất điện....

3.2. Sinh viên cần chuẩn bị trước khi làm bài:

+ Không gian nơi sinh viên ngồi làm bài thi cần yên tĩnh, gọn gàng, ngồi một mình, không có người đi lại xung quanh, ánh sáng phù hợp để hình ảnh trên camera rõ nét.

+ Sinh viên cần ăn mặc chỉnh tề khi làm bài thi.

+ Để thẻ sinh viên hoặc giấy tờ tùy thân có dán ảnh trên mặt bàn, sẵn sàng xuất trình trước camera để CBCT kiểm tra khi được yêu cầu.

+ Điều chỉnh camera để quay rõ khuôn mặt và không gian phía sau sinh viên.

+ Sinh viên phải ghi nhớ mã lớp học phân để vào đúng phòng thi.

3.3. Sinh viên phải đăng nhập vào phòng thi trực tuyến sớm hơn 15 phút trước khi bắt đầu giờ làm bài để tham gia điểm danh.

3.4. Khi vào phòng thi trực tuyến, sinh viên phải tuân thủ các yêu cầu sau đây:

+ Xuất trình thẻ sinh viên hoặc giấy tờ tùy thân có dán ảnh trước camera và trả lời rõ ràng khi CBCT gọi tên. Nếu không thực hiện được yêu cầu này, CBCT sẽ coi như sinh viên vắng thi.

+ Đến giờ làm bài, tất cả sinh viên tắt micro và làm bài trên hệ thống thi trực tuyến. Khi nào CBCT gọi tên thì sinh viên bật micro lên để trả lời.

+ Camera và loa của sinh viên phải được bật trong suốt thời gian làm bài để CBCT giám sát và trao đổi (nếu cần). Nếu camera của sinh viên bị tắt và CBCT đã yêu cầu 03 lần (nói hoặc nhấn trong phần tin nhắn của hệ thống thi trực tuyến), sinh viên vẫn không bật camera hoặc không có phản hồi thì coi như sinh viên đã tự ý rời khỏi phòng thi và không nộp bài. Bài thi của sinh viên sẽ không được công nhận và nhận điểm 0.

+ Trong quá trình diễn ra ca thi, sinh viên không được phép thoát khỏi phòng thi trực tuyến. Trong trường hợp hệ thống bị gián đoạn do sự cố kỹ thuật, sinh viên phải truy cập lại hệ thống ngay. Nếu không thể truy cập lại hệ thống, sinh viên báo ngay cho CBCT để ghi nhận và

báo cho cán bộ kỹ thuật hỗ trợ thi trực tuyến để giải quyết. Mọi lý do về sự cố kỹ thuật ảnh hưởng đến bài thi cần được thông báo đến CBCT để ghi nhận trong thời gian làm bài. Sau khi kết thúc thời gian làm bài, những lý do này sẽ không được chấp nhận.

+ Sinh viên phải giữ trật tự, im lặng trong phòng thi, không nói chuyện với người khác trong suốt quá trình làm bài. Nếu sinh viên có thắc mắc, bật micro lên và “giơ tay” (raise hand) trên hệ thống thi trực tuyến, đồng thời nhập "Em muốn phát biểu" trong phần nhắn tin của hệ thống thi trực tuyến để được CBCT mời phát biểu công khai trước phòng thi.

+ Sinh viên phải dừng làm bài và nộp bài trước khi hệ thống đóng. Sinh viên nên dành 05 phút trước khi hết giờ làm bài để thực hiện các thao tác nộp bài, cập nhật dữ liệu bài thi.

+ Đối với bài thi tự luận trực tuyến, bài tập lớn, tiểu luận, sinh viên đặt tên tệp bài thi như sau:

Tên tệp viết chữ thường, có dấu và đặt theo quy định

Mã sinh viên_họ và tên sinh viên

Ví dụ: 1856060040_vũ tuần anh

Nếu sinh viên đặt sai tên, có thể dẫn đến nhầm lẫn hoặc thất lạc bài thi.

3.5. Nếu sinh viên vi phạm quy chế sẽ bị xử lý theo Quy định trách nhiệm, quyền hạn của cán bộ coi thi, cán bộ giám sát phòng thi và sinh viên trong kỳ thi kết thúc học phần và thi tốt nghiệp.

3. Xử lý sinh viên dự thi vi phạm qui chế:

(Trích trong “Quy định trách nhiệm, quyền hạn của cán bộ coi thi, cán bộ giám sát phòng thi và sinh viên trong kỳ thi kết thúc học phần và thi tốt nghiệp” kèm theo Quyết định số 852/QĐ-HVHK, ban hành ngày 03 tháng 12 năm 2021)

Trong quá trình thi, những sinh viên vi phạm quy chế thi đều phải được lập biên bản và xử lý kỷ luật theo các hình thức sau:

4.1. Khiển trách:

a) Đối với sinh viên phạm một lần lỗi nhìn bài hoặc trao đổi bài với sinh viên khác.

b) Sinh viên bị khiển trách trong khi thi môn nào sẽ bị trừ 25% số điểm thi đạt được của môn đó.

c) Hình thức kỷ luật khiển trách do CBCT quyết định tại biên bản được lập, công bố cho sinh viên biết. Nếu sinh viên không chịu ký tên vào biên bản thì hai CBCT ký vào biên bản.

4.2. Cảnh cáo:

a) Đối với sinh viên vi phạm một trong các lỗi sau: Đã bị khiển trách một lần nhưng trong giờ thi môn đó vẫn tiếp tục vi phạm lỗi ở Khoản 1 của Điều này; trao đổi bài làm hoặc giấy nháp với sinh viên khác; chép bài của sinh viên khác hoặc để sinh viên khác chép bài của mình.

b) Những bài thi đã có kết luận là giống nhau thì được xử lý như nhau.

c) Nếu sinh viên bị xử lý có đủ bằng chứng chứng minh mình bị nhìn bài thi có thể được xem xét giảm từ mức kỷ luật cảnh cáo xuống khiển trách.

d) Sinh viên bị kỷ luật cảnh cáo trong khi thi môn nào sẽ bị trừ 50% số điểm thi đạt được của môn đó.

e) Hình thức kỷ luật cảnh cáo do CBCT quyết định tại biên bản được lập, thu nộp tang vật (nếu có), công bố cho sinh viên biết. Nếu sinh viên không chịu ký tên vào biên bản thì hai CBCT ký vào biên bản.

4.3. Đình chỉ thi:

a) Đối với những sinh viên vi phạm một trong các lỗi sau: Đã bị cảnh cáo một lần nhưng trong giờ thi môn đó vẫn tiếp tục vi phạm lỗi ở Khoản 2 của Điều này; mang vào phòng thi các vật cấm đã được quy định tại Điểm c, Khoản 2, Điều 6 của văn bản này; đưa đề thi ra ngoài hoặc nhận bài giải, tài liệu từ bên ngoài vào phòng thi; viết, vẽ vào tờ giấy làm bài thi của mình những nội dung không liên quan đến bài thi; có hành động gây gổ, đe dọa CBCT có trách nhiệm trong kỳ thi hay đe dọa sinh viên khác; dùng bài thi của người khác để nộp; có các hành vi nhằm mục đích xin điểm, nâng điểm hoặc làm sai lệch kết quả thi.

b) Sinh viên bị đình chỉ thi phải nộp bài thi, đề thi, giấy nháp cho CBCT và ra khỏi phòng thi ngay sau khi có quyết định.

c) Sinh viên bị kỷ luật đình chỉ thi môn thi nào sẽ nhận điểm 0 cho môn thi đó.

d) Hình thức kỷ luật đình chỉ thi do CBCT quyết định tại biên bản được lập, thu nộp tang vật (nếu có), công bố cho sinh viên biết. Nếu sinh viên không chịu ký tên vào biên bản thì hai CBCT ký vào biên bản.

4.4. Đình chỉ học tập 1 năm hoặc đề nghị các cơ quan có thẩm quyền truy cứu trách nhiệm hình sự:

a) Đối với những sinh viên vi phạm một trong các lỗi sau: Nhờ người khác thi hộ, làm bài thi hộ dưới mọi hình thức; có hành động phá hoại kỳ thi, hành hung CBCT hoặc sinh viên khác;

b) CBCT lập biên bản, ghi rõ hình thức kỷ luật được đề nghị, thu nộp mọi tang vật liên quan (nếu có), công bố cho sinh viên biết. Nếu sinh viên không chịu ký tên vào biên bản thì hai CBCT ký vào biên bản.

c) Hình thức kỷ luật đình chỉ học tập 1 năm hoặc đề nghị các cơ quan có thẩm quyền truy cứu trách nhiệm hình sự sẽ do Hội đồng Khen thưởng và Kỷ luật Học viện quyết định trên cơ sở biên bản.

4.5. Buộc thôi học:

a) Đối với những sinh viên vi phạm lần thứ hai một trong các lỗi ở Khoản 4 của Điều này.

b) Hình thức kỷ luật buộc thôi học sẽ do Hội đồng Khen thưởng và Kỷ luật của Học viện quyết định.

4.6. Sinh viên sau khi đã dự thi nếu có kết luận vi phạm thì bị xử lý kỷ luật như trong khi làm bài thi.

4. Chấm thi và nhập điểm:

Chấm thi và nhập điểm được quy định tại Hệ thống tài liệu ISO 9001:2015, QT12-KT: Quy trình chấm thi kết thúc học phần.

- Việc chấm thi và nhập điểm kết thúc trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi thi xong từng học phần.

- Ngay sau khi giảng viên chấm thi kết thúc việc nhập điểm, điểm thi kết thúc học phần sẽ tự động được cập nhật lên tài khoản của sinh viên. Sinh viên xem điểm thi kết thúc học phần của mình bằng cách đăng nhập vào tài khoản sinh viên trên trang sinh viên <http://sv.vaa.edu.vn/>.

5. Phúc khảo, khiếu nại kết quả thi kết thúc học phần:

Phúc khảo, khiếu nại kết quả thi kết thúc học phần được quy định tại Hệ thống tài liệu ISO 9001:2015, QT13-KT: Quy trình phúc khảo kết quả thi kết thúc học phần.

- Sinh viên thực hiện đăng ký phúc khảo theo hình thức trực tuyến, sau khi sinh viên đăng ký phúc khảo trực tuyến trên tài khoản sinh viên và nộp lệ phí phúc khảo trực tuyến thì yêu cầu phúc khảo sẽ được công nhận và chuyển đến bộ phận phúc khảo để xử lý.

- Sau khi điểm thi được công bố, sinh viên làm đơn phúc khảo và nộp phí theo hướng dẫn trên kể từ khi công bố điểm thi đến thời điểm sau khi kết thúc môn thi cuối cùng của đợt thi 04 tuần.

- Việc chấm thi phúc khảo và cập nhật điểm phúc khảo lên hệ thống phải kết thúc trong vòng 10 ngày làm việc từ ngày sinh viên nộp đơn phúc khảo.

- Sinh viên có thể xem điểm phúc khảo bằng cách đăng nhập vào tài khoản sinh viên trên trang sinh viên <http://sv.vaa.edu.vn/>.

6. Đánh giá đồ án, khóa luận tốt nghiệp:

Đánh giá đồ án, khóa luận tốt nghiệp được quy định cụ thể trong Chương 3 "Quy định về đồ án, khóa luận tốt nghiệp" theo Quyết định số 643/QĐ-HVHKVN-ĐT ban hành ngày 10/09/2014.

- Đồ án, khóa luận tốt nghiệp cũng được áp dụng các quy định về thời gian chấm thi, nhập điểm và phúc khảo như các học phần khác.

- Việc đánh giá và nhập điểm đồ án, khóa luận tốt nghiệp được thực hiện trong vòng 10 ngày làm việc. Ngay sau khi kết thúc việc nhập điểm, điểm đồ án, khóa luận tốt nghiệp sẽ tự động được cập nhật lên tài khoản của sinh viên. Sinh viên xem điểm đồ án, khóa luận tốt nghiệp của mình bằng cách đăng nhập vào tài khoản sinh viên trên trang sinh viên <http://sv.vaa.edu.vn/>.

- Sinh viên có khiếu nại, phúc khảo về đồ án, khóa luận tốt nghiệp, làm đơn phúc khảo trực tuyến trên tài khoản sinh viên và nộp lệ phí phúc khảo trực tuyến thì yêu cầu phúc khảo sẽ được công nhận và chuyển đến bộ phận phúc khảo để xử lý



kể từ khi công bố điểm đến thời điểm sau khi kết thúc ngày cuối cùng của đợt thực hiện đề án, khóa luận tốt nghiệp 04 tuần.

Việc chấm thi phúc khảo và cập nhật điểm phúc khảo lên hệ thống phải kết thúc trong vòng 10 ngày làm việc từ khi nộp đơn phúc khảo. Sinh viên có thể xem điểm phúc khảo bằng cách đăng nhập vào tài khoản sinh viên trên trang sinh viên <http://sv.vaa.edu.vn/>.

Phần 10: MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành đào tạo: Quản Trị Kinh Doanh

Chuyên ngành đào tạo:

- *Quản trị kinh doanh Tổng hợp*
- *Quản trị kinh doanh Cảng Hàng không*
- *Quản trị kinh doanh Vận tải Hàng không*
- *Quản trị An ninh Hàng không*
- *Quản trị kinh doanh Quốc tế*

2. Mã ngành đào tạo: 7340101

3. Trình độ đào tạo: Đại học

4. Hệ đào tạo: Chính quy

5. Thời gian đào tạo: 8 học kỳ

6. Đơn vị triển khai: Khoa Quản trị kinh doanh

7. Mục tiêu đào tạo

7.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Quản trị kinh doanh, hướng đến các mục tiêu sau đây:

- Chương trình nhằm cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng cần thiết cho sự nghiệp trong kinh doanh bao gồm các kiến thức và kỹ năng về quản lý, quản trị, nhân sự, tiếp thị, kế toán và pháp luật; có năng lực xây dựng và thực hiện các kế hoạch/dự án kinh doanh cho cá nhân, tổ chức, chính phủ và các tổ chức quốc tế. Ngoài các kiến thức và kỹ năng chung về kinh doanh và quản trị, người học cũng được cung cấp các kiến thức và kỹ năng chuyên ngành mà mình lựa chọn.
- Có khả năng thực hiện công tác quản lý, chuyên môn nghiệp vụ thuộc lĩnh vực kinh tế chuyên ngành quản trị kinh doanh tại các doanh nghiệp và các cơ quan quản lý nhà nước, đặc biệt là lĩnh vực quản lý, hoạt động khai thác, thương mại, dịch vụ trong ngành hàng không.

- Có đủ năng lực để đạt được chứng chỉ chuyên môn phù hợp liên quan đến công việc nhất định trong lĩnh vực hàng không theo chương trình học tích hợp với các tổ chức đào tạo được phê chuẩn (ATO).

Ngành quản trị kinh doanh được đào tạo với 05 chuyên ngành: Quản trị Vận tải Hàng không, Quản trị Cảng Hàng không, Quản trị An ninh Hàng không, Quản trị kinh doanh quốc tế và Quản trị kinh doanh tổng hợp. Quá trình đào tạo chuyên ngành được kết nối kiến thức nền tảng thuộc giai đoạn đại cương, cơ sở ngành, và ngành, bao gồm:

- *Chuyên ngành Quản trị Vận tải Hàng không*: sinh viên được lĩnh hội kiến thức, kỹ năng chuyên sâu về hoạt động kinh tế - thương mại hàng không như kinh tế vận tải hàng không, quản trị hãng hàng không, vận tải hàng hóa hàng không, môi trường hoạt động hàng không bền vững, quản trị hoạt động bảo dưỡng tàu bay...để vận dụng vào thực tiễn hoạt động quản trị kinh doanh tại các doanh nghiệp, tổ chức trong ngành hàng không.
- *Chuyên ngành Quản trị Cảng Hàng không*: sinh viên có kiến thức và kỹ năng chuyên môn về các hoạt động kinh tế - thương mại cảng hàng không., sân bay, hoạt động quản trị cảng hàng không, cơ sở hạ tầng cảng hàng không, các hoạt động dịch vụ tại cảng hàng không...để vận dụng vào thực tiễn hoạt động kinh doanh hàng không nói chung và hoạt động của cảng hàng không nói riêng.
- *Chuyên ngành Quản trị An ninh hàng không*: sinh viên được cung cấp kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về quản trị trong lĩnh vực an ninh hàng không – an ninh dân sự như kinh tế, an ninh và pháp luật, các hoạt động quản trị kiểm soát chất lượng, dịch vụ an ninh, hạ tầng và công nghệ đảm bảo an ninh, quản lý rủi ro và khủng hoảng an ninh hàng không, an ninh chuỗi cung ứng vận chuyển hàng không...để vận dụng vào thực tiễn hoạt động quản trị kinh doanh tại các doanh nghiệp, tổ chức trong ngành hàng không.
- *Chuyên ngành Quản trị Kinh doanh Quốc tế*: Sinh viên am hiểu sâu về các thủ tục xuất nhập khẩu, thanh toán quốc tế, bảo hiểm và vận tải quốc tế, đầu tư quốc tế và marketing – quốc tế. Ngoài ra, sinh viên tốt nghiệp có khả năng sử dụng tiếng Anh lưu loát để làm việc cho các công ty đa quốc gia; có thể nhận biết các cơ hội và thách thức trong kinh doanh quốc tế; biết cách duy trì sự hiện diện của doanh nghiệp trên các thị trường chủ yếu.
- *Chuyên ngành Quản trị kinh doanh tổng hợp*: Sinh viên có chuyên môn rộng ở nhiều lĩnh vực khác nhau như hoạt động về marketing, bán hàng, nhân sự, sản xuất, xuất nhập khẩu. Sinh viên vận dụng kiến thức tổng quát của nhiều



lĩnh vực để tổ chức và giải quyết những vấn đề liên quan đến nhiều bộ phận quản lý trong doanh nghiệp.

7.2. Mục tiêu cụ thể.

- Đào tạo cho người học có phẩm chất chính trị, tư cách đạo đức, sức khỏe tốt và có trách nhiệm với xã hội; có ý thức tổ chức kỷ luật, lối sống văn minh, tác phong công nghiệp và có ý thức rèn luyện sức khỏe để phục vụ ngành nghề;

- Cung cấp kiến thức cơ bản về kinh tế, quản trị kinh doanh, xã hội và nhân văn; có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu lãnh đạo, quản trị điều hành, kinh doanh và xây dựng chính sách. Có năng lực tự học, làm việc nhóm và nghiên cứu giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực quản trị doanh nghiệp nhằm đáp ứng yêu cầu trong tình hình kinh doanh hiện đại hiện nay. Sử dụng công nghệ thông tin và tiếng Anh tốt.

8. Chuẩn đầu ra

8.1. Kiến thức

STT	Ký hiệu	Nội dung từng chuẩn đầu ra của CTĐT
PLO1	K01	Hiểu được các phạm trù, các quy luật kinh tế chính trị, vận dụng luật pháp kinh tế, các bộ quy chế, quy định về quản trị kinh doanh, các nguyên lý vận hành kinh tế vĩ mô và vi mô vào thực tiễn.
PLO2	K02	Hiểu phương pháp luận khoa học để giải quyết các vấn đề kinh tế, quản trị kinh doanh nói chung và các vấn đề liên quan ngành hàng không nói riêng.
PLO3	K03	Vận dụng triển khai các hoạt động quản trị, kinh doanh trên nền tảng khoa học quản trị điều hành, nhân sự, vận hành, bán hàng, kinh doanh quốc tế, chất lượng, an ninh hàng không và dự án.
PLO4	K04	Phân tích được các kiến thức liên quan đến các lĩnh vực cơ bản bao gồm các hoạt động quản trị, kinh doanh, nhân sự, vận hành, bán hàng, kinh



		doanh quốc tế, chất lượng, chuỗi cung ứng, an ninh hàng không và dự án.
PLO5	K05	Phân tích được các hoạt động quản trị và điều hành doanh nghiệp nhằm nâng cao năng lực quản lý của nhà quản trị các cấp trong lĩnh vực hàng không, nhằm giúp doanh nghiệp nâng cao hiệu quả kinh doanh và phát triển bền vững.
PLO6	K06	Tổng hợp các giải pháp quản trị cơ bản và chuyên sâu về các hoạt động điều hành doanh nghiệp như quản trị kinh doanh, marketing, tài chính, nhân lực, chất lượng, quản trị an ninh...trong lĩnh vực hàng không nói riêng và kinh tế nói chung.
PLO7	K07	Nhận định và đánh giá được các chiến lược liên quan đến quản trị, phát triển doanh nghiệp trong lĩnh vực hàng không nói riêng và kinh tế nói chung.
PLO8	K08	Đánh giá các dự án khởi nghiệp kinh doanh trong nhiều ngành nghề, phân tích, nhìn nhận thực tiễn hoạt động quản trị kinh doanh trong ngành hàng không tại các doanh nghiệp, tổ chức.

8.2. *Kỹ năng*

STT	Ký hiệu	Nội dung từng chuẩn đầu ra của CTĐT
PLO6	S01	Sử dụng thành thạo tiếng Anh trong môi trường kinh doanh toàn cầu (đạt bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc).
PLO7	S02	Vận dụng thành thạo phần mềm công nghệ trong việc xử lý, trực quan hóa các báo cáo và dữ liệu



		kinh doanh.
PLO8	S03	Phát triển kỹ năng giải quyết các vấn đề kinh doanh thực tiễn thông qua tư duy phản biện, tư duy hệ thống và kỹ năng ra quyết định dựa trên phân tích dữ liệu.
PLO9	S04	Thực hành xây dựng kế hoạch, quy trình và giải pháp chuyển đổi số phù hợp với từng loại hình tổ chức.
PLO10	S05	Phân tích yêu cầu doanh nghiệp, tổ chức và quy trình nghiệp vụ để thiết kế các kế hoạch kinh doanh trên nền tảng số phù hợp với mục tiêu tổ chức.
PLO11	S06	Tích hợp kỹ năng lãnh đạo, quản lý thông qua quá trình dẫn dắt nhóm, làm việc nhóm, quản lý thời gian và ra quyết định trong các chức năng khác nhau.

8.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

STT	Ký hiệu	Nội dung từng chuẩn đầu ra của CTĐT
PLO12	A01	Tuân thủ pháp luật, cam kết đạo đức nghề nghiệp và thể hiện tinh thần tự học và học tập suốt đời, hoàn thiện bản thân để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong bối cảnh kinh doanh hiện đại và hội nhập quốc tế.
PLO13	A02	Thể hiện tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, sẵn sàng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi; chịu trách nhiệm với kết quả công việc cá nhân.

PLO14	A03	Có sức khỏe tốt, phát huy năng khiếu thể thao, nghệ thuật, tự bảo vệ bản thân và người khác khi có tình huống khẩn cấp, nguy hiểm.
PLO15	A04	Phát huy tinh thần khởi nghiệp, tư duy đổi mới sáng tạo và sẵn sàng thích ứng với môi trường kinh doanh liên tục thay đổi.

9. *Điều kiện tốt nghiệp*

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

a) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;

b) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên (tối thiểu 2,0 theo thang điểm 4);

c) Hoàn thành chương trình học GDQP-AN và GDTC theo quy định;

d) Đạt điểm rèn luyện toàn khóa tối thiểu đạt loại trung bình;

đ) Có đăng ký xét tốt nghiệp theo kế hoạch của Học viện;

e) Hoàn tất các nghĩa vụ với Học viện;

f) Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

Trình độ ngoại ngữ: Người học tốt nghiệp bậc đại học ngành Quản trị Kinh doanh của Học viện Hàng không Việt Nam phải đạt năng lực ngoại ngữ Tiếng Anh bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam hoặc tương đương.

10. *Văn bằng sau khi tốt nghiệp*

Tiếng Việt: Bằng Cử nhân Quản trị kinh doanh

Tiếng Anh: Bachelor of Business Administration

11. *Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp*

Sau khi tốt nghiệp chương trình cử nhân Kinh doanh số, ngành Quản trị kinh doanh tại Học viện Hàng không Việt Nam, sinh viên có thể làm việc ở nhiều vị trí khác nhau trong các lĩnh vực liên quan đến hàng không cũng như các lĩnh vực kinh tế khác.

STT	Nhóm vị trí việc làm cụ thể
1	Các bộ phận quản lý, tham mưu, nghiệp vụ của các doanh nghiệp trong và ngoài ngành hàng không; các lĩnh vực như kế hoạch phát triển, kế hoạch thị trường đầu tư, ...
2	Cán bộ quản lý, tham mưu, nghiệp vụ của các doanh nghiệp có liên quan tới hàng không và các doanh nghiệp trong nền kinh tế.
3	Quản lý an ninh ở các cảng hàng không, sân bay, các cơ quan, đơn vị trong ngành hàng không.
4	Nhân viên/ trưởng phòng kinh doanh xuất nhập khẩu/ thương mại trong tất cả các loại hình doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.
5	Có khả năng trở thành cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, điều hành trong các lĩnh vực khác trong nền kinh tế; có khả năng tự lập và quản lý các doanh nghiệp nói chung.
6	Giảng viên, nhà nghiên cứu tham gia công tác giảng dạy, nghiên cứu tại các cơ sở giáo dục và viện nghiên cứu.

2. Tuyển sinh

12.1. Đối tượng tuyển sinh

- Học sinh đã hoàn thành chương trình trung học phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

12.2. Tiêu chí tuyển sinh

- Xét tuyển thẳng theo quy chế của tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và thông báo của Trường.

- Xét tuyển theo kết quả thi THPT quốc gia.

- Các hình thức xét tuyển khác theo quy định của Học viện Hàng không tại thời điểm

12.3. Dự kiến quy mô tuyển sinh: 520 sinh viên/năm



II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo (chưa tính Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - an ninh, kỹ năng bổ trợ): 120 tín chỉ;

Trong đó:

- Kiến thức giáo dục đại cương: 22 tín chỉ , tỷ lệ: 15,83%
- Kiến thức chuyên nghiệp : 88 tín chỉ , tỷ lệ: 75,84%
- Kiến thức thực tập và tốt nghiệp: 10 tín chỉ , tỷ lệ: 8,33 %

Tổng số tín chỉ phải tích lũy :120 tín chỉ

CHUYÊN NGÀNH KINH DOANH SỐ (MỚI MỞ 2025) - NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. *Ngành đào tạo:* **Quản Trị Kinh Doanh**
1. *Chuyên ngành đào tạo:* **Kinh doanh số**
2. *Mã ngành đào tạo:* **7340101**
3. *Trình độ đào tạo:* **Đại học**
4. *Hệ đào tạo:* **Chính quy**
5. *Thời gian đào tạo:* **8 học kỳ**
6. *Đơn vị triển khai:* **Khoa Quản trị kinh doanh**
7. **Mục tiêu đào tạo**

7.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh, chuyên ngành Kinh doanh số được thiết kế nhằm trang bị cho người học nền tảng kiến thức vững chắc về quản trị kinh doanh, cùng với khả năng ứng dụng các phương pháp và công nghệ số trong thời đại CMCN 4.0 vào hoạt động kinh doanh và quản lý doanh nghiệp. Chương trình cung cấp kiến thức và kỹ năng chuyên sâu trong việc hoạch định và triển khai chiến lược kinh doanh số trong sản xuất, tài chính, marketing... và có năng lực xây dựng, tổ chức thực thi các dự án chuyển đổi số trong các doanh nghiệp và tổ chức. Bên cạnh đó, người học còn được rèn luyện các kỹ năng cần thiết trong thời đại CMCN 4.0, như khả năng thích ứng linh hoạt với sự thay đổi, tư duy đổi mới sáng tạo, tinh thần khởi nghiệp, cũng như năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm trong môi trường kinh doanh số.

7.2. Mục tiêu cụ thể.

- Kiến thức:

- PO1: Cung cấp kiến thức cơ bản về chính trị, xã hội, pháp luật; yêu cầu về ngoại ngữ, công nghệ thông tin đáp ứng cho các vị trí việc làm.
- PO2: Trang bị kiến thức nền tảng chung về khối ngành kinh tế, quản trị kinh doanh hiện đại nhằm đáp ứng tốt cho công việc trong doanh nghiệp.
- PO3: Trang bị kiến thức chuyên sâu về quản trị kinh doanh trong môi trường số thông qua việc vận dụng các công cụ kinh doanh và chuyển đổi số để nhận diện cơ hội, phát triển mô hình, triển khai dự án khởi nghiệp số và nâng cao hiệu quả của doanh nghiệp trong bối cảnh CMCN 4.0.

- Kỹ năng:

PO4: Rèn luyện các kỹ năng chuyên môn, nghề nghiệp của nhà quản trị chuyên nghiệp trong các chức năng quản lý khác nhau như lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo điều hành và giám sát trong các hoạt động quản trị doanh nghiệp.

PO5: Trang bị kỹ năng sử dụng công cụ số để phân tích, đánh giá thực trạng hoạt động kinh doanh, từ đó đưa ra các quyết định và đề xuất các giải pháp trong việc tổ chức thực hiện quyết định nhằm thúc đẩy chuyển đổi số và các hoạt động kinh doanh trên nền tảng số của doanh nghiệp.

PO6: Trang bị kỹ năng giao tiếp, đàm phán, làm việc nhóm, chịu áp lực và thích ứng nhanh trong các nhiệm vụ cụ thể của hoạt động kinh doanh trong bối cảnh CMCN 4.0.

- Mức tự chủ và trách nhiệm:

PO7: Tuân thủ pháp luật, giữ vững đạo đức nghề nghiệp và luôn nỗ lực học hỏi, phát triển bản thân để thích nghi trong môi trường hội nhập.

PO8: Thể hiện tinh thần trách nhiệm với công việc và xây dựng cộng đồng.

PO9: Phát huy, nâng cao tinh thần khởi nghiệp với mong muốn mang lại lợi ích cho xã hội và cho đất nước.

8. Chuẩn đầu ra

8.1. Kiến thức

STT	Ký hiệu	Nội dung từng chuẩn đầu ra của CTĐT	Mức độ theo thang Bloom
PLO1	K01	Vận dụng các kiến thức về lý luận chính trị, triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị, CNXH khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và các kiến thức về pháp luật Việt Nam vào giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội trong thực tế. Biết vận dụng các kiến thức ANQP vào công tác bảo vệ cơ quan, đất nước khi cần.	3



PLO2	K02	Vận dụng kiến thức nền tảng về kinh tế và quản trị để hiểu nguyên tắc vận hành của doanh nghiệp trong nền kinh tế và xây dựng kế hoạch nhằm giải quyết các vấn đề phát sinh trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.	3
PLO3	K03	Phân tích cách triển khai công cụ số, phương pháp quản trị, và nguồn lực số hoá trong kinh tế như là trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh, quản lý và phân tích dữ liệu lớn để vận dụng vào chuyển đổi số của doanh nghiệp.	4
PLO4	K04	Kiểm tra việc sử dụng công cụ số, phương pháp quản trị, và nguồn lực số hoá trong kinh tế để thiết kế và triển khai các kế hoạch kinh doanh số.	4
PLO5	K05	Đánh giá việc vận dụng kiến thức về công cụ số, phương pháp quản trị, và nguồn lực số hoá trong kinh tế để hiểu và áp dụng được các kỹ thuật số vào các hoạt động quản trị chức năng như marketing, tài chính, kế toán, vận hành, nhân sự của doanh nghiệp và tổ chức.	5

8.2. Kỹ năng

STT	Ký hiệu	Nội dung từng chuẩn đầu ra của CTĐT	Mức độ theo thang Bloom



PLO6	S01	Sử dụng thành thạo tiếng Anh trong môi trường kinh doanh toàn cầu (đạt bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc).	3
PLO7	S02	Vận dụng thành thạo phần mềm công nghệ trong việc xử lý, trực quan hóa các báo cáo và dữ liệu kinh doanh.	3
PLO8	S03	Phát triển kỹ năng giải quyết các vấn đề kinh doanh thực tiễn thông qua tư duy phản biện, tư duy hệ thống và kỹ năng ra quyết định dựa trên phân tích dữ liệu.	3
PLO9	S04	Thực hành xây dựng kế hoạch, quy trình và giải pháp chuyển đổi số phù hợp với từng loại hình tổ chức.	3
PLO10	S05	Phân tích yêu cầu doanh nghiệp, tổ chức và quy trình nghiệp vụ để thiết kế các kế hoạch kinh doanh trên nền tảng số phù hợp với mục tiêu tổ chức.	3
PLO11	S06	Tích hợp kỹ năng lãnh đạo, quản lý thông qua quá trình dẫn dắt nhóm, làm việc nhóm, quản lý thời gian và ra quyết định trong các chức năng khác nhau trong môi trường kinh doanh số.	4

8.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

STT	Ký hiệu	Nội dung từng chuẩn đầu ra của CTĐT	Mức độ theo thang Bloom

PLO12	A01	Tuân thủ pháp luật, cam kết đạo đức nghề nghiệp và thể hiện tinh thần tự học và học tập suốt đời, hoàn thiện bản thân để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong bối cảnh kinh doanh hiện đại và hội nhập quốc tế.	4
PLO13	A02	Thể hiện tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, sẵn sàng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi; chịu trách nhiệm với kết quả công việc cá nhân.	4
PLO14	A03	Có sức khỏe tốt, phát huy năng khiếu thể thao, nghệ thuật, tự bảo vệ bản thân và người khác khi có tình huống khẩn cấp, nguy hiểm.	4
PLO15	A04	Phát huy tinh thần khởi nghiệp, tư duy đổi mới sáng tạo và sẵn sàng thích ứng với môi trường kinh doanh liên tục thay đổi.	4

9. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;
- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên (tối thiểu 2,0 theo thang điểm 4);
- Hoàn thành chương trình học GDQP-AN và GDTC theo quy định;
- Đạt điểm rèn luyện toàn khóa tối thiểu đạt loại trung bình;
- Có đăng ký xét tốt nghiệp theo kế hoạch của Học viện;
- Hoàn tất các nghĩa vụ với Học viện;
- Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

Trình độ ngoại ngữ: Người học tốt nghiệp bậc đại học ngành Quản trị Kinh doanh của Học viện Hàng không Việt Nam phải đạt năng lực ngoại ngữ Tiếng Anh bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam hoặc tương đương.



10. Văn bằng sau khi tốt nghiệp

Tiếng Việt: Bằng Cử nhân Quản trị kinh doanh, chuyên ngành Kinh doanh số
Tiếng Anh: Bachelor of Business Administration, specialized major in Digital Business

11. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp chương trình cử nhân Kinh doanh số, ngành Quản trị kinh doanh tại Học viện Hàng không Việt Nam, sinh viên có thể làm việc ở nhiều vị trí khác nhau trong các lĩnh vực liên quan đến hàng không cũng như các lĩnh vực kinh tế khác.

STT	Nhóm vị trí việc làm cụ thể
1	Nhân viên kinh doanh, nhân viên bộ phận thương mại điện tử tại các doanh nghiệp thương mại, dịch vụ hoặc sản xuất.
2	Nhân viên phân tích dữ liệu, quản lý kênh phân phối tại doanh nghiệp trong các lĩnh vực thương mại, dịch vụ hoặc sản xuất.
3	Chuyên viên tư vấn chiến lược chuyển đổi số, chuyên viên phát triển sản phẩm số tại doanh nghiệp trong các lĩnh vực thương mại, dịch vụ hoặc sản xuất.
4	Trưởng nhóm/Quản lý bộ phận chuyển đổi số, phụ trách điều hành hoạt động số hóa, tích hợp công nghệ trong quản trị, sản xuất và điều hành.
5	Chuyên viên về kinh tế số, chuyển đổi số tại cơ quan hành chính công và các đơn vị sự nghiệp.
6	Giảng viên, nhà nghiên cứu về kinh doanh số tham gia công tác giảng dạy, nghiên cứu tại các cơ sở giáo dục và viện nghiên cứu.

12. Tuyển sinh

12.1. Đối tượng tuyển sinh

- Học sinh đã hoàn thành chương trình trung học phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.



12.2. Tiêu chí tuyển sinh

- Xét tuyển thẳng theo quy chế của tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và thông báo của Trường.
- Xét tuyển theo kết quả thi THPT quốc gia.
- Các hình thức xét tuyển khác theo quy định của Học viện Hàng không tại thời điểm

12.3. Dự kiến quy mô tuyển sinh: 120 sinh viên/năm

II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo (chưa tính Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - an ninh, kỹ năng bổ trợ): 120 tín chỉ;

Trong đó:

- Kiến thức giáo dục đại cương : 22 tín chỉ tỷ lệ: 15,83%
- Kiến thức chuyên nghiệp : 88 tín chỉ tỷ lệ: 75,84%
- Kiến thức thực tập và tốt nghiệp: 10 tín chỉ tỷ lệ: 8,33 %

Tổng số tín chỉ phải tích lũy : 120 tín chỉ

NGÀNH MARKETING

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. *Ngành đào tạo:* Marketing
2. *Mã ngành đào tạo:* 7340115
3. *Trình độ đào tạo:* Đại học
4. *Hệ đào tạo:* Chính quy
5. *Thời gian đào tạo:* 8 học kỳ
6. *Đơn vị triển khai:* Khoa Quản trị kinh doanh
7. *Mục tiêu đào tạo*

7.1 Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Marketing hướng đến mục tiêu đào tạo sinh viên trở thành những chuyên gia marketing toàn diện, có khả năng ứng dụng kiến thức vào thực tiễn kinh doanh. Chương trình trang bị cho sinh viên nền tảng kiến thức cơ bản về khối ngành marketing và kiến thức chuyên sâu về marketing kỹ thuật số. Sinh viên được phát triển các kỹ năng phân tích, hoạch định, triển khai hoạt động marketing trong bối cảnh bùng nổ thông tin, sức mạnh trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số của Cách mạng công nghệ 4.0 và toàn cầu hóa. Đồng thời, chương trình chú trọng rèn luyện kỹ năng mềm, năng lực sử dụng công nghệ, bản lĩnh lý luận chính trị và tinh thần học tập suốt đời, giúp sinh viên có ý thức trách nhiệm nghề nghiệp, đủ năng lực tự chủ và thích nghi với môi trường làm việc năng động, sáng tạo.

7.2. Mục tiêu cụ thể.

Khối	Ký hiệu	Nội dung từng mục tiêu cụ thể
Kiến thức	PO1	Cung cấp kiến thức cơ bản về chính trị, xã hội, pháp luật; kiến thức ngoại ngữ, công nghệ thông tin đủ để thực hiện công việc theo vị trí việc làm.
	PO2	Trang bị kiến thức nền tảng chung về kinh tế - quản trị và marketing; kiến thức chuyên sâu về quản trị các hoạt động marketing, vận dụng vào việc lên kế hoạch tiếp thị và phát triển kinh doanh.



	PO3	Đào tạo kiến thức chuyên sâu về Marketing số, bao gồm sự hiểu biết sâu sắc về các nguyên tắc, chiến lược và mô hình marketing hiện đại áp dụng trong môi trường internet và các kênh truyền thông số, giúp người học nắm bắt và vận dụng hiệu quả các công cụ marketing số đa dạng, từ các nền tảng quảng cáo trực tuyến, tối ưu hóa công cụ tìm kiếm (SEO), marketing nội dung (Content Marketing), marketing trên mạng xã hội ...
Kỹ năng	PO4	Rèn luyện kỹ năng giao tiếp, đàm phán, làm việc nhóm, chịu áp lực và thích ứng nhanh trong các nhiệm vụ cụ thể của hoạt động marketing, đặc biệt trong môi trường đa văn hóa và hội nhập.
	PO5	Rèn luyện các kỹ năng phân tích, tư duy phản biện và giải quyết vấn đề trong bối cảnh kinh doanh, hoạt động marketing; thích ứng với chuyển đổi số và toàn cầu hóa.
	PO6	Rèn luyện khả năng sử dụng hiệu quả các công cụ, nền tảng và phần mềm phục vụ cho hoạt động marketing số.
Mức tự chủ và trách nhiệm	PO7	Tuân thủ pháp luật, giữ vững đạo đức nghề nghiệp và luôn nỗ lực học hỏi, phát triển bản thân để thích nghi trong môi trường hội nhập.
	PO8	Thể hiện tinh thần trách nhiệm với công việc và xây dựng cộng đồng; có năng lực làm việc độc lập và làm việc theo nhóm
	PO9	Có ý thức khởi nghiệp và mong muốn mang lại lợi ích cho xã hội thông qua các hoạt động Marketing.

8. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)



STT	Ký hiệu	Nội dung từng chuẩn đầu ra của CTĐT	Mức độ theo thang Bloom
Chuẩn đầu ra kiến thức			
PLO1	K01	Vận dụng các kiến thức về lý luận chính trị, triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị, CNXH khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và các kiến thức về pháp luật Việt Nam vào giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội trong thực tế. Biết vận dụng các kiến thức ANQP vào công tác bảo vệ cơ quan, đất nước khi cần.	3/6
PLO2	K02	Áp dụng kiến thức kinh tế và quản trị để hiểu về các nguyên tắc vận hành của doanh nghiệp trong nền kinh tế, và tính toán, lập kế hoạch trong tổ chức các hoạt động thương mại của doanh nghiệp.	3/6
PLO3	K03	Áp dụng kiến thức về quản trị marketing vào công việc xây dựng chiến lược, lập kế hoạch và phương án tổ chức triển khai các hoạt động tiếp thị, quảng cáo, quản lý khách hàng, sáng tạo, truyền thông/ PR, nghiên cứu thị trường, quản lý và phát triển thương hiệu.	4/6
PLO4	K04	Vận dụng kiến thức về quản trị marketing vào các hoạt động tiếp thị, quảng cáo, quản lý khách hàng, sáng tạo, truyền thông/ PR, nghiên cứu thị trường, quản lý và phát triển thương hiệu.	4/6



PLO5	K05	Áp dụng kiến thức marketing số chuyên sâu bao gồm marketing mạng xã hội, marketing nội dung số, marketing công cụ tìm kiếm, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong marketing, phân tích dữ liệu marketing, marketing đa kênh, ... để đánh giá, ra quyết định chiến lược về các hoạt động quản lý và phát triển các kênh bán hàng.	5/6
PLO6	K06	Vận dụng kiến thức marketing số chuyên sâu bao gồm marketing mạng xã hội, marketing nội dung số, marketing công cụ tìm kiếm, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong marketing, phân tích dữ liệu marketing, marketing đa kênh, ... để triển khai các hoạt động tối ưu hoá tiếp thị trực tuyến (SEO, SEM), lập kế hoạch truyền thông số, tổ chức triển khai hoạt động marketing trên nền tảng số.	5/6
Chuẩn đầu ra kỹ năng			
PLO7	S01	Sử dụng thành thạo tiếng Anh trong môi trường kinh doanh toàn cầu (đạt bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc).	2/5
PLO8	S02	Sử dụng thành thạo tin học ứng dụng, các phần mềm phục vụ cho công việc chuyên môn, các hoạt động tác nghiệp trong lĩnh vực marketing.	3/5
PLO9	S03	Có năng lực truyền đạt nội dung, thuyết trình trước công chúng một cách tự tin, mạch lạc, lưu loát và trọng tâm.	4/5
PLO10	S04	Có khả năng viết báo cáo, viết báo khoa học, viết thư từ giao dịch, soạn thảo hợp đồng, ...	4/5
PLO11	S05	Thành thạo trong lập kế hoạch, điều phối - tổ chức, trong các hoạt động thương mại của doanh nghiệp.	4/5



LO12	S06	Hiểu biết sâu sắc về hàng hoá và có khả năng thuyết phục khách hàng tiềm năng sử dụng sản phẩm của doanh nghiệp; thành thạo trong phân tích thị trường, tâm lý và hành vi khách hàng, sản phẩm trong công việc xây dựng chiến lược, lập kế hoạch và phương án tổ chức triển khai các hoạt động tiếp thị, quảng cáo, quản lý khách hàng, nghiên cứu thị trường, quản lý và phát triển thương hiệu.	4/5
LO13	S07	Thuần thục kỹ năng marketing trên nền tảng số trong công việc quản lý và phát triển kênh các kênh bán hàng, sáng tạo, truyền thông/ PR số, SEO, SEM.	3/5
Chuẩn đầu ra về tự chủ và trách nhiệm			
LO14	A01	Tuân thủ pháp luật, cam kết đạo đức nghề nghiệp và duy trì tinh thần học hỏi, phát triển bản thân để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của ngành marketing trong bối cảnh kinh doanh hiện đại và hội nhập quốc tế.	3/5
LO15	A02	Thể hiện tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, sẵn sàng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi; chịu trách nhiệm với kết quả công việc cá nhân.	3/5
LO16	A03	Có sức khoẻ tốt, phát huy năng khiếu thể thao, nghệ thuật, tự bảo vệ bản thân và người khác khi có tình huống khẩn cấp, nguy hiểm.	4/5
LO17	A04	Có động cơ khởi nghiệp rõ ràng để tạo ra giá trị bền vững và lợi ích lâu dài cho xã hội.	4/5

9. Điều kiện tốt nghiệp

Theo Quy chế đào tạo trình độ Đại học của Học viện Hàng không Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 572/QĐ-HVHK-ĐT ngày 30/6/2023 của Giám đốc Học viện.



Trình độ ngoại ngữ: Người học tốt nghiệp bậc đại học ngành Marketing của Học viện Hàng không Việt Nam phải đạt năng lực ngoại ngữ tiếng Anh tối thiểu tương đương bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ bậc 6 bậc dùng Việt Nam.

10. Văn bằng sau khi tốt nghiệp

Tên tiếng Việt: Bằng cử nhân Marketing

Tên tiếng Anh: Bachelor of Marketing

11. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp ngành Marketing tại Học viện Hàng không Việt Nam được trang bị kiến thức chuyên sâu, kỹ năng thực hành chuyên nghiệp, và thái độ phù hợp để đáp ứng các yêu cầu công việc trong nhiều lĩnh vực. Cụ thể như sau:

STT	Vị trí việc làm cụ thể
1	Nhân viên kinh doanh/ bán hàng tại các doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực (sản xuất, thương mại, dịch vụ, đào tạo).
2	Nhân viên marketing/ nhân hàng tại các doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực (sản xuất, thương mại, dịch vụ, đào tạo).
3	Chuyên viên marketing trong các tổ chức chuyên cung cấp dịch vụ tiếp thị, quảng cáo, sáng tạo, truyền thông/ PR, thương hiệu, nghiên cứu thị trường...
4	Trưởng nhóm/ chuyên viên cao cấp/ giám sát quản lý khách hàng, truyền thông, sáng tạo) tại các doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực (sản xuất, thương mại, dịch vụ, đào tạo).
5	Quản lý và điều hành các doanh nghiệp chuyên cung cấp dịch vụ tiếp thị, quảng cáo, sáng tạo, truyền thông/ PR, thương hiệu, nghiên cứu thị trường...
6	Chuyên viên trong lĩnh vực truyền thông và tiếp thị làm việc tại Cơ quan quản lý nhà nước (cơ quan bộ, ủy ban nhân dân các cấp, cơ quan ngoại giao, đại diện thương mại).
7	Giảng viên, nhà nghiên cứu tham gia giảng dạy và nghiên cứu về marketing tại các cơ sở đào tạo và viện nghiên cứu.

12. Tuyển sinh

Theo đề án tuyển sinh hàng năm của Học viện Hàng không Việt Nam

II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 120 tín chỉ (chưa kể giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng, an ninh)

Trong đó:

- Kiến thức giáo dục đại cương : 19 tín chỉ tỷ lệ: 15,83%
- Kiến thức chuyên nghiệp : 91 tín chỉ tỷ lệ: 75,84%
- Kiến thức thực tập và tốt nghiệp : 10 tín chỉ tỷ lệ: 8,33 %

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ	Tỷ lệ %
1	Giáo dục đại cương	19	15,83%
1.1	Lý luận chính trị	11	
1.2	KHTN, KHXH và nhân văn	8	
1.3	Giáo dục thể chất (không tích lũy)	(3)	-
1.4	Giáo dục Quốc phòng - An ninh (không tích lũy)	(08)	-
2	Giáo dục chuyên nghiệp	91	75,84%
2.1	Kiến thức cơ sở ngành	17	
2.2	Kiến thức ngành	35	
2.2.1	Khối kiến thức bắt buộc	29	
2.2.2	Khối kiến thức tự chọn	6	
2.3	Kiến thức bổ trợ ngành	9	
2.4	Kiến thức chuyên ngành	30	
2.4.1	Khối kiến thức bắt buộc	24	
2.4.2	Khối kiến thức tự chọn	6	
3	Thực tập và viết khóa luận tốt nghiệp (hoặc học phần thay thế khóa luận)	10	8,33%
Tổng số		120	100%

NGÀNH KỸ THUẬT HÀNG KHÔNG

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. *Ngành đào tạo:* **Kỹ thuật Hàng không**
Chuyên ngành đào tạo:
 - Kỹ thuật hàng không
 - Kỹ thuật thiết bị bay không người lái
 - Kỹ thuật quản lý bảo dưỡng tàu bay
2. Mã ngành đào tạo: **7520120**
3. Trình độ đào tạo: **Đại học**
4. Hệ đào tạo: **Chính quy**
5. Thời gian đào tạo: **10 học kỳ**
6. Đơn vị triển khai: **Khoa Kỹ thuật Hàng không**
7. Mục tiêu đào tạo:
7.1 *Mục tiêu chung:*

- Chương trình đào tạo chuyên ngành Kỹ thuật Hàng không nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng khai thác, bảo dưỡng và sửa chữa tàu bay và các trang thiết bị, hệ thống trên tàu bay như: Khung sườn, động cơ, các thiết bị, hệ thống thuộc nhóm cơ khí, cơ giới. Sau khi tốt nghiệp sinh viên có thể làm việc ở các nhà máy, xưởng sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay, các hãng Hàng không, các công ty khai thác tàu bay, và các ngành kỹ thuật khác liên quan.

- Mục tiêu của chương trình đào tạo Kỹ sư Kỹ thuật Hàng không là trang bị cho người tốt nghiệp:

- Kiến thức cơ sở chuyên môn vững chắc để thích ứng tốt với những công việc khác nhau trong lĩnh vực kỹ thuật chung đồng thời có kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực chuyên ngành Kỹ thuật khai thác, bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay.

- Kỹ năng chuyên nghiệp và phẩm chất cá nhân cần thiết để thành công trong nghề nghiệp.

- Kỹ năng xã hội cần thiết để làm việc hiệu quả trong nhóm đa ngành và trong môi trường quốc tế.

- Năng lực lập kế hoạch, thực hiện và vận hành các thiết bị, hệ thống, máy móc phục vụ công việc khai thác, sửa chữa, bảo dưỡng phù hợp bối cảnh kinh tế, xã hội và môi trường.

- Phẩm chất chính trị, ý thức phục vụ nhân dân, có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.



Ngành Kỹ thuật Hàng không được đào tạo với 03 chuyên ngành: Kỹ thuật hàng không; Kỹ thuật thiết bị bay không người lái; Kỹ thuật quản lý bảo dưỡng tàu bay.

- *Chuyên ngành Kỹ thuật Hàng không*: Trang bị phẩm chất, đạo đức, sức khỏe, kiến thức cơ bản về xã hội – chính trị, khoa học tự nhiên, tin học, ngoại ngữ; kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành; kỹ năng nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, khai thác tàu bay và các trang thiết bị; bản lĩnh nghề nghiệp, khả năng làm việc nhóm, làm việc độc lập; năng lực tự bổ sung kiến thức và tiếp tục học tập nâng cao trình độ. Có thể làm việc tại các công ty tính toán thiết kế, nhà máy, xưởng sửa chữa, bảo dưỡng, khai thác tàu bay và các ngành kỹ thuật khác liên quan.

- *Chuyên ngành Kỹ thuật thiết bị bay không người lái*: Trang bị phẩm chất, đạo đức, sức khỏe, kiến thức cơ bản về xã hội – chính trị, khoa học tự nhiên, tin học, ngoại ngữ; kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành; kỹ năng nghiên cứu, khai thác, vận hành và bảo dưỡng tàu bay và trang thiết bị, hệ thống (khung sườn, cơ khí, điện, điện tử) của thiết bị bay không người lái; bản lĩnh nghề nghiệp, khả năng làm việc nhóm, độc lập; năng lực tự bổ sung kiến thức, học tập nâng cao trình độ. Có thể làm việc ở các nhà máy, xưởng sửa chữa, bảo dưỡng, hãng hàng không, công ty khai thác tàu bay, và các ngành kỹ thuật khác liên quan.

- *Chuyên ngành Kỹ thuật quản lý bảo dưỡng tàu bay*: Trang bị kiến thức và kỹ năng để sinh viên có thể thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa, đảm bảo an toàn khai thác tàu bay; chuẩn bị thi lấy chứng chỉ bảo dưỡng, làm việc tại các hãng hàng không, trung tâm bảo dưỡng (MRO) hoặc cơ sở sản xuất; định hướng phát triển năng lực quản lý kỹ thuật trong bảo dưỡng máy bay.

8. Chuẩn đầu ra

8.1. Kiến thức

STT	Ký hiệu	Nội dung từng chuẩn đầu ra của CTĐT

PLO1	K1	Trình bày được kiến thức cơ bản về lý luận chính trị Triết học Mác Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin, CNXH khoa học, tư tưởng HCM, Lịch sử Đảng CSVN và các kiến thức về pháp luật Việt Nam, rèn luyện thể chất để giải thích các vấn đề liên quan trong thực tế. Hoán chuyển kiến thức ANQP vào công tác bảo vệ cơ quan, đất nước khi có chiến tranh xảy ra.
PLO2	K2	Vận dụng kiến thức khoa học tự nhiên để tính toán, ứng dụng trí tuệ nhân tạo phân tích các vấn đề liên quan đến quan đến ngành kỹ thuật hàng không.
PLO3	K3	Vận dụng các kiến thức cơ sở của cơ khí động lực và lực đẩy, điện – điện tử và lập trình điều khiển cho việc tính toán, lựa chọn, diễn giải các vấn đề liên quan đến ngành kỹ thuật hàng không.
PLO4	K4	Vận dụng các kiến thức ngành của cơ khí động lực và lực đẩy, vật liệu và các phương pháp gia công, điện – điện tử và lập trình điều khiển cho việc tính toán, lựa chọn, diễn giải các vấn đề liên quan đến ngành kỹ thuật hàng không.
PLO5	K5	Lựa chọn, đánh giá, tính toán thiết kế các hệ thống cơ khí, hệ thống lực đẩy và hệ thống điều khiển của tàu bay dựa trên các kiến thức chuyên sâu về cấu tạo, nguyên lý hoạt động, thiết kế các hệ thống của tàu bay để đáp ứng công việc thực tế của Kỹ sư tính toán thiết kế tàu bay
PLO6	K6	Đánh giá quy trình sản xuất, các tiêu chuẩn sản xuất dựa trên các kiến thức chuyên sâu về cấu tạo, nguyên lý hoạt động của các hệ thống điện – điện tử, các hệ thống cơ khí và hệ thống điều khiển của thiết bị bay không người lái để đáp ứng công việc của kỹ sư vận hành sản xuất linh kiện, tàu bay.

PLO7	K7	<i>Đánh giá chuyên sâu về các kỹ thuật, lập kế hoạch và triển khai các dự án, đối chiếu với các quy định kỹ thuật dựa trên các kiến thức chuyên sâu về cấu tạo, nguyên lý hoạt động của các hệ thống điện – điện tử, các hệ thống cơ khí và hệ thống điều khiển của tàu bay lái nhằm đáp ứng công việc của kỹ sư tư vấn giám sát, quản lý dự án, kiểm định và đánh giá tàu bay.</i>
PLO8	K8	<i>Lựa chọn các phương thức vận hành hiệu quả, đánh giá nhanh chóng các hỏng hóc và lựa chọn các phương án tối ưu trong bảo dưỡng, sửa chữa dựa trên các kiến thức chuyên sâu về cấu tạo, nguyên lý hoạt động của các hệ thống điện – điện tử, các hệ thống cơ khí và hệ thống điều khiển của thiết bị bay nhằm đáp ứng công việc của kỹ sư vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay.</i>
PLO9	K9	<i>Vận dụng kiến thức cơ bản về tiếng anh tương đương trình độ 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam trong phân tích, giải thích, giao tiếp các vấn đề liên quan đến ngành kỹ thuật hàng không.</i>

8.2 Kỹ năng

STT	Ký hiệu	Nội dung từng chuẩn đầu ra của CTĐT
PLO10	S1	<i>Thực hiện truyền đạt nội dung, thuyết trình trước công chúng một cách tự tin, mạch lạc, lưu loát và trọng tâm. Tổng hợp các thông tin để viết báo cáo hoàn chỉnh.</i>
PLO11	S2	<i>Sử dụng thành thạo tiếng anh trong giao tiếp, đọc viết các công tác chuyên môn, trình độ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.</i>

PL012	S3	Sử dụng máy tính, tin học căn bản, các ứng dụng trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số, các phần mềm phục vụ chuyên môn để giải quyết chính xác các vấn đề liên quan ngành kỹ thuật hàng không.
PL013	S4	Giải quyết nhanh, chính xác các công việc đơn giản và các vấn đề chung liên quan đến ngành kỹ thuật hàng không.
PL014	S5	Giải quyết thuần thục các vấn đề chuyên môn sâu và vấn đề phức tạp liên quan đến ngành kỹ thuật hàng không.
PL015	S6	Giải quyết nhanh, chính xác các công việc đơn giản; phối kết hợp nhóm, tham khảo ý kiến, ... các vấn đề chung liên quan đến tính toán thiết kế, vận hành sản xuất, tư vấn, giám sát, quản lý dự án, kiểm định, vận hành và bảo dưỡng sửa chữa tàu bay.
PL016	S7	Xác định thuần thục các vấn đề chuyên môn sâu để giải quyết các vấn đề phức tạp liên quan đến tính toán thiết kế, vận hành sản xuất, tư vấn, giám sát, quản lý dự án, kiểm định, vận hành và bảo dưỡng sửa chữa tàu bay.

8.3 Thái độ

STT	Ký hiệu	Nội dung từng chuẩn đầu ra của CTĐT
PLO12	A01	Tuân thủ pháp luật, cam kết đạo đức nghề nghiệp và thể hiện tinh thần tự học và học tập suốt đời, hoàn thiện bản thân để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao trong bối cảnh kinh doanh hiện đại và hội nhập quốc tế.

PLO13	A02	<i>Thể hiện tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, sẵn sàng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi; chịu trách nhiệm với kết quả công việc cá nhân.</i>
PLO14	A03	<i>Có sức khỏe tốt, phát huy năng khiếu thể thao, nghệ thuật, tự bảo vệ bản thân và người khác khi có tình huống khẩn cấp, nguy hiểm.</i>
PLO15	A04	<i>Phát huy tinh thần khởi nghiệp, tư duy đổi mới sáng tạo và sẵn sàng thích ứng với môi trường kinh doanh liên tục thay đổi.</i>

9. Điều kiện tốt nghiệp

- Theo Quy chế đào tạo trình độ đại học của Học viện Hàng không Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 572/QĐ-HVHK-ĐT ngày 30/06/2023 của Giám đốc Học viện Hàng không Việt Nam.

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ quy định.
- Hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.
- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên.
- Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.
- Hoàn thành các học phần Giáo dục quốc phòng - An ninh, Giáo dục thể chất.
- Ngoại ngữ: Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.
- Sinh viên ra trường đảm bảo có đủ kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.

10. Văn bằng sau khi tốt nghiệp:

Tên tiếng Việt: Kỹ sư Kỹ thuật Hàng không, chuyên ngành Kỹ thuật Hàng không.

Tên tiếng Anh: Engineering of Aeronautical Engineering, specialized major in Aeronautical Engineering

11. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

- Tốt nghiệp chương trình, người học có thể công tác tại các cơ sở sau đây:
- Các nhà máy, xưởng sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay;
- Các hãng Hàng không, các công ty khai thác tàu bay;
- Có thể tham gia quản lý hoặc trực tiếp thực hiện các công đoạn trong quy trình bảo dưỡng tàu bay;
- Các ngành kỹ thuật khác liên quan như cơ khí, thủy lực...
- Có khả năng nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, dịch vụ... để trở thành những cán bộ nghiên cứu khoa học tại các viện nghiên cứu, giảng viên trong các trường đại học..., đặc biệt là trong lĩnh vực hàng không dân dụng.

12. Tuyển sinh

12.1. Đối tượng tuyển sinh

Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương.

12.2. Tiêu chí tuyển sinh

Xét tuyển thẳng theo quy chế của tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và thông báo của Trường.

Xét tuyển theo kết quả thi THPT quốc gia

Các hình thức xét tuyển khác theo quy định của Học viện Hàng không tại thời điểm tuyển sinh.

12.3. Chỉ tiêu tuyển sinh

185 sinh viên/năm

II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 150 tín chỉ

(Không bao gồm học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng theo quy định)

Trong đó:

Kiến thức giáo dục đại cương: 25 tín chỉ tỷ lệ: 16,7%

Kiến thức cơ sở ngành : 54 tín chỉ tỷ lệ: 36,0%

Kiến thức ngành chính : 62 tín chỉ tỷ lệ: 41,3%

+ Thực tập, trải nghiệm : 3 tín chỉ tỷ lệ: 2,0%

+ Đồ án/ Khóa luận tốt nghiệp: 6 tín chỉ tỷ lệ: 4,0%

- Tổng số tín chỉ bắt buộc: 126 tín chỉ, tự chọn: 24 tín chỉ



CHUYÊN NGÀNH KỸ THUẬT THIẾT BỊ BAY KHÔNG NGƯỜI LÁI (MỚI MỞ 2025) - NGÀNH KỸ THUẬT HÀNG KHÔNG

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- 1. *Ngành đào tạo:* **Kỹ thuật Hàng không**
- Chuyên ngành đào tạo:*
 - *Kỹ thuật thiết bị bay không người lái*
- 2. Mã ngành đào tạo: **7520120U**
- 3. Trình độ đào tạo: **Đại học**
- 4. Hệ đào tạo: **Chính quy**
- 5. Thời gian đào tạo: **5 năm**
- 6. Đơn vị triển khai: **Khoa Kỹ thuật Hàng không**
- 7. Mục tiêu đào tạo:
- 7.1 *Mục tiêu chung:*

- Chương trình đào tạo chuyên ngành Kỹ thuật thiết bị bay không người lái nhằm trang bị cho sinh viên có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có trách nhiệm với xã hội; nắm vững các kiến thức cơ bản về xã hội – chính trị, kiến thức khoa học tự nhiên, tin học, ngoại ngữ; kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành và kỹ năng nghiên cứu, khai thác, vận hành và bảo dưỡng tàu bay và các trang thiết bị, hệ thống như: Khung sườn, hệ thống thuộc nhóm cơ khí, cơ giới và điện, điện tử của thiết bị bay không người lái; có bản lĩnh nghề nghiệp vững vàng và khả năng làm việc nhóm, làm việc độc lập; Có năng lực tự bổ sung kiến thức và tiếp tục học tập nâng cao trình độ để đáp ứng yêu cầu của công việc. Sau khi tốt nghiệp sinh viên có thể làm việc ở các nhà máy, xưởng sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay, các hãng Hàng không, các công ty khai thác tàu bay, và các ngành kỹ thuật khác liên quan.

- 8. *Chuẩn đầu ra*
- 8.1. *Kiến thức*

STT	Ký hiệu	Nội dung từng chuẩn đầu ra của CTĐT

PLO1	K1	Trình bày được kiến thức cơ bản về lý luận chính trị Triết học Mác Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin, CNXH khoa học, tư tưởng HCM, Lịch sử Đảng CSVN và các kiến thức về pháp luật Việt Nam, rèn luyện thể chất để giải thích các vấn đề liên quan trong thực tế. Hoán chuyển kiến thức ANQP vào công tác bảo vệ cơ quan, đất nước khi có chiến tranh xảy ra.
PLO2	K2	Vận dụng kiến thức khoa học tự nhiên để tính toán, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, phân tích các vấn đề liên quan đến quan đến ngành kỹ thuật hàng không.
PLO3	K3	Vận dụng các kiến thức cơ sở của cơ khí động lực và lực đẩy, điện – điện tử và lập trình điều khiển cho việc tính toán, lựa chọn, diễn giải các vấn đề liên quan đến ngành kỹ thuật hàng không, thiết bị bay không người lái.
PLO4	K4	Vận dụng các kiến thức ngành của cơ khí động lực và lực đẩy, vật liệu và các phương pháp gia công, điện – điện tử và lập trình điều khiển cho việc tính toán, lựa chọn, diễn giải các vấn đề liên quan đến ngành kỹ thuật hàng không, thiết bị bay không người lái.
PLO5	K5	Lựa chọn, đánh giá, tính toán thiết kế các hệ thống cơ khí (Mechanics) và hệ thống điều khiển (software Flight Controllers) của thiết bị bay không người lái dựa trên các kiến thức chuyên sâu về cấu tạo, nguyên lý hoạt động, thiết kế các hệ thống của tàu bay không người lái để đáp ứng công việc thực tế của Kỹ sư tính toán, thiết kế UAV.

PLO6	K6	<i>Đánh giá quy trình sản xuất, các tiêu chuẩn sản xuất dựa trên các kiến thức chuyên sâu về cấu tạo, nguyên lý hoạt động của các hệ thống điện – điện tử (Avionics), các hệ thống cơ khí (Mechanics) và hệ thống điều khiển (Flight Controllers) của thiết bị bay không người lái để đáp ứng công việc của kỹ sư vận hành sản xuất thiết bị bay không người lái.</i>
PLO7	K7	<i>Đánh giá chuyên sâu về các kỹ thuật, lập kế hoạch và triển khai các dự án, đối chiếu với các quy định kỹ thuật dựa trên các kiến thức chuyên sâu về cấu tạo, nguyên lý hoạt động của các hệ thống điện – điện tử (Avionics), các hệ thống cơ khí (Mechanics) và hệ thống điều khiển (Flight Controllers) của thiết bị bay không người lái nhằm đáp ứng công việc của kỹ sư tư vấn giám sát, quản lý dự án, kiểm định và đánh giá thiết bị bay không người lái.</i>
PLO8	K8	<i>Lựa chọn các phương thức vận hành hiệu quả, đánh giá nhanh chóng các hỏng hóc và lựa chọn các phương án tối ưu trong bảo dưỡng, sửa chữa dựa trên các kiến thức chuyên sâu về cấu tạo, nguyên lý hoạt động của các hệ thống điện – điện tử (Avionics), các hệ thống cơ khí (Mechanics) và hệ thống điều khiển (Flight Controllers) của thiết bị bay không người lái nhằm đáp ứng công việc của kỹ sư vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị bay không người lái.</i>
PLO9	K9	<i>Vận dụng kiến thức cơ bản về tiếng anh tương đương trình độ 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam trong phân tích, giải thích, giao tiếp các vấn đề liên quan đến ngành kỹ thuật hàng không.</i>

8.2 Kỹ năng

STT	Ký hiệu	Nội dung từng chuẩn đầu ra của CTĐT
-----	---------	-------------------------------------

PLO10	S1	Thực hiện truyền đạt nội dung, thuyết trình trước công chúng một cách tự tin, mạch lạc, lưu loát và trọng tâm. Tổng hợp các thông tin để viết báo cáo hoàn chỉnh.
PLO11	S2	Sử dụng thành thạo tiếng anh trong giao tiếp, đọc viết các công tác chuyên môn, trình độ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.
PL012	S3	Sử dụng máy tính, tin học căn bản, các phần mềm phục vụ chuyên môn để giải quyết chính xác các vấn đề liên quan ngành kỹ thuật hàng không.
PL013	S4	Giải quyết nhanh, chính xác các công việc đơn giản và các vấn đề chung liên quan đến ngành kỹ thuật hàng không.
PL014	S5	Giải quyết thuần thục các vấn đề chuyên môn sâu và vấn đề phức tạp liên quan đến ngành kỹ thuật hàng không.
PLO15	S6	Giải quyết nhanh, chính xác các công việc đơn giản; phối kết hợp nhóm, tham khảo ý kiến, ... các vấn đề chung liên quan đến tính toán thiết kế, vận hành sản xuất, tư vấn, giám sát, quản lý dự án, kiểm định, vận hành và bảo dưỡng sửa chữa thiết bị bay không người lái.
PLO16	S7	Xác định thuần thục các vấn đề chuyên môn sâu để giải quyết các vấn đề phức tạp liên quan đến tính toán thiết kế, vận hành sản xuất, tư vấn, giám sát, quản lý dự án, kiểm định, vận hành và bảo dưỡng sửa chữa thiết bị bay không người lái.

8.3 Thái độ

STT	Ký hiệu	Nội dung từng chuẩn đầu ra của CTĐT
-----	---------	-------------------------------------

PLO17	A1	Bảo vệ quan điểm đúng đắn, ý chí kiên cường, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, luôn hoàn thành nhiệm vụ
PLO18	A2	Thích ứng với môi trường học tập và làm việc độc lập và làm việc nhóm, cầu thị, biết lắng nghe, tiếp thu, chỉnh sửa.
PLO19	A3	Luyện tập các môn thể thao rèn luyện sức khỏe.
PL020	A4	Sống tích cực đoàn kết vì mọi người, đạo đức tác phong luôn gương mẫu, yêu nước thương dân, trung thành với ĐCSVN, với Tổ quốc XHCN
PLO21	A5	Hình thành sự tự tin có thể trình bày, thuyết trình, báo cáo, ..., một vấn đề một cách logic, mạch lạc trước công chúng, sáng tạo trong công việc.
PLO22	A6	Tổ chức công việc trong làm việc độc lập và làm việc nhóm khoa học, chi tiết và cẩn thận.

9. Điều kiện tốt nghiệp

- Theo Quy chế đào tạo trình độ đại học của Học viện Hàng không Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 572/QĐ-HVHK-ĐT ngày 30/06/2023 của Giám đốc Học viện Hàng không Việt Nam.

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ quy định.
- Hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.
- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên.
- Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.
- Hoàn thành các học phần Giáo dục quốc phòng - An ninh, Giáo dục thể chất.
- Ngoại ngữ: Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.
- Sinh viên ra trường đảm bảo có đủ kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.

10. Văn bằng sau khi tốt nghiệp:



Tên tiếng Việt: Kỹ sư Kỹ thuật Hàng không, chuyên ngành Kỹ thuật Thiết bị bay Không người lái.

Tên tiếng Anh: Engineering of Aeronautical Engineering, specialized major in Unmanned Aerial Vehicle Engineering

11. *Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp*

- Tốt nghiệp chương trình, người học có thể công tác tại các cơ sở sau đây:

STT	Vị trí việc làm cụ thể
1	Kỹ sư tính toán, thiết kế UAV: Thực hiện thiết kế hình dạng, kết cấu, bố trí hệ thống và khí động học cho UAV. Công việc bao gồm mô phỏng lực nâng – lực cản, kiểm tra độ bền vật liệu, và tối ưu hóa hiệu suất bay bằng các phần mềm chuyên dụng như SolidWorks, ANSYS, XFLR5 và MATLAB/Simulink,..., tích hợp các hệ thống điện-điện tử UAV, hệ thống thông minh cho UAV. Yêu cầu khả năng tư duy hệ thống, kỹ năng CAD/CAE, kiến thức vững về cơ học chất rắn, khí động học, động cơ, các hệ thống cơ khí và điện, điện tử UAV, và hệ thống nhúng UAV.
2	Kỹ sư vận hành sản xuất thiết bị bay không người lái: Triển khai lắp ráp UAV theo thiết kế kỹ thuật, giám sát quy trình sản xuất và kiểm tra chất lượng đầu ra. Công việc bao gồm kiểm tra vật tư đầu vào, hiệu chuẩn cảm biến – động cơ, giám sát an toàn kỹ thuật và cải tiến quy trình sản xuất UAV tại xưởng. Yêu cầu kỹ năng tổ chức sản xuất, đọc hiểu bản vẽ kỹ thuật, sử dụng thiết bị đo kiểm và kiến thức về kỹ thuật điện – cơ khí, động lực, các hệ thống của UAV.
3	Kỹ sư tư vấn giám sát, quản lý dự án, kiểm định và đánh giá thiết bị bay không người lái: Tham gia kiểm định UAV theo các tiêu chuẩn kỹ thuật (ICAO, QCVN...), giám sát dự án triển khai bay thử hoặc tích hợp hệ thống UAV, đánh giá kỹ thuật UAV. Công việc bao gồm đánh giá an toàn, tư vấn giải pháp kỹ thuật, lập báo cáo dự án và làm việc với các cơ quan liên quan để đảm bảo UAV vận hành đúng chuẩn. Yêu cầu kỹ năng phân tích kỹ thuật, các hệ thống của UAV, hiểu biết luật hàng không không người lái và quản lý dự án kỹ thuật.

4	Kỹ sư vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị bay không người lái: Thực hiện vận hành UAV trong các môi trường theo yêu cầu, giám sát dữ liệu bay và bảo trì định kỳ các thành phần: động cơ, các hệ thống của UAV, cảm biến, truyền thông, hệ thống điều khiển. Công việc bao gồm xử lý sự cố kỹ thuật, thay thế linh kiện, cập nhật phần mềm và đảm bảo UAV luôn ở trạng thái sẵn sàng khai thác. Yêu cầu kỹ năng phân tích lỗi hệ thống, sử dụng thiết bị kiểm tra và kiến thức điện, điện tử, cơ khí và động lực.
---	---

12. Tuyển sinh

12.1. Đối tượng tuyển sinh

Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương.

12.2. Tiêu chí tuyển sinh

Xét tuyển thẳng theo quy chế của tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và thông báo của Trường.

Xét tuyển theo kết quả thi THPT quốc gia

Các hình thức xét tuyển khác theo quy định của Học viện Hàng không tại thời điểm tuyển sinh.

12.3. Chỉ tiêu tuyển sinh

60 sinh viên/năm

II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 150 tín chỉ

(Chưa tính Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - an ninh, kỹ năng bổ trợ)

Trong đó:

- Kiến thức giáo dục đại cương : 23 tín chỉ tỷ lệ: 15,3 %
- Kiến thức khoa học cơ bản : 11 tín chỉ tỷ lệ: 7,3 %
- Kiến thức chuyên nghiệp : 116 tín chỉ tỷ lệ: 77,4 %
- + Kiến thức cơ sở ngành : 42 tín chỉ tỷ lệ: 28 %
- + Kiến thức cốt lõi ngành : 65 tín chỉ tỷ lệ: 43,4 %
- + Thực tập, trải nghiệm : 3 tín chỉ tỷ lệ: 2 %
- + Đồ án/ Khóa luận tốt nghiệp: 6 tín chỉ tỷ lệ: 4 %
- Tổng số tín chỉ bắt buộc: 128 tín chỉ, tự chọn: 24 tín chỉ.

CHUYÊN NGÀNH KỸ THUẬT BẢO DƯỠNG TÀU BAY (MỚI MỞ 2025)- NGÀNH KỸ THUẬT HÀNG KHÔNG

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. *Ngành đào tạo:* **Kỹ thuật Hàng không**
2. *Chuyên ngành đào tạo:* **Kỹ thuật bảo dưỡng tàu bay**
3. *Mã ngành đào tạo:* **7520120M**
3. *Trình độ đào tạo:* **Đại học**
4. *Hệ đào tạo:* **Chính quy**
5. *Thời gian đào tạo:* **10 học kỳ**
6. *Đơn vị triển khai:* **Khoa Kỹ thuật Hàng không**
7. *Mục tiêu đào tạo*

7.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo kỹ sư bảo dưỡng tàu bay nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức chuyên sâu về hệ thống, cấu trúc và động cơ tàu bay. Học viên được rèn luyện kỹ năng bảo dưỡng, sửa chữa, kiểm tra tàu bay và sử dụng tài liệu kỹ thuật. Ngoài ra, chương trình còn nâng cao kiến thức về quản lý an toàn, chất lượng bảo dưỡng, quy trình vận hành và pháp lý hàng không. Học viên được chuẩn bị về kiến thức và kỹ năng, giúp họ đáp ứng yêu cầu của các hãng hàng không và trung tâm bảo dưỡng (MRO).

7.2. Mục tiêu cụ thể.

- Kiến thức:

PO1: Có kiến thức Lý luận Chính trị, Khoa học Xã hội và Nhân Văn, hiểu biết về Pháp luật Việt Nam, hiểu biết về An ninh Quốc Phòng. Có kiến thức và khả năng tự rèn luyện về thể chất.

PO2: Có kiến thức thức cơ bản về khoa học tự nhiên và cơ sở kỹ thuật phù hợp với ngành kỹ thuật hàng không, đáp ứng việc tiếp thu các kiến thức chuyên ngành kỹ thuật bảo dưỡng tàu bay.

PO3: Có kiến thức chuyên sâu trong các lĩnh vực: bảo dưỡng tàu bay; quản lý vận hành; lập kế hoạch bảo dưỡng; kiểm định, đảm bảo chất lượng; cung ứng vật tư.

PO4: Có đủ trình độ ngoại ngữ đáp ứng nhu cầu việc làm và học tập ở bậc sau đại học trong lĩnh vực kỹ thuật hàng không, bảo dưỡng tàu bay..

- Kỹ năng:

PO5: Có khả năng độc lập và tự chủ trong việc giải quyết những vấn đề thuộc lĩnh vực kỹ thuật hàng không, bảo dưỡng tàu bay.

PO6: Có kỹ năng phân tích, tổng hợp và vận dụng các kiến thức đã tích lũy trong quá trình học vào thực hành nghề nghiệp thực tế.

PO7: Có kỹ năng sáng tạo trong xử lý các tình huống và kỹ năng giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực bảo dưỡng tàu bay.

PO8: Có khả năng giao tiếp, thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm.

PO9: Có khả năng sử dụng ngoại ngữ, tin học trong nghiên cứu ứng dụng các lĩnh vực kỹ thuật hàng không, bảo dưỡng tàu bay.

- Mức tự chủ và trách nhiệm:

P10: Có phẩm chất đạo đức cá nhân, ý thức nghề nghiệp; Làm tròn trách nhiệm công dân, rèn luyện sức khỏe.

PO11: Có tác phong làm việc công nghiệp, hợp tác, thân thiện phục vụ cộng đồng.

PO12: Có ý thức cập nhật kiến thức, sáng tạo trong công việc.

8. Chuẩn đầu ra

8.1. Kiến thức

STT	Ký hiệu	Nội dung từng chuẩn đầu ra của CTĐT	Mức độ theo thang Bloom
PL	K1	Trình bày được kiến thức cơ bản về lý luận chính trị Triết học Mác Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin, CNXH khoa học, tư tưởng HCM, Lịch sử Đảng CSVN và các kiến thức về pháp luật Việt Nam, rèn luyện thể chất để giải thích các vấn đề liên quan trong thực tế. Hoán chuyển kiến thức ANQP vào công tác bảo vệ cơ quan, đất nước khi có chiến tranh xảy ra.	2

PL	K2	Vận dụng kiến thức khoa học tự nhiên để tính toán, ứng dụng Trí tuệ nhân tạo phân tích các vấn đề liên quan đến quan đến ngành kỹ thuật hàng không.	3
PL	K3	Vận dụng các kiến thức cơ sở và kiến thức ngành cho việc tính toán, lựa chọn, diễn giải các vấn đề liên quan đến ngành kỹ thuật hàng không	3
PL	K4	Phân tích và áp dụng kiến thức chuyên sâu về cấu tạo, nguyên lý hoạt động và quy trình bảo dưỡng tàu bay để kiểm tra, sửa chữa và thay thế các chi tiết, thiết bị của tàu bay theo tài liệu kỹ thuật và yêu cầu thực tế trong vai trò kỹ sư bảo dưỡng tàu bay.	5
PL	K5	Phân tích và tổ chức kế hoạch bảo dưỡng tàu bay, điều phối và giám sát các hoạt động bảo dưỡng dựa trên kiến thức về quy trình bảo dưỡng, pháp lý hàng không, hệ thống quản lý chất lượng, đảm bảo tuân thủ quy định, đáp ứng tiến độ và yêu cầu kỹ thuật trong công việc của kỹ sư giám sát và quản lý bảo dưỡng tàu bay.	5

PL	K6	Phân tích, xây dựng kế hoạch bảo dưỡng tàu bay định kỳ và không định kỳ dựa trên kiến thức chuyên sâu về cấu trúc, hệ thống tàu bay và dữ liệu bảo trì nhằm đảm bảo hiệu quả khai thác và độ sẵn sàng kỹ thuật cho đội tàu bay trong vai trò của kỹ sư lập kế hoạch bảo dưỡng.	5
PL	K7	Phân tích và đánh giá quy trình bảo dưỡng tàu bay, áp dụng kiến thức về hệ thống quản lý chất lượng, tiêu chuẩn bảo dưỡng hàng không và phân tích rủi ro để giám sát, cải tiến quy trình và đảm bảo độ tin cậy, an toàn kỹ thuật trong hoạt động bảo dưỡng, phù hợp với vai trò kỹ sư đảm bảo chất lượng.	5
PL	K8	Phân tích và áp dụng kiến thức về quản lý bảo dưỡng, truy xuất nguồn gốc, logistics và phần mềm hỗ trợ để tổ chức, kiểm soát và tối ưu hóa chuỗi cung ứng vật tư, phụ tùng hàng không, đáp ứng chính xác và kịp thời nhu cầu bảo dưỡng tàu bay trong vai trò kỹ sư quản lý và cung ứng vật tư.	5
PL	K9	Vận dụng kiến thức về tiếng anh tương đương trình độ 4/6 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam trong phân tích, giải thích, giao tiếp các vấn đề liên quan đến ngành kỹ thuật hàng không.	4

8.2. Kỹ năng

STT	Ký hiệu	Nội dung từng chuẩn đầu ra của CTĐT
PLO10	S1	Thực hiện truyền đạt nội dung, thuyết trình trước công chúng một cách tự tin, mạch lạc, lưu loát và trọng tâm. Tổng hợp các thông tin để viết báo cáo hoàn chỉnh.
PLO11	S2	Sử dụng thành thạo tiếng anh trong giao tiếp, đọc viết các công tác chuyên môn, trình độ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.
PLO12	S3	Sử dụng máy tính, tin học căn bản, các ứng dụng Trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số, các phần mềm phục vụ chuyên môn để giải quyết chính xác các vấn đề liên quan ngành kỹ thuật hàng không.
PL013	S4	Giải quyết nhanh, chính xác các công việc đơn giản và các vấn đề chung liên quan đến ngành kỹ thuật hàng không.
PL014	S5	Giải quyết thuần thục các vấn đề chuyên môn sâu và vấn đề phức tạp liên quan đến ngành kỹ thuật hàng không.
PLO15	S6	Giải quyết nhanh, chính xác các công việc đơn giản và các vấn đề chung liên quan đến ngành bảo dưỡng tàu bay.
PLO16	S7	Giải quyết thuần thục các vấn đề chuyên môn sâu và vấn đề phức tạp, biết phối hợp nhóm, tham khảo ý kiến,... để giải quyết vấn đề liên quan đến ngành bảo dưỡng tàu bay

8.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

STT	Ký hiệu	Nội dung từng chuẩn đầu ra của CTĐT
PLO17	A1	Bảo vệ quan điểm đúng đắn, ý chí kiên cường, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, luôn hoàn thành nhiệm vụ
PLO18	A2	Thích ứng với môi trường học tập và làm việc, cầu thị, biết lắng nghe, tiếp thu, chỉnh sửa
PLO19	A3	Luyện tập các môn thể thao rèn luyện sức khỏe.
PLO20	A4	Sống tích cực đoàn kết vì mọi người, đạo đức tác phong luôn gương mẫu, yêu nước thương dân, trung thành với ĐCSVN, với Tổ quốc XHCN
PLO21	A5	Hình thành sự tự tin có thể trình bày, thuyết trình, báo cáo, ..., một vấn đề một cách logic, mạch lạc trước công chúng, sáng tạo trong công việc.
PLO22	A6	Tổ chức công việc trong làm việc độc lập và làm việc nhóm khoa học, chi tiết và cẩn thận.

9. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- a) Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;
- b) Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên (tối thiểu 2,0 theo thang điểm 4);
- c) Hoàn thành chương trình học GDQP-AN và GDTC theo quy định;
- d) Đạt điểm rèn luyện toàn khóa tối thiểu đạt loại trung bình;
- đ) Có đăng ký xét tốt nghiệp theo kế hoạch của Học viện;
- e) Hoàn tất các nghĩa vụ với Học viện;
- f) Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.
- Trình độ ngoại ngữ: Người học tốt nghiệp bậc đại học ngành Kỹ thuật Hàng không của Học viện Hàng không Việt Nam phải đạt năng lực ngoại ngữ Tiếng Anh bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam hoặc tương đương.

10. Văn bằng sau khi tốt nghiệp

Tiếng Việt: Bằng Kỹ sư Kỹ thuật hàng không, chuyên ngành Kỹ thuật bảo dưỡng tàu bay

Tiếng Anh: The Degree of Aeronautical Engineer, specialized major in Aircraft maintenance engineering

11. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp chương trình Kỹ thuật bảo dưỡng tàu bay ngành Kỹ thuật Hàng không tại Học viện Hàng không Việt Nam, sinh viên có thể làm việc ở nhiều vị trí khác nhau trong các lĩnh vực liên quan đến hàng không cũng như các lĩnh vực kinh tế khác.

STT	Nhóm vị trí việc làm cụ thể
1	Kỹ sư bảo dưỡng tàu bay
2	Kỹ sư giám sát và quản lý bảo dưỡng tàu bay
3	Kỹ sư lập kế hoạch bảo dưỡng
4	Kỹ sư đảm bảo chất lượng bảo dưỡng
5	Kỹ sư quản lý và cung ứng vật tư

12. Tuyển sinh

12.1. Đối tượng tuyển sinh

- Học sinh đã hoàn thành chương trình trung học phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

12.2. Tiêu chí tuyển sinh

- Xét tuyển thẳng theo quy chế của tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và thông báo của Trường.

- Xét tuyển theo kết quả thi THPT quốc gia.

- Các hình thức xét tuyển khác theo quy định của Học viện Hàng không tại thời điểm

12.3. Dự kiến quy mô tuyển sinh: 60 sinh viên/năm

II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo (chưa tính Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - an ninh, kỹ năng bổ trợ): 120 tín chỉ;

Trong đó:

- Kiến thức giáo dục đại cương : 25 tín chỉ tỷ lệ: 16,7%
- Kiến thức chuyên nghiệp : 8 tín chỉ tỷ lệ: 5,3%
- Kiến thức thực tập và tốt nghiệp: 117 tín chỉ tỷ lệ: 78 %
- + Kiến thức cơ sở ngành : 41 tín chỉ tỷ lệ: 27,3%
- + Kiến thức cốt lõi ngành : 67 tín chỉ tỷ lệ: 44,7%
- + Thực tập, trải nghiệm : 3 tín chỉ tỷ lệ: 2%
- + Đồ án/ Khóa luận tốt nghiệp : 6 tín chỉ tỷ lệ: 4%
- Tổng số tín chỉ bắt buộc: 129 tín chỉ, tự chọn: 21 tín chỉ.

NGÀNH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỆN TỬ VIỄN THÔNG

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành đào tạo: Công nghệ kỹ thuật Điện tử viễn thông
(chuyên ngành: Điện tử viễn thông và AI)
2. Mã ngành đào tạo: 7510302
3. Trình độ đào tạo: Đại học
4. Hệ đào tạo: Chính quy
5. Thời gian đào tạo: 5 năm
6. Đơn vị triển khai: Khoa Điện - Điện tử
7. Mục tiêu đào tạo

7.1. Mục tiêu chung

Chương trình GDĐH ngành Công nghệ kỹ thuật Điện tử Viễn thông (ĐT VT) nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức toàn diện, cơ bản, hiện đại, bảo đảm sau tốt nghiệp có khả năng hoàn thành tốt nhiệm vụ của người kỹ sư hoạt động trong lĩnh vực công nghệ Điện tử Viễn thông đồng thời thích ứng với sự phát triển kỹ thuật công nghệ của ngành Hàng không.

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể làm việc trong các công ty, xí nghiệp kỹ thuật công nghệ Điện tử Viễn thông trong ngành hàng không và trong ngành kinh tế kỹ thuật khác. Những sinh viên giỏi có thể làm công tác giảng dạy trong các trường hoặc các viện nghiên cứu.

7.2. Mục tiêu cụ thể

Khối	Ký hiệu	Nội dung từng mục tiêu cụ thể
Kiến thức	PO1	Trang bị cho sinh viên kiến thức đại cương về Lý luận của Chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Pháp luật đại cương, Pháp luật hàng không, Tiếng Anh cơ bản, An ninh Quốc phòng, rèn luyện thể chất và các kiến thức khoa học tự nhiên nhằm hình thành tư duy nền tảng, đáp ứng yêu cầu học tập chuyên ngành và phát triển năng lực học tập nâng cao.



	PO2	Ứng dụng các nguyên lý toán học, khoa học và kỹ thuật để giải quyết các bài toán trong lĩnh vực công nghệ kỹ thuật Điện tử viễn thông và AI, đặc biệt trong các hệ thống yêu cầu độ chính xác, an toàn, và hiệu suất cao phù hợp với đặc thù ngành hàng không nói riêng và ngành công nghiệp nói chung trong môi trường làm việc đa văn hóa.
	PO3	Trang bị kiến thức cơ sở ngành công nghệ kỹ thuật Điện tử viễn thông và AI và kiến thức tổng quan hàng không dân dụng, giúp sinh viên phát triển khả năng phân tích, giải quyết vấn đề và xây dựng các giải pháp công nghệ đáp ứng yêu cầu làm việc trong môi trường hàng không và các lĩnh vực liên quan.
	PO4	Trang bị kiến thức chuyên sâu về công nghệ kỹ thuật Điện tử viễn thông và AI, bao gồm kiến thức phát triển hệ thống quản lý, điều khiển hệ thống viễn thông và AI, nhằm giúp sinh viên phát triển khả năng phân tích, sáng tạo và ứng dụng hiệu quả các giải pháp công nghệ hiện đại đáp ứng với đặc thù ngành hàng không nói riêng và ngành công nghiệp nói chung trong môi trường làm việc đa văn hóa.
Kỹ năng	PO5	Phát triển năng lực phân tích yêu cầu, thiết kế, lập trình và tối ưu hóa hệ thống viễn thông và AI nhằm đáp ứng nhu cầu thực tiễn của ngành hàng không nói riêng và ngành công nghiệp nói chung trong môi trường làm việc đa văn hóa.
	PO6	Xây dựng và triển khai các hệ thống viễn thông và AI, đáp ứng các bài toán chuyên sâu trong quản lý, vận hành tự động hóa. Đồng thời, hướng đến việc sáng tạo và tối ưu hóa các giải pháp công nghệ, đáp ứng xu hướng công nghiệp 4.0.



Mức tự chủ và trách nhiệm	PO7	Phát triển kỹ năng giao tiếp hiệu quả trong môi trường làm việc đa văn hóa, bao gồm giao tiếp nhóm, giao tiếp kỹ thuật và giao tiếp đa văn hóa. Đồng thời, xây dựng năng lực thảo luận, phản biện và tư duy sáng tạo để quản lý dự án và triển khai các giải pháp công nghệ tiên tiến, đáp ứng yêu cầu thực tế trong môi trường làm việc đa văn hóa.
	PO8	Phát triển khả năng sử dụng ngoại ngữ và các công nghệ mới trong môi trường làm việc đa văn hóa.
	PO9	Phát huy ý thức trách nhiệm công dân và tinh thần phục vụ cộng đồng thông qua việc phát triển và ứng dụng các giải pháp công nghệ viễn thông và AI để giải quyết các vấn đề thực tiễn trong môi trường làm việc đa văn hóa.
	PO10	Rèn luyện thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, bao gồm tính trung thực, tinh thần trách nhiệm, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, không ngừng tự học, đổi mới và nâng cao năng lực chuyên môn, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và sáng tạo trong môi trường làm việc đa văn hóa.

8. Chuẩn đầu ra

STT	Ký hiệu	Nội dung từng chuẩn đầu ra của CTĐT	Mức độ theo thang Bloom
1	Chuẩn đầu ra kiến thức		



PLO1	K01	Vận dụng kiến thức lý luận chính trị, pháp luật để giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội thực tế; Vận dụng kiến thức hàng không phục vụ trong việc giải quyết các bài toán chuyên ngành có liên quan đến lĩnh vực hàng không; Vận dụng kiến thức về khoa học tự nhiên phục vụ trong việc giải quyết các bài toán cơ sở ngành, chuyên ngành; Vận dụng kiến thức ngoại ngữ phục vụ chuyên môn trong quá trình học tập và công tác.	3
PLO2	K02	Áp dụng kiến thức cơ sở ngành để giải quyết các vấn đề và tình huống cơ bản về thiết kế, lập trình, phân tích, giải thuật, bảo trì, sửa chữa hệ thống v.v... làm nền tảng cho các bài toán chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật Điện tử Viễn thông và AI, đáp ứng các công việc được mô tả theo vị trí việc làm 1, 2, 3, 4, 5	3
PLO3	K03	Tổng hợp kiến thức cơ sở ngành để giải quyết các bài toán lập trình, các bài toán mô hình, các vấn đề nền tảng công nghệ mới đáp ứng các công việc được mô tả theo vị trí việc làm 1, 2, 3, 4, 5	5
PLO4	K04	Tổng hợp kiến thức chuyên ngành để giải quyết các vấn đề và tình huống thực tế đáp ứng các công việc được mô tả theo vị trí việc làm 1: Kỹ sư vận hành hệ thống Viễn thông và AI (Telecommunications and AI Systems Operations Engineer)	5

PLO5	K05	Xây dựng hệ thống vi mạch, phần cứng điện tử viễn thông có sử dụng trí tuệ nhân tạo để giải quyết các vấn đề và tình huống chuyên môn sâu thực tế đáp ứng các công việc được mô tả theo vị trí việc làm 1: Kỹ sư vận hành hệ thống Viễn thông và AI (vị trí việc làm 1: Kỹ sư vận hành hệ thống Viễn thông và AI (Telecommunications and AI Systems Operations Engineer))	5
PLO6	K06	Tổng hợp kiến thức chuyên ngành để giải quyết các vấn đề và tình huống thực tế đáp ứng các công việc được mô tả theo vị trí việc làm 2 (Kỹ sư thiết kế và phát triển hệ thống Viễn thông (Telecommunications Systems Design and Development Engineer))	5
PLO7	K07	Xây dựng, phát triển, nâng cấp, thiết kế mạch điện tử, hệ thống viễn thông để giải quyết các vấn đề và tình huống chuyên môn sâu thực tế đáp ứng các công việc được mô tả theo vị trí việc làm 2 (Kỹ sư thiết kế và phát triển hệ thống Viễn thông (Telecommunications Systems Design and Development Engineer))	6
PLO8	K08	Tổng hợp kiến thức chuyên ngành để giải quyết các vấn đề và tình huống thực tế đáp ứng các công việc được mô tả theo vị trí việc làm 3 (Kỹ sư tích hợp AI vào hệ thống Viễn thông (Engineer integrating AI into telecommunications systems))	5



PLO9	K09	Xây dựng hệ thống Viễn thông có tích hợp trí tuệ nhân tạo để giải quyết các vấn đề và tình huống chuyên môn sâu thực tế đáp ứng các công việc được mô tả theo vị trí việc làm 3 (Chuyên viên tích hợp AI vào hệ thống Viễn thông (Engineer integrating AI into telecommunications systems))	6
LO10	K10	Tổng hợp kiến thức chuyên ngành để giải quyết các vấn đề và tình huống thực tế đáp ứng các công việc được mô tả theo vị trí việc làm 4 (Kỹ sư bảo trì hệ thống Viễn thông và AI (Telecommunications and AI Systems Maintenance Engineer))	5
LO11	K11	Tổ chức quy trình kiểm thử hệ thống viễn thông để giải quyết các vấn đề và tình huống chuyên môn sâu thực tế đáp ứng các công việc được mô tả theo vị trí việc làm 4 (Kỹ sư bảo trì hệ thống Viễn thông và AI (Telecommunications and AI Systems Maintenance Engineer))	5
LO12	K12	Tổng hợp kiến thức chuyên ngành để giải quyết các vấn đề và tình huống thực tế đáp ứng các công việc được mô tả theo vị trí việc làm 5: Kỹ sư thiết kế vi mạch (IC designer or Microelectronic engineer)	5
LO13	K13	Xây dựng tài liệu đặc tả các quy trình nghiệp vụ cho hệ thống Viễn thông và AI để giải quyết các vấn đề và tình huống chuyên môn sâu thực tế đáp ứng các công việc được mô tả theo vị trí việc làm 5: Kỹ sư thiết kế vi mạch (IC designer or Microelectronic engineer)	6

LO14	K14	Tổng hợp và lập kế hoạch để tổ chức, giám sát các quy trình hoạt động trong lĩnh vực hệ thống Viễn thông và AI trong môi trường làm việc đương đại đa văn hóa, đa quốc gia.	5
2	Chuẩn đầu ra kỹ năng		
LO15	S01	Trình bày và truyền đạt thông tin một cách tự tin, mạch lạc dễ hiểu. Soạn thảo hợp đồng, văn bản khoa học và viết báo cáo.	4
LO16	S02	Thành thạo các kỹ năng giao tiếp và đọc hiểu tài liệu tiếng Anh trong công tác chuyên môn với trình độ tương đương B2.	3
LO17	S03	Sử dụng thành thạo máy tính, phần mềm tin học căn bản và các công cụ công nghệ số phục vụ công việc chuyên môn.	4
LO18	S04	Phối hợp chuyên môn và mối quan hệ xã hội lên kế hoạch khởi tạo dự án phù hợp với năng lực trong môi trường đa văn hóa và đa quốc gia (K14)	4
LO19	S05	Thực hiện chính xác kiến thức chuyên môn giải quyết các vấn đề và tình huống thực tế liên quan đến mô tả theo vị trí việc làm 1: Kỹ sư vận hành hệ thống Viễn thông và AI (Telecommunications and AI Systems Operations Engineer) (K02, K03, K04)	3



LO20	S06	Thực hiện thành thạo kiến thức chuyên môn giải quyết các vấn đề và tình huống thực tế liên quan đến mô tả theo vị trí việc làm 1: Kỹ sư vận hành hệ thống Viễn thông và AI (Telecommunications and AI Systems Operations Engineer) (K05)	4
LO21	S07	Thực hiện chính xác kiến thức chuyên môn giải quyết các vấn đề và tình huống thực tế liên quan đến mô tả vị trí việc làm 2 (Kỹ sư thiết kế và phát triển hệ thống Viễn thông (Telecommunications Systems Design and Development Engineer) (K02, K03, K06)	3
LO22	S08	Thực hiện thành thạo kiến thức chuyên môn giải quyết các vấn đề và tình huống thực tế liên quan đến mô tả theo vị trí việc làm 2 (Kỹ sư thiết kế và phát triển hệ thống Viễn thông (Telecommunications Systems Design and Development Engineer) (K07)	4
LO23	S09	Thực hiện chính xác kiến thức chuyên môn giải quyết các vấn đề và tình huống thực tế liên quan đến mô tả theo vị trí việc làm 3 (Kỹ sư tích hợp AI vào hệ thống Viễn thông (Engineer integrating AI into telecommunications systems)) (K02, K03, K08)	3
LO24	S10	Thực hiện thành thạo kiến thức chuyên môn giải quyết các vấn đề và tình huống thực tế liên quan đến mô tả theo vị trí việc làm 3 (Kỹ sư tích hợp AI vào hệ thống Viễn thông (Engineer integrating AI into telecommunications systems)) (K09)	4



LO25	S11	Thực hiện chính xác kiến thức chuyên môn giải quyết các vấn đề và tình huống thực tế liên quan đến mô tả theo vị trí việc làm 4: (Kỹ sư bảo trì hệ thống Viễn thông và AI (Telecommunications and AI Systems Maintenance Engineer)) (K02, K03, K10)	3
LO26	S12	Thực hiện thành thạo kiến thức chuyên môn giải quyết các vấn đề và tình huống thực tế liên quan đến mô tả theo vị trí việc làm 4: Kỹ sư bảo trì hệ thống Viễn thông và AI (Telecommunications and AI Systems Maintenance Engineer) (K11)	4
LO27	S13	Thực hiện chính xác kiến thức chuyên môn giải quyết các vấn đề và tình huống thực tế liên quan đến mô tả theo vị trí việc làm 5: Kỹ sư thiết kế vi mạch (IC designer or Microelectronic engineer) (K02, K03, K12)	3
LO28	S14	Thực hiện thành thạo kiến thức chuyên môn giải quyết các vấn đề và tình huống thực tế liên quan đến mô tả theo vị trí việc làm 5: Kỹ sư thiết kế vi mạch (IC designer or Microelectronic engineer) (K13)	4
LO29	S15	Thực hiện chính xác kiến thức cơ sở ngành để giải quyết các vấn đề và tình huống thực tế liên quan đến hệ thống Viễn thông và AI.	3
3	Chuẩn đầu ra về tự chủ và trách nhiệm		
LO30	A01	Thể hiện ý chí kiên cường, dám nghĩ, dám làm và dám chịu trách nhiệm để hoàn thành nhiệm vụ được giao.	4

LO31	A02	Thể hiện thái độ cầu thị, biết lắng nghe, tiếp thu và chỉnh sửa để hoàn thiện bản thân và công việc.	3
LO32	A03	Chú trọng rèn luyện sức khỏe, tham gia tích cực các hoạt động thể thao, văn hóa và có khả năng tự vệ, bảo vệ người khác khi cần thiết.	2
LO33	A04	Thể hiện tinh thần đoàn kết, sống tích cực, có đạo đức và tác phong gương mẫu, thể hiện lòng yêu nước và trung thành với Tổ quốc.	4
LO34	A05	Tự tin trình bày, thuyết trình và báo cáo một cách logic, mạch lạc trước công chúng.	4
LO35	A06	Tổ chức và điều phối các hoạt động nhóm giải quyết sự cố cho bản thân và cộng đồng.	4

9. Điều kiện tốt nghiệp

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.
- Sinh viên phải tích lũy đủ số học phần quy định trong chương trình đào tạo đại học theo chuyên ngành được đào tạo, không còn nợ học phần nào; điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên.
- Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng an ninh; có chứng nhận tham gia tuần lễ học sinh sinh viên theo quy định.
- Trình độ ngoại ngữ Anh văn: Tương đương bậc 4/6 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam hoặc chứng chỉ quốc tế tương đương được quy đổi theo quy định của Học viện.

10. Văn bằng sau khi tốt nghiệp

Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật điện tử viễn thông.

11. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

STT	Vị trí việc làm cụ thể
-----	------------------------



1	Kỹ sư vận hành hệ thống Viễn thông và AI (Telecommunications and AI Systems Operations Engineer): Thiết kế, phát triển và tối ưu hóa các hệ thống viễn thông trong và ngành Hàng không, thực tế và đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế. Xây dựng và tích hợp các module và ứng dụng AI như xử lý ngôn ngữ tự nhiên (NLP), thị giác máy tính (Computer Vision), v.v... vào trong hệ thống viễn thông, đảm bảo hiệu suất và độ tin cậy của hệ thống Viễn thông và AI khi triển khai trong môi trường thực tiễn trong và ngoài ngành Hàng không. Ngoài ra, cần khả năng tư duy sáng tạo, kỹ năng làm việc nhóm và khả năng cập nhật xu hướng công nghệ viễn thông toàn cầu.
---	--



2	Kỹ sư thiết kế và phát triển hệ thống Viễn thông (Telecommunications Systems Design and Development Engineer): Thiết kế, xây dựng và triển khai các module phần cứng của thiết bị viễn thông trên nền tảng nhúng cho các dự án hệ thống Viễn thông và AI. Công việc bao gồm tối ưu hóa hiệu suất của thiết bị, đảm bảo hệ thống viễn thông được vận hành thông suốt và biết sửa lỗi kỹ thuật. Công việc đòi hỏi tư duy sáng tạo, kỹ năng về thiết lập, sửa chữa phần cứng nhanh chóng, chính xác và khả năng làm việc trong môi trường công nghệ hay thay đổi. Ngoài ra, cần có thái độ chủ động học hỏi, chú trọng chất lượng, trách nhiệm cao, làm việc hợp tác linh hoạt và đam mê công nghệ, luôn sẵn sàng đón nhận thách thức, cải thiện kỹ năng và sáng tạo giải pháp.
---	---



3	Kỹ sư tích hợp AI vào hệ thống Viễn thông (Engineer integrating AI into telecommunications systems): Thiết kế, phát triển và tối ưu hóa các hệ thống Viễn thông và AI có tích hợp các giải pháp trí tuệ nhân tạo (AI) để giải quyết các ứng dụng thực tế và đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế. Thiết kế các hệ thống phần cứng, vi mạch AI; giám sát hiệu suất và khắc phục các sự cố trong hệ thống viễn thông. Công việc yêu cầu kỹ năng thiết kế, thi công, lắp đặt, sửa chữa phần cứng, module thiết bị viễn thông, khả năng lập trình, hiểu biết về AI, học máy (ML), phân tích hệ thống và khả năng làm việc trong môi trường hàng không. Ngoài ra, cần có thái độ chủ động học hỏi công nghệ mới, sáng tạo trong giải pháp tích hợp hệ thống viễn thông và AI, chú trọng chất lượng, trách nhiệm cao và hợp tác hiệu quả với các đội nhóm liên quan.
---	---



4	Kỹ sư bảo trì hệ thống Viễn thông và AI (Telecommunications and AI Systems Maintenance Engineer): Tổ chức quy trình đo kiểm hệ thống viễn thông, lập kế hoạch kiểm tra, bảo trì hệ thống, thực hiện kiểm tra thủ công (Manual Testing) và tự động (Automated Testing), phát hiện lỗi và theo dõi việc sửa chữa các hư hỏng, hoặc để tối ưu hóa hệ thống viễn thông, đánh giá và đảm bảo chất lượng phần cứng theo các tiêu chuẩn quốc tế. Đồng thời, kỹ sư bảo trì phải đảm bảo tính an toàn và độ tin cậy cao cho hệ thống Viễn thông và AI, đặc biệt trong các môi trường yêu cầu chất lượng cao như Hàng không, an ninh quốc phòng, bưu chính viễn thông, phát thanh truyền hình, v.v... Công việc yêu cầu kỹ năng phân tích, bảo trì, sửa chữa để phát hiện rủi ro và lỗi kỹ thuật tiềm ẩn, kỹ năng sử dụng các công cụ đo kiểm chuyên dụng v.v... và am hiểu quy trình vận hành hệ thống Viễn thông và AI. Mục tiêu là giảm thiểu rủi ro, tăng hiệu suất và mang lại tin cậy cho hệ thống viễn thông.
---	---

5	Kỹ sư thiết kế vi mạch (IC designer): Chuyên nghiên cứu, phát triển và chế tạo vi mạch thông dụng, chip bán dẫn AI, có kiến thức về điện tử viễn thông, tự động hoá, công nghệ vật liệu dẫn điện, chất bán dẫn... Có kỹ năng thiết kế, hiện thực hoá và đánh giá hệ thống, giải pháp của ngành Điện tử viễn thông hàng không. Sử dụng thành thạo các công cụ thiết kế, mô phỏng và đánh giá kiểm tra hệ thống cho đến các linh kiện vi mạch. Kỹ sư thiết kế vi mạch có thể hoạt động ở các lĩnh vực như: Thiết kế mạch tương tự (như bộ khuếch đại, mạch điều chỉnh điện áp...), Thiết kế mạch số (như CPU, GPU, SoC...), Thiết kế mạch tích hợp đặc thù cho ứng dụng, Thiết kế và triển khai trên nền tảng FPGA trước khi đổ vào chip. Kiểm thử thiết kế vi mạch để đảm bảo tính đúng đắn (Functional/Timing Verification). Thiết kế layout vật lý của vi mạch (Place & Route). Thiết kế vi mạch có thể kiểm thử được dễ dàng. Chịu trách nhiệm về bố trí vật lý (layout) của chip trên silicon.
---	--

12. Tuyển sinh (Theo quy định chung của Học viện Hàng không Việt Nam)

12.1. Đối tượng tuyển sinh

Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương.

12.2. Tiêu chí tuyển sinh

- Xét tuyển thẳng theo quy chế của tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và thông báo của Trường.
- Xét tuyển theo kết quả thi THPT quốc gia
- Các hình thức xét tuyển khác theo quy định của Học viện Hàng không tại thời điểm tuyển sinh.

12.3. Chỉ tiêu tuyển sinh

120 sinh viên/năm

II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 150 tín chỉ

(chưa kể giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng, an ninh)

Trong đó:

- Kiến thức giáo dục đại cương : 25 tín chỉ tỷ lệ: 16,7 %



- Kiến thức khoa học cơ bản : 06 tín chỉ tỷ lệ: 4 %
- Kiến thức chuyên nghiệp : 119 tín chỉ tỷ lệ: 79,3 %
 - + Kiến thức cơ sở ngành : 35 tín chỉ tỷ lệ: 29,4 %
 - + Kiến thức cốt lõi ngành : 70 tín chỉ tỷ lệ: 58,8 %
 - + Thực tập, trải nghiệm : 05 tín chỉ tỷ lệ: 4,2 %
 - + Đồ án/ Khóa luận tốt nghiệp : 09 tín chỉ tỷ lệ: 7,6 %
- Tổng số tín chỉ bắt buộc: 150 tín chỉ, tự chọn: 09 tín chỉ (gồm 3 môn tự chọn chuyên ngành) và 12 tín chỉ (gồm 4 môn tự chọn thay cho Anh văn 1, 2, 3, 4)

NGÀNH QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG BAY

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành đào tạo: Quản lý hoạt động bay (Air Traffic Management)

2. Mã ngành đào tạo: 7840102

3. Trình độ đào tạo: Đại học

4. Hệ đào tạo: Chính quy

5. Thời gian đào tạo: 5 năm

6. Đơn vị triển khai: Khoa Khai thác Hàng không

7. Mục tiêu đào tạo

7.1. Mục tiêu chung

Chương trình GDĐH ngành Quản lý hoạt động bay nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức toàn diện, cơ bản hiện đại bảo đảm sau tốt nghiệp có khả năng hoàn thành tốt nhiệm vụ của người kỹ sư hoạt động trong lĩnh vực Quản lý hoạt động bay đồng thời thích ứng với sự phát triển kỹ thuật công nghệ của ngành.

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể làm việc trong các doanh nghiệp trong ngành hàng không và trong ngành kinh tế kỹ thuật khác. Những sinh viên giỏi có thể làm công tác giảng dạy trong các nhà trường hoặc các viện nghiên cứu.

7.2 Mục tiêu cụ thể

Đào tạo Kỹ Sư Quản lý Hoạt Động Bay với các mục tiêu sau đây:

Có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, nắm vững những kiến thức cơ bản về kinh tế-xã hội, có khả năng thu thập thông tin, phân tích, đánh giá, đưa ra khuyến cáo và giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý hoạt động bay, trực tiếp đi sâu vào lĩnh vực tổ chức quản lý, điều hành bay.

Có khả năng tổng hợp kiến thức chuyên môn ngành Quản lý hoạt động bay, nắm vững các kiến thức chuyên ngành như: quy tắc bay, dịch vụ không lưu, hệ thống trang thiết bị thông tin, dẫn đường, giám sát phục vụ công tác điều hành bay, kiến thức về thiết kế phương thức bay, dẫn đường bay theo tính năng, triển khai thực hiện các các phương thức điều hành bay, nghiên cứu cải tiến cơ cấu tổ chức vùng trời khoa học, hợp lý...

Có khả năng trực tiếp tham gia thực hiện công tác điều hành bay tại các cơ sở cung cấp dịch vụ điều hành bay (Kiểm soát tại sân, kiểm soát tiếp cận, kiểm soát đường dài, kiểm soát luồng không lưu, thông báo tin tức hàng không...).



Có khả năng hoạch định, tổ chức, lên kế hoạch, phương án trong Quản lý vùng trời, Quản lý luồng không lưu, thiết kế phương thức bay.

Có khả năng thực hiện công tác quản lý, giám sát và kiểm soát tàu bay tại các giai đoạn, khai thác kỹ thuật ở các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực hàng không.

Có khả năng giải quyết và xử lý tình huống, kỹ năng điều hành và giám sát hoạt động tàu bay trong vùng trời trách nhiệm, khu vực trách nhiệm theo các quy định hiện hành.

Có khả năng phân tích, áp dụng nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, dịch vụ... để trở thành những cán bộ nghiên cứu khoa học tại các viện nghiên cứu, giảng viên trong các trường đại học... đặc biệt là trong lĩnh vực hàng không dân dụng.

Có khả năng hoạch định, ra quyết định, xây dựng chiến lược nâng cao năng lực thuộc ngành quản lý hoạt động bay.

Có khả năng nhận biết, học hỏi về các kiến thức chuyên môn khác liên quan đến ngành quản lý hoạt động bay.

8. Chuẩn đầu ra

8.1. Kiến thức

8.1.1. Kiến thức chung

- Kiến thức về khoa học xã hội: Có kiến thức cơ bản về Triết học nói chung và triết học Mác-Lênin nói riêng; có kiến thức tổng quan về hệ thống chính trị xã hội và về chủ nghĩa XHKH; hiểu tường tận về lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam trong bối cảnh lịch sử thế giới, có kiến thức cơ bản về pháp luật và các quy định của Đảng, Nhà nước và cơ quan đơn vị.

- Kiến thức về văn hóa Việt Nam và văn hóa các nước: Có kiến thức cơ bản về văn hóa Việt Nam và văn hóa các nước.

- Kiến thức về khoa học tự nhiên, tin học, ngoại ngữ: Có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên và có thể áp dụng phục vụ chuyên môn trong quá trình công tác; có kiến thức tin học căn bản, sử dụng thành thạo các phần mềm văn phòng và phần mềm chuyên ngành, có chứng chỉ tin học ứng dụng cơ bản hoặc tương đương; có trình độ ngoại ngữ tương đương IELTS 5.5.

7.1.2. Kiến thức cơ sở ngành và ngành

A. Kiến thức cơ sở ngành

Trình bày được kiến thức tổng quan về ngành hàng không, các kiến thức về pháp luật hàng không; an ninh Hàng không.

Áp dụng được kiến thức về kỹ thuật như: hình họa và vẽ kỹ thuật; đồ họa vi tính và CAD.

Vận dụng được các kiến thức cơ bản về tàu bay như: khí động lực học; cơ học và tính năng tàu bay; động cơ tàu bay.

B. Kiến thức ngành

Vận dụng được các kiến thức ngành Quản lý hoạt động bay cơ bản như: an toàn hàng không; khí tượng hàng không; dẫn đường hàng không; sân bay; quy tắc bay; dịch vụ không lưu; yếu tố con người trong quản lý hoạt động bay; dịch vụ thông báo tin tức hàng không; bản đồ hàng không.

Giải thích được vai trò, chức năng của các hệ thống và các phương thức mới sử dụng trong ngành Quản lý hoạt động bay như: Hệ thống thông tin, liên lạc hàng không; Hệ thống liên lạc, dẫn đường, giám sát; Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu; Dẫn đường bay theo tính năng.

8.1.3. Kiến thức chuyên ngành

- Phân tích được các kiến thức chuyên sâu và có khả năng giảng giải được các kiến thức về vấn đề tổ chức, quản lý trong ngành quản lý hoạt động bay như: quản lý hoạt động bay (dịch vụ không lưu, quản lý vùng trời); quản lý luồng không lưu; thiết kế và tổ chức vùng trời.

Thiết kế phương thức bay, xây dựng phương thức điều hành bay, xây dựng các giải pháp tối ưu trong việc tổ chức và sử dụng vùng trời, xây dựng giải pháp nâng cao năng lực thông qua cảng hàng không sân bay, thông qua vùng trời trách nhiệm...

Sử dụng được các kiến thức tổng quát như: vùng trời kiểm soát; giới hạn của khu vực kiểm soát và các dịch vụ không lưu được cung cấp; cấu trúc đường hàng không; các chương ngại vật sân bay, khu vực cấm, hạn chế và nguy hiểm (đặc tính địa hình/địa vật bao gồm độ cao, phương vị và cự ly so với sân bay; vị trí, kích thước và hoạt động của các khu vực cấm bay, hạn chế bay và nguy hiểm).

Phân tích được các số liệu đường cất hạ cánh, các cự ly công bố; sân đỗ, đường lăn và các vị trí để kiểm tra dữ liệu kỹ thuật; hệ thống kiểm soát, hướng dẫn di chuyển mặt đất và sơn kẻ dấu hiệu.

Áp dụng được các loại NOTAM, điện văn, bản tin khí tượng, kế hoạch bay... vào công tác điều hành kiểm soát tàu bay.

Xây dựng và vận dụng được các phương thức điều hành bay hàng không dân dụng, quy chế bay trong khu vực sân bay trong các giai đoạn kiểm soát tại sân, kiểm soát tiếp cận, kiểm soát đường dài.

Áp dụng và lựa chọn được các phương thức điều hành bay, các hình thức phân cách giữa các tàu bay, phương thức hiệp đồng (thỏa hiệp thư); phương thức xử lý tình huống bất thường khẩn nguy trong các giai đoạn kiểm soát tại sân, kiểm soát tiếp cận, kiểm soát đường dài.

Áp dụng thành thạo tiếng Anh chuyên ngành quản lý hoạt động bay.

Phân tích, áp dụng được các quy định, yêu cầu của đơn vị và các **khuyến cáo của ICAO**.

8.1.4. Khối kiến thức tự chọn

- Trình bày được các quy định về Cứu hỏa và phương thức khẩn nguy sân bay hoặc tìm kiếm, cứu nạn hàng không.
- Trình bày được quy tắc vận chuyển quốc tế về vận chuyển Hàng không hoặc kinh tế hàng không.
- Trình bày được kiến thức về các hệ thống đặc thù trên tàu bay hệ thống cơ khí hoặc hệ thống điện tử.
- Rèn luyện được kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp và thuyết trình.

8.2. Kỹ năng

8.2.1. Kỹ năng cứng

Kỹ năng sử dụng công cụ tin học, máy văn phòng: Sử dụng thành thạo các loại máy văn phòng (máy in, photocopy, fax, máy chiếu, ...) và máy tính trong công việc chuyên môn.

Kỹ năng nói, viết bài bằng tiếng Việt: Kỹ năng nói, viết bài bằng tiếng Việt: Có khả năng trình bày lưu loát, ngắn gọn, súc tích, dễ hiểu... 1 vấn đề; có khả năng phát biểu tự tin trước công chúng; có khả năng viết đúng về hình thức và chính xác về nội dung các văn bản lưu hành nội bộ và văn bản gửi ra ngoài.

Kỹ năng giao tiếp, viết bài bằng tiếng Anh: Kỹ năng giao tiếp, viết bài bằng tiếng Anh: Có khả năng trình bày ngắn gọn, dễ hiểu... 1 vấn đề ngắn; có khả năng phát biểu tự tin trước công chúng; có khả năng viết đúng về hình thức và chính xác về nội dung các văn bản ngắn, đơn giản lưu hành nội bộ và văn bản gửi ra ngoài; có khả năng đọc hiểu chính xác các văn bản tiếng Anh liên quan đến công việc thực hiện.

Kỹ năng giải quyết vấn đề cơ bản về KHTN và KHXH: Có khả năng sử dụng kiến thức KHTN và KHXH để tính toán, phân tích, diễn giải, tổng hợp một vấn đề phục vụ cho công tác chuyên môn.

Kỹ năng giải quyết vấn đề chuyên môn chung: Giải quyết nhanh, chính xác các công việc đơn giản; phối kết hợp, tham khảo ý kiến,... để giải quyết các vấn đề phức tạp như: Phân tích được các sơ đồ, bản đồ liên quan trong lĩnh vực Quản lý hoạt động bay; Áp dụng được các kỹ năng vận hành, khai thác các hệ thống liên quan đến ngành Quản lý hoạt động bay; Sử dụng được các phương tiện, trang thiết bị kỹ thuật được lắp đặt tại các vị trí làm việc (vị trí điều hành bay); Sử dụng được các tài liệu kỹ thuật chuyên ngành bằng tiếng Anh; Ghi chép được nhật ký không lưu.

Kỹ năng giải quyết vấn đề chuyên môn sâu: Giải quyết nhanh, chính xác các công việc đơn giản; phối kết hợp, tham khảo ý kiến,... để giải quyết các vấn đề phức tạp như: Tổ chức thực hiện được công tác điều hành bay trong khu vực trách nhiệm; thực hiện được kỹ năng điều hành tàu bay trong các giai đoạn của chuyến bay (tại sân, tiếp cận, đường dài) bảo đảm theo quy định và áp dụng được các phương thức điều hành tàu bay mới; hoạch định, tổ chức được nên không lưu; biên soạn và triển khai thực hiện được công tác hiệp đồng với các cơ sở điều hành bay và các cơ quan, đơn vị liên quan; phát hiện được những bất thường xảy ra trên bề mặt đường cất hạ cánh (đường băng), đường lăn, sân đỗ, vùng trời kiểm soát; nhận biết và giải quyết được các tình huống bất thường và khẩn nguy.

8.2.2. Kỹ năng mềm

Kỹ năng giao tiếp xã hội và hội nhập cộng đồng: Có kỹ năng giao tiếp và có quan hệ tốt với đối tác, đồng nghiệp, cấp trên, cấp dưới, ... nâng cao hiệu quả giải quyết công việc.

Kỹ năng hội nhập quốc tế: Có kỹ năng giao tiếp và có quan hệ tốt với đối tác, đồng nghiệp, cấp trên, cấp dưới, ... là người nước ngoài nâng cao hiệu quả giải quyết công việc.

Thể hiện được kỹ năng phát âm tiếng anh chuẩn, đọc rõ ràng, mạch lạc.

Vận dụng được kỹ năng viết báo cáo thường kỳ (tình hình hoạt động bay, các trang thiết bị kỹ thuật hằng ngày; tổng hợp tuần, tháng, quý, năm) và các báo cáo chuyên môn tùy theo yêu cầu của vị trí công việc cụ thể.

8.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm



Khả năng phối hợp làm việc: Khả năng phối hợp làm việc: Có khả năng tự mình giải quyết các vấn đề đơn giản; khả năng phối hợp làm việc theo nhóm để giải quyết các vấn đề lớn phức tạp; có năng lực tổ chức 1 hoặc nhiều nhóm làm việc để giải quyết 1 hay vài công việc cụ thể.

Trách nhiệm với cộng đồng, xã hội: Trách nhiệm với cộng đồng, xã hội: Có ý thức và hành động cụ thể tham gia bảo vệ môi trường; tham gia các chương trình hỗ trợ cộng đồng bằng những việc làm thiết thực,...

Trách nhiệm với đồng nghiệp, với đơn vị công tác; trách nhiệm với công việc: Đồng cam, cộng khổ với đồng nghiệp, có tinh thần đoàn kết, tương thân, tương ái; nêu cao ý thức đặt lợi ích tập thể trên lợi ích cá nhân; đề cao tinh thần tất cả vì công việc.

Có sức khỏe tốt: Có sức khỏe tốt và hình thành được thói quen rèn luyện sức khỏe, tham gia đều đặn thể dục thể thao.

9. Điều kiện tốt nghiệp

Theo Quy chế đào tạo trình độ đại học của Học viện Hàng không Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 572/QĐ-HVHK-ĐT ngày 30/06/2023 của Giám đốc Học viện Hàng không Việt Nam.

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ quy định;
- Hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;
- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;
- Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Hoàn thành các học phần Giáo dục quốc phòng - An ninh, Giáo dục thể chất;
- Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc

Ngoại ngữ: Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam. Tối thiểu IELTS 5.5 hoặc các chứng chỉ tương đương được công nhận (không sử dụng chứng chỉ TOEIC)

10. Văn bằng sau khi tốt nghiệp

Kỹ sư Quản lý hoạt động bay.

11. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Tốt nghiệp chương trình, sinh viên có thể công tác tại:

Kiểm soát viên không lưu trình độ đại học trực tiếp tham gia công tác điều hành bay tại các cơ sở điều hành bay: Kiểm soát tại sân, Trung tâm kiểm soát tiếp cận, Trung tâm kiểm soát Đường dài trực thuộc Tổng Công ty Quản lý bay Việt Nam.

Tổng Công ty Quản lý bay Việt Nam: Chuyên viên Ban Không Lưu, chuyên viên Ban An Toàn chất lượng và An ninh, Chuyên viên Phòng An toàn, Chất lượng An Ninh, Chuyên viên phòng không lưu Tại các Công ty quản lý bay khu vực, nhân viên không lưu thuộc Trung tâm Quản lý luồng Không lưu; nhân viên thông báo tin tức hàng không, nhân viên thiết kế phương thức bay tại Trung tâm Thông báo Tin tức Hàng Không; nhân viên Hiệp đồng TKCN tại Trung tâm Tìm kiếm cứu nạn...

Chuyên viên phòng Quản lý hoạt động bay hoặc Phòng Tiêu Chuẩn An Toàn, phòng thanh tra của Cục Hàng không Việt Nam.

Nhân viên Điều độ, khai thác bay tại các Hãng hàng không.

Nhân viên/ chuyên viên Cảng Vụ Hàng không Việt Nam các Cảng Hàng không Việt Nam.

Cán bộ nghiên cứu khoa học tại các viện nghiên cứu, giảng viên trong các trường đại học đào tạo chuyên ngành Quản lý hoạt động bay.

Tham gia làm việc tại các Bộ, Ngành có lĩnh vực đòi hỏi chuyên ngành Quản lý hoạt động bay, chuyên ngành về Hàng không dân dụng

12. Tuyển sinh

12.1. Đối tượng tuyển sinh

Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương.

12.2. Tiêu chí tuyển sinh

Xét tuyển thẳng theo quy chế của tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và thông báo của Trường.

Xét tuyển theo kết quả thi THPT quốc gia

Các hình thức xét tuyển khác theo quy định của Học viện Hàng không tại thời điểm tuyển sinh.

12.3. Chỉ tiêu tuyển sinh

40 – 50 sinh viên/năm.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tổng số tín chỉ phải tích lũy:

150 tín chỉ

(chưa kể giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng, an ninh)

Trong đó:



- Khối kiến thức giáo dục đại cương 25 tín chỉ
- Khối kiến thức cơ sở ngành 44 tín chỉ
- Khối kiến thức ngành 51 tín chỉ
- Khối kiến thức chuyên sâu 15 tín chỉ
- Khối kiến thức tự chọn 7 tín chỉ
- Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp 08 tín chỉ



CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành đào tạo: Công nghệ thông tin (Information Technology)

Chuyên ngành đào tạo: 3 chuyên ngành

Chuyên ngành Công nghệ phần mềm và Trí tuệ nhân tạo

(Software Engineering and Artificial Intelligence)

Chuyên ngành Trí tuệ nhân tạo và Internet vạn vật

(Artificial Intelligence and Internet of Things)

Chuyên ngành Trí tuệ nhân tạo và Dữ liệu lớn

(Artificial Intelligence and Big Data)

2. Mã ngành đào tạo: 7480201

3. Trình độ đào tạo: Đại học

4. Hệ đào tạo: Chính quy

5. Thời gian đào tạo: 4 năm

6. Đơn vị triển khai: Khoa Công nghệ thông tin

7. Mục tiêu đào tạo

7.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo chuyên ngành Công nghệ phần mềm và Trí tuệ nhân tạo thuộc ngành Công nghệ thông tin trình độ đại học tại Học viện Hàng không Việt Nam hướng đến phát triển toàn diện người học, đáp ứng nhu cầu nhân lực công nghệ thông tin cho xã hội và ngành hàng không. Chương trình cung cấp kiến thức từ cơ bản đến chuyên sâu về công nghệ phần mềm và trí tuệ nhân tạo, đồng thời phát triển kỹ năng thực hành, tư duy sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực làm việc nhóm, tự học, năng lực nghiên cứu và cập nhật công nghệ mới. Bên cạnh đó, chương trình chú trọng rèn luyện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, bản lĩnh chính trị vững vàng, ý thức trách nhiệm xã hội, ý thức rèn luyện sức khỏe, lòng yêu nước, sự trung thành với Tổ quốc, khả năng sử dụng ngoại ngữ và đặc biệt là khả năng ứng dụng sáng tạo vào các giải pháp thực tiễn, giúp người học thích ứng với sự phát triển công nghệ và hội nhập quốc tế.

Chương trình đào tạo chuyên ngành Trí tuệ nhân tạo và Internet vạn vật (AIoT) thuộc ngành Công nghệ thông tin trình độ đại học tại Học viện Hàng không Việt Nam hướng đến đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, phát triển toàn diện người học, trang bị kiến thức toàn diện và chuyên sâu về Trí tuệ



nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT), Điện toán đám mây, Bảo mật dữ liệu cùng các công nghệ hiện đại nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực công nghệ thông tin cho xã hội và ngành hàng không. Chương trình giúp người học phát triển khả năng tư duy sáng tạo, năng lực làm việc nhóm, tự học, năng lực nghiên cứu và cập nhật công nghệ mới. Ngoài ra, chương trình còn chú trọng rèn luyện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, bản lĩnh chính trị vững vàng, ý thức trách nhiệm xã hội, ý thức rèn luyện sức khỏe, lòng yêu nước, sự trung thành với Tổ quốc, khả năng sử dụng ngoại ngữ và đặc biệt là khả năng ứng dụng sáng tạo vào các giải pháp thực tiễn, giúp người học thích ứng với sự phát triển công nghệ và hội nhập quốc tế.

Chương trình đào tạo chuyên ngành Trí tuệ nhân tạo và Dữ liệu lớn thuộc ngành Công nghệ thông tin trình độ đại học tại Học viện Hàng không Việt Nam hướng đến đào tạo nguồn nhân lực công nghệ thông tin cho xã hội và ngành hàng không có kiến thức chuyên môn sâu, kỹ năng thực hành vững chắc và đạo đức nghề nghiệp. Chương trình hướng đến phát triển toàn diện người học, bao gồm cung cấp kiến thức cơ bản và chuyên sâu về trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn, phát triển kỹ năng thực hành, tư duy sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực làm việc nhóm, năng lực nghiên cứu và cập nhật công nghệ mới. Ngoài ra, chương trình cũng hướng đến việc rèn luyện sinh viên có bản lĩnh chính trị vững vàng, ý thức trách nhiệm xã hội, ý thức rèn luyện sức khỏe, lòng yêu nước, sự trung thành với tổ quốc, khả năng sử dụng ngoại ngữ và ứng dụng sáng tạo, tinh thần học tập suốt đời, sẵn sàng đóng góp tích cực vào sự phát triển bền vững, đổi mới công nghệ trong nước và hội nhập quốc tế.

7.2. Mục tiêu cụ thể

Kiến thức:

Trang bị cho sinh viên kiến thức đại cương về Lý luận của Chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Pháp luật đại cương, Tổng quan hàng không dân dụng, Pháp luật hàng không, Tiếng Anh cơ bản, An ninh Quốc phòng, rèn luyện thể chất và các kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học xã hội nhằm hình thành tư duy nền tảng, đáp ứng yêu cầu học tập chuyên ngành và phát triển năng lực học tập nâng cao.

Ứng dụng các nguyên lý toán học, khoa học và kỹ thuật để giải quyết các bài toán trong lĩnh vực công nghệ phần mềm và trí tuệ nhân tạo, đặc biệt trong các hệ thống yêu cầu độ chính xác, an toàn, và hiệu suất cao phù hợp với đặc



thù ngành hàng không nói riêng và ngành công nghệ thông tin nói chung trong môi trường làm việc đa văn hóa.

Trang bị kiến thức cơ sở ngành công nghệ thông tin giúp sinh viên phát triển khả năng phân tích, giải quyết vấn đề và xây dựng các giải pháp công nghệ đáp ứng yêu cầu làm việc trong môi trường hàng không và các lĩnh vực liên quan.

Trang bị kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành, nhằm giúp sinh viên phát triển khả năng phân tích, sáng tạo và ứng dụng hiệu quả các giải pháp công nghệ hiện đại đáp ứng với đặc thù ngành hàng không nói riêng và ngành công nghệ thông tin nói chung trong môi trường làm việc đa văn hóa.

Kỹ năng:

Phát triển năng lực phân tích yêu cầu, thiết kế, lập trình và tối ưu hóa hệ thống phần mềm thông minh nhằm đáp ứng nhu cầu thực tiễn của ngành hàng không nói riêng và ngành công nghệ thông tin nói chung trong môi trường làm việc đa văn hóa.

Xây dựng và triển khai các hệ thống phần mềm thông minh, đáp ứng các bài toán chuyên sâu trong quản lý, vận hành tự động hóa. Đồng thời, hướng đến việc sáng tạo và tối ưu hóa các giải pháp công nghệ, đáp ứng xu hướng công nghiệp 4.0.

Phát triển năng lực phân tích yêu cầu, thiết kế, lập trình, và tối ưu hóa hệ thống Trí tuệ nhân tạo và Internet vạn vật nhằm đáp ứng nhu cầu thực tiễn của ngành hàng không nói riêng và ngành công nghệ thông tin nói chung trong môi trường làm việc đa văn hóa.

Xây dựng, triển khai các giải pháp thông minh cho hệ thống Internet vạn vật (IoT) tích hợp Trí tuệ nhân tạo, đáp ứng các bài toán chuyên sâu trong quản lý, vận hành tự động hóa. Đồng thời, hướng đến việc sáng tạo và tối ưu hóa các giải pháp công nghệ, đáp ứng xu hướng công nghiệp 4.0.

Phát triển năng lực huấn luyện, phát triển và đánh giá các mô hình AI để khai thác dữ liệu, thực hiện đầy đủ các bước từ phân tích dữ liệu, huấn luyện, kiểm thử, đánh giá các mô hình học máy (Machine Learning) và học sâu (Deep Learning) để đảm bảo hiệu suất và độ tin cậy của hệ thống.

Phát triển năng lực phân tích, xây dựng và triển khai các mô hình AI để tối ưu hóa việc khai thác dữ liệu lớn, đảm bảo hiệu suất và độ tin cậy của hệ thống. Từ đó có thể ứng dụng AI và Big Data trong các lĩnh vực như hàng không và các ngành công nghiệp khác.

Phát triển kỹ năng giao tiếp hiệu quả trong môi trường làm việc đa văn hóa, bao gồm giao tiếp nhóm, giao tiếp kỹ thuật và giao tiếp đa văn hóa. Đồng thời, xây dựng năng lực thảo luận, phản biện và tư duy sáng tạo để quản lý dự án và triển khai các giải pháp công nghệ tiên tiến, đáp ứng yêu cầu thực tế trong môi trường đa ngành và đa văn hóa

Phát triển khả năng sử dụng ngoại ngữ và các công nghệ mới trong môi trường làm việc đa ngành và đa văn hóa.

Thái độ:

Phát huy ý thức trách nhiệm công dân và tinh thần phục vụ cộng đồng thông qua việc phát triển và ứng dụng các giải pháp chuyên ngành để giải quyết các vấn đề thực tiễn trong môi trường làm việc đa văn hóa.

Rèn luyện thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, bao gồm tính trung thực, tinh thần trách nhiệm, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, không ngừng tự học, đổi mới và nâng cao năng lực chuyên môn, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và sáng tạo trong môi trường làm việc đa văn hóa.

8. Chuẩn đầu ra

8.1. Kiến thức

Áp dụng kiến thức về lý luận chính trị, pháp luật, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, phương pháp nghiên cứu khoa học, ngoại ngữ, quốc phòng – an ninh để giải quyết các vấn đề thực tiễn trong học tập, công tác và chuyên môn. Ngoài ra, có thể áp dụng kiến thức về khởi nghiệp sáng tạo đổi mới, kỹ năng phát triển toàn diện bản thân nhằm phục vụ cho công việc chuyên môn và định hướng nghề nghiệp cá nhân.

Áp dụng kiến thức cơ sở ngành để giải quyết các bài toán cơ bản về lập trình, cơ sở dữ liệu, giải thuật, cấu trúc rời rạc, v.v... làm nền tảng cho các bài toán chuyên ngành.

Tổng hợp kiến thức cơ sở ngành để giải quyết các bài toán lập trình, các bài toán mô hình học máy, các vấn đề nền tảng công nghệ mới đáp ứng các công việc được mô tả theo vị trí việc làm.

Tổng hợp kiến thức chuyên ngành để giải quyết các vấn đề thực tế đáp ứng các công việc được mô tả theo vị trí việc làm.

Thiết kế và xây dựng các hệ thống đáp ứng các công việc được mô tả theo vị trí việc làm.

Tổng hợp và lập kế hoạch để tổ chức, giám sát các quy trình hoạt động trong lĩnh vực CNTT trong môi trường làm việc đương đại đa văn hóa, đa quốc gia.

8.2. Kỹ năng

Trình bày và truyền đạt thông tin một cách tự tin, mạch lạc dễ hiểu. Soạn thảo hợp đồng, văn bản khoa học và viết báo cáo.

Giao tiếp và đọc hiểu tài liệu tiếng Anh trong công tác chuyên môn với trình độ tương đương B1.

Sử dụng thành thạo máy tính, phần mềm tin học căn bản và các công cụ công nghệ số phục vụ công việc chuyên môn.

Phối hợp chuyên môn và mối quan hệ xã hội lên kế hoạch khởi tạo dự án phù hợp với năng lực trong môi trường đa văn hóa và đa quốc gia.

Thực hiện chính xác kiến thức cơ sở ngành để giải quyết các bài toán thực tế liên quan đến chuyên ngành.

Thực hiện chính xác kiến thức chuyên môn giải quyết các bài toán thực tế liên quan đến mô tả theo vị trí việc làm.

Thực hiện thành thạo kiến thức chuyên môn giải quyết các bài toán thực tế liên quan đến mô tả theo vị trí việc làm.

8.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Thể hiện ý chí kiên cường, dám nghĩ, dám làm và dám chịu trách nhiệm để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Thể hiện thái độ cầu thị, biết lắng nghe, tiếp thu và chỉnh sửa để hoàn thiện bản thân và công việc.

Chú trọng rèn luyện sức khỏe, tham gia tích cực các hoạt động thể thao, văn hóa và có khả năng tự vệ, bảo vệ người khác khi cần thiết.

Thể hiện tinh thần đoàn kết, sống tích cực, có đạo đức và tác phong gương mẫu, thể hiện lòng yêu nước và trung thành với Tổ quốc.

Tự tin trình bày, thuyết trình và báo cáo một cách logic, mạch lạc trước công chúng.

Tổ chức và điều phối các hoạt động nhóm giải quyết sự cố cho bản thân và cộng đồng.

9. Điều kiện tốt nghiệp

Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

Sinh viên phải tích lũy đủ số học phần quy định trong chương trình dạy học đại học theo chuyên ngành được đào tạo, không còn nợ học phần nào; điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên.



Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng an ninh; có chứng nhận tham gia tuần lễ học sinh sinh viên theo quy định của Học viện Hàng không Việt Nam.

Trình độ ngoại ngữ: có năng lực ngoại ngữ bậc 3 (B1) khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam hoặc tương đương.

10. Văn bằng sau khi tốt nghiệp

Cử nhân Công nghệ thông tin chuyên ngành Công nghệ phần mềm và Trí tuệ nhân tạo.

Cử nhân Công nghệ thông tin chuyên ngành Trí tuệ nhân tạo và Internet vạn vật.

Cử nhân Công nghệ thông tin chuyên ngành Trí tuệ nhân tạo và Dữ liệu lớn.

Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Công nghệ thông tin có khả năng đạt được các vị trí làm việc như sau:

Chuyên ngành Công nghệ phần mềm và Trí tuệ nhân tạo

Chuyên viên phần mềm AI (AI Software Specialist): Thiết kế, phát triển và tối ưu hóa các phần mềm Trí tuệ Nhân tạo (AI) để giải quyết các bài toán thực tế và đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế. Xây dựng các module và ứng dụng AI như xử lý ngôn ngữ tự nhiên (NLP), thị giác máy tính (Computer Vision), hệ thống hỗ trợ quyết định, hệ thống trợ lý thông minh, v.v... đảm bảo hiệu suất và độ tin cậy của sản phẩm khi triển khai trong môi trường thực tiễn. Công việc yêu cầu kỹ năng lập trình (Python, Java, v.v...), kiến thức sâu rộng về học máy, học sâu, khả năng xử lý dữ liệu lớn để huấn luyện mô hình AI. Ngoài ra, cần khả năng tư duy sáng tạo, kỹ năng làm việc nhóm và khả năng cập nhật xu hướng công nghệ toàn cầu.

Chuyên viên phát triển ứng dụng web, di động, game (Web/Mobile Developer): Thiết kế, xây dựng và triển khai các ứng dụng trên nền tảng web, di động, game cho các dự án đa quốc gia. Công việc bao gồm tối ưu hóa hiệu suất ứng dụng, đảm bảo trải nghiệm người dùng và sửa lỗi kỹ thuật. Sử dụng công nghệ phát triển dự án như HTML, CSS, JavaScript, PHP, Java, Python, các framework ReactJS, Angular, NodeJS, Swift, Kotlin, Flutter, ReactNative, Unity, Unreal Engine, v.v... Công việc đòi hỏi tư duy sáng tạo, kỹ năng lập trình mạnh mẽ và khả năng làm việc trong môi trường công nghệ thay đổi liên tục. Ngoài ra, cần có thái độ chủ động học hỏi, chú trọng chất lượng, trách nhiệm cao, làm việc hợp tác linh hoạt và đam mê công nghệ, luôn sẵn sàng đón nhận thách thức, cải thiện kỹ năng và sáng tạo giải pháp.



Chuyên viên tích hợp AI vào hệ thống phần mềm (AI Integration Specialist): Thiết kế, phát triển và tối ưu hóa các phần mềm có tích hợp các giải pháp trí tuệ nhân tạo (AI) để giải quyết các bài toán thực tế và đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế. Công việc bao gồm làm việc với các API, SDK AI từ các nền tảng như OpenAI, Google AI, IBM Watson; thiết kế các luồng xử lý dữ liệu tích hợp vào AI; giám sát hiệu suất và khắc phục các sự cố. Công việc yêu cầu kỹ năng lập trình (Python, Java, v.v...), hiểu biết về AI, học máy (ML), phân tích hệ thống và khả năng làm việc trong môi trường đổi mới công nghệ. Ngoài ra, cần có thái độ chủ động học hỏi công nghệ mới, sáng tạo trong giải pháp tích hợp, chú trọng chất lượng, trách nhiệm cao và hợp tác hiệu quả với các đội nhóm liên quan.

Chuyên viên đảm bảo chất lượng phần mềm (Software QA Specialist): Tổ chức quy trình kiểm thử, lập kế hoạch kiểm thử, thiết kế kịch bản (Test Cases), thực hiện kiểm thử thủ công (Manual Testing) và tự động (Automated Testing), phát hiện lỗi và theo dõi việc sửa lỗi để tối ưu hóa sản phẩm, đánh giá và đảm bảo chất lượng phần mềm theo các tiêu chuẩn quốc tế (ISO, CMMI, ISTQB v.v...). Đồng thời, chuyên viên QA đảm bảo tính an toàn và độ tin cậy cao cho hệ thống phần mềm, đặc biệt trong các môi trường yêu cầu chất lượng cao như tài chính, y tế, công nghệ, hàng không, v.v... Công việc yêu cầu kỹ năng phân tích để phát hiện rủi ro và lỗi tiềm ẩn, kỹ năng sử dụng các công cụ như Selenium, JIRA, Postman, v.v... và am hiểu quy trình phát triển phần mềm (Agile, Waterfall, V-Model, DevOps, v.v...). Mục tiêu là giảm thiểu rủi ro, tăng hiệu suất và mang lại tin cậy cho phần mềm.

Chuyên viên Phân tích Nghiệp vụ (Business Analyst): Khảo sát, thu thập, phân tích và truyền đạt yêu cầu nghiệp vụ giữa khách hàng và đội ngũ kỹ thuật để đảm bảo phần mềm được phát triển phù hợp với kỳ vọng doanh nghiệp đa quốc gia. Công việc bao gồm xây dựng quy trình nghiệp vụ, viết tài liệu yêu cầu (BRD, SRS) và hỗ trợ kiểm thử chấp nhận người dùng (UAT). Chuyên viên cần kỹ năng giao tiếp tốt, phân tích dữ liệu và sử dụng các công cụ như Jira, Visio, Figma, ERP, CRM, SQL, Microsoft Project, v.v... Ngoài ra, cần có thái độ chủ động học hỏi, chú trọng chất lượng công việc, sẵn sàng đón nhận thách thức, kiên trì trong giải quyết vấn đề và hợp tác hiệu quả trong môi trường đa quốc gia.

Chuyên ngành Trí tuệ nhân tạo và Internet vạn vật



Chuyên viên phần mềm AIoT (AIoT Software Specialist): Thiết kế và xây dựng phần mềm hệ thống thông minh, tích hợp thuật toán AI vào thiết bị IoT. Sử dụng kiến thức chuyên sâu về lập trình như: Python, Java, C++, v.v... giao thức truyền thông IoT và các framework như: TensorFlow, PyTorch, v.v... để phát triển các giải pháp phần mềm tối ưu. Công việc yêu cầu kỹ năng phân tích, thiết kế và tối ưu hóa phần mềm để hoạt động hiệu quả trên các thiết bị IoT. Thái độ làm việc chuyên nghiệp bao gồm tinh thần trách nhiệm cao, không ngừng học hỏi, cập nhật đổi mới công nghệ để đáp ứng nhu cầu thực tiễn, xu hướng công nghệ toàn cầu trong lĩnh vực công nghệ thông tin cũng như ngành hàng không.

Chuyên viên học máy (Machine Learning Specialist): Nghiên cứu, phát triển thuật toán, cải tiến mô hình AI giúp nhận diện, phát hiện và dự đoán để giải quyết các bài toán chuyên sâu trong lĩnh vực AI đa quốc gia. Công việc yêu cầu thành thạo kỹ năng phân tích, thiết kế mô hình AI để xây dựng các ứng dụng cho lĩnh vực AIoT. Thái độ làm việc chuyên nghiệp bao gồm tinh thần trách nhiệm, tư duy sáng tạo, không ngừng học hỏi, sáng tạo trong giải pháp tích hợp, chú trọng chất lượng, trách nhiệm cao và hợp tác hiệu quả với các đội nhóm liên quan.

Chuyên viên bảo mật AIoT (AIoT Security Specialist): Thiết kế và triển khai các giải pháp bảo mật, kiểm soát truy cập, phát hiện và xử lý các mối đe dọa an ninh mạng trong các hệ thống IoT. Cần kiến thức chuyên sâu về bảo mật mạng, giao thức truyền thông IoT, các tiêu chuẩn bảo mật để xây dựng các giải pháp tối ưu, phù hợp với môi trường IoT và đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế. Kỹ năng phân tích lỗ hổng, thiết kế hệ thống bảo mật và ứng dụng các công cụ giám sát để bảo vệ dữ liệu và thiết bị IoT. Thái độ làm việc chuyên nghiệp gồm tinh thần trách nhiệm cao, khả năng làm việc độc lập và nhóm, không ngừng học hỏi công nghệ mới, giải pháp mới để đối phó với các mối đe dọa bảo mật và đáp ứng các nhu cầu thực tiễn trong lĩnh vực công nghệ thông tin cũng như ngành hàng không.

Chuyên viên Thị giác Máy tính (Computer Vision Specialist): Thiết kế và xây dựng ứng dụng nhận dạng, phát hiện đối tượng, theo dõi chuyển động và phân tích dữ liệu từ các thiết bị IoT. Cần kiến thức chuyên sâu về thị giác máy tính, học máy v.v... Yêu cầu có kỹ năng phân tích dữ liệu, thiết kế và tối ưu hóa thuật toán để đảm bảo hoạt động hiệu quả trên các thiết bị IoT theo tiêu chuẩn quốc tế. Thái độ làm việc chuyên nghiệp, tinh thần trách nhiệm cao, tư



duy sáng tạo, khả năng làm việc nhóm và không ngừng học hỏi để cập nhật công nghệ mới.

Chuyên viên Vận hành và Bảo trì Hệ thống AIoT (AIoT Operations and Maintenance Specialist): Tổ chức giám sát, vận hành và duy trì các hệ thống thông minh tích hợp trí tuệ nhân tạo (AI) và Internet vạn vật (IoT). Cần có kiến thức chuyên sâu về các thiết bị IoT, mạng máy tính và bảo mật hệ thống. Thành thạo kỹ năng giám sát, phân tích, khắc phục sự cố kỹ thuật, thực hiện bảo trì định kỳ, nâng cấp thiết bị và phần mềm, đồng thời tối ưu hóa hiệu suất hoạt động của hệ thống. Ngoài ra, cần có thái độ làm việc chuyên nghiệp bao gồm tinh thần trách nhiệm cao, tư duy sáng tạo, khả năng làm việc nhóm và không ngừng học hỏi để cập nhật công nghệ mới, chú trọng chất lượng công việc, sẵn sàng đón nhận thách thức, kiên trì trong giải quyết vấn đề và hợp tác hiệu quả trong môi trường đa quốc gia.

Chuyên ngành Trí tuệ nhân tạo và Dữ liệu lớn

Chuyên viên Dữ liệu Trí tuệ nhân tạo (AI Data Specialist): Xây dựng và triển khai các mô hình học máy (Machine Learning) và học sâu (Deep Learning) để khai thác, phân tích và chuyển đổi dữ liệu thành thông tin có giá trị hỗ trợ tối ưu hóa quy trình kinh doanh và ra quyết định cho các lĩnh vực hàng không, y tế, giao thông, v.v... Công việc bao gồm phân tích, thiết kế, huấn luyện, và triển khai các mô hình AI hiệu quả. Công việc yêu cầu kiến thức sâu rộng về học máy và học sâu, kỹ năng lập trình thành thạo các ngôn ngữ như Python, Java, v.v... Chuyên viên cần khả năng tư duy sáng tạo, kỹ năng làm việc nhóm và khả năng cập nhật xu hướng công nghệ toàn cầu.

Chuyên viên Thị giác Dữ liệu AI (AI Data Visualization Specialist): Trực quan hóa dữ liệu thông qua sử dụng các mô hình Học máy (Machine Learning) hoặc các công cụ trực quan hóa dữ liệu phổ biến. Công việc bao gồm chuyển đổi các tập dữ liệu phức tạp thành các biểu đồ, báo cáo và dashboard trực quan để hỗ trợ ra quyết định cho các lĩnh vực hàng không, y tế, giao thông, v.v... Công việc yêu cầu kỹ năng ứng dụng các mô hình AI (như học máy hoặc học sâu) để tạo ra các báo cáo thông minh và sáng tạo, am hiểu công cụ trực quan hóa dữ liệu phổ biến như Tableau, Power BI, matplotlib, hoặc Plotly để thiết kế các biểu đồ và dashboard tương tác; các công cụ hỗ trợ phân tích và xử lý dữ liệu lớn như Apache Spark hoặc Hadoop. Ngoài ra, cần có thái độ chủ động học hỏi, chú trọng chất lượng công việc trong môi trường đa văn hóa và công nghệ thay đổi liên tục.



Chuyên viên Phân tích Dữ liệu Lớn (Big Data Analytics Specialist): Xây dựng và triển khai các giải pháp phân tích dữ liệu lớn trong các dự án đa quốc gia. Công việc bao gồm phân tích, thiết kế và tối ưu hóa các hệ thống dữ liệu lớn, xử lý và làm sạch dữ liệu thô, tìm kiếm các mẫu dữ liệu quan trọng và dự đoán xu hướng. Công việc yêu cầu kiến thức sâu rộng về các nền tảng và công nghệ dữ liệu lớn như Apache Hadoop, Apache Spark và Kafka, cùng với các cơ sở dữ liệu phi quan hệ như MongoDB và Cassandra. Thành thạo các công cụ ETL (Extract, Transform, Load); các ngôn ngữ lập trình như Python, SQL hoặc Java; hiểu biết về bảo mật dữ liệu, tối ưu hóa lưu trữ và truy xuất. Có kỹ năng làm việc trong môi trường điện toán đám mây như AWS, Azure hoặc Google Cloud. Ngoài ra, cần có thái độ chủ động học hỏi, chú trọng chất lượng công việc trong môi trường đa văn hóa và công nghệ thay đổi liên tục.

Chuyên viên Phát triển hệ thống Blockchain (Blockchain Developer): Xây dựng và triển khai hệ thống công nghệ blockchain trong các dự án đa quốc gia liên quan đến Trí tuệ nhân tạo và Dữ liệu lớn. Công việc bao gồm phân tích, thiết kế và triển khai các giải pháp phi tập trung nhằm tối ưu hóa tính bảo mật, bất biến, minh bạch và khả năng theo dõi dữ liệu trong các hệ thống tích hợp AI và dữ liệu lớn. Công việc yêu cầu kiến thức về mật mã học, bảo mật dữ liệu, điện toán đám mây, v.v...; thành thạo các nền tảng Blockchain như Ethereum, Hyperledger và Solana, các công cụ phát triển như Truffle, Hardhat và Remix, các ngôn ngữ lập trình như Python, Solidity, v.v... Ngoài ra, cần có thái độ chủ động học hỏi, chú trọng chất lượng công việc trong môi trường đa văn hóa và công nghệ thay đổi liên tục.

Chuyên viên Xử lý Ngôn ngữ Tự nhiên (NLP Specialist): Xây dựng các ứng dụng để phân tích và xử lý ngôn ngữ tự nhiên dựa trên các mô hình học máy (machine learning) và học sâu (deep learning). Công việc bao gồm phân tích, thiết kế và triển khai các hệ thống xử lý ngôn ngữ tự nhiên (Natural Language Processing - NLP) như chatbot, hệ thống dịch thuật tự động, phân tích cảm xúc và trích xuất thông tin từ văn bản, v.v... Công việc yêu cầu kỹ năng phát triển và ứng dụng các mô hình AI tiên tiến, đặc biệt là các mô hình LLMs và AI tạo sinh để triển khai các ứng dụng thông minh. Cần thái độ chủ động học hỏi, sáng tạo và chú trọng chất lượng công việc trong môi trường đa văn hóa và công nghệ thay đổi liên tục.

12. Tuyển sinh

12.1. Đối tượng tuyển sinh

Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương.

12.2. Tiêu chí tuyển sinh

- Xét tuyển thẳng theo quy chế của tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và thông báo của Trường.
- Xét tuyển theo kết quả thi THPT quốc gia
- Các hình thức xét tuyển khác theo quy định của Học viện Hàng không tại thời điểm tuyển sinh.

12.3. Chỉ tiêu tuyển sinh

- Theo đề án tuyển sinh của Học viện Hàng không Việt Nam

II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 120 tín chỉ

(chưa kể giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng, an ninh)

Trong đó:

- | | |
|---|------------|
| - Khối kiến thức cơ sở | 36 tín chỉ |
| - Khối kiến thức chuyên nghiệp | 74 tín chỉ |
| - Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp | 10 tín chỉ |

QUẢN TRỊ NHÂN LỰC

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành đào tạo: Quản trị nhân lực (Human Resource Management)
2. Mã ngành đào tạo: 7340404
3. Trình độ đào tạo: Đại học
4. Hệ đào tạo: Chính quy
5. Thời gian đào tạo: 8 học kỳ
6. Đơn vị triển khai: Khoa Quản trị kinh doanh
7. Mục tiêu đào tạo

7.1. Mục tiêu chung

Chương trình Cử nhân Quản trị Nhân lực nhằm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao có nền tảng kiến thức vững chắc, bao gồm cả kiến thức cơ bản và chuyên sâu trong lĩnh vực quản trị nhân lực. Sinh viên được trang bị tư duy hệ thống, khả năng vận dụng lý thuyết vào thực tiễn để giải quyết hiệu quả các vấn đề trong quản trị nhân sự như: hoạch định chiến lược và chính sách nhân sự, phân tích và thiết kế công việc, tuyển dụng, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, đánh giá hiệu quả công việc, xây dựng chế độ đãi ngộ, đảm bảo an toàn lao động và phát triển quan hệ lao động hài hòa trong tổ chức. Bên cạnh năng lực chuyên môn, cử nhân ngành Quản trị Nhân lực còn được phát triển kỹ năng phân tích, phản biện, giải quyết vấn đề và kỹ năng giao tiếp – làm việc nhóm trong môi trường đa văn hóa. Chương trình cũng tạo nền tảng học thuật và phương pháp luận vững chắc, giúp người học nâng cao năng lực tự học, tự nghiên cứu, sẵn sàng tiếp tục học tập ở trình độ sau đại học và thích ứng với yêu cầu thay đổi của thị trường lao động hiện đại.

7.2. Mục tiêu cụ thể

- Kiến thức:

PO1: Trang bị cho người học kiến thức nền tảng về kinh tế, quản trị và pháp luật làm cơ sở cho việc tiếp thu kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực quản trị nhân lực.

PO2: Cung cấp kiến thức chuyên sâu về quản trị nhân lực như hoạch định nguồn nhân lực, phân tích và thiết kế công việc, tuyển dụng, đào tạo và phát triển, quản trị hiệu quả công việc, đãi ngộ và phúc lợi, quan hệ lao động và an toàn lao động trong doanh nghiệp.

- Kỹ năng:

PO3: Hình thành và phát triển các kỹ năng chuyên môn cần thiết để thực hiện các nghiệp vụ quản trị nhân lực trong môi trường doanh nghiệp đa dạng và thay đổi.

PO4: Phát triển kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng phân tích và giải quyết vấn đề trong lĩnh vực nhân sự; kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm hiệu quả trong môi trường đa văn hóa và hội nhập quốc tế.

- Mức tự chủ và trách nhiệm:

PO5: Rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu và thích ứng với sự thay đổi của môi trường làm việc; sẵn sàng học tập nâng cao ở các bậc học cao hơn.

PO6: Xây dựng ý thức trách nhiệm nghề nghiệp, đạo đức nghề nghiệp và tinh thần phục vụ cộng đồng; chủ động đề xuất, triển khai và chịu trách nhiệm trong công việc được giao.

Vị trí làm việc sau tốt nghiệp:

STT	Vị trí việc làm cụ thể
1	Chuyên viên tuyển dụng
2	Chuyên viên đào tạo và phát triển nhân sự
3	Chuyên viên C&B (Lương, thưởng và phúc lợi)
4	Chuyên viên quan hệ lao động
5	Chuyên viên nhân sự tổng hợp
6	Trợ lý giám đốc nhân sự
7	Chuyên viên tư vấn nhân sự tại các công ty dịch vụ nhân lực
8	Khởi nghiệp trong lĩnh vực dịch vụ nhân sự
9	Nhân sự chuyển đổi số hoặc phụ trách triển khai phần mềm HRIS

8. Chuẩn đầu ra

Sinh viên ngành Quản trị nhân lực sau khi tốt nghiệp có kiến thức về ngành và các năng lực sau:

8.1. Kiến thức

STT	Ký hiệu	Nội dung từng chuẩn đầu ra	Bloom (Nhận thức)
PLO1	K1	Áp dụng kiến thức cơ bản về kinh tế, quản trị, pháp luật, hành vi tổ chức và tâm lý học trong việc nhận diện và phân tích các vấn đề nguồn nhân lực trong doanh nghiệp.	Mức 3 – Vận dụng
PLO2	K2	Thực hiện các hoạt động quản trị nhân sự như hoạch định, tổ chức, triển khai và giám sát các chính sách và quy trình nhân sự một cách hiệu quả trong tổ chức.	Mức 3 – Vận dụng
PLO3	K3	Vận dụng kiến thức về phân tích công việc, thiết kế hệ thống lương – thưởng, phúc lợi và đánh giá hiệu suất để nâng cao hiệu quả làm việc và động lực nhân viên.	Mức 3 – Vận dụng
PLO4	K4	Triển khai các giải pháp quản trị quan hệ lao động, an toàn lao động và tuân thủ pháp luật nhằm xây dựng môi trường làm việc hài hòa, ổn định và bền vững.	Mức 3 – Vận dụng

8.2. Kỹ năng

STT	Ký hiệu	Nội dung từng chuẩn đầu ra	Bloom (Kỹ năng)
PLO5	S1	Thực hiện chính xác các quy trình nghiệp vụ nhân sự như phân tích công việc, tuyển dụng, đào tạo, đánh giá hiệu suất và xây dựng chính sách đãi ngộ phù hợp.	Mức 3 – Chính xác
PLO6	S2	Áp dụng thành thạo các công cụ và phần mềm quản trị nhân sự (HRIS, KPI, đánh giá năng lực) để xử lý dữ liệu và hỗ trợ ra quyết định nhân sự.	Mức 3 – Chính xác

STT	Ký hiệu	Nội dung từng chuẩn đầu ra	Bloom (Kỹ năng)
PLO7	S3	Thực hành hiệu quả kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, đàm phán và xử lý tình huống trong các bối cảnh quan hệ lao động và phát triển nguồn nhân lực.	Mức 3 – Chính xác
PLO8	S4	Triển khai chuẩn xác kỹ năng làm việc nhóm, phối hợp liên phòng ban và hỗ trợ triển khai các hoạt động nhân sự trong môi trường tổ chức đa dạng.	Mức 3 – Chính xác

8.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

STT	Ký hiệu	Nội dung từng chuẩn đầu ra	Bloom (Tự chủ & TN)
PLO9	A1	Thể hiện tinh thần tự học và học tập suốt đời, chủ động cập nhật kiến thức, năng lực nghề nghiệp và các xu hướng nhân sự hiện đại để thích ứng với môi trường biến động.	Mức 3 – Định giá
PLO10	A2	Cam kết tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội, có thái độ tôn trọng pháp luật và chuẩn mực tổ chức trong mọi hoạt động nghề nghiệp.	Mức 3 – Định giá
PLO11	A3	Trân trọng vai trò cá nhân trong làm việc nhóm và đổi mới sáng tạo, tích cực đóng góp vào hiệu quả chung và thúc đẩy sự cải tiến trong tổ chức.	Mức 3 – Định giá

PLO12	A4	Đánh giá cao tinh thần khởi nghiệp và năng lực chuyển đổi số, thể hiện sự chủ động trong việc đề xuất sáng kiến, vận dụng công nghệ số để giải quyết vấn đề nhân sự.	Mức 3 – Định giá
-------	----	--	------------------

Điều kiện tốt nghiệp:

- Tích lũy đủ số lượng 120 tín chỉ của chương trình đào tạo;
- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;
- Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Hoàn thành các học phần Giáo dục quốc phòng - An ninh, Giáo dục thể chất;
- Ngoại ngữ: Có trình độ Tiếng Anh tương đương Bậc 3 theo Thông tư số 01/2014/TT-BGD&ĐT quy định về Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam

- Có kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin đáp ứng được công việc;

Văn bằng sau khi tốt nghiệp:

- + Tên tiếng Việt : Bằng cử nhân ngành Quản trị nhân lực
- + Tên tiếng Anh : Bachelor of Human Resource Management

Tuyển sinh: Hình thức tuyển sinh thực hiện theo Quy chế tuyển sinh Đại học, Cao đẳng của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và đảm bảo theo Đề án tuyển sinh của Học Viện Hàng Không Việt Nam.

Đối tượng tuyển sinh: Tuyển sinh trên toàn quốc theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo; người học có nguyện vọng và đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào.

Dự kiến quy mô tuyển sinh: Dự kiến, chương trình sẽ tuyển sinh khoảng 300 sinh viên mỗi năm, phù hợp với năng lực đào tạo, nhu cầu thị trường lao động và định hướng phát triển bền vững của Học viện Hàng không Việt Nam

II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tổng số tín chỉ phải tích lũy:

120 tín chỉ

(chưa tính Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - an ninh, kỹ năng bổ trợ)

Trong đó:

- Kiến thức giáo dục đại cương : 34 tín chỉ tỷ lệ: 28%

- 
- Kiến thức chuyên nghiệp : 86 tín chỉ tỷ lệ: 72%
 - + Kiến thức cơ sở ngành : 20 tín chỉ tỷ lệ: 17%
 - + Kiến thức cốt lõi ngành : 56 tín chỉ tỷ lệ: 47%
 - + Thực tập, trải nghiệm : 04 tín chỉ tỷ lệ: 03%
 - + Đồ án/ Khóa luận tốt nghiệp : 06 tín chỉ tỷ lệ: 05%
 - Tổng số tín chỉ bắt buộc: 79 tín chỉ, tự chọn: 41 tín chỉ.

CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành đào tạo: Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng (Construction Engineering Technology)

Chuyên ngành đào tạo:

- Xây dựng và phát triển cảng Hàng không
- Quản lý và khai thác cảng Hàng không

2. Mã ngành đào tạo: 7510102

3. Trình độ đào tạo: Đại học

4. Hệ đào tạo: Chính quy

5. Thời gian đào tạo: 5 năm

6. Đơn vị triển khai: Khoa Xây dựng

7. Mục tiêu đào tạo

7.1. Mục tiêu chung

GPO-1: Chương trình giáo dục đại học (GDĐH) ngành Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng, chuyên ngành Xây dựng đường ô tô và sân bay, Xây dựng dân dụng và ga hàng không và Quản lý dự án xây dựng, nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản, cơ sở rộng, sâu và hiện đại, kiến thức chuyên ngành rộng, bảo đảm sau tốt nghiệp có khả năng hoàn thành tốt nhiệm vụ của người kỹ sư hoạt động trong lĩnh vực công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng, đặc biệt là trong lĩnh vực xây dựng dân dụng, giao thông như cầu đường, sân bay và quản lý dự án xây dựng, sẽ đáp ứng nhanh chóng yêu cầu tiếp cận các công nghệ mới trong sản xuất và quản lý.

GPO-2: Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có khả năng nhanh chóng tiếp thu và chuyển giao các tiến bộ công nghệ của thế giới vào công nghiệp xây dựng nước nhà. Sinh viên có khả năng hoạt động nghề nghiệp trong mọi thành phần kinh tế, trong các công ty, xí nghiệp xây dựng, giao thông, quản lý dự án xây dựng..., cũng như khả năng tiếp tục phát triển năng lực, kiến thức chuyên môn và học vấn trong và ngoài nước, đáp ứng được yêu cầu trong hoạt động xây dựng; có năng lực dẫn dắt về chuyên môn ngành xây dựng, đặc biệt trong lĩnh vực xây dựng dân dụng, giao thông và quản lý dự án xây dựng.

GPO-3: Bồi dưỡng phẩm chất chính trị tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật cao, có tác phong làm việc khoa học, nghiêm túc, có đạo đức nghề nghiệp; có tinh thần làm việc theo nhóm và khả năng giao tiếp tốt.



(Viết tắt: GPO: General Education Program Objective)

7.2. Mục tiêu cụ thể

- Kiến thức:

Được trang bị kiến thức cơ bản, kiến thức cơ sở ngành rộng và kiến thức chuyên ngành hiện đại, có khả năng thực hành tốt đáp ứng yêu cầu sản xuất và phát triển của ngành.

+ Kiến thức đại cương (PO1): Hiểu biết về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác –Lênin, đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh, có kiến thức về Khoa học tự nhiên và Khoa học xã hội làm cơ sở để tiếp thu kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành và nâng cao trình độ sau này.

+ Kiến thức cơ sở ngành (PO2): Kiến thức cơ sở về Kỹ thuật xây dựng, giao thông và quản lý dự án, làm tiền đề để tiếp thu kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành xây dựng dân dụng, đường ô tô, cảng hàng không, sân bay và quản lý dự án.

+ Kiến thức chuyên ngành (PO3): Kỹ sư xây dựng dân dụng, cầu đường, cảng hàng không, sân bay và quản lý dự án được trang bị kiến thức cơ bản rộng, kiến thức chuyên môn sâu cần thiết, nhằm đáp ứng được việc thiết kế, thi công và quản lý dự án các loại công trình xây dựng dân dụng, giao thông, phục vụ cho các nhu cầu đa dạng của sự nghiệp phát triển kinh tế -xã hội, theo kịp tiến bộ của Khoa học kỹ thuật trong ngành Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng.

- Kỹ năng:

Có kỹ năng cứng và kỹ năng mềm.

+ Kỹ năng cứng (PO4): Vận dụng được kiến thức đã học vào thực tế, có khả năng khảo sát, thiết kế, thi công, giám sát thi công, quản lý và lập dự án, duy tu và bảo dưỡng các công trình xây dựng dân dụng và giao thông.

+ Kỹ năng mềm (PO5): Có khả năng làm việc chuyên môn độc lập, có khả năng giao tiếp xã hội, làm việc hiệu quả trong nhóm; Có năng lực tự học và tự nghiên cứu để theo kịp sự phát triển của ngành. Sử dụng công nghệ thông tin và tiếng Anh tốt; Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn ngành xây dựng, đặc biệt trong lĩnh vực xây dựng dân dụng, giao thông và quản lý dự án xây dựng; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn rộng và sâu.

- Thái độ:

+ Có phẩm chất đạo đức Xã hội chủ nghĩa và đạo đức nghề nghiệp và có ý thức được vai trò và trách nhiệm của bản thân đối với phát triển kinh tế - xã hội; quốc phòng- an ninh (PO6).

+ Có sức khỏe sẵn sàng tham gia vào sự nghiệp xây dựng bảo vệ Tổ quốc và để phục vụ ngành nghề. Luôn luôn học tập, nâng cao năng lực chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp (PO7).

8. Chuẩn đầu ra

Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo đại học ngành Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng phải đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn đầu ra như sau:

8.1 Kiến thức

8.1.1 Kiến thức chung

- Kiến thức về chính trị (K1): Có kiến thức cơ bản về Triết học nói chung và triết học Mác-Lênin nói riêng; có kiến thức tổng quan về hệ thống chính trị xã hội và về chủ nghĩa XHKH; hiểu tường tận về lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam trong bối cảnh lịch sử thế giới;

- Kiến thức về khoa học xã hội (K2): Có kiến thức về khoa học xã hội, pháp luật, văn hóa;

- Kiến thức về khoa học tự nhiên, tin học, ngoại ngữ (K3): Có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên và có thể áp dụng phục vụ chuyên môn trong quá trình công tác; có kiến thức tin học căn bản, sử dụng thành thạo các phần mềm văn phòng và phần mềm chuyên ngành, có chứng chỉ tin học ứng dụng cơ bản hoặc tương đương; có trình độ ngoại ngữ bậc 3/6 (B1) khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam hoặc tương đương.

8.1.2. Kiến thức cơ sở ngành và ngành

A. Kiến thức cơ sở ngành: K4

- Có kiến thức cơ sở cần thiết và cốt lõi của ngành Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng về các kỹ thuật cơ sở liên quan đến lĩnh vực cơ học vật rắn, cơ lưu chất, sức bền vật liệu, vật liệu xây dựng, thủy lực, địa chất, cơ học đất, nền móng ... và các kỹ thuật tính toán, đo đạc, khảo sát, thí nghiệm, phân tích tổng hợp số liệu và là tiền đề để học tiếp các môn chuyên ngành, nghiên cứu sâu, tiếp cận nhanh với kỹ thuật - công nghệ mới.

B. Kiến thức ngành: K5

- Có kiến thức tổng quan về ngành Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng, để liên kết kiến thức ngành với cơ sở ngành và chuyên ngành.

8.1.3. Kiến thức chuyên ngành: K6

8.2. Kỹ năng

8.2.1. Kỹ năng cứng

- Kỹ năng giải quyết vấn đề chuyên môn sâu (S1): Có khả năng tổng hợp, đánh giá, phân tích, giải quyết nhanh, chính xác các công việc đơn giản cũng như các vấn đề phức tạp thuộc lĩnh vực chuyên môn;
- Kỹ năng đọc hiểu tài liệu, viết bài bằng tiếng Anh và kỹ năng sử dụng công cụ tin học, máy văn phòng (S2): có khả năng đọc hiểu chính xác các tài liệu tiếng Anh chuyên ngành, tiếng Anh đạt chuẩn bậc 3/6 theo khung năng lực 6 bậc dùng cho Việt Nam. Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT – BTTTT ngày 11/03/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

8.2.2. Kỹ năng mềm

- Kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp xã hội và hội nhập cộng đồng (S3): Có kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp và có khả năng trình bày và đàm phán với đối tác, các bên liên quan.
- Kỹ năng hội nhập quốc tế (S4): Có kỹ năng giao tiếp và có quan hệ tốt với đối tác, đồng nghiệp, cấp trên, cấp dưới, ... là người nước ngoài nâng cao hiệu quả giải quyết công việc. (S4)
- Kỹ năng tổng hợp và viết báo cáo (S5): Có kỹ năng cập nhật thông tin, tổng hợp tài liệu, đánh giá và viết báo cáo để giải quyết vấn đề trong lĩnh vực Công nghệ kỹ thuật xây dựng: xây dựng đường ô tô và sân bay, xây dựng dân dụng và ga hàng không và quản lý dự án xây dựng.

8.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Khả năng phối hợp làm việc (A1): Có khả năng tự mình giải quyết các vấn đề đơn giản; khả năng phối hợp làm việc theo nhóm để giải quyết các vấn đề lớn phức tạp; có năng lực tổ chức 01 hoặc nhiều nhóm làm việc để giải quyết 01 hay vài công việc cụ thể.
- Trách nhiệm với cộng đồng, xã hội (A2): Có ý thức và hành động cụ thể tham gia bảo vệ môi trường; tham gia các chương trình hỗ trợ cộng đồng bằng những việc làm thiết thực...
- Trách nhiệm với đồng nghiệp, với đơn vị công tác; trách nhiệm với công việc (A3): Đồng cam, cộng khổ với đồng nghiệp, có tinh thần đoàn kết, tương thân, tương ái; nêu cao ý thức đặt lợi ích tập thể trên lợi ích cá nhân; đề cao tinh thần tất cả vì công việc.

- Có sức khỏe tốt (A4): Có sức khỏe tốt và hình thành được thói quen rèn luyện sức khỏe, tham gia đều đặn thể dục thể thao.

9. Điều kiện tốt nghiệp

Theo Quy chế đào tạo trình độ đại học của Học viện Hàng không Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 572/ QĐ-HVHK-ĐT ngày 30/6/2023 của Giám đốc Học viện Hàng không Việt Nam

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ quy định;
 - Hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;
 - Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;
 - Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
 - Hoàn thành các học phần Giáo dục quốc phòng - An ninh, Giáo dục thể chất;
 - Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc
- + Kỹ sư: Người học tốt nghiệp trình độ kỹ sư của Học Viện Hàng không Việt Nam có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

10. Văn bằng sau khi tốt nghiệp

Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng

11. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp Kỹ sư ngành Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng:

- Có thể làm việc tại các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực xây dựng dân dụng, giao thông, cảng hàng không, quản lý dự án xây dựng;
- Làm việc trong các cơ quan quản lý, các Ban quản lý dự án thuộc lĩnh vực xây dựng dân dụng, giao thông; quản lý dự án; các cơ sở nghiên cứu, các trường Đại học, Cao đẳng và các cơ sở thiết kế, giám sát;
- Có thể thực hiện khảo sát, thiết kế, tổ chức, thi công, giám sát, lập và quản lý các dự án về công trình xây dựng dân dụng - công nghiệp, giao thông, cảng hàng không.

12. Tuyển sinh

Theo đề án tuyển sinh hằng năm của Học viện Hàng không Việt Nam

II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO



Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 150 tín chỉ
(chưa kể giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng, an ninh và các học phần kỹ năng mềm)

Khối kiến thức các chuyên ngành

Chuyên ngành: Xây dựng và phát triển cảng Hàng không:

Khối kiến thức giáo dục đại cương:	26 tín chỉ
Khối kiến thức khoa học cơ bản:	0 tín chỉ
Kiến thức chuyên nghiệp:	124 tín chỉ
Kiến thức cơ sở ngành:	28 tín chỉ
Kiến thức cốt lõi của ngành:	79 tín chỉ
Thực tập, trải nghiệm:	09 tín chỉ
Đồ án/ Khoá luận tốt nghiệp:	08 tín chỉ

Chuyên ngành: Quản lý và khai thác cảng Hàng không:

Kiến thức giáo dục đại cương:	34 tín chỉ
Kiến thức khoa học cơ bản:	5 tín chỉ
Kiến thức chuyên nghiệp:	111 tín chỉ
Kiến thức cơ sở ngành:	44 tín chỉ
Kiến thức cốt lõi của ngành:	51 tín chỉ
Thực tập, trải nghiệm:	08 tín chỉ
Đồ án/ Khoá luận tốt nghiệp:	08 tín chỉ

CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT ĐIỀU KHIỂN VÀ TỰ ĐỘNG HÓA

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành đào tạo: Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa (Automation and Control Engineering Technology)

2. Mã ngành đào tạo: 7510303

3. Trình độ đào tạo: Đại học

4. Hệ đào tạo: Chính quy

5. Thời gian đào tạo: 5 năm

6. Đơn vị triển khai: Khoa Điện – Điện tử

7. Mục tiêu đào tạo

7.1. Mục tiêu chung

Chương trình GDĐH ngành Công nghệ kỹ thuật Điều khiển và Tự Động Hóa (TDH) hàng không nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức toàn diện, cơ bản hiện đại bảo đảm sau tốt nghiệp có khả năng hoàn thành tốt nhiệm vụ của người kỹ sư hoạt động trong lĩnh vực công nghệ Điều khiển và Tự Động Hóa đồng thời thích ứng với sự phát triển kỹ thuật công nghệ của ngành.

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể làm việc trong các công ty, xí nghiệp kỹ thuật công nghệ Điều khiển và Tự Động Hóa trong ngành hàng không và trong ngành kinh tế kỹ thuật khác. Những sinh viên giỏi có thể làm công tác giảng dạy trong các trường hoặc các viện nghiên cứu.

7.1. Mục tiêu cụ thể

- Có phẩm chất đạo đức Xã hội chủ nghĩa. Có sức khỏe sẵn sàng tham gia vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

- Kiến thức: Được trang bị kiến thức cơ bản vững chắc, kiến thức chuyên ngành hệ thống, hiện đại, có khả năng thực hành tốt đáp ứng yêu cầu sản xuất và phát triển của ngành.

- Kỹ năng: Vận dụng được kiến thức đã học vào thực tế, có khả năng bảo trì vận hành tham gia thiết kế các thiết bị và hệ thống công nghệ Điều khiển và Tự Động Hóa. Có năng lực tự học và nghiên cứu để theo kịp sự phát triển của ngành. Sử dụng công nghệ thông tin và tiếng anh tốt.

8. Chuẩn đầu ra

8.1. Kiến thức

8.1.1. Kiến thức chung

- Kiến thức về khoa học xã hội: Có kiến thức cơ bản về Triết học nói chung và triết học Mac-Lênin nói riêng; có kiến thức tổng quan về hệ thống chính trị xã hội và về chủ nghĩa XHKH; hiểu tường tận về lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam trong bối cảnh lịch sử thế giới, có kiến thức cơ bản về pháp luật và các quy định của Đảng, Nhà nước và cơ quan đơn vị.

- Kiến thức về văn hóa Việt Nam và văn hóa các nước: Có kiến thức cơ bản về văn hóa Việt Nam và văn hóa các nước.

- Kiến thức về khoa học tự nhiên, tin học, ngoại ngữ: Có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên và có thể áp dụng phục vụ chuyên môn trong quá trình công tác; có kiến thức tin học căn bản, sử dụng thành thạo các phần mềm văn phòng và phần mềm chuyên ngành, có chứng chỉ tin học ứng dụng cơ bản hoặc tương đương; có trình độ ngoại ngữ bậc 3 (B1) khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam hoặc tương đương.

8.1.2. Kiến thức cơ sở ngành và ngành

A. Kiến thức cơ sở ngành

- Có kiến thức cơ bản về mạch điện, mạch điện tử, kỹ thuật số, kỹ thuật vi xử lý, nguyên lý truyền thông có thể áp dụng thành thạo phục vụ cho việc lý luận, phân tích, tổng hợp trong quá trình giải quyết, phát triển các vấn đề liên quan đến ngành và chuyên ngành đào tạo.

- Có kiến thức cơ bản về lý thuyết điều khiển tự động, an toàn điện, kỹ thuật điện có thể áp dụng thành thạo phục vụ cho việc lý luận, phân tích, tổng hợp trong quá trình giải quyết, phát triển các vấn đề liên quan đến ngành và chuyên ngành đào tạo.

B. Kiến thức ngành

- Có kiến thức rộng và tổng quan về các hệ thống tự động, các hệ thống truyền thông công nghiệp, có khả năng liên kết kiến thức ngành với cơ sở ngành, chuyên ngành để giải quyết các vấn đề chuyên môn.

- Có kiến thức rộng và tổng quan về PLC, điện tử công suất, hệ thống nhúng, hệ thống tự động, có khả năng liên kết kiến thức ngành với cơ sở ngành, chuyên ngành để giải quyết các vấn đề chuyên môn.

8.1.3. Kiến thức chuyên ngành

Có kiến thức sâu về khai thác, bảo dưỡng, vận hành các hệ thống tự động hóa, các dây chuyền sản xuất, các phần mềm mô phỏng nghiên cứu tự động hóa, hệ thống điều khiển và giám sát (SCADA), các hệ thống robot, đặc biệt là các hệ thống được sử dụng trong lĩnh vực hàng không (hệ thống tự động hóa cảng

hàng không, hệ thống xe tự hành cảng hàng không, hệ thống điện tàu bay, ...) có khả năng vận dụng kiến thức chuyên ngành kết hợp với kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành để giải quyết hầu hết các vấn đề chuyên môn sâu.

8.2. Kỹ năng

8.2.1. Kỹ năng cứng

- Kỹ năng sử dụng công cụ tin học, máy văn phòng: Kỹ năng sử dụng công cụ tin học, máy văn phòng: Sử dụng thành thạo các loại máy văn phòng (máy in, photocopy, fax, máy chiếu, ...) và máy tính trong công việc chuyên môn.

- Kỹ năng nói, viết bài bằng tiếng Việt: Kỹ năng nói, viết bài bằng tiếng Việt: Có khả năng trình bày lưu loát, ngắn gọn, súc tích, dễ hiểu... 1 vấn đề; có khả năng phát biểu tự tin trước công chúng; có khả năng viết đúng về hình thức và chính xác về nội dung các văn bản lưu hành nội bộ và văn bản gửi ra ngoài.

- Kỹ năng giao tiếp, viết bài bằng tiếng Anh: Kỹ năng giao tiếp, viết bài bằng tiếng Anh: Có khả năng trình bày ngắn gọn, dễ hiểu... 1 vấn đề ngắn; có khả năng phát biểu tự tin trước công chúng; có khả năng viết đúng về hình thức và chính xác về nội dung các văn bản ngắn, đơn giản lưu hành nội bộ và văn bản gửi ra ngoài; có khả năng đọc hiểu chính xác các văn bản tiếng Anh liên quan đến công việc thực hiện.

- Kỹ năng giải quyết vấn đề cơ bản về KHTN và KHXX: Kỹ năng giải quyết vấn đề cơ bản về KHTN và KHXX: Có khả năng sử dụng kiến thức KHTN và KHXX để tính toán, phân tích, diễn giải, tổng hợp một vấn đề phục vụ cho công tác chuyên môn.

- Kỹ năng giải quyết vấn đề chuyên môn chung: Kỹ năng giải quyết vấn đề chuyên môn chung: Giải quyết nhanh, chính xác các công việc đơn giản; phối kết hợp, tham khảo ý kiến,... để giải quyết các vấn đề phức tạp.

- Kỹ năng giải quyết vấn đề chuyên môn sâu: Kỹ năng giải quyết vấn đề chuyên môn sâu: Giải quyết nhanh, chính xác các công việc đơn giản; phối kết hợp, tham khảo ý kiến,... để giải quyết các vấn đề phức tạp, sáng tạo.

8.2.2. Kỹ năng mềm

- Kỹ năng giao tiếp xã hội và hội nhập cộng đồng: Có kỹ năng giao tiếp và có quan hệ tốt với đối tác, đồng nghiệp, cấp trên, cấp dưới, ... nâng cao hiệu quả giải quyết công việc.

- Kỹ năng hội nhập quốc tế: Có kỹ năng giao tiếp và có quan hệ tốt với đối tác, đồng nghiệp, cấp trên, cấp dưới, ... là người nước ngoài nâng cao hiệu quả giải quyết công việc.

8.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Khả năng phối hợp làm việc: Khả năng phối hợp làm việc: Có khả năng tự mình giải quyết các vấn đề đơn giản; khả năng phối hợp làm việc theo nhóm để giải quyết các vấn đề lớn phức tạp; có năng lực tổ chức 1 hoặc nhiều nhóm làm việc để giải quyết 1 hay vài công việc cụ thể.

- Trách nhiệm với cộng đồng, xã hội: Trách nhiệm với cộng đồng, xã hội: Có ý thức và hành động cụ thể tham gia bảo vệ môi trường; tham gia các chương trình hỗ trợ cộng đồng bằng những việc làm thiết thực,...

- Trách nhiệm với đồng nghiệp, với đơn vị công tác; trách nhiệm với công việc: Đồng cam, cộng khổ với đồng nghiệp, có tinh thần đoàn kết, tương thân, tương ái; nêu cao ý thức đặt lợi ích tập thể trên lợi ích cá nhân; đề cao tinh thần tất cả vì công việc.

- Có sức khỏe tốt: Có sức khỏe tốt và hình thành được thói quen rèn luyện sức khỏe, tham gia đều đặn thể dục thể thao.

9. Điều kiện tốt nghiệp

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

- Sinh viên phải tích lũy đủ số học phần quy định trong chương trình dạy học đại học theo chuyên ngành được đào tạo, không còn nợ học phần nào; điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên.

- Trình độ:

Ngoại ngữ: Anh văn, Trung Văn, Tiếng Pháp, Tiếng Đức, Tiếng Nga, Tiếng Hàn, Tiếng Nhật: Có năng lực ngoại ngữ bậc 3 (B1) khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam hoặc tương đương.

10. Văn bằng sau khi tốt nghiệp

Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa.

11. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

- Có thể làm việc với vai trò người vận hành, thiết kế trực tiếp hoặc quản lý, điều phối kỹ thuật trong:

- Các xí nghiệp: Điện, điện tử, tự động hóa.

- Các công ty tư vấn, thiết kế tự động hóa như: cơ điện, cơ điện tử, tự động hóa.

- Các công ty, xí nghiệp có liên quan đến công nghệ, kỹ thuật điện, điện tử, tự động hóa trong và ngoài ngành hàng không.



- Có thể làm việc với vai trò là kỹ sư bảo dưỡng, kỹ sư kiểm tra sản phẩm, kỹ sư sản xuất trong các đơn vị trong và ngoài ngành hàng không.

12. Tuyển sinh

12.1. Đối tượng tuyển sinh

Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương.

12.2. Tiêu chí tuyển sinh

- Xét tuyển thẳng theo quy chế của tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và thông báo của Trường.

- Xét tuyển theo kết quả thi THPT quốc gia

- Các hình thức xét tuyển khác theo quy định của Học viện Hàng không tại thời điểm tuyển sinh.

12.3. Chỉ tiêu tuyển sinh

120 sinh viên/năm

II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: **150 tín chỉ**
(chưa kể giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng, an ninh)

Trong đó:

- | | |
|---|------------|
| - Khối kiến thức đại cương: | 36 tín chỉ |
| - Khối kiến thức cơ sở của ngành: | 27 tín chỉ |
| - Khối kiến thức chuyên ngành: | 67 tín chỉ |
| - Khối kiến thức chuyên ngành sâu: | 15 tín chỉ |
| - Khối kiến thức thực tập doanh nghiệp: | 05 tín chỉ |



NGÔN NGỮ ANH

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Anh

Chuyên ngành đào tạo:

- *Tiếng Anh thương mại*

- *Tiếng Anh Hàng không*

- *Tiếng Anh Du lịch*

2. Mã ngành đào tạo: 7220201

3. Trình độ đào tạo: Đại học

4. Hệ đào tạo: Chính quy

5. Thời gian đào tạo: 4 năm

6. Đơn vị triển khai: Khoa Ngoại ngữ

7. Mục tiêu đào tạo

7.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo Ngôn ngữ Anh trình độ đại học nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản để phát triển toàn diện; có phẩm chất chính trị, đạo đức; có sức khỏe và có kiến thức chuyên môn, năng lực thực hành nghề nghiệp, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo để giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành Ngôn ngữ Anh trong giáo dục, dịch vụ và kinh doanh nhằm đáp ứng được nhu cầu nguồn nhân lực Ngôn ngữ Anh cho toàn xã hội và cho ngành Hàng không.

7.2. Mục tiêu cụ thể

<i>Khối</i>	<i>Ký hiệu</i>	<i>Nội dung từng mục tiêu cụ thể</i>
<i>Kiến thức</i>	<i>PO1</i>	<i>Có kiến thức Lý luận Chính trị, hiểu biết về Pháp luật Việt Nam, hiểu biết về An ninh Quốc phòng, kiến thức và khả năng tự rèn luyện về thể chất, và vận dụng kiến thức công nghệ thông tin trong học tập và làm việc</i>

	PO2	<i>Có các kiến thức về Khoa học Xã hội - Nhân văn và hàng không như: Tiếng Việt thực hành, Tổng quan Hàng không Dân dụng</i>
	PO3	<i>Có kiến thức cơ sở cần thiết và nền tảng của ngành Ngôn ngữ Anh thuộc về năng lực giao tiếp như: Nghe, Nói, Đọc, Viết; nắm vững ngữ pháp, phát âm và các kiến thức cốt lõi về ngôn ngữ học: Dẫn luận Ngôn ngữ học, biên dịch, phiên dịch, dẫn luận ngôn ngữ học, ngữ âm và âm vị học, hình vị học, cú pháp học; các kỹ năng cá nhân và xã hội như kỹ năng nói trước công chúng, đàm phán, Giao tiếp liên văn hoá và phương pháp nghiên cứu khoa học</i>
	PO4	<i>Có kiến thức sâu về từng chuyên ngành lựa chọn, có khả năng vận dụng kiến thức chuyên ngành kết hợp với kiến thức cơ sở ngành, kiến thức cốt lõi để giải quyết hầu hết các vấn đề thuộc các chuyên môn sâu do người học lựa chọn: Tiếng Anh chuyên ngành Thương mại; Tiếng Anh chuyên ngành Hàng không; và Tiếng Anh chuyên ngành Du lịch.</i>
	PO5	<i>Có kiến thức về nguyên tắc, quy trình làm việc, giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ trong môi trường doanh nghiệp trong và ngoài nước. Đồng thời, sinh viên hiểu rõ tác động của ngôn ngữ và văn hóa đến hoạt động quốc tế, vận dụng trong thực tập và nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp. Bên cạnh đó, sinh viên có khả năng tự học, tự nghiên cứu</i>

		<i>để nâng cao kiến thức và phát triển bản thân trong bối cảnh hội nhập toàn cầu</i>
<i>Kỹ năng</i>	PO6	<i>Kỹ năng cứng:</i> - Có kỹ năng độc lập và tự chủ trong việc giải quyết những vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn; - Có khả năng phân tích, tổng hợp và vận dụng các kiến thức đã tích lũy trong quá trình học vào thực hành nghề nghiệp thực tế; - Có kỹ năng sáng tạo trong xử lý các tình huống và kỹ năng giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực: Tiếng Anh thương mại, Tiếng Anh hàng không và Tiếng Anh Du lịch theo yêu cầu, mục tiêu đặt ra.
	PO7	<i>Kỹ năng mềm:</i> - Có khả năng giao tiếp, thuyết trình, thảo luận, làm việc theo nhóm; - Có khả năng sử dụng ngoại ngữ 2 ở bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam, tin học cơ bản trong nghiên cứu ứng dụng các lĩnh vực chuyên môn
<i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i>	PO8	<i>Có phẩm chất, đạo đức cá nhân, ý thức nghề nghiệp; Làm tròn trách nhiệm của công dân</i>
	PO9	- Có tác phong làm việc công nghiệp, hợp tác, thân thiện, phục vụ cộng đồng; - Có ý thức cập nhật kiến thức, sáng tạo trong công việc

8. Chuẩn đầu ra

Chuẩn đầu ra (Program Learning Outcomes - PLOs) của chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh theo hướng ứng dụng được xây dựng

nhằm đảm bảo người học đạt được tổng hòa các kiến thức, kỹ năng và phẩm chất cần thiết theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam và các tiêu chuẩn đào tạo ngành.

Với những chuẩn đầu ra này, sinh viên sau khi tốt nghiệp có đủ năng lực để làm việc trong các lĩnh vực sử dụng tiếng Anh: giảng dạy, soạn thảo và biên tập nội dung, dịch thuật, kinh doanh, thương mại, hàng không và du lịch, đáp ứng tốt nhu cầu của thị trường lao động trong - Trách nhiệm với đồng nghiệp, với đơn vị công tác; trách nhiệm với công việc: Đồng cam, cộng khổ với đồng nghiệp, có tinh thần đoàn kết, tương thân, tương ái; nêu cao ý thức đặt lợi ích tập thể trên lợi ích cá nhân; đề cao tinh thần tất cả vì công việc.

STT	Ký hiệu	Nội dung từng chuẩn đầu ra của CTĐT	Mức độ theo thang Bloom
1	Chuẩn đầu ra kiến thức		
PLO1	K1	Hiểu các kiến thức cơ bản về lý luận chính trị Triết học Mác Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin, CNXH khoa học, tư tưởng HCM, Lịch sử Đảng, CSVN và các kiến thức về pháp luật Việt Nam để giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội trong thực tế và ANQP vào công tác bảo vệ cơ quan, đất nước khi có chiến tranh xảy ra.	2
PLO2	K2	Vận dụng các kiến thức cơ bản về tin học, khoa học xã hội- nhân văn và tổng quan hàng không	3
PLO3	K3	Phân tích các kiến thức cơ sở ngành về năng lực giao tiếp vào việc sử dụng tiếng Anh trong các bối cảnh khác nhau.	4

PLO4	K4	Phân tích các đặc điểm ngôn ngữ, văn hoá và chiến lược giao tiếp nhằm lựa chọn cách sử dụng tiếng Anh phù hợp với từng ngữ cảnh giao tiếp chuyên nghiệp hoặc phục vụ nghiên cứu khoa học.	4
PL05	K5	Lựa chọn các kiến thức chuyên ngành ngôn ngữ Anh phù hợp để ứng dụng vào giảng dạy, biên phiên dịch, soạn thảo và biên tập nội dung.	5
PL06	K6	Chọn lọc các kiến thức về kinh doanh và thương mại phù hợp để giải quyết các vấn đề trong môi trường dịch vụ thương mại.	5
PL07	K7	Chọn lọc các kiến thức về dịch vụ hàng không, quy trình phục vụ hành khách, hàng hóa và hành lý tại sân bay, cảng hàng không, để hoàn thành nhiệm vụ trong các vị trí liên quan.	5
PL08	K8	Chọn lọc các kiến thức về du lịch ở các vị trí hướng dẫn viên, chuyên viên điều hành tour và nhân viên chăm sóc khách hàng.	5
2	Chuẩn đầu ra kỹ năng		
PLO 10	S1	Thành thạo kỹ năng tự học, kỹ năng thích ứng và giải quyết vấn đề, kỹ năng đánh giá chất lượng công việc để giao tiếp bằng văn bản, thuyết trình, đối thoại, phản biện.	4
PLO 11	S2	Vận dụng khả năng giao tiếp để nghe, nói, đọc và viết tài liệu bằng ngoại ngữ 2 ở trình độ tương đương bậc 3/6;	3
PLO12	S3	Sử dụng thành thạo máy tính, tin học căn bản, các phần mềm phục vụ chuyên môn.	3
PLO13	S4	Tổ chức hoạt động nhóm để học tập và nghiên cứu	4

PLO14	S5	Áp dụng kiến thức khoa học xã hội - nhân văn và tổng quan hàng không để giải quyết hiệu quả các tình huống thực tiễn	3
PLO15	S6	Thành thạo việc ứng dụng các kiến thức để giảng dạy, biên phiên dịch, soạn thảo và biên tập nội dung	5
PLO16	S7	Thành thạo trong việc chọn lọc các kiến thức về kinh doanh và thương mại phù hợp để giải quyết các vấn đề trong môi trường dịch vụ thương mại.	4
PLO17	S8	Thành thạo trong việc chọn lọc các kiến thức về dịch vụ hàng không, quy trình phục vụ hành khách, hàng hóa và hành lý tại sân bay, cảng hàng không, để hoàn thành nhiệm vụ trong các vị trí liên quan.	4
PLO18	S9	Thành thạo trong công việc chọn lọc các kiến thức về du lịch thực hiện các công việc về hướng dẫn viên, chuyên viên điều hành tour và nhân viên chăm sóc khách hàng.	4
3	Chuẩn đầu ra về thái độ		
PLO21	A1	Có tinh thần quyết tâm, chủ động trong suy nghĩ và hành động, sẵn sàng chịu trách nhiệm và nỗ lực hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao.	3
PLO22	A2	Thái độ cầu thị, biết lắng nghe, tiếp thu, chỉnh sửa.	3
PLO23	A3	Có sức khỏe tốt, có khả năng tham gia nhiều môn thể thao, âm nhạc; có khả năng tự vệ và bảo vệ người khác khi cần	3

PLO24	A4	Sống tích cực, đoàn kết, vì mọi người, đạo đức tác phong luôn gương mẫu, yêu nước, thương dân, trung thành với Đảng CSVN, với Tổ quốc XHCN	5
PLO24	A5	Tự tin, có thể trình bày, thuyết trình, báo cáo, ... một vấn đề một cách logic, mạch lạc trước công chúng.	4
PLO25	A6	Có khả năng tổ chức phòng chống thiên tai, hỏa hoạn ... tại đơn vị, địa bàn cư trú, có khả năng giải thoát cho bản thân và mọi người xung quanh khi xảy ra sự cố.	5

9. Điều kiện tốt nghiệp

Theo Quy chế đào tạo trình độ đại học của Học viện Hàng không Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 572/QĐ-HVHK-ĐT ngày 30/06/2023 của Giám đốc Học viện Hàng không Việt Nam.

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ quy định;
- Hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;
- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;
- Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Hoàn thành các học phần Giáo dục quốc phòng - An ninh, Giáo dục thể chất;
- Ngoại ngữ: Có trình độ Tiếng Anh tương đương bậc 5/6 và ngoại ngữ 2 tương đương bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.
- Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản.

10. Văn bằng sau khi tốt nghiệp

Sinh viên hoàn thành chương trình học được cấp bằng Cử nhân ngành Ngôn Ngữ Anh.

11. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

STT	Vị trí việc làm cụ thể
1	Nhân viên văn phòng – hành chính- doanh nghiệp: - Nhân viên hành chính – văn phòng - Thư ký, trợ lý giám đốc - Nhân viên chăm sóc khách hàng - Nhân viên logistics / xuất nhập khẩu - Nhân viên marketing / truyền thông nội bộ
2	Ngoại giao – Thương mại – Hàng không: - Cán bộ ngoại giao / nhân viên hợp tác quốc tế - Chuyên viên thương mại quốc tế - Nhân viên điều phối hàng hóa hàng không (Air Cargo Coordinator) - Nhân viên dịch vụ hành khách sân bay (Passenger Service Agent) - Nhân viên kinh doanh dịch vụ hàng không
3	Du lịch – Dịch vụ: - Hướng dẫn viên du lịch (Tour Guide) - Điều hành tour (Tour Operator) - Nhân viên lễ tân khách sạn (Hotel Receptionist) - Nhân viên phục vụ nhà hàng – khách sạn (Food & Beverage Staff) - Thuyết minh viên bảo tàng / di tích (Museum or Heritage Interpreter)
4	Dịch thuật – Ngôn ngữ: - Biên dịch viên (Translator) - Phiên dịch viên (Interpreter) - Nhân viên dịch thuật tại văn phòng công chứng - Chuyên viên dịch thuật thương mại / kỹ thuật - Biên tập viên song ngữ (Bilingual Editor)
5	Giáo dục – Đào tạo: - Giáo viên tiếng Anh tiểu học / THCS / THPT - Giáo viên tại trung tâm ngoại ngữ - Trợ giảng tiếng Anh

12. Tuyển sinh

12.1. Đối tượng tuyển sinh

Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương.

12.2. Tiêu chí tuyển sinh

- Xét tuyển thẳng theo quy chế của tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và thông báo của Trường.

- Xét tuyển theo kết quả thi THPT quốc gia

- Các hình thức xét tuyển khác theo quy định của Học viện Hàng không Việt Nam tại thời điểm tuyển sinh cho từng năm học.

12.3. Chỉ tiêu tuyển sinh 2025

Theo đề án tuyển sinh hàng năm của Học viện Hàng không Việt Nam

II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tổng số tín chỉ phải tích lũy:

120 tín chỉ

(Chưa tính các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng, an ninh)

Trong đó:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương:

30 tín chỉ

- Khối kiến thức cơ sở ngành:

39 tín chỉ

- Khối kiến thức ngành:

21 tín chỉ

- Khối kiến thức chuyên ngành (SV chọn 1 trong 3 chuyên ngành:

Thương mại, Hàng không, hoặc Du lịch):

21 tín chỉ

- Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp:

09 tín chỉ



QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành đào tạo: Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành (Travel and Tourism Management)

Chuyên ngành đào tạo:

- *Quản trị Lữ hành*

- *Quản trị Khách sạn Nhà hàng*

2. Mã ngành đào tạo: 7810103

3. Trình độ đào tạo: Đại học

4. Hệ đào tạo: Chính quy

5. Thời gian đào tạo: 4 năm

6. Đơn vị triển khai: Khoa Quản trị kinh doanh

7. Mục tiêu đào tạo

7.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành, hướng đến các mục tiêu chung sau đây:

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành tại Học viện Hàng không Việt Nam (VAA) có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe tốt; Có kiến thức về kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội; Có kiến thức chuyên môn nghiệp vụ quản lý điều hành kinh doanh du lịch lữ hành khách sạn nhà hàng và dịch vụ ăn uống, dịch vụ thương mại hàng không và có khả năng vận dụng kiến thức linh hoạt trong hoạch định, phân tích, tổng hợp, đánh giá, đề xuất giải pháp phù hợp để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong hoạt động kinh doanh; Có năng lực làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm và tinh thần trách nhiệm cao trong quá trình thực hiện công việc; Có khả năng tư duy và làm việc của một công dân toàn cầu đặc biệt trong giai đoạn chuyển đổi số và tự tin làm việc trong môi trường đa văn hóa, sẵn sàng thích nghi và đảm nhiệm nhiều vị trí khác nhau trong lĩnh vực du lịch lữ hành, khách sạn nhà hàng và dịch vụ thương mại hàng không trong môi trường hội nhập quốc tế.

Ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành được đào tạo với 02 chuyên ngành chuẩn bao gồm: Quản trị Lữ hành; Quản trị Khách sạn – Nhà hàng. Quá trình đào tạo chuyên ngành được tiếp nối kiến thức nền tảng thuộc giai đoạn đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành gồm:

- Chuyên ngành Quản trị Lữ hành: sinh viên được lĩnh hội kiến thức, kỹ năng chuyên sâu về hoạt động kinh doanh quản trị và nghiệp vụ trong lĩnh vực du lịch lữ hành, nghiệp vụ hướng dẫn du lịch, nghiệp vụ tổ chức sự kiện, tổ chức và điều hành chương trình du lịch, xúc tiến du lịch, tuyển điểm du lịch, marketing du lịch, quản trị và tác nghiệp kinh doanh lữ hành, quản trị chiến lược, điểm đến du lịch, lưu trú, hàng không, tâm lý du khách.... để vận dụng vào thực tiễn hoạt động quản trị doanh nghiệp lữ hành nội địa và quốc tế, khu du lịch, điểm đến du lịch và các tổ chức quản lý nhà nước về du lịch.

- Chuyên ngành Quản trị Khách sạn – Nhà hàng: sinh viên được lĩnh hội kiến thức, kỹ năng chuyên sâu về hoạt động quản trị và nghiệp vụ trong lĩnh vực lưu trú và dịch vụ ăn uống, nghiệp vụ lễ tân, buồng, nhà hàng, tổ chức sự kiện, marketing du lịch, quản trị và tác nghiệp kinh doanh lưu trú, nhà hàng, tàu du lịch, quản trị chiến lược, điểm đến du lịch, lưu trú, hàng không, tâm lý du khách, quản trị bar, suất ăn công nghiệp hàng không.... để vận dụng vào thực tiễn hoạt động quản trị cơ sở lưu trú, nhà hàng, trung tâm tổ chức sự kiện, tàu du lịch có lưu trú, điểm đến du lịch và các tổ chức quản lý nhà nước về du lịch.

7.2. Mục tiêu cụ thể

PO1: Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, tư cách đạo đức, sức khỏe tốt, có trách nhiệm với xã hội; có ý thức tổ chức kỷ luật, lối sống văn minh, tác phong chuyên nghiệp và có ý thức rèn luyện sức khỏe để phục vụ nghề nghiệp. Cung cấp những kiến thức lý luận chính trị, văn hóa, xã hội và nhân văn, các quy luật tự nhiên, xã hội và pháp luật phù hợp với lĩnh vực du lịch lữ hành, khách sạn, nhà hàng và dịch vụ thương mại hàng không; các kiến thức về công nghệ thông tin và ngoại ngữ để tiếp thu kiến thức giáo dục nghề nghiệp thuộc chuyên ngành du lịch lữ hành, khách sạn và dịch vụ hàng không, có khả năng tự học tập ở trình độ cao hơn. Cung cấp kiến thức lý thuyết và thực tiễn toàn diện, chuyên sâu và có khả năng vận dụng để giải quyết các công việc từ đơn giản đến phức tạp phát sinh trong hoạt động quản lý và điều hành kinh doanh du lịch lữ hành, hướng dẫn du lịch, tuyển điểm du lịch, thiết kế và điều hành tour, marketing du lịch và quản lý chiến lược trong du lịch, kinh doanh khách sạn nhà hàng, dịch vụ ăn uống và điều hành kinh doanh dịch vụ thương mại hàng không trong ngành hàng không.

PO2: Trang bị cho người học khả năng quản trị doanh nghiệp lữ hành nội địa và quốc tế; quản trị điểm đến, quản trị chiến lược, và có các kỹ năng thực hành



các nghiệp vụ chuyên môn như hướng dẫn nội địa và quốc tế, tổ chức sự kiện trong du lịch, thiết kế và điều hành tour, quản trị doanh nghiệp lưu trú, ẩm thực, dịch vụ bổ sung... thực hành các nghiệp vụ lễ tân, buồng, dịch vụ ăn uống, quản trị dịch vụ thương mại hàng không trong các tình huống mô phỏng và giả định của doanh nghiệp hàng không, kỹ năng làm việc đội nhóm, xử lý phát sinh các tình huống trong hoạt động kinh doanh khách sạn nhà hàng, dịch vụ ăn uống. Có khả năng sử dụng tốt tiếng Anh giao tiếp trong môi trường kinh doanh (có trình độ tiếng Anh bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc hoặc tương đương) và có chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư 03/2014/TT – BTTTT ngày 11/03/2014 để thực hiện các nghiệp vụ về du lịch lữ hành, nhà hàng khách sạn và dịch vụ thương mại hàng không.

PO3: Rèn luyện cho người học có năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc hoạch định, tổ chức thực hiện các nghiệp vụ du lịch lữ hành, nhà hàng khách sạn và dịch vụ thương mại hàng không và định hướng, thích nghi với môi trường hoạt động kinh doanh du lịch lữ hành, nhà hàng khách sạn và dịch vụ hàng không quốc tế trong bối cảnh hội nhập quốc tế, thời đại số hóa.

8. Chuẩn đầu ra

Sinh viên ngành Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành sau khi tốt nghiệp có kiến thức về ngành và các năng lực sau:

**Bảng 12: Chuẩn đầu ra về Kiến thức của CTĐT ngành
Quản trị Dịch vụ du lịch và lữ hành**

tt	Mã chuẩn đầu ra	Chuẩn đầu ra về kiến thức
	K1	Kiến thức lý luận chính trị về triết học, kinh tế chính trị, chủ nghĩa xã hội khoa học Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng và lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam;
	K2	Kiến thức về nhà nước và pháp luật, khoa học tự nhiên, văn hóa, xã hội làm nền tảng lý luận và vận dụng vào thực tiễn của ngành Quản trị dịch vụ du lịch và Lữ hành;
	K3	Kiến thức quốc phòng - an ninh và giáo dục thể chất, áp dụng trong quốc phòng toàn dân - an



tt	Mã chuẩn đầu ra	Chuẩn đầu ra về kiến thức
		ninh nhân dân phục vụ công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;
	K4	Kiến thức về lĩnh vực kinh tế, thương mại, du lịch và kinh doanh để áp dụng trong hoạt động kinh doanh cung cấp các dịch vụ về du lịch;
	K5	Kiến thức quản lý nhà nước về du lịch, du lịch bền vững, du lịch sinh thái, du lịch MICE, di sản văn hóa và lễ hội, tài nguyên du lịch, điểm đến du lịch;
	K6	Kiến thức quản trị, chiến lược, nhân lực, lưu trú du lịch, quản trị kinh doanh lữ hành, khu vui chơi nghỉ dưỡng, chất lượng dịch vụ, chuỗi cung ứng dịch vụ, quản trị rủi ro trong kinh doanh du lịch;
	K7	Kiến thức chuyên sâu về tuyến điểm du lịch Việt Nam, nghiệp vụ hướng dẫn du lịch, thiết kế và điều hành chương trình du lịch, tổ chức sự kiện du lịch, văn hóa ứng xử, giao tiếp trong du lịch;
	K8	Kiến thức ngôn ngữ tiếng Anh nghe, nói, đọc, viết ở trình độ bậc 3 trong khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam; kiến thức về công nghệ thông tin cơ bản và hiểu biết các công cụ phần mềm sử dụng trong công việc chuyên môn và trong nghiên cứu về du lịch;

Bảng 13: Chuẩn đầu ra về Kỹ năng của CTĐT ngành Quản trị Dịch vụ du lịch và lữ hành

t	Mã chuẩn đầu ra	Chuẩn đầu ra về kỹ năng
	S1	Kỹ năng lãnh đạo, xây dựng được các chiến lược phát triển, kinh doanh, quy trình quản trị và giám sát các hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành,



t	Mã chuẩn đầu ra	Chuẩn đầu ra về kỹ năng
		kinh doanh lưu trú du lịch, khu vui chơi nghỉ dưỡng;
	S2	Kỹ năng quản lý, tổ chức điều hành các hoạt động kinh doanh trong du lịch theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn quốc gia về nghề du lịch;
	S3	Kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức thực hiện các kế hoạch kinh doanh và cung cấp các dịch vụ du lịch lữ hành, lưu trú trong du lịch.
	S4	Áp dụng được các kỹ năng nghề nghiệp chuyên môn trong công tác hướng dẫn du lịch, thiết kế và điều hành chương trình du lịch;
	S5	Vận dụng được kỹ năng bán và cung cấp các dịch vụ du lịch, các quy trình tổ chức hội nghị, hội thảo, sự kiện du lịch, cho khách hàng;
	S6	Sử dụng tốt kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình, đàm phán, thuyết phục, truyền đạt thông tin trong quản trị điều hành kinh doanh du lịch và trong giao dịch với khách;
	S7	Vận dụng tốt kỹ năng ứng xử, giao tiếp trong quá trình giao dịch và giải quyết công việc chuyên môn và với khách hàng;
	S8	Sử dụng tốt kỹ năng nghe, nói, đọc, viết của ngôn ngữ tiếng Anh trong công việc chuyên môn ở mức độ bậc 3 trong khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam; Ứng dụng được công nghệ thông tin cơ bản vào trong công việc chuyên môn;

Bảng 14: Chuẩn đầu ra về Năng lực tự chủ và trách nhiệm của CTĐT ngành Quản trị Dịch vụ du lịch và lữ hành

t	Mã chuẩn đầu ra	Chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm
---	-----------------	---



	A1	Có năng lực quản trị và điều hành chuyên môn, nghiệp vụ theo đúng quy định của pháp luật về kinh doanh du lịch; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao;
	A2	Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn trong hoạt động kinh doanh du lịch;
	A3	Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau, tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;
	A4	Có trách nhiệm đối với xã hội, đối với môi trường, đối với khách trong quá trình khai thác kinh doanh du lịch.

9. Điều kiện tốt nghiệp

- Tích lũy đủ số lượng 120 tín chỉ của chương trình đào tạo;
- Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng và An ninh, Giáo dục thể chất;
- Có kỹ năng sử dụng CNTT đáp ứng được công việc;
- Có trình độ Tiếng Anh tương đương Bậc 3 theo Thông tư số 01/2014/TT-BGD&ĐT quy định về Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

10. Văn bằng sau khi tốt nghiệp

Cử nhân ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.

11. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp cử nhân ngành Quản trị dịch vụ Du lịch và Lữ hành, người học có năng lực phát triển sự nghiệp ở các vị trí công tác từ chuyên viên đến các chức vụ quản lý.

Nhân viên hoặc cán bộ quản lý, điều hành và triển khai hoạt động chuyên môn trong các doanh nghiệp kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế; Nhân viên hoặc cán bộ quản lý, điều hành và triển khai hoạt động chuyên môn trong các cơ sở lưu trú du lịch, khu vui chơi nghỉ dưỡng, khu du lịch, khu phức hợp thể thao giải trí... các đơn vị kinh doanh dịch vụ du lịch khác ở trong nước và khu vực ASEAN.



Làm việc trong các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch và lữ hành như: Bộ Văn hoá Thể thao và Du lịch; Sở Du lịch; Các Sở Văn hoá Thể thao và Du lịch; Các Ban quản lý di tích, trung tâm bảo tồn phát huy giá trị lịch sử, văn hóa...

- Quản lý công ty kinh doanh lữ hành nội địa và kinh doanh lữ hành quốc tế;
- Điều hành chương trình du lịch;
- Hướng dẫn viên du lịch;
- Nhân viên trung tâm thông tin Du lịch;
- Nhân viên tiếp thị và bán sản phẩm dịch vụ du lịch.
- Nhân viên tổ chức, điều phối sự kiện, truyền thông sự kiện.

Tiếp tục theo học sau đại học để trở thành những chuyên gia có trình độ cao trong ngành du lịch.

Tham gia giảng dạy về du lịch tại các cơ sở đào tạo, trường đại học, cao đẳng nghề, trung cấp nghề trong hệ thống giáo dục quốc dân.

Tuyển sinh

- **Đối tượng tuyển sinh:** Học sinh đã hoàn thành chương trình trung học phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- **Điều kiện tuyển sinh thực hiện theo Quy chế tuyển sinh Đại học, Cao đẳng của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và đảm bảo theo Đề án tuyển sinh của Học Viện Hàng Không Việt Nam.**
- **Dự kiến tuyển sinh trong 3 năm đầu:**

Học Viện Hàng Không Việt Nam thực hiện tuyển sinh trong 3 năm đầu với chỉ tiêu như sau:

- Năm 2021: 120 chỉ tiêu
- Năm 2022: 120 chỉ tiêu
- Năm 2023: 120 chỉ tiêu
- Năm 2024: 120 chỉ tiêu

II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Khối lượng toàn khóa: 120 tín chỉ

(Chưa tính: Giáo dục thể chất; Giáo dục Quốc phòng và An ninh)

Chuyên ngành Quản trị lữ hành:

Khối kiến thức giáo dục đại cương: 25 tín chỉ

Khối thức giáo dục chuyên nghiệp: 95 tín chỉ

Kiến thức cơ sở ngành 25 tín chỉ

Kiến thức ngành 23 tín chỉ



Kiến thức chuyên ngành *39 tín chỉ*
Thực tập và viết khóa luận tốt nghiệp hoặc Thực tập và học các học phần thay thế *08 tín chỉ*

Chuyên ngành quản trị Khách sạn – Nhà hàng

Khối kiến thức giáo dục đại cương: *25 tín chỉ*

Khối thức giáo dục chuyên nghiệp: *95 tín chỉ*

Kiến thức cơ sở ngành *25 tín chỉ*

Kiến thức ngành *23 tín chỉ*

Kiến thức chuyên ngành *39 tín chỉ*

Thực tập và viết khóa luận tốt nghiệp hoặc Thực tập và học các học phần thay thế *08 tín chỉ*

KINH TẾ VẬN TẢI

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành đào tạo: Kinh tế vận tải (Transport Economics)

Chuyên ngành đào tạo:

- Kinh tế Hàng không
- Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
- Logistics và Vận tải đa phương thức

2. Mã ngành đào tạo: 7840104

3. Trình độ đào tạo: Đại học

4. Hệ đào tạo: Chính quy

5. Thời gian đào tạo: 4 năm

6. Đơn vị triển khai: Khoa Kinh tế hàng không

7. Mục tiêu đào tạo:

7.1. Mục tiêu chung (GPO: General Education Program Objective)

Đào tạo cử nhân ngành Kinh tế Vận tải hướng đến các mục tiêu chung sau đây: Chương trình đào tạo cử nhân ngành Kinh tế Vận tải tại Học viện Hàng không Việt Nam (VAA) nhằm cung cấp cho sinh viên môi trường đào tạo tốt nhất để họ hình thành và phát triển nhân cách, đạo đức, tri thức cũng như các kỹ năng cơ bản để đạt được thành công về nghề nghiệp trong nhiều vị trí khác nhau thuộc lĩnh vực kinh tế hàng không, Logistics & quản lý chuỗi cung ứng, Logistics & vận tải đa phương thức, đáp ứng nhu cầu của xã hội.

- **Chuyên ngành Logistics và Vận tải đa phương thức:** nhằm trang bị cho người học kiến thức toàn diện, hiện đại trong lĩnh vực logistics và vận tải đa phương thức, phù hợp với xu thế hội nhập và chuyển đổi số. Chương trình phát triển năng lực lập kế hoạch, tổ chức, quản lý chuỗi cung ứng, tối ưu hóa vận tải đa phương thức, sử dụng phần mềm chuyên ngành và ra quyết định trong môi trường biến động. Đồng thời, sinh viên được rèn luyện kỹ năng giao tiếp, ngoại ngữ, làm việc nhóm và đạo đức nghề nghiệp, sẵn sàng đảm nhiệm vị trí tại doanh nghiệp logistics, vận tải, cảng, công ty xuất nhập khẩu hoặc tổ chức quốc tế, cũng như học tiếp hoặc khởi nghiệp trong ngành.

7.2. Mục tiêu cụ thể (PO: Program Objective)

- **Kiến thức:**

PO1: Cung cấp kiến thức Lý luận Chính trị, Khoa học Xã hội và Nhân Văn, hiểu biết về Pháp luật Việt Nam, hiểu biết về An ninh Quốc phòng. Có kiến thức và khả năng tự rèn luyện về thể chất.

PO2: Có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên và cơ sở kỹ thuật làm nền tảng đáp ứng việc tiếp thu các kiến thức chuyên ngành.

PO3: Có khả năng vận dụng kiến thức về ngành Kinh tế vận tải để giải quyết các tình huống thực tiễn trong doanh nghiệp; đồng thời phân tích và đánh giá các giải pháp vận chuyển, lưu trữ và phân phối hàng hóa nhằm tối ưu hóa hiệu quả hoạt động logistics trong môi trường kinh doanh trong nước và quốc tế.

- Kỹ năng:

PO4: Có kỹ năng ngoại ngữ đáp ứng nhu cầu việc làm và học tập ở bậc sau đại học trong lĩnh vực Kinh tế vận tải.

PO5: Có kỹ năng phân tích, tổng hợp và vận dụng các kiến thức đã tích lũy trong quá trình học vào thực hành nghề nghiệp thực tế trong lĩnh vực logistics, vận tải và chuỗi cung ứng.

PO6: Có kỹ năng đánh giá hoạt động nghề nghiệp và vận dụng những thành tựu khoa học – công nghệ để giải quyết sáng tạo các vấn đề phát sinh trong thực tiễn vận hành trong lĩnh vực Kinh tế vận tải.

PO7: Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, thảo luận, làm việc độc lập và làm việc nhóm hiệu quả trong môi trường nghề nghiệp liên quan đến logistics, vận tải và chuỗi cung ứng.

PO8: Có kỹ năng sử dụng thành thạo phần mềm chuyên ngành và ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động Kinh tế vận tải.

- Mức tự chủ và trách nhiệm:

PO9: Có phẩm chất, đạo đức cá nhân, ý thức nghề nghiệp; Làm tròn trách nhiệm của công dân.

PO10: Có tác phong làm việc chuyên nghiệp, hợp tác, thân thiện phục vụ cộng đồng.

PO11: Có khả năng tự học, cập nhật & mở rộng tri thức để thích ứng với các môi trường nghề nghiệp, thể hiện năng lực học tập suốt đời.

8. Chuẩn đầu ra

STT	Ký hiệu	Nội dung từng chuẩn đầu ra của CTĐT	Mức độ theo thang Bloom
1	Chuẩn đầu ra kiến thức		
PLO1	K1	Có kiến thức cơ bản về lý luận chính trị Triết học Mác Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin, CNXH khoa học, tư tưởng HCM, Lịch sử Đảng CSVN và các kiến thức về pháp luật Việt Nam để vận dụng giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội trong thực tế. Biết vận dụng kiến thức ANQP vào công tác bảo vệ cơ quan, đất nước khi có chiến tranh xảy ra	3
PLO2	K2	Vận dụng kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành Kinh tế vận tải và kiến thức chuyên ngành logistics và vận tải đa phương thức để thực hiện nghiệp vụ giao nhận, lập chứng từ xuất nhập khẩu và hỗ trợ lập kế hoạch triển khai dự án, đáp ứng yêu cầu các vị trí việc làm 1 (nhân viên giao nhận Logistics, nhân viên xuất nhập khẩu, điều phối viên chuỗi cung ứng, trợ lý quản lý dự án chuỗi cung ứng).	3
PLO3	K3	Có kiến thức chuyên sâu về chuyên môn để phân tích quy trình logistics, đánh giá hiệu quả hoạt động giao nhận, xuất nhập khẩu và vận hành chuỗi cung ứng, từ đó lựa chọn giải pháp phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả công việc, đáp ứng yêu cầu các vị trí 1 (nhân viên giao nhận Logistics, nhân viên xuất nhập khẩu, điều phối viên chuỗi cung ứng, trợ lý quản lý dự án chuỗi cung ứng).	4
PLO4	K4	Vận dụng kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành Kinh tế vận tải, kiến thức chuyên	3

STT	Ký hiệu	Nội dung từng chuẩn đầu ra của CTĐT	Mức độ theo thang Bloom
		ngành Logistics và vận tải đa phương thức để tính toán, lập lệnh vận chuyển, phối hợp phương tiện, quản lý kho bãi, giao nhận quốc tế nhằm đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm 2 (nhân viên vận hành Logistics, nhân viên điều phối vận tải, nhân viên vận hành kho).	
PLO5	K5	Có kiến thức chuyên sâu về chuyên môn để phân tích xu hướng Logistics 4.0, chuyển đổi số, kết nối đa phương thức và tiêu chuẩn ESG; đánh giá và liên kết các giải pháp công nghệ tiên tiến để xây dựng chiến lược vận hành dài hạn và phân bổ nguồn lực phù hợp với yêu cầu của các vị trí việc làm 2 (nhân viên vận hành logistics, nhân viên điều phối vận tải, nhân viên vận hành kho).	4
2	Chuẩn đầu ra kỹ năng		
PLO6	S1	Có năng lực truyền đạt nội dung, thuyết trình trước công chúng một cách tự tin, mạch lạc, lưu loát và trọng tâm. Có khả năng viết báo cáo, viết báo khoa học, viết thư từ giao dịch, soạn thảo hợp đồng, ...	2
PLO7	S2	Thành thạo trong giao tiếp, đọc viết tài liệu bằng tiếng Anh trong công tác chuyên môn, trình độ tương đương B1.	3
PLO8	S3	Sử dụng thành thạo máy tính, tin học căn bản, các phần mềm phục vụ chuyên môn.	3

STT	Ký hiệu	Nội dung từng chuẩn đầu ra của CTĐT	Mức độ theo thang Bloom
PLO9	S4	Có khả năng phân tích, tổng hợp dữ liệu xã hội, thị trường, đơn vị công tác để xây dựng chiến lược, lập kế hoạch triển khai phát triển đơn vị hàng năm, trung hạn, dài hạn.	4
PLO10	S5	Vận dụng hiệu quả các kỹ năng chuyên môn như xử lý chứng từ, khai báo hải quan điện tử, sử dụng phần mềm quản lý logistics và lập kế hoạch vận tải để thực hiện các nghiệp vụ giao nhận, xuất nhập khẩu và hỗ trợ triển khai dự án logistics trong môi trường thực tiễn (chuyên môn tương ứng K2).	3
PLO11	S6	Vận dụng kỹ năng phân tích dữ liệu, tổng hợp thông tin và sử dụng công cụ hỗ trợ (như phần mềm logistics, bảng tính, hệ thống quản lý chuỗi cung ứng) để đánh giá quy trình giao nhận, xuất nhập khẩu và vận hành chuỗi cung ứng, từ đó hỗ trợ lựa chọn các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động logistics (chuyên môn tương ứng K3).	3
PLO12	S7	Vận dụng kỹ năng tính toán, lập lệnh vận chuyển, điều phối phương tiện, xử lý nghiệp vụ kho bãi và thực hiện giao nhận quốc tế bằng các công cụ và phần mềm chuyên dụng nhằm đảm bảo hiệu quả trong vận hành logistics, điều phối vận tải và quản lý kho hàng (chuyên môn tương ứng K4).	3

STT	Ký hiệu	Nội dung từng chuẩn đầu ra của CTĐT	Mức độ theo thang Bloom
PLO13	S8	Vận dụng kỹ năng phân tích và ứng dụng các giải pháp công nghệ tiên tiến như tự động hóa, số hóa quy trình, kết nối đa phương thức và tiêu chuẩn ESG để xây dựng kế hoạch vận hành, tối ưu nguồn lực và nâng cao hiệu quả logistics – vận tải trong bối cảnh chuyển đổi số (chuyên môn tương ứng K5).	3
3	Chuẩn đầu ra về tự chủ và trách nhiệm		
PLO14	A1	Ý chí kiên cường; dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, luôn hoàn thành nhiệm vụ.	3
PLO15	A2	Thái độ cầu thị, biết lắng nghe, tiếp thu, chỉnh sửa.	3
PLO16	A3	Có sức khỏe tốt, có khả năng tham gia nhiều môn thể thao, âm nhạc; có khả năng tự vệ và bảo vệ người khác khi cần.	3
PLO17	A4	Sống tích cực, đoàn kết, vì mọi người, đạo đức tác phong luôn gương mẫu, yêu nước, thương dân, trung thành với Đảng CSVN, với Tổ quốc XHCN.	3
PLO18	A5	Tự tin, có thể trình bày, thuyết trình, báo cáo,... một vấn đề một cách logic, mạch lạc trước công chúng	3
PLO19	A6	Có khả năng tổ chức phòng chống thiên tai, hỏa hoạn ... tại đơn vị, địa bàn cư trú, có khả năng giải thoát cho bản thân và mọi người xung quanh khi xảy ra sự cố.	3

9. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được công nhận tốt nghiệp khi hội đủ các điều kiện được quy định bởi Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện hành của Học viện Hàng không Việt Nam:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.

- Sinh viên phải tích lũy đủ số học phần quy định trong chương trình đào tạo đại học theo chuyên ngành được đào tạo, không còn nợ học phần nào; điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên.

- Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng an ninh.

- Trình độ ngoại ngữ tối thiểu đạt TOEIC 500 hoặc chứng chỉ quốc tế tương đương được quy đổi theo quy định của Học viện.

- Tin học Chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư 03/2014/TT – BTTTT ngày 11/03/2014.

10. Văn bằng sau khi tốt nghiệp

- Cử nhân Kinh tế Vận tải, Chuyên ngành Kinh tế Hàng không (Bachelor of Transport Economics, Specialization: Air Transport Economics).

- Cử nhân Kinh tế Vận tải, Chuyên ngành Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng (Bachelor of Transport Economics; Specialization: Logistics and Supply Chain Management)

- Cử nhân Kinh tế Vận tải, Chuyên ngành Logistics và Vận tải đa phương thức (Bachelor of Transport Economics, Specialization: Logistics and Multimodal Transportation).

11. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

- Đối với ngành Kinh tế Vận tải, *chuyên ngành Kinh tế Hàng không*, sinh viên tốt nghiệp có thể làm việc tại các vị trí như chuyên viên kinh tế, chuyên viên tư vấn chiến lược, nhà báo, giảng viên chuyên về ngành hàng không, nhân viên/ trưởng phòng, giám đốc thương mại hoặc trở thành các nhà quản lý cấp cao tại:

- + Cơ quan quản lý nhà nước: chính phủ, trường học

- + Cơ quan nghiên cứu và công ty tư vấn về ngành hàng không

- + Hãng hàng không, cảng hàng không – sân bay

- + Hãng chế tạo máy bay

- + Doanh nghiệp thương mại, dịch vụ: các công ty dịch vụ liên quan đến ngành hàng không như công ty cung cấp suất ăn, vận tải hàng hoá, công ty du lịch lữ hành, v.v...



- Đối với ngành Kinh tế Vận tải, chuyên ngành *Logistics* và *Quản lý Chuỗi cung ứng* và chuyên ngành *Logistics* và *Vận tải Đa phương thức*; các sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể công tác tại các phòng ban kinh doanh xuất nhập khẩu hoặc trở thành cán bộ quản lý tại phòng chứng từ, phòng giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, phòng cung ứng, thu mua hàng hóa xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp sau:

- + Đại lý khai thuê hải quan
- + Doanh nghiệp Logistics
- + Doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, thương mại, chuỗi bán lẻ, e-commerce
- + Doanh nghiệp cảng biển, cảng hàng không, hãng tàu, hãng hàng không
- + Cơ quan quản lý nhà nước: Sở Công thương, Sở Kế hoạch và Đầu tư
- + Cơ sở đào tạo Đại học, Cao đẳng
- + Các công ty tư vấn, viện nghiên cứu
- + Ngân hàng thương mại

12. Tuyển sinh

12.1. Đối tượng tuyển sinh

Tốt nghiệp Trung học phổ thông.

12.2. Tiêu chí tuyển sinh

Theo đề án tuyển sinh hàng năm của Học viện hàng không Việt Nam.

- Xét tuyển thẳng theo quy chế của tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và thông báo của Học viện.

- Xét tuyển theo kết quả thi THPT quốc gia theo tổ hợp xét tuyển A00, A01, D01, D96.

- Các hình thức xét tuyển khác theo quy định của Học viện Hàng không tại thời điểm tuyển sinh.

12.3. Chỉ tiêu tuyển sinh

- 360 sinh viên/năm

II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tổng số tín chỉ phải tích lũy:

120 tín chỉ

(Chưa tính các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng, an ninh và các học phần kỹ năng mềm)

Trong đó:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương:

28 tín chỉ

- 
- Khối kiến thức cơ sở ngành: 26 tín chỉ
 - Khối kiến thức ngành: 26 tín chỉ
 - Khối kiến thức chuyên ngành (SV chọn 1 trong 3 chuyên ngành):
 - Chuyên ngành kinh tế Hàng không: 20 tín chỉ*
 - Chuyên ngành Logistics và Vận tải Đa phương thức: 20 tín chỉ*
 - Chuyên ngành Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng: 20 tín chỉ*
 - Khối kiến thức bổ trợ (tự chọn): 10 tín chỉ
 - Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp: 10 tín chỉ

NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH

Chuyên ngành Quản trị Dịch vụ Thương mại Hàng không

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Ngành đào tạo:

Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành
(Travel and Tourism Services Management)

Chuyên ngành đào tạo:

Quản trị Dịch vụ Thương mại Hàng không
(Management of Aviation Commercial Services)

2. Mã ngành đào tạo: 7810103A

3. Trình độ đào tạo: Đại học

4. Hệ đào tạo: Chính quy

5. Thời gian đào tạo: 4 năm

6. Đơn vị triển khai: Khoa Du lịch và Dịch vụ Hàng không

7. Mục tiêu đào tạo:

Mục tiêu chung: Mục tiêu chung: Giúp cho người học có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về quản trị và nghiệp vụ trong lĩnh vực dịch vụ thương mại HK. Đồng thời, rèn luyện năng lực tự chủ và trách nhiệm cá nhân, giúp người học có thể áp dụng hiệu quả những kiến thức đã học vào thực tiễn tại các doanh nghiệp, tổ chức trong ngành HK, du lịch, cũng như các cơ quan quản lý nhà nước liên quan..

Mục tiêu cụ thể

Khối	Ký hiệu	Nội dung từng mục tiêu cụ thể
Kiến thức	PO1	Cung cấp cho người học nền tảng kiến thức từ cơ bản đến nâng cao về chính trị, pháp luật, kinh tế, văn hóa, xã hội, và chuyên môn ngành dịch vụ, đặc biệt trong lĩnh vực du lịch và hàng không. Người học có khả năng vận dụng, phân tích, đánh giá và đề xuất các giải pháp quản trị phù hợp với bối cảnh phát triển đa dạng và toàn cầu hóa của ngành dịch vụ tại Việt Nam, khu vực và quốc tế.



Kỹ năng	PO2	Trang bị cho người học hệ thống kỹ năng toàn diện gồm kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng ngoại ngữ, công nghệ thông tin, kỹ năng mềm (giao tiếp, làm việc nhóm, đàm phán, thuyết trình), kỹ năng tư duy phản biện, lập kế hoạch và ra quyết định trong môi trường nghề nghiệp mô phỏng và thực tế. Người học có khả năng vận dụng công nghệ hiện đại, chuyển đổi số và AI trong hoạt động dịch vụ du lịch và hàng không.
Mức tự chủ và trách nhiệm	PO3	Rèn luyện cho người học phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, tác phong chuyên nghiệp, tinh thần trách nhiệm xã hội, khả năng tự định hướng, học tập suốt đời, đổi mới sáng tạo và thích ứng với môi trường làm việc đa dạng. Người học phát triển năng lực tự chủ và cam kết nâng cao năng lực cá nhân nhằm đóng góp tích cực cho tổ chức, cộng đồng và xã hội.



8. Chuẩn đầu ra

STT	Ký hiệu	Nội dung từng chuẩn đầu ra của CTĐT	Mức thang BLOOM
1	Chuẩn đầu ra kiến thức		
PLO1	K1	Vận dụng kiến thức khoa học xã hội, văn hóa, chính trị, pháp luật, công nghệ và sự hiểu biết về các vấn đề trong dịch vụ thương mại HK vào công việc.	Mức 3
PLO2	K2	Phân tích được xu hướng quản lý, điều hành kinh doanh và công nghệ; nhu cầu của thị trường, nguồn lực của tổ chức dựa trên việc vận dụng các khái niệm, các lý thuyết, các mô hình và các cách tiếp cận của hoạt động dịch vụ thương mại HK.	Mức 4
PLO3	K3	Đánh giá các tác động và tầm quan trọng của các yếu tố trong môi trường kinh doanh, sự đa dạng và toàn cầu hoá đến tổ chức và các quyết định trong lĩnh vực lĩnh vực dịch vụ thương mại HK.	Mức 4
PLO4	K4	Đề xuất được chiến lược, kế hoạch nhằm vận hành hiệu quả hoạt động dịch vụ thương mại HK nhằm mang đến lợi ích cho doanh nghiệp, khách hàng, cộng đồng và xã hội.	Mức 5
2	Chuẩn đầu ra kỹ năng		
PLO5	S1	Có thể giao tiếp, làm việc nhóm, thuyết trình, đàm phán, thuyết phục, truyền đạt thông tin trong các hoạt động nghề nghiệp	Mức 3

PLO6	S2	Sử dụng tốt tiếng Anh giao tiếp trong môi trường kinh doanh toàn cầu (đạt tối thiểu bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc). Sử dụng tốt các phần mềm, các ứng dụng công nghệ thông tin cho văn phòng và các hệ thống nghiệp vụ trong ngành HK để giải quyết các vấn đề trong công việc.	Mức 4
PLO7	S3	Lập kế hoạch, tổ chức, thực hiện và phối hợp sử dụng các nguồn lực một cách hiệu quả với các hoạt động riêng lẻ về quản trị dịch vụ thương mại HK trong các tình huống mô phỏng và giả định của doanh nghiệp HK.	Mức 4
PLO8	S4	Thành thạo kỹ năng chuyên môn nghề nghiệp.	Mức 5
3	Chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm		
PLO9	A1	Đáp ứng sức khỏe thể chất và tinh thần tốt, đam mê và nghiêm túc với nghề nghiệp đã chọn, thái độ cư xử chuẩn mực và chuyên nghiệp trong công việc.	Mức 3
PLO10	A2	Có ý thức tự định hướng, thích nghi với môi trường làm việc khác nhau, tự học hỏi để nâng cao trình độ chuyên môn; khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, học tập suốt đời. Sống có lý tưởng, ý thức trách nhiệm xã hội và đạo đức nghề nghiệp.	Mức 4

9. Điều kiện tốt nghiệp

Theo Quy chế đào tạo trình độ đại học của Học viện Hàng không Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 572/QĐ-HVHK-ĐT ngày 30/06/2023 của Giám đốc Học viện Hàng không Việt Nam.

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- ★ Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ quy định;
- ★ Hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;
- ★ Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;
- ★ Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- ★ Có Chứng chỉ Giáo dục quốc phòng an ninh.
- ★ Có Chứng chỉ giáo dục thể chất
- ★ Có Chứng nhận tham gia tuần lễ học sinh sinh viên.
- ★ Trình độ ngoại ngữ: Để tốt nghiệp chương trình đại học ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành, chuyên ngành Quản trị Dịch vụ thương mại hàng không tại Học viện Hàng không Việt Nam, sinh viên cần đạt trình độ ngoại ngữ tối thiểu Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam (Bậc 3/6) theo Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 về Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và Quyết định 66/2008/QĐ-BGDĐT về quy chuẩn quy đổi điểm TOEIC, TOEFL, IELTS sang các bậc trình độ tương ứng, sinh viên phải có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ (4 kỹ năng) sau:
 - VSTEP (Bậc 3)
 - CEFR (B1)
 - TOEIC (tối thiểu 450)
 - IELTS (tối thiểu 4.5)
- ★ Tin học: có Chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (theo quy định tại Thông tư 03/2014/TT – BTTTT ngày 11/03/2014) và tương đương theo quy định của Học viện Hàng không.

10. Văn bằng sau khi tốt nghiệp

Tiếng Việt: Bằng Cử nhân Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành

Tiếng Anh: The Degree of Bachelor of Travel and Tourism Services Management

11. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Người học tốt nghiệp chương trình cử nhân chuyên ngành QT DVTM HK có nền tảng kiến thức và kỹ năng cần thiết để đảm nhận nhiều vị trí trong các doanh nghiệp ngành du lịch, HK và dịch vụ liên quan, họ có thể làm việc ở các vị trí sau:

STT	Vị trí việc làm cụ thể
1	Tiếp viên hàng không
2	Nhân viên khai thác mặt đất phục vụ chuyến bay: nhân viên phục vụ hành khách; nhân viên phục vụ hành lý;
3	Chuyên viên kinh doanh thương mại và phát triển thị trường trong lĩnh vực hàng không và du lịch hàng không.
4	Chuyên viên quản lý chất lượng dịch vụ trong ngành hàng không
5	Doanh nhân hoặc quản lý kinh doanh độc lập: Khởi nghiệp và quản lý các hoạt động kinh doanh độc lập trong lĩnh vực dịch vụ thương mại HK và du lịch, phát triển các mô hình kinh doanh sáng tạo và bền vững.
6	Giảng viên và nhà nghiên cứu: Tham gia giảng dạy và nghiên cứu tại các cơ sở đào tạo hoặc viện nghiên cứu, chuyên sâu vào lĩnh vực dịch vụ thương mại HK, đóng góp vào việc đào tạo nhân lực và phát triển tri thức ngành.

12. Tuyển sinh

12.1. Hình thức tuyển sinh

- ★ Phương thức 1: Ưu tiên xét tuyển học sinh giỏi/ IELTS
- ★ Phương thức 2: Diện xét tuyển thẳng theo hồ sơ quy định của Bộ GDĐT
- ★ Phương thức 3: Sử dụng kết quả học tập THPT
- ★ Phương thức 4: Sử dụng kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia.

- ★ Phương thức 5: Sử dụng kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia.

12.2. Đối tượng dự tuyển

- ★ Học sinh đã hoàn thành chương trình trung học phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
 - ★ Học sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương đạt yêu cầu theo đề án tuyển sinh hàng năm của Học viện Hàng không Việt Nam.
- Phạm vi tuyển sinh: trong cả nước.
- Phương thức tuyển sinh: theo Đề án tuyển sinh của Học viện Hàng không Việt Nam và theo Quy chế tuyển sinh Đại học, Cao đẳng của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.3 Dự kiến quy mô tuyển sinh

Năm 2025: 250 Người học/năm

Năm 2026: 300 Người học/năm

Năm 2027: 300 Người học/năm

II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

STT	Khối kiến thức	Tín chỉ			Tỷ lệ
		Bắt buộc	Tự chọn	Tổng g	
1	Kiến thức giáo dục đại cương	25		25	20,83 %
1.1	Lý luận chính trị	11		11	
1.2	Khoa học tự nhiên, KHXH và Nhân văn	2		2	
1.3	Ngoại Ngữ và Kỹ năng		12	12	
1.4	Giáo dục thể chất (không tích lũy tín chỉ)	3			
1.5	Giáo dục quốc phòng an ninh (không tích lũy tín chỉ)	11			
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			95	79,17 %

2.1	Kiến thức cơ sở ngành	25		25	20,83 %
	Kiến thức cơ sở ngành (bắt buộc)	22		22	
	Kiến thức cơ sở ngành (tự chọn)		3	3	
2.2	Kiến thức ngành	24		24	20,00 %
	Kiến thức ngành (bắt buộc)	22		22	
	Kiến thức ngành (tự chọn)		2	2	
2.3	Kiến thức chuyên ngành	38		38	31,67 %
	Kiến thức chuyên ngành (bắt buộc)	23		23	
	Kiến thức chuyên ngành (chọn tổ hợp bắt buộc)		15	15	
2.4	Thực tập và viết KLTN hoặc Thực tập và học các học phần	8		8	6,67%
	Thực tập doanh nghiệp	3		3	
	KLTN/ Học phần thay thế	5		5	
	Tổng số	109	11	120	100%

NGÀNH KINH TẾ VẬN TẢI

Chuyên ngành Kinh tế Hàng không

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. **Ngành đào tạo:** Kinh tế vận tải (Transport Economics)

Chuyên ngành đào tạo:

- *Kinh tế Hàng không*

2. **Mã ngành đào tạo:** 7840104

3. **Trình độ đào tạo:** Đại học

4. **Hệ đào tạo:** Chính quy

5. **Thời gian đào tạo:** 4 năm

6. **Đơn vị triển khai:** Khoa Kinh tế hàng không

7. **Mục tiêu đào tạo:**

7.1. **Mục tiêu chung (GPO: General Education Program Objective)**

Chuyên ngành Kinh tế Hàng không hướng đến đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, có tư duy toàn cầu và kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực kinh tế gắn với ngành hàng không. Sinh viên được trang bị nền tảng vững chắc về kinh tế học, quản trị doanh nghiệp, logistics và vận tải hàng không. Chương trình chú trọng phát triển năng lực phân tích dữ liệu, tư duy chiến lược và khả năng thích ứng với môi trường quốc tế năng động. Kỹ năng mềm như giao tiếp, làm việc nhóm và sử dụng ngoại ngữ cũng được đặc biệt chú trọng. Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể đảm nhiệm các vị trí tại các hãng hàng không, sân bay, cơ quan quản lý, doanh nghiệp logistics và tổ chức quốc tế. Họ có khả năng tham gia hoạch định chính sách, xây dựng chiến lược kinh doanh và cải tiến mô hình vận hành trong ngành. Với tầm nhìn dài hạn, sinh viên tốt nghiệp có tiềm năng trở thành nhà quản lý, chuyên gia phân tích, hoặc khởi nghiệp trong lĩnh vực hàng không. Chương trình đào tạo hướng đến việc tạo dựng thế hệ lao động có khả năng dẫn dắt đổi mới và hội nhập sâu rộng. Đây là nền tảng để đóng góp vào sự phát triển bền vững của ngành hàng không Việt Nam và toàn cầu.

7.2. **Mục tiêu cụ thể (PO: Program Objective)**

<i>Khối</i>	<i>Ký hiệu</i>	<i>Nội dung từng mục tiêu cụ thể</i>
-------------	----------------	--------------------------------------

Kiến thức	PO1	Cung cấp kiến thức Lý luận Chính trị, Khoa học Xã hội và Nhân Văn, hiểu biết về Pháp luật Việt Nam, hiểu biết về An ninh Quốc phòng. Có kiến thức và khả năng tự rèn luyện về thể chất.
	PO2	Trang bị cho người học kiến thức nền tảng về kinh tế học, quản trị và vận tải trong lĩnh vực hàng không.
	PO3	Đào tạo kiến thức chuyên sâu về kinh tế hàng không, bao gồm: phân tích cung – cầu và cấu trúc thị trường vận tải hàng không; xây dựng chiến lược giá vé và tối ưu hóa doanh thu; đánh giá tác động kinh tế của ngành hàng không đối với nền kinh tế quốc gia; quản trị tài chính và kinh doanh hàng không; quản lý và vận hành sân bay trong bối cảnh hội nhập và phát triển.
Kỹ năng	PO4	Có kỹ năng sử dụng tiếng Anh giao tiếp hiệu quả trong công việc và môi trường hội nhập toàn cầu.
	PO5	Có kỹ năng sử dụng thành thạo các phần mềm chuyên ngành và ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực Kinh tế hàng không, thích ứng sự thay đổi và phát triển của khoa học công nghệ, văn hóa làm việc trong lĩnh vực ngành nói chung và chuyên ngành nói riêng.

	PO6	Có kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức, thực hiện, kiểm soát và quản lý các hoạt động trong lĩnh vực Kinh tế hàng không, cùng khả năng phân tích, tư duy và giải quyết các vấn đề phát sinh trong hoạt động kinh doanh, đặc biệt trong các lĩnh vực hàng không.
	PO7	Có kỹ năng làm việc độc lập, nhóm, thuyết trình, đàm phán, thuyết phục và truyền đạt thông tin trong lĩnh vực kinh tế hàng không.
Mức tự chủ và trách nhiệm	PO8	Rèn luyện để có sức khỏe thể chất và tinh thần tốt, thể hiện đam mê và sự nghiêm túc với nghề nghiệp đã chọn.
	PO9	Có tính thần học tập, không ngừng trau dồi kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp, khả năng thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau và luôn có tinh thần tự học hỏi để nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng. Ngoài ra, sinh viên dần xây dựng lối sống có lý tưởng, với ý thức trách nhiệm xã hội cao và tuân thủ các quy định đạo đức nghề nghiệp.
	PO10	Có ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong công nghiệp và trách nhiệm với cộng đồng.

8. Chuẩn đầu ra

STT	Ký hiệu	Nội dung từng chuẩn đầu ra của CTĐT	Mức độ theo
-----	---------	-------------------------------------	-------------

			thang Bloom
1	Chuẩn đầu ra kiến thức		
PLO1	K01	Có kiến thức cơ bản về lý luận chính trị Triết học Mác Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin, CNXH khoa học, tư tưởng HCM, Lịch sử Đảng CSVN và các kiến thức về pháp luật Việt Nam để vận dụng giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội trong thực tế. Biết sử dụng kiến thức ANQP vào công tác bảo vệ cơ quan, đất nước khi có chiến tranh xảy ra.	2/6
PLO2	K02	Vận dụng kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành để thực hiện các nghiệp vụ trong lĩnh vực vận tải hàng không như: khai thác hàng hóa, khai thác hành khách, quản lý chuỗi cung ứng, điều phối vận tải, phát triển thị trường, chăm sóc khách hàng, khai thác mặt đất và quản trị hoạt động hãng hàng không.	3/6
PLO3	K03	Phân tích các quy trình và yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động vận tải hàng không; thiết lập các giải pháp tổ chức và vận hành hiệu quả trong các lĩnh vực như khai thác hàng hóa, hành khách, quản lý chuỗi cung ứng, điều phối vận tải, phát triển thị trường, dịch vụ khách hàng, khai thác mặt đất và quản trị hãng hàng không.	4/6

PLO4	K04	Vận dụng kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên ngành để thực hiện công việc quản lý và khai thác cảng hàng không, sân bay; áp dụng các quy định pháp luật để triển khai hoạt động quản lý nhà nước trong lĩnh vực hàng không.	3/6
PLO5	K05	Phân tích các vấn đề chuyên môn trong quản lý và khai thác cảng hàng không, sân bay; thiết lập các giải pháp và kế hoạch triển khai hoạt động quản lý nhà nước phù hợp với quy định pháp luật trong lĩnh vực hàng không.	4/6
2	Chuẩn đầu ra kỹ năng		
PLO6	S01	Thực hiện truyền đạt nội dung, thuyết trình trước công chúng một cách tự tin, mạch lạc, lưu loát và trọng tâm. Có khả năng viết báo cáo, viết báo khoa học, viết thư giao dịch soạn thảo hợp đồng.	3/5
PLO7	S02	Có kỹ năng giao tiếp và sử dụng tiếng Anh trong đọc, viết tài liệu chuyên ngành và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn trong lĩnh vực kinh tế hàng không.	3/5
PLO8	S03	Sử dụng kiến thức tin học cơ để thực hiện một cách hiệu quả máy tính cùng các phần mềm phục vụ công việc chuyên môn trong lĩnh vực kinh tế hàng không.	3/5
PLO9	S04	Lập kế hoạch, tổ chức, thực hiện và kiểm soát các hoạt động trong lĩnh vực Kinh tế hàng không.	3/5

PLO1 0	S05	Phân tích, tổng hợp các vấn đề trong lĩnh vực vận tải hàng không như: khai thác hàng hóa, khai thác hành khách, quản lý chuỗi cung ứng, điều phối vận tải, phát triển thị trường, chăm sóc khách hàng, khai thác mặt đất và quản trị hoạt động hãng hàng không để thực hiện các nghiệp vụ cơ bản trong lĩnh vực vận tải hàng không (<i>chuyên môn tương ứng với K02</i>).	3/5
PLO1 1	S06	Thực hiện xây dựng các phương án khai thác hoạt động vận tải hàng không (<i>chuyên môn tương ứng với K03</i>).	3/5
PLO1 2	S07	Thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến quản lý và khai thác cảng hàng không, sân bay; áp dụng đúng các quy định pháp luật trong tổ chức và triển khai hoạt động quản lý nhà nước về hàng không. (<i>chuyên môn tương ứng với K04</i>).	3/5
PLO1 3	S08	Xây dựng được kế hoạch và quy trình quản lý, khai thác hoạt động tại cảng hàng không, sân bay; đề xuất và triển khai các giải pháp thực thi chính sách, quy định pháp luật trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hàng không. (<i>chuyên môn tương ứng với K05</i>).	3/5
3	Chuẩn đầu ra về tự chủ và trách nhiệm		
PLO1 4	A01	Ý chí kiên cường; dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, luôn hoàn thành nhiệm vụ.	3/5
PLO1 5	A02	Thái độ cầu thị, biết lắng nghe, tiếp thu, chỉnh sửa.	3/5

PLO1 6	A03	Có sức khỏe tốt, có khả năng tham gia nhiều môn thể thao, âm nhạc, có khả năng tự vệ và bảo vệ người khác khi cần.	3/5
PLO1 7	A04	Sống tích cực, đoàn kết, vì mọi người, đạo đức tác phong luôn gương mẫu, yêu nước, thương dân, trung thành với Đảng CSVN, với Tổ quốc XHCN.	3/5
PLO1 8	A05	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm hiệu quả trong các bối cảnh đa dạng; chủ động phối hợp, chia sẻ trách nhiệm và hỗ trợ thành viên trong nhóm nhằm hoàn thành mục tiêu chung; thể hiện tinh thần hợp tác, xây dựng và trách nhiệm với kết quả công việc tập thể.	3/5
PLO1 9	A06	Có khả năng tổ chức phòng chống thiên tai, hỏa hoạn tại đơn vị, địa bàn cư trú, có khả năng giải thoát cho bản thân và mọi người xung quanh khi xảy ra sự cố.	3/5
PLO2 0	A07	Có ý thức trách nhiệm nghề nghiệp và đạo đức xã hội; chủ động cập nhật tri thức và ứng dụng tiến bộ khoa học – công nghệ trong lĩnh vực chuyên môn; tích cực tham gia các hoạt động hướng tới phát triển bền vững, phát triển xanh và sử dụng hiệu quả tài nguyên trong môi trường làm việc và cộng đồng.	3/5

9. Điều kiện tốt nghiệp

Theo Quy chế đào tạo trình độ đại học của Học viện Hàng không Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 572/QĐ-HVHK-ĐT ngày 30/06/2023 của Giám đốc Học viện Hàng không Việt Nam.

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ quy định;
- Hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;
- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;
- Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Hoàn thành các học phần Giáo dục quốc phòng - An ninh, Giáo dục thể chất;
- Ngoại ngữ: Người học phải đạt điểm ngoại ngữ tối thiểu tương đương Bậc 3 theo thông tư số 01/2014/TT-BGD&ĐT quy định về khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc Người học đạt chứng chỉ quốc tế hoặc tương đương được quy đổi theo quy định của Học viện.
- Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản.

10. Văn bằng sau khi tốt nghiệp

- Cử nhân Kinh tế Vận tải, Chuyên ngành Kinh tế Hàng không (Bachelor of Transport Economics, Specialization: Air Transport Economics).

11. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

STT	Vị trí việc làm cụ thể
1	Chuyên viên/nhân viên hoạt động trong lĩnh vực vận tải hàng không: Khai thác hàng hóa, hành khách, quản lý chuỗi cung ứng, điều phối vận tải, phát triển thị trường, dịch vụ khách hàng, khai thác mặt đất, quản trị hãng hàng không.
2	Chuyên viên quản lý và khai thác các cảng hàng không sân bay, quản lý lĩnh vực nhà nước về hàng không.

12. Tuyển sinh

12.1. Đối tượng tuyển sinh

Tốt nghiệp Trung học phổ thông.

12.2. Tiêu chí tuyển sinh

Theo đề án tuyển sinh hàng năm của Học viện hàng không Việt Nam.

- Xét tuyển thẳng theo quy chế của tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và thông báo của Học viện.
- Xét tuyển theo kết quả thi THPT quốc gia theo tổ hợp xét tuyển A00, A01, D01, D96.
- Các hình thức xét tuyển khác theo quy định của Học viện Hàng không tại thời điểm tuyển sinh.

12.3. Chỉ tiêu tuyển sinh

- 180 sinh viên/năm

II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo (*chưa tính Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - an ninh, kỹ năng bổ trợ*): 120 tín chỉ

Trong đó:

- Kiến thức giáo dục đại cương : 11 tín chỉ tỷ lệ: 9,17 %
- Kiến thức khoa học cơ bản : 18 tín chỉ tỷ lệ: 15 %
- Kiến thức chuyên nghiệp : 91 tín chỉ tỷ lệ: 75,83 %
- + Kiến thức cơ sở ngành : 26 tín chỉ tỷ lệ: 21,67 %
- + Kiến thức cốt lõi ngành : 52 tín chỉ tỷ lệ: 43,83 %
- + Thực tập, trải nghiệm : 7 tín chỉ tỷ lệ: 5,83 %
- + Đồ án/ Khóa luận tốt nghiệp : 6 tín chỉ tỷ lệ: 5 %
- Tổng số tín chỉ bắt buộc: 102 tín chỉ, tự chọn: 18 tín chỉ

NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ

1. Ngành đào tạo: Kinh doanh Quốc tế (International Business)
2. Chuyên ngành đào tạo: Thương mại quốc tế (International Trade)
3. Mã ngành đào tạo: 7340120
4. Trình độ đào tạo: Đại học
5. Hệ đào tạo: Chính quy
6. Thời gian đào tạo: 04 năm
7. Đơn vị triển khai: Khoa Kinh tế Hàng không
8. Mục tiêu đào tạo

8.1. Mục tiêu chung (GPO: General Education Program Objective)

Đào tạo cử nhân Kinh doanh quốc tế theo định hướng ứng dụng; có đủ phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm với cộng đồng; có kiến thức nền tảng vững chắc về kinh tế, xã hội, chính trị và pháp luật, và kiến thức chuyên sâu về kinh doanh quốc tế; có các năng lực thực hành nghề nghiệp, tư duy phản biện, năng lực phân tích, tổng hợp và giải quyết vấn đề trong hoạt động kinh doanh quốc tế; năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm hiệu quả, kỹ năng giao tiếp, đàm phán và sử dụng ngoại ngữ thành thạo, phù hợp với môi trường làm việc đa văn hóa; có thể tham gia thị trường lao động tại các doanh nghiệp quốc tế, liên doanh và các tổng công ty, các tập đoàn đa và xuyên quốc gia, các công ty xuất nhập khẩu và logistics, công tác quản lý trong các tổ chức phi lợi nhuận, phi chính phủ quốc tế, các cơ quan quản lý và hoạch định chính sách trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế.

8.2. Mục tiêu cụ thể (PO: Program Objective)

+ Về kiến thức

PO1: Cung cấp kiến thức Lý luận Chính trị, Khoa học Xã hội và Nhân Văn, hiểu biết về Pháp luật Việt Nam, hiểu biết về An ninh Quốc phòng. Có kiến thức và khả năng tự rèn luyện về thể chất.

PO2: Trang bị kiến thức cơ bản về kinh doanh, kinh tế, quản trị để đáp ứng việc tiếp thu các kiến thức chuyên ngành.

PO3: Đào tạo kiến thức chuyên sâu trong các lĩnh vực trong các lĩnh vực kinh doanh quốc tế, thương mại quốc tế, xuất nhập khẩu, logistics và chuỗi cung ứng toàn cầu, marketing quốc tế, đầu tư và hợp tác kinh doanh xuyên biên giới.

+ Về kỹ năng:



PO4: Rèn luyện kỹ năng ngoại ngữ đáp ứng nhu cầu việc làm và học tập ở bậc sau đại học trong lĩnh vực Kinh doanh quốc tế.

PO5: Rèn luyện kỹ năng phân tích, tổng hợp và vận dụng các kiến thức đã tích lũy trong quá trình học vào thực hành nghề nghiệp thực tế.

PO6: Rèn luyện kỹ năng đánh giá hoạt động nghề nghiệp và vận dụng những thành tựu về khoa học công nghệ để giải quyết sáng tạo những công việc phức tạp phát sinh từ thực tế hoạt động kinh doanh quốc tế và thương mại quốc tế.

PO7: Rèn luyện kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, thảo luận, làm việc theo nhóm.

PO8: Rèn luyện kỹ năng sử dụng tin học ứng dụng trong các lĩnh vực chuyên môn.

+ Về mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm:

PO9: Có phẩm chất, đạo đức cá nhân, ý thức nghề nghiệp; Làm tròn trách nhiệm của công dân.

PO10: Có tác phong làm việc chuyên nghiệp, hợp tác, thân thiện phục vụ cộng đồng.

PO11: Có khả năng tự học, cập nhật & mở rộng tri thức để thích ứng với các môi trường nghề nghiệp, thể hiện năng lực học tập suốt đời.

9. Chuẩn đầu ra

STT	Ký hiệu	Nội dung từng chuẩn đầu ra của CTĐT	Mức độ theo thang Bloom
1		Chuẩn đầu ra kiến thức	
PLO1	K1	Có kiến thức cơ bản về lý luận chính trị Triết học Mác Lênin, Kinh tế chính trị Mác-Lênin, CNXH khoa học, tư tưởng HCM, Lịch sử Đảng CSVN và các kiến thức về pháp luật Việt Nam để vận dụng giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội trong thực tế. Biết vận dụng kiến thức ANQP vào công tác bảo vệ cơ quan, đất nước khi có chiến tranh xảy ra.	2/6

PLO2	K2	Vận dụng kiến thức về nghiệp vụ xuất nhập khẩu, quản lý vận tải, bảo hiểm hàng hóa, thanh toán quốc tế, chuỗi cung ứng và thương mại quốc tế để thực hiện các giao dịch xuất nhập khẩu, đảm bảo thủ tục hải quan, điều phối hàng hóa, nâng cao hiệu quả vận hành logistics & tối ưu hóa chuỗi cung ứng trong thương mại quốc tế đáp ứng công việc được mô tả theo vị trí việc làm chuyên viên thuộc các lĩnh vực xuất nhập khẩu, logistics & quản lý chuỗi cung ứng.	3/6
PLO3	K3	Có kiến thức chuyên sâu về quản lý thu mua, luật thương mại quốc tế và quản trị rủi ro quốc tế để phân tích hoạt động kinh doanh quốc tế, đảm bảo tuân thủ các quy định thương mại quốc tế và đảm bảo tính bền vững trong chuỗi cung ứng toàn cầu đáp ứng công việc thực tế được mô tả theo vị trí việc làm chuyên viên thuộc các lĩnh vực xuất nhập khẩu, logistics & quản lý chuỗi cung ứng.	4/6
PLO4	K4	Có kiến thức về hành vi tiêu dùng, chiến lược kinh doanh toàn cầu & marketing quốc tế để xây dựng kế hoạch phát triển kinh doanh, mở rộng thị trường, kế hoạch tiếp thị phù hợp với từng thị trường quốc tế và nâng cao vị thế thương hiệu toàn cầu đáp ứng công việc được mô tả theo vị trí việc làm chuyên viên kinh doanh, tiếp thị quốc tế.	4/6

PLO5	K5	Có kiến thức chuyên sâu về quản trị marketing, quảng cáo kỹ thuật số và tiếp thị đa kênh để lựa chọn các chiến dịch marketing hiệu quả trên các nền tảng quốc tế đáp ứng công việc thực tế được mô tả theo vị trí việc làm chuyên viên kinh doanh, tiếp thị quốc tế.	4/6
PLO6	K6	Có kiến thức về các chính sách thương mại, đầu tư quốc tế; phân tích dữ liệu và xu hướng thị trường nhằm phân tích cơ hội đầu tư hấp dẫn, hoạt động xúc tiến thương mại phù hợp với vị trí chuyên viên đối ngoại, xúc tiến thương mại & đầu tư.	4/6
PLO7	K7	Có kiến thức chuyên sâu về pháp lý và tài trợ thương mại quốc tế, chính sách thuế quan và đàm phán quốc tế để phân tích các hoạt động mở rộng kinh doanh toàn cầu của doanh nghiệp và tổ chức, đáp ứng yêu cầu công việc của chuyên viên đối ngoại, xúc tiến thương mại & đầu tư.	4/6
2	Chuẩn đầu ra kỹ năng		
PLO8	S1	Thành thạo năng lực truyền đạt nội dung, thuyết trình trước công chúng một cách tự tin, mạch lạc, lưu loát và trọng tâm; khả năng viết báo cáo, viết thư từ giao dịch, soạn thảo hợp đồng,...	3/5
PLO9	S2	Thành thạo kỹ năng trong giao tiếp, đọc viết tài liệu bằng tiếng Anh trong công tác chuyên môn, trình độ tương đương B1.	3/5
PLO10	S3	Thành thạo máy tính, tin học căn bản, các phần mềm phục vụ chuyên môn.	3/5

PLO11	S4	Chứng minh khả năng phân tích, tổng hợp dữ liệu xã hội, thị trường, đơn vị công tác để xây dựng chiến lược, lập kế hoạch triển khai phát triển đơn vị hàng năm, trung hạn, dài hạn.	3/5
PLO12	S5	Thành thạo trong công tác thực hiện nghiệp vụ xuất nhập khẩu, điều phối hàng hóa và tối ưu chuỗi cung ứng (chuyên môn tương ứng K2).	3/5
PLO13	S6	Thành thạo trong công tác đàm phán thu mua, kiểm soát rủi ro và đảm bảo tính bền vững trong thương mại quốc tế (chuyên môn tương ứng K3).	3/5
PLO14	S7	Thành thạo trong công tác xây dựng chiến lược kinh doanh, nghiên cứu thị trường và triển khai marketing quốc tế (chuyên môn tương ứng K4).	3/5
PLO15	S8	Thành thạo trong công tác quản trị thương hiệu, thực hiện quảng cáo kỹ thuật số và tiếp thị đa kênh (chuyên môn tương ứng K5).	4/5
PLO16	S9	Thành thạo trong công tác phân tích thị trường, tư vấn xúc tiến thương mại và hỗ trợ đầu tư quốc tế (chuyên môn tương ứng K6).	3/5
PLO17	S10	Thành thạo trong công tác vận dụng pháp lý, tài trợ thương mại và đàm phán giao dịch quốc tế (chuyên môn tương ứng K7).	4/5
3	Chuẩn đầu ra về tự chủ và trách nhiệm		

PLO18	A1	Ý chí kiên cường, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, luôn hoàn thành nhiệm vụ; khả năng tổ chức lãnh đạo; ý thức phát triển bền vững, phục vụ cộng đồng; đạo đức trong kinh doanh.	3/5
PLO19	A2	Khả năng làm việc nhóm trong môi trường đa văn hóa; thái độ cầu thị, biết lắng nghe, tiếp thu, chỉnh sửa.	3/5
PLO20	A3	Có sức khỏe tốt, có khả năng tham gia nhiều môn thể thao, âm nhạc; có khả năng tự vệ và bảo vệ người khác khi cần.	3/5
PLO21	A4	Sống tích cực, đoàn kết, vì mọi người, đạo đức tác phong luôn gương mẫu, yêu nước, thương dân, trung thành với Đảng CSVN, với Tổ quốc XHCN.	3/5
PLO22	A5	Tự tin, chủ động cập nhật công nghệ số, có thể trình bày, thuyết trình, báo cáo,... một vấn đề một cách logic, mạch lạc trước công chúng.	3/5
PLO23	A6	Có khả năng tổ chức phòng chống thiên tai, hỏa hoạn,... tại đơn vị, địa bàn cư trú, có khả năng giải thoát cho bản thân và mọi người xung quanh khi xảy ra sự cố.	3/5

10. Điều kiện tốt nghiệp

Theo Quy chế đào tạo trình độ đại học của Học viện Hàng không Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 572/QĐ-HVHK-ĐT ngày 30/06/2023 của Giám đốc Học viện Hàng không Việt Nam.

Ngoại ngữ: Người học tốt nghiệp bậc Đại học chuyên ngành Thương mại Quốc tế thuộc ngành Kinh doanh Quốc tế của Học Viện Hàng không Việt Nam phải đạt năng lực ngoại ngữ Tiếng Anh bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam hoặc tương đương.



11. Văn bằng sau khi tốt nghiệp

Cử nhân Kinh doanh quốc tế, Chuyên ngành Thương mại quốc tế (The Degree of Bachelor in International Business, International Trade Major).

12. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Đối với ngành Kinh doanh quốc tế, chuyên ngành Thương mại quốc tế, sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại các vị trí như:

- Chuyên viên thuộc các lĩnh vực xuất nhập khẩu, logistics & quản lý chuỗi cung ứng
- Chuyên viên thuộc các lĩnh vực kinh doanh, tiếp thị quốc tế
- Chuyên viên thuộc các lĩnh vực đối ngoại, xúc tiến thương mại & đầu tư

14. Tuyển sinh

Theo đề án tuyển sinh của Học viện Hàng không Việt Nam.

III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo (*chưa tính Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - an ninh, kỹ năng bổ trợ*): 120 tín chỉ

Trong đó: 102 tín chỉ bắt buộc & 18 tín chỉ tự chọn

- | | | |
|--------------------------------|---------------|----------------|
| - Kiến thức giáo dục đại cương | : 11 tín chỉ | - Tỷ lệ : 9 % |
| - Kiến thức khoa học cơ bản | : 2 tín chỉ | - Tỷ lệ : 2 % |
| - Kiến thức chuyên nghiệp | : 107 tín chỉ | - Tỷ lệ : 89 % |
| + Kiến thức cơ sở ngành | : 26 tín chỉ | - Tỷ lệ : 22 % |
| + Kiến thức cốt lõi ngành | : 68 tín chỉ | - Tỷ lệ : 57 % |
| + Thực tập, trải nghiệm | : 7 tín chỉ | - Tỷ lệ : 6 % |
| + Đồ án/ Khóa luận tốt nghiệp | : 6 tín chỉ | - Tỷ lệ : 5 % |



NGÀNH ĐIỆN TỬ ỨNG DỤNG AI & IoT

1. Thông tin về chương trình đào tạo

1.1 Tên ngành đào tạo

Tên tiếng Việt: Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông

Tên tiếng Anh: Electronics and Telecommunications Engineering Technology

1.2 Tên chuyên ngành

Tên tiếng Việt: Điện tử ứng dụng AI và IoT

Tên tiếng Anh: Applied Electronics with Artificial Intelligence and Internet of Things Engineering

1.3 Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

1.4 Thời gian đào tạo: 10 học kỳ

1.5 Trình độ đào tạo theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam: Bậc 7/8.

1.6 Tên văn bằng sau tốt nghiệp

Tên tiếng Việt: Kỹ sư Điện tử ứng dụng AI và IoT

Tên tiếng Anh: Engineer Degree of Electronics and Telecommunications Engineering Technology

1.7 Khoa được giao nhiệm vụ đào tạo: Khoa Điện – Điện tử

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1 Mục tiêu chung

Chương trình Giáo dục đại học chuyên ngành Điện tử ứng dụng trí tuệ nhân tạo và Internet vạn vật (Điện tử ứng dụng AI và IoT) nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức toàn diện, cơ bản hiện đại, bảo đảm sau khi tốt nghiệp có khả năng hoàn thành tốt nhiệm vụ của người kỹ sư hoạt động trong lĩnh vực Điện tử, Viễn thông kết hợp với Trí tuệ nhân tạo và IoT, đồng thời thích ứng với sự phát triển công nghệ và nhu cầu thực tế của ngành.

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể làm việc trong các tập đoàn, công ty công nghệ Điện tử - Viễn thông, AI và IoT trong nhiều lĩnh vực như hàng không, công nghiệp thông minh, y tế số, đô thị thông minh, tự động hóa và các ngành kỹ thuật số khác. Những sinh viên giỏi có thể làm công tác giảng dạy, nghiên cứu tại các trường đại học, viện nghiên cứu, hoặc khởi nghiệp trong các lĩnh vực liên quan.

2.2 Mục tiêu cụ thể

Về kiến thức

- Vận dụng kiến thức nền tảng về chính trị, pháp luật, ngoại ngữ, quốc phòng – an ninh và khoa học tự nhiên để phân tích các vấn đề xã hội, công nghệ và học thuật, tạo nền tảng cho việc học tập chuyên sâu và phát triển nghề nghiệp lâu dài.
- Áp dụng toán học, khoa học tự nhiên và nguyên lý kỹ thuật để giải quyết các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực công nghệ kỹ thuật điện tử – viễn thông, đặc biệt là các hệ thống tích hợp AI và IoT (AIoT).
- Phân tích và tổng hợp kiến thức về kỹ thuật điện tử, AI và IoT để thiết kế các hệ thống AIoT hiệu quả, đáp ứng nhu cầu phát triển công nghiệp và hàng không thông minh.
- Thiết kế, triển khai và vận hành các hệ thống điện tử – viễn thông ứng dụng AI và IoT, đồng thời phân biệt và đánh giá được các xu hướng công nghệ hiện đại trong bối cảnh công nghiệp 4.0.

Về kỹ năng

- Thiết kế và tối ưu hóa các hệ thống AIoT bằng cách áp dụng kỹ thuật lập trình, mô hình hóa và phân tích hệ thống vào các ứng dụng công nghiệp thực tế.
- Thực hiện việc xây dựng và triển khai hệ thống AIoT cho các lĩnh vực viễn thông, tự động hóa, chuyên đổi số, đô thị thông minh và nông nghiệp thông minh, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu thực tiễn.
- Truyền đạt, phản biện và thuyết trình hiệu quả trong môi trường đa văn hóa, từ đó làm việc nhóm, lãnh đạo và quản lý dự án trong các lĩnh vực liên quan đến AIoT.
- Sử dụng thành thạo tiếng Anh chuyên ngành để tìm kiếm, đọc hiểu, phân tích tài liệu kỹ thuật và giao tiếp chuyên nghiệp trong môi trường làm việc quốc tế.

Về tự chủ và chịu trách nhiệm

- Đánh giá vai trò và tác động của hệ thống AIoT trong giải quyết các vấn đề xã hội; thực thi trách nhiệm công dân, tinh thần cống hiến và đạo đức nghề nghiệp trong môi trường toàn cầu.
- Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, xây dựng mục tiêu học tập cá nhân, lập kế hoạch phát triển bản thân và thực hiện quá trình tự học suốt đời để thích ứng với sự phát triển không ngừng của công nghệ.

3. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ quy định;
- Hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;
- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;
- Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Hoàn thành các học phần Giáo dục quốc phòng - An ninh, Giáo dục thể chất;
- Ngoại ngữ: Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam (tương đương trình độ B2).
- Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản.

4. Nơi làm việc sau khi tốt nghiệp

Các tập đoàn công nghệ lớn.

Các công ty viễn thông và mạng.

Các công ty phát triển sản phẩm nhúng & IoT.

Các công ty phần mềm & AI.

Các công ty sản xuất và tự động hóa.

Các trung tâm nghiên cứu & viện nghiên cứu.

Các công ty khởi nghiệp về AI, IoT, hệ thống nhúng – Khởi nghiệp trong lĩnh vực thiết bị thông minh, ứng dụng AI và IoT vào các ngành công nghiệp khác nhau.

Các tổ chức và cơ quan chính phủ có chuyên ngành liên quan đến chuyên ngành học.

Các công ty trong lĩnh vực hàng không & điều khiển không lưu.

Các trường đại học.

5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có các khả năng học tập và nâng cao trình độ như sau:

Tiếp tục học lên bậc cao hơn: Sinh viên có thể theo học thạc sĩ, tiến sĩ trong các lĩnh vực liên quan như AI, IoT, hệ thống nhúng, viễn thông, điều khiển tự động, khoa học dữ liệu, an toàn thông tin tại các trường đại học trong và ngoài nước.

Nâng cao chuyên môn thông qua chứng chỉ nghề nghiệp: Có thể tham



gia các khóa học chuyên sâu và lấy các chứng chỉ quốc tế uy tín như: AI & Machine Learning, IoT, hệ thống nhúng & viễn thông, điện toán đám mây & bảo mật.

Tham gia nghiên cứu & phát triển công nghệ mới: Làm việc tại các trung tâm R&D của các tập đoàn công nghệ lớn hoặc các viện nghiên cứu, phát triển các giải pháp AI, IoT, UAV, mạng 5G, hệ thống nhúng thông minh; xuất bản các bài báo khoa học trong lĩnh vực AI, IoT, truyền thông không dây, xử lý tín hiệu, trí tuệ nhân tạo ứng dụng...

Học tập liên tục để thích ứng với công nghệ mới: Ngành AI & IoT liên tục thay đổi, do đó sinh viên cần học tập suốt đời thông qua các khóa học trực tuyến, hội thảo, diễn đàn công nghệ; cập nhật kiến thức về AI, Big Data, Blockchain, Digital Twin, mạng di động, điện toán biên, an toàn thông tin... trong IoT.

Phát triển sự nghiệp qua làm việc thực tế & khởi nghiệp: Sinh viên có thể tích lũy kinh nghiệm thông qua các dự án công nghệ, startup trong lĩnh vực AI, IoT, hệ thống nhúng; có thể đảm nhận các vị trí cao hơn như chuyên gia công nghệ, trưởng nhóm kỹ thuật, giám đốc công nghệ (CTO), nhà sáng lập công ty khởi nghiệp về công nghệ.

NGÀNH UAV & ROBOTICS

1. Thông tin về chương trình đào tạo

1.1 Tên ngành đào tạo

Tên tiếng Việt: Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa

Tên tiếng Anh: Automation and Control Engineering Technology Technology

1.2 Tên chuyên ngành

Tên tiếng Việt: UAV và Robotics

Tên tiếng Anh: : UAV and Robotics

1.3 Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

1.4 Thời gian đào tạo: 10 học kỳ

1.5 Trình độ đào tạo theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam: Bậc 7/8.

1.6 Tên văn bằng sau tốt nghiệp

Tên tiếng Việt: Kỹ sư chuyên ngành UAV và Robotic

Tên tiếng Anh: Engineer Degree of UAV and Robotics

1.7 Khoa được giao nhiệm vụ đào tạo: Khoa Điện – Điện tử

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1 Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo chuyên ngành UAV và Robotics thuộc ngành Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa trình độ đại học tại Học viện Hàng không Việt Nam hướng đến phát triển toàn diện người học, đáp ứng nhu cầu nhân lực kỹ thuật điều khiển và tự động hóa cho xã hội và ngành hàng không. Chương trình cung cấp kiến thức từ cơ bản đến chuyên sâu về công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, đồng thời phát triển kỹ năng thực hành, tư duy sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực làm việc nhóm, tự học, năng lực nghiên cứu và cập nhật công nghệ mới. Bên cạnh đó, chương trình chú trọng rèn luyện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, bản lĩnh chính trị vững vàng, ý thức trách nhiệm xã hội, ý thức rèn luyện sức khỏe, lòng yêu nước, sự trung thành với Tổ quốc, khả năng sử dụng ngoại ngữ và đặc biệt là khả năng ứng dụng sáng tạo vào các giải pháp thực tiễn, giúp người học thích ứng với sự phát triển công nghệ và hội nhập quốc tế.

2.2 Mục tiêu cụ thể

Về kiến thức

- **Kiến thức đại cương và nền tảng khoa học:** Cung cấp cho sinh viên kiến thức vững chắc về các lý thuyết cơ bản như Chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Pháp luật cơ bản, Pháp luật hàng không, Tiếng Anh cơ bản, An ninh Quốc phòng, thể chất và các môn khoa học tự nhiên. Những kiến thức này không chỉ là nền tảng tư duy mà còn giúp sinh viên phát triển khả năng học tập suốt đời, làm nền tảng vững chắc cho quá trình nghiên cứu và phát triển trong lĩnh vực UAV và Robotics. Các môn học này giúp sinh viên hình thành tư duy phản biện và khả năng ứng dụng các nguyên lý khoa học vào công việc chuyên môn..
- **Ứng dụng toán học, khoa học và kỹ thuật trong UAV và Robotics:** Sinh viên sẽ vận dụng các nguyên lý toán học, khoa học và kỹ thuật để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, đặc biệt trong các hệ thống UAV và Robotics yêu cầu độ chính xác, an toàn và hiệu suất cao. Sinh viên sẽ học cách áp dụng các lý thuyết toán học và khoa học trong việc thiết kế, tối ưu hóa các hệ

thống điều khiển cho UAV và Robotics, đồng thời áp dụng các kỹ thuật mới nhất để giải quyết các bài toán thực tế trong môi trường công nghiệp và hàng không, nơi có yêu cầu khắt khe về chất lượng và độ tin cậy.

- **Kiến thức cơ sở ngành và hàng không:** Sinh viên sẽ được trang bị kiến thức cơ bản về công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, cùng với các kiến thức tổng quan về ngành hàng không dân dụng. Sinh viên sẽ hiểu rõ các yêu cầu đặc thù của ngành hàng không, từ đó phát triển khả năng phân tích, giải quyết các vấn đề kỹ thuật và xây dựng các giải pháp công nghệ trong môi trường hàng không và các lĩnh vực liên quan đến UAV và Robotics. Kiến thức này sẽ giúp sinh viên có cái nhìn tổng thể và chiến lược về việc ứng dụng các công nghệ tiên tiến trong ngành.
- **Kiến thức chuyên sâu về điều khiển và tự động hóa UAV, Robotics:** Sinh viên sẽ học các kiến thức chuyên sâu về công nghệ điều khiển và tự động hóa, bao gồm các hệ thống điều khiển tiên tiến cho UAV và robot thông minh. Các môn học sẽ giúp sinh viên phát triển khả năng sáng tạo và áp dụng các giải pháp công nghệ tiên tiến để tối ưu hóa và cải thiện hiệu suất của các hệ thống này. Sinh viên sẽ được trang bị kiến thức về điều khiển tự động, học máy, xử lý tín hiệu và cảm biến, giúp họ hiểu rõ hơn về các nguyên lý và kỹ thuật điều khiển hiện đại, từ đó đáp ứng nhu cầu của ngành hàng không và công nghiệp trong môi trường làm việc đa văn hóa.

Về kỹ năng

- **Khả năng thiết kế và phát triển hệ thống UAV và Robotics:** Sinh viên sẽ được trang bị đầy đủ các kỹ năng để phân tích yêu cầu, thiết kế, lập trình và tối ưu hóa các hệ thống UAV và robot, bao gồm cả phần cứng và phần mềm. Sinh viên sẽ có khả năng phát triển các hệ thống điều khiển, cảm biến và học máy, đồng thời thiết kế các giải pháp công nghệ đáp ứng các nhu cầu thực tiễn trong ngành hàng không và công nghiệp. Các kỹ năng này sẽ giúp sinh viên chuẩn bị sẵn sàng cho công việc phát triển các sản phẩm UAV và Robotics

ứng dụng trong các lĩnh vực như giao thông, nông nghiệp, y tế, và sản xuất.

- **Xây dựng và triển khai hệ thống công nghệ thông minh:** Sinh viên sẽ học cách thiết kế và triển khai các hệ thống công nghệ thông minh cho UAV và Robotics, bao gồm việc sử dụng các công nghệ tiên tiến như học máy (Machine Learning), thị giác máy tính (Computer Vision), cảm biến và tự động hóa. Sinh viên sẽ phát triển các kỹ năng ứng dụng công nghệ mới để giải quyết các bài toán chuyên sâu trong các lĩnh vực quản lý, vận hành và tự động hóa. Các hệ thống này sẽ đáp ứng các xu hướng công nghiệp 4.0, bao gồm tự động hóa cao và phân tích dữ liệu lớn (Big Data).
- **Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm:** Phát triển kỹ năng giao tiếp hiệu quả trong môi trường làm việc đa văn hóa, bao gồm giao tiếp kỹ thuật, làm việc nhóm và giao tiếp đa văn hóa. Sinh viên sẽ học cách làm việc trong môi trường đa dạng, phát triển khả năng thảo luận, phản biện, và trình bày ý tưởng rõ ràng. Các kỹ năng này không chỉ giúp sinh viên dễ dàng giao tiếp với các chuyên gia trong ngành mà còn giúp họ xây dựng các giải pháp công nghệ UAV và Robotics hợp lý và sáng tạo. Sinh viên sẽ học cách quản lý dự án công nghệ và triển khai các giải pháp tiên tiến trong các tổ chức đa quốc gia.
- **Khả năng sử dụng ngoại ngữ và công nghệ mới:** Sinh viên sẽ phát triển khả năng sử dụng ngoại ngữ trong môi trường làm việc quốc tế, đồng thời trang bị kiến thức và kỹ năng về các công nghệ mới nhất trong lĩnh vực UAV và Robotics. Sinh viên sẽ học cách làm việc với các công cụ và nền tảng công nghệ tiên tiến, đáp ứng yêu cầu của ngành trong việc phát triển sản phẩm và giải pháp công nghệ. Các chương trình học này sẽ giúp sinh viên làm việc hiệu quả hơn trong môi trường toàn cầu và thúc đẩy khả năng phát triển nghề nghiệp của họ.

Về tự chủ và chịu trách nhiệm

- **Ý thức trách nhiệm công dân và ứng dụng công nghệ phục vụ cộng đồng:** Sinh viên sẽ được giáo dục về trách nhiệm công dân và tinh thần phục vụ cộng đồng thông qua việc phát triển và ứng dụng các giải pháp công nghệ UAV và Robotics nhằm giải quyết các vấn đề thực tiễn trong xã hội. Sinh viên sẽ học cách áp dụng công nghệ để cải thiện chất lượng cuộc sống, bảo vệ môi trường, và thúc đẩy sự phát triển bền vững. Các giải pháp này sẽ góp phần vào việc giải quyết các thách thức lớn trong cộng đồng và ngành công nghiệp.
- **Đạo đức nghề nghiệp và phát triển nghề nghiệp liên tục:** Rèn luyện sinh viên có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, bao gồm tính trung thực, trách nhiệm, kỷ luật, và tác phong công nghiệp. Sinh viên sẽ được khuyến khích không ngừng học hỏi, đổi mới và nâng cao năng lực chuyên môn để đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và sáng tạo trong ngành UAV và Robotics. Các chương trình đào tạo sẽ giúp sinh viên hiểu và áp dụng các tiêu chuẩn đạo đức trong nghề, đồng thời chuẩn bị cho họ một lộ trình phát triển nghề nghiệp dài hạn và thành công.

3. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ quy định;
- Hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;
- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;
- Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Hoàn thành các học phần Giáo dục quốc phòng - An ninh, Giáo dục thể chất;
- Ngoại ngữ: Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam (tương đương trình độ B2).
- Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản.

4. Nơi làm việc sau khi tốt nghiệp

Sinh viên sau khi hoàn thành chương trình đào tạo chuyên ngành UAV và Robotics có thể lựa chọn làm việc trong nhiều lĩnh vực và tổ chức khác nhau,

bao gồm:

- *Doanh nghiệp công nghệ trong và ngoài nước:* Có thể tham gia vào các tập đoàn công nghệ lớn, công ty đa quốc gia hoặc các doanh nghiệp chuyên sâu trong lĩnh vực phát triển thiết bị bay không người lái và robot. Ngoài ra, sinh viên có thể góp mặt trong các công ty khởi nghiệp công nghệ (start-up), đặc biệt là những đơn vị tập trung vào đổi mới sáng tạo và phát triển giải pháp thông minh.

- *Đơn vị cung cấp giải pháp tích hợp AI trong UAV và Robotics:* Làm việc tại các công ty chuyên thiết kế, xây dựng, triển khai và bảo trì hệ thống phần mềm tích hợp trí tuệ nhân tạo vào UAV và robot. Vai trò có thể bao gồm kỹ sư phát triển giải pháp, kỹ thuật viên triển khai, hoặc chuyên viên tư vấn công nghệ trong các dự án ứng dụng AI vào hệ thống tự động.

Cơ quan nhà nước và các tổ chức phi lợi nhuận: Tham gia các chương trình nghiên cứu, phát triển công nghệ phục vụ xã hội; hỗ trợ chuyển đổi số trong lĩnh vực công nghiệp và quốc phòng; hoặc góp phần xây dựng các giải pháp công nghệ ứng dụng UAV và Robotics trong giám sát môi trường, nông nghiệp thông minh, hoặc cứu trợ nhân đạo tại các tổ chức chính phủ và phi chính phủ.

5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Sau khi hoàn tất chương trình đào tạo chuyên ngành UAV và Robotics, sinh viên có nhiều cơ hội tiếp tục học hỏi và phát triển năng lực cá nhân thông qua các định hướng sau:

- *Tự học và nghiên cứu mở rộng chuyên môn:* Với nền tảng kiến thức vững chắc về điều khiển tự động và kỹ thuật robot, sinh viên hoàn toàn có thể chủ động cập nhật và tiếp cận các xu hướng công nghệ hiện đại như trí tuệ nhân tạo, học máy (Machine Learning), học sâu (Deep Learning), xử lý ngôn ngữ tự nhiên (NLP) và thị giác máy tính (Computer Vision). Thông qua việc tự học, nghiên cứu tài liệu chuyên sâu và tham gia vào các dự án thực tiễn, sinh viên có thể nâng cao kỹ năng chuyên môn và khả năng ứng dụng công nghệ trong nhiều bối cảnh khác nhau.

- *Tiếp tục học tập ở bậc sau đại học:* Sinh viên có thể lựa chọn theo đuổi các chương trình thạc sĩ trong hoặc ngoài nước thuộc các lĩnh vực liên quan như kỹ thuật điều khiển, robot học, trí tuệ nhân tạo hoặc công nghệ thông tin. Việc tham gia vào các chương trình nghiên cứu chuyên sâu, hợp tác học thuật quốc tế hoặc các khóa học chuyên ngành nâng cao sẽ tạo nền tảng vững chắc để phát triển sự nghiệp nghiên cứu hoặc giảng dạy trong tương lai.

- *Tham gia các khóa đào tạo và lấy chứng chỉ nghề nghiệp:* Để củng cố và mở rộng chuyên môn, sinh viên có thể đăng ký các khóa học trực tuyến hoặc ngoại tuyến từ các tổ chức uy tín nhằm lấy chứng chỉ quốc tế như NVIDIA Jetson AI, TensorFlow Developer, ROS Certification, v.v. Những chứng chỉ này không chỉ khẳng định năng lực mà còn nâng cao giá trị cạnh tranh trên thị trường lao động.

- *Phát triển kỹ năng mềm và tư duy đổi mới sáng tạo:* Song song với kiến thức chuyên ngành, sinh viên cần trang bị các kỹ năng thiết yếu như tư duy phản biện, khả năng giải quyết vấn đề, làm việc nhóm, giao tiếp hiệu quả và quản lý thời gian. Trong lĩnh vực UAV và Robotics – nơi đổi mới sáng tạo là yếu tố sống còn – năng lực phân tích dữ liệu, kết hợp với tư duy sáng tạo, sẽ giúp sinh viên xây dựng và tối ưu các giải pháp công nghệ một cách linh hoạt và hiệu quả.

Định hướng lãnh đạo và quản lý chuyên sâu: Sau một thời gian làm việc và tích lũy kinh nghiệm, sinh viên có thể chuyển hướng sang các vai trò quản lý như điều phối dự án, quản trị đội nhóm phát triển UAV và Robotics hoặc tư vấn giải pháp công nghệ. Để chuẩn bị cho lộ trình này, việc tham gia các chương trình đào tạo về quản lý công nghiệp, quản trị đổi mới sáng tạo hoặc MBA sẽ giúp nâng cao kỹ năng lãnh đạo và tư duy chiến lược trong môi trường công nghệ cao.

NGÀNH ĐIỆN TỰ ĐỘNG CẢNG HÀNG KHÔNG

Trình độ : Đại học

Định hướng : Ứng dụng

Mã số ngành : 7510303

Chuyên ngành : Điện tự động cảng hàng không

PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Thông tin về chương trình đào tạo

1.1 Tên ngành đào tạo:

+ Tên tiếng Việt: Công nghệ kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa

+ Tên tiếng Anh: Automation and Control Engineering Technology

1.2 Các chuyên ngành

+ Tên tiếng Việt: Điện tự động cảng hàng không

Tên tiếng Anh: Airport Electrical and Automation Engineering

1.3 Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt

1.4 Thời gian đào tạo: 05 năm/10 học kỳ tốt nghiệp kỹ sư

1.5 Trình độ đào tạo theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam: Bậc 7

1.6 Tên văn bằng sau tốt nghiệp

+ Tên tiếng Việt: Bằng kỹ sư ngành Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa

+ Tên tiếng Anh: Engineer of Automation and Control Engineering Technology

1.7 Khoa được giao nhiệm vụ đào tạo:

+ Khoa điện - điện tử

+ Địa chỉ: 18A/1 Cộng Hòa, Phường Tân Sơn Nhất, TP.HCM

+ Điện thoại: (028) 38422199 Email: ..., Website: <https://feee-vaa.edu.vn/>

2. Thông tin tuyển sinh

2.1 Hình thức tuyển sinh

Theo đề án tuyển sinh hàng năm của Học viện Hàng không Việt Nam

2.2 Đối tượng dự tuyển

Tuyển sinh trên toàn quốc theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.3 Dự kiến quy mô tuyển sinh

+ Theo đề án tuyển sinh hàng năm của Học viện Hàng không Việt Nam

3. Điều kiện tốt nghiệp

Theo Quy chế đào tạo trình độ đại học của Học viện Hàng không Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 572/QĐ-HVHK-ĐT ngày 30/06/2023 của Giám đốc Học viện Hàng không Việt Nam.

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ quy định;
- Hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;
- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;
- Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Hoàn thành các học phần Giáo dục quốc phòng - An ninh, Giáo dục thể chất;
- Ngoại ngữ: Thành thạo các kỹ năng Nghe – Nói – Đọc – Viết tiếng Anh chuyên ngành, Có trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 4/6 (B2) theo Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.

PHẦN II. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu của chương trình đào tạo

1.1 Mục tiêu chung

Chuyên ngành Điện tự động cảng hàng không trong nhóm ngành Công

nghệ kỹ thuật Điều khiển và tự động hóa trình độ đại học tại Học viện Hàng không Việt Nam hướng đến phát triển toàn diện người học, đáp ứng nhu cầu nhân lực kỹ thuật điều khiển và tự động hóa cho xã hội và nhất là cho ngành hàng không. Chương trình cung cấp kiến thức từ cơ bản đến chuyên sâu về năng lượng xanh, năng lượng tái tạo, công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, đồng thời phát triển kỹ năng thực hành, tư duy sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực làm việc nhóm, tự học, năng lực nghiên cứu và cập nhật công nghệ mới. Bên cạnh đó, chương trình chú trọng rèn luyện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, bản lĩnh chính trị vững vàng, ý thức trách nhiệm xã hội, ý thức rèn luyện sức khỏe, lòng yêu nước, sự trung thành với Tổ quốc, khả năng sử dụng ngoại ngữ và đặc biệt là khả năng vận dụng sáng tạo kiến thức, kỹ năng vào các giải pháp thực tiễn, giúp người học thích ứng nhanh với sự phát triển công nghệ và hội nhập quốc tế.

1.2 Mục tiêu cụ thể

+ Kiến thức

- *Trang bị cho sinh viên kiến thức đại cương* về: Lý luận của Chủ nghĩa Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Pháp luật đại cương, Pháp luật hàng không, Tiếng Anh cơ bản, An ninh Quốc phòng, rèn luyện thể chất. Ngoài ra còn cung cấp các kiến thức khoa học cơ bản làm nền tảng, đáp ứng yêu cầu học tập chuyên ngành và phát triển năng lực tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ.

- *Vận dụng các nguyên lý toán học, khoa học kỹ thuật và khoa học tự nhiên* để giải quyết các bài toán trong lĩnh vực công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, đặc biệt trong các hệ thống yêu cầu độ chính xác, an toàn, và hiệu suất cao phù hợp với đặc thù ngành hàng không nói riêng và ngành công nghiệp nói chung.

- *Trang bị kiến thức cơ sở ngành công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, nguồn năng lượng xanh, sạch và kiến thức tổng quan hàng không dân dụng*: giúp sinh viên phát triển khả năng phân tích, giải quyết vấn đề và xây dựng các giải pháp công nghệ đáp ứng yêu cầu làm việc trong môi trường hàng không và các lĩnh vực liên quan.

- *Trang bị kiến thức chuyên sâu về công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa*, bao gồm kiến thức phát triển hệ thống quản lý, điều khiển hệ thống điện thông minh, nhằm giúp sinh viên phát triển khả năng phân tích, sáng tạo và ứng dụng hiệu quả các giải pháp công nghệ hiện đại, công nghệ xanh đáp ứng với

đặc thù ngành hàng không nói riêng và ngành công nghiệp nói chung.

+ **Kỹ năng**

- *Sử dụng thành thạo các công cụ đo kiểm và lắp đặt trong ngành điện.* Phát triển năng lực phân tích yêu cầu, thiết kế, lập trình và tối ưu hóa hệ thống điện bằng các **bộ điều khiển** (vi điều khiển, PLC, AI-based control...) nhằm đáp ứng nhu cầu xanh, sạch của ngành hàng không và giảm năng lượng hóa thạch của ngành công nghiệp hiện đại.

- *Xây dựng và triển khai các hệ thống công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa thông minh,* đáp ứng các bài toán chuyên sâu trong quản lý, vận hành hệ thống tự động hóa. Đồng thời, hướng đến việc sáng tạo và tối ưu hóa các giải pháp công nghệ, đáp ứng nhu cầu sử dụng năng lượng sạch theo xu hướng công nghiệp 4.0.

- *Phát triển kỹ năng mềm giao tiếp hiệu quả trong môi trường làm việc đa văn hóa,* bao gồm giao tiếp nhóm học thuật, giao tiếp kỹ thuật và giao tiếp văn hóa. Đồng thời, xây dựng năng lực thảo luận, phản biện và tư duy sáng tạo để quản lý dự án và triển khai các giải pháp công nghệ tiên tiến, đáp ứng yêu cầu thực tế của nền khoa học công nghệ.

- *Phát triển khả năng sử dụng ngoại ngữ trong học thuật và giao tiếp,* sử dụng thành thạo thiết bị công nghệ đáp ứng xu hướng công nghiệp mới. Sinh viên sẽ phát triển khả năng làm việc với các công cụ và nền tảng công nghệ tiên tiến, đáp ứng yêu cầu của ngành trong việc phát triển sản phẩm và giải pháp công nghệ.

+ **Mức tự chủ và trách nhiệm**

- *Phát huy ý thức trách nhiệm công dân và tinh thần phục vụ cộng đồng* thông qua lao động, việc phát triển và ứng dụng các giải pháp công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn.

- *Rèn luyện thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn,* bao gồm tính trung thực, tinh thần trách nhiệm, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp, không ngừng tự học, đổi mới và nâng cao năng lực chuyên môn, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và sáng tạo của thời đại phát triển công nghệ mới.

2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

+ **Chuẩn đầu ra kiến thức**

- Vận dụng kiến thức lý luận chính trị, pháp luật để giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội thực tế;

- Vận dụng kiến thức hàng không phục vụ trong việc giải quyết các bài toán

chuyên ngành có liên quan đến lĩnh vực hàng không;

- Vận dụng kiến thức về khoa học tự nhiên phục vụ trong việc giải quyết các bài toán cơ sở ngành, chuyên ngành;

- Vận dụng kiến thức ngoại ngữ phục vụ chuyên môn trong quá trình học tập và công tác;

- Áp dụng kiến thức cơ sở ngành để giải quyết các bài toán cơ bản về lập trình, phân tích, giải thuật, thiết kế, v.v... làm nền tảng cho các bài toán chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa trong cảng hàng không và công nghiệp;

- Tổng hợp kiến thức cơ sở ngành để giải quyết các bài toán lập trình, các vấn đề nền tảng công nghệ mới đáp ứng các công việc;

- Tổng hợp kiến thức chuyên ngành để giải quyết các vấn đề thiết kế, phát triển và tối ưu hóa phần cứng của hệ thống điều khiển tự động.

- Tổng hợp và lập kế hoạch để tổ chức, giám sát các quy trình hoạt động trong lĩnh vực điện tự động trong và ngoài ngành hàng không phù hợp môi trường làm việc đương đại đa văn hóa, đa quốc gia.

+ Chuẩn đầu ra kỹ năng

- Trình bày và truyền đạt thông tin một cách tự tin, mạch lạc dễ hiểu. Soạn thảo được văn bản khoa học và viết báo cáo chuyên môn.

- Đọc hiểu tài liệu tiếng Anh, sử dụng thành thạo máy tính, phần mềm tin học và các công cụ công nghệ số phục vụ công việc chuyên môn.

- Vận dụng thành thạo kiến thức chuyên môn, kỹ năng lập trình chuyên ngành điện tự động giải quyết các vấn đề thực tế liên quan đến Chuyên viên kỹ thuật hệ thống Điện tự động, Chuyên viên phát triển ứng dụng thiết bị công nghệ tự động, Chuyên viên lập trình thiết bị điều khiển tự động, Chuyên viên đảm bảo chất lượng hệ thống điện tự động, Chuyên viên Phân tích chất lượng hệ thống điện điều khiển và tự động hóa.

- Thực hiện chính xác kỹ năng cơ sở ngành điều khiển tự động để các vấn đề thực tế liên quan đến Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa trong hàng không.

+ Chuẩn đầu ra về tự chủ và trách nhiệm

- Thể hiện ý chí kiên cường, dám nghĩ, dám làm và dám chịu trách nhiệm để hoàn thành nhiệm vụ được giao. Thể hiện thái độ cầu thị, biết lắng nghe, tiếp thu và chỉnh sửa để hoàn thiện bản thân và công việc.

- Thể hiện tinh thần đoàn kết, sống tích cực, có đạo đức và tác phong gương

mẫu, thể hiện lòng yêu nước và trung thành với Tổ quốc.

- Tự tin trình bày, thuyết trình và báo cáo một cách logic, mạch lạc trước công chúng. Tổ chức và điều phối các hoạt động nhóm giải quyết sự cố cho bản thân và cộng đồng.

3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

3.1 Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

- **Chuyên viên kỹ thuật hệ thống Điện tự động:** Thiết kế, phát triển và tối ưu hóa các thiết bị điều khiển đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế. Xây dựng các module điều khiển và ứng dụng thông minh, đảm bảo hiệu suất và độ tin cậy của hệ thống Điện điều khiển tự động khi triển khai trong môi trường thực tiễn. Quản lý dự án trong lĩnh vực tự động hóa cảng hàng không, vận hành và tối ưu hệ thống năng lượng tái tạo (solar, wind) trong sân bay.

- **Chuyên viên phát triển ứng dụng thiết bị công nghệ tự động:** phát triển và tối ưu hóa hệ thống Điện tự động có tích hợp các giải pháp trí tuệ nhân tạo (AI) để giải quyết các bài toán kỹ thuật thực tế và đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế. Công việc bao gồm tối ưu hóa hiệu suất ứng dụng, đảm bảo trải nghiệm người dùng và sửa lỗi kỹ thuật.

- **Chuyên viên lập trình thiết bị điều khiển tự động:** Thiết kế, lập trình điều khiển tự động tại các doanh nghiệp chuyên về PLC, SCADA, HMI, IoT, AI trong hệ thống điện sân bay. Thiết kế, xây dựng và triển khai các ứng dụng trên nền tảng nhúng, web, di động cho các dự án hệ thống Điện tự động. Lập trình giám sát hiệu suất và khắc phục các sự cố.

- **Chuyên viên đảm bảo chất lượng hệ thống điện tự động:** Tổ chức quy trình lắp đặt, vận hành, lập kế hoạch kiểm thử, thiết kế kịch bản thực hiện kiểm thử thủ công (Manual Testing) và tự động (Automated Testing), phát hiện lỗi và theo dõi việc sửa lỗi để tối ưu hóa hệ thống điện, đánh giá và đảm bảo chất lượng phần mềm theo các tiêu chuẩn quốc tế. Công việc yêu cầu kỹ năng phân tích để phát hiện rủi ro và lỗi tiềm ẩn, kỹ năng sử dụng các công cụ chuyên dụng v.v... và am hiểu quy trình phát triển hệ thống Điện tự động. Mục tiêu là giảm thiểu rủi ro, tăng hiệu suất và mang lại tin cậy cho sản phẩm.

- **Chuyên viên Phân tích chất lượng hệ thống điện điều khiển và tự động hóa:** Khảo sát, thu thập, phân tích và truyền đạt yêu cầu nghiệp vụ giữa khách hàng và đội ngũ kỹ thuật để đảm bảo Hệ thống điện tự động được phát triển phù hợp với kỳ vọng doanh nghiệp. Xây dựng quy trình nghiệp vụ, viết tài liệu yêu cầu và hỗ trợ kiểm thử. Chuyên viên cần kỹ năng giao tiếp tốt, phân tích dữ liệu

và sử dụng thành thạo các công cụ, v.v... Ngoài ra, cần có thái độ chủ động học hỏi, chú trọng chất lượng công việc, sẵn sàng đón nhận thách thức, kiên trì trong giải quyết vấn đề và hợp tác hiệu quả trong môi trường quốc tế.

3.2 Nơi làm việc sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp chuyên ngành Điện tử động cảng hàng không, sinh viên có thể làm việc tại nhiều môi trường khác nhau, bao gồm:

- *Doanh nghiệp công nghệ trong và ngoài nước:* Có thể tham gia vào các tập đoàn công nghệ lớn, công ty đa quốc gia hoặc các doanh nghiệp chuyên sâu trong lĩnh vực phát triển thiết bị điều khiển tự động. Ngoài ra, sinh viên có thể góp mặt trong các công ty khởi nghiệp công nghệ (start-up), đặc biệt là những đơn vị tập trung vào đổi mới sáng tạo và phát triển giải pháp thông minh.

- *Đơn vị cung cấp giải pháp tích hợp xanh sạch của của hệ thống điện tử động:* Làm việc tại các công ty chuyên thiết kế, xây dựng, triển khai và bảo trì hệ thống phần mềm tích hợp trí tuệ nhân tạo vào hệ thống điện tử động cảng hàng không. Vai trò có thể bao gồm kỹ sư phát triển giải pháp, kỹ thuật viên triển khai, hoặc chuyên viên tư vấn công nghệ trong các dự án ứng dụng AI vào hệ thống tự động.

- *Cơ quan nhà nước và các tổ chức phi lợi nhuận:* Tham gia các chương trình nghiên cứu, phát triển công nghệ phục vụ xã hội; hỗ trợ chuyển đổi số trong lĩnh vực công nghiệp và quốc phòng; hoặc góp phần xây dựng các giải pháp công nghệ ứng dụng hệ thống điện tử động trong giám sát môi trường, chiếu sáng thông minh, hoặc thiết bị dịch vụ thông minh tại các tổ chức chính phủ và phi chính phủ.

4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp chuyên ngành Điện tử động cảng hàng không, sinh viên có khả năng tiếp tục học tập và phát triển bản thân thông qua các hình thức sau:

- *Tự học và nghiên cứu phát triển chuyên môn:* Sinh viên có đủ nền tảng kiến thức và kỹ năng để tự học, nghiên cứu các công nghệ mới trong lĩnh vực công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa. Có khả năng tiếp cận và áp dụng các công nghệ hiện đại. Bên cạnh đó, sinh viên có thể tham gia vào các dự án nghiên cứu và ứng dụng thực tế để nâng cao năng lực chuyên môn.

- *Học tập sau đại học:* Sinh viên có thể theo đuổi các chương trình thạc sĩ trong các lĩnh vực liên quan tại các cơ sở giáo dục trong nước và quốc tế. Ngoài ra, có cơ hội tham gia các chương trình nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế, hoặc các khóa học chuyên ngành để nâng cao kiến thức chuyên môn.



- *Tham gia các khóa học và chứng chỉ nghề nghiệp*: Để mở rộng kiến thức chuyên môn và khẳng định năng lực trong ngành, sinh viên thể tham gia các khóa học và đạt được các chứng chỉ quốc tế có giá trị.

- *Phát triển kỹ năng mềm và tư duy sáng tạo*: Ngoài các kỹ năng chuyên môn, sinh viên còn có thể trau dồi thêm các kỹ năng mềm như tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, giao tiếp hiệu quả, quản lý thời gian và làm việc nhóm. Đặc biệt, trong lĩnh vực AI, công nghệ tự động hàng không, khả năng tư duy sáng tạo và phân tích dữ liệu đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng và tối ưu các giải pháp thông minh.

- *Phát triển tư duy lãnh đạo và quản lý*: Sau một thời gian tích lũy kinh nghiệm, học viên có thể phát triển sự nghiệp theo hướng quản lý dự án công nghệ tự động hàng không, lãnh đạo đội nhóm phát triển công nghệ điều khiển tự động, hoặc trở thành chuyên gia tư vấn công nghệ điều khiển tự động.

KHOA DU LỊCH VÀ DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG
NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH
Chuyên ngành Quản trị Khách sạn - Nhà hàng

PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Thông tin về chương trình đào tạo

1.1 Tên ngành đào tạo:

- + Tên tiếng Việt : Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành
- + Tên tiếng Anh : Tourism and Travel Management

1.2 Chuyên ngành

- + Tên tiếng Việt : Quản trị Khách sạn - Nhà hàng
- + Tên tiếng Anh : Hotel and Restaurant Management

1.3 Ngôn ngữ đào tạo : Tiếng Việt

1.4 Thời gian đào tạo : 8 học kỳ

1.5 Trình độ đào tạo theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam: Bậc 6

1.6 Tên văn bằng sau tốt nghiệp

- + Tên tiếng Việt : Bằng cử nhân Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành
- + Tên tiếng Anh : The Degree of Bachelor in Tourism and Travel Management

1.7 Khoa được giao nhiệm vụ đào tạo:

- + Khoa Du lịch và dịch vụ hàng không
- + Địa chỉ: số 104 Nguyễn Văn Trỗi, Phường Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.
- + Điện thoại: 0911.9595.05, Email: ftas@vaa.edu.vn, Website: ftas@vaa.edu.vn

2. Thông tin tuyển sinh

Theo đề án tuyển sinh hàng năm của Học viện Hàng không Việt Nam.

3. Các điều kiện tốt nghiệp

Theo Quy chế đào tạo trình độ đại học của Học viện Hàng không Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 572/QĐ-HVHK-ĐT ngày 30/06/2023 của Giám đốc Học viện Hàng không Việt Nam.

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ quy định;
- Hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;
- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;
- Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Hoàn thành các học phần Giáo dục quốc phòng - An ninh, Giáo dục thể chất;
- Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.
- Ngoại ngữ: Người học tốt nghiệp chương trình đại học chuyên ngành Quản trị khách sạn – nhà hàng của Học Viện Hàng không Việt Nam phải đạt năng lực ngoại ngữ Tiếng Anh bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam hoặc tương đương.

PHẦN II. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu của chương trình đào tạo

1.1 Mục tiêu chung

Mục tiêu chung của ngành: Chương trình đào tạo cử nhân ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành tại Học viện Hàng không Việt Nam (VAA) nhằm trang bị cho người học có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe tốt, năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc trong ngành du lịch lữ hành, khách sạn – nhà hàng, dịch vụ thương mại hàng không; Có kiến thức về kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội, chuyên môn nghiệp vụ và năng lực quản trị điều hành kinh doanh du lịch lữ hành, khách sạn nhà hàng và dịch vụ thương mại hàng không; Có khả năng vận dụng kiến thức linh hoạt trong hoạch định, phân tích, tổng hợp, đánh giá, đề xuất giải pháp phù hợp để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, tư duy và làm việc của một công dân toàn cầu đặc biệt trong giai đoạn chuyển đổi số và tự tin làm việc trong môi trường đa văn hóa và đảm nhiệm nhiều vị

trí khác nhau trong lĩnh vực du lịch lữ hành, khách sạn nhà hàng và dịch vụ thương mại hàng không trong môi trường hội nhập quốc tế.

Mục tiêu chung của chuyên ngành: Chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Quản trị Khách sạn - Nhà hàng theo định hướng ứng dụng, có chất lượng cao, nhằm giúp người học phát triển toàn diện, có đầy đủ sức khỏe, phẩm chất đạo đức, bản lĩnh chính trị vững vàng; Có năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc hiệu quả trong ngành du lịch và khách sạn - nhà hàng; Nắm vững kiến thức nền tảng về kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội, kiến thức chuyên môn và nghiệp vụ chuyên sâu, cùng với năng lực quản trị kinh doanh khách sạn - nhà hàng.

Sau khi tốt nghiệp, người học có khả năng vận dụng một cách sáng tạo kiến thức vào thực tiễn nghề nghiệp, thành thạo các kỹ năng thực hành chuyên môn. Bên cạnh đó, người học hình thành và phát triển tư duy độc lập, đổi mới, sáng tạo nhằm đáp ứng yêu cầu công việc, tự tin làm việc trong môi trường đa văn hóa và có thể đảm nhiệm được nhiều vị trí công việc khác nhau trong lĩnh vực du lịch, khách sạn - nhà hàng. Chương trình cũng trang bị nền tảng vững chắc để người học có khả năng tiếp tục học tập ở bậc cao hơn, trở thành nhà quản trị trong lĩnh vực du lịch, khách sạn - nhà hàng.

1.2 Mục tiêu cụ thể

- Kiến thức:

Trang bị hệ thống kiến thức toàn diện và có hệ thống giúp người học nắm vững kiến thức nền tảng liên ngành, kiến thức cốt lõi của ngành, kiến thức chuyên sâu về nghiệp vụ và tư duy chiến lược để phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực khách sạn - nhà hàng và dịch vụ du lịch.

- Kỹ năng:

Rèn luyện và phát triển kỹ năng chuyên nghiệp giúp người học vận dụng thành thạo các kỹ năng nghề nghiệp, bao gồm kỹ năng giao tiếp và ngoại ngữ, kỹ năng ứng dụng công nghệ, kỹ năng tổ chức, vận hành và năng lực quản lý, giám sát công việc hiệu quả.

- Mức tự chủ và trách nhiệm:

Xây dựng phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội, năng lực làm việc độc lập và làm việc

nhóm, ý thức học tập suốt đời cùng tư duy lãnh đạo, đổi mới sáng tạo để thích ứng và phát triển trong môi trường kinh doanh toàn cầu.

2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

2.1. Chuẩn đầu ra kiến thức

- Vận dụng được kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, pháp luật đại cương và pháp luật chuyên ngành để hành nghề trong khuôn khổ pháp lý.
- Áp dụng kiến thức nền tảng về kinh tế, quản trị học, văn hóa - xã hội để lý giải các vấn đề trong môi trường kinh doanh du lịch.
- Ứng dụng các phần mềm công nghệ, tin học và chuyển đổi số trong việc tối ưu hóa vận hành công việc và nâng cao trải nghiệm khách hàng.
- Vận dụng được kiến thức về quy trình nghiệp vụ và các công cụ quản lý chất lượng để giám sát hoạt động tại các bộ phận chức năng.
- Phân tích được các yếu tố cần thiết để lập kế hoạch, tổ chức, điều phối và giám sát hoạt động hiệu quả của các bộ phận chuyên môn trong khách sạn, nhà hàng.

2.2. Chuẩn đầu ra kỹ năng

- Thực hiện thành thạo các kỹ năng nghiệp vụ cốt lõi (Lễ tân, Buồng, Nhà hàng, Bar) tại các loại hình cơ sở lưu trú và ẩm thực.
- Sử dụng hiệu quả kỹ năng giao tiếp, đàm phán, làm việc nhóm và ứng xử chuyên nghiệp trong môi trường đa văn hóa.
- Sử dụng tiếng Anh hiệu quả trong giao tiếp và công việc chuyên môn (tương đương bậc 3/6 Khung NLNN Việt Nam).
- Xây dựng và triển khai các kế hoạch kinh doanh, bán sản phẩm, dịch vụ và chăm sóc khách hàng hiệu quả.
- Lập kế hoạch, tổ chức, điều phối và giám sát các hoạt động của các bộ phận chuyên môn trong khách sạn, nhà hàng hoặc các sự kiện.

2.3. Chuẩn đầu ra về tự chủ và trách nhiệm

- Thể hiện phẩm chất chuyên nghiệp của nhà quản trị khách sạn, sức khỏe tốt, tinh thần tự chủ và trách nhiệm trong công

việc cá nhân và đội nhóm. Tuân thủ pháp luật, đạo đức nghề nghiệp và hành động vì lợi ích cộng đồng, hướng tới phát triển bền vững.

- Phát triển năng lực học tập suốt đời, tư duy lãnh đạo, khả năng tổ chức và hiện thực hóa các ý tưởng khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực dịch vụ khách sạn - nhà hàng.

3. Vị trí việc làm mà sinh viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

3.1 Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

- Nhân viên nghiệp vụ tại các bộ phận của khách sạn, khu nghỉ dưỡng, nhà hàng, trung tâm hội nghị, tàu du lịch: Nhân viên lễ tân, Nhân viên quan hệ khách hàng, Nhân viên buồng phòng, Nhân viên phục vụ nhà hàng, bar, v.v...
- Nhân viên tổ chức sự kiện, hội nghị và tiệc tại các khách sạn, trung tâm hội nghị hoặc các công ty tổ chức sự kiện: Điều phối viên sự kiện, Nhân viên kinh doanh tiệc và hội nghị, v.v...
- Nhân viên kinh doanh, nhân viên phát triển sản phẩm trong lĩnh vực khách sạn, resort, du lịch và sự kiện, Nhân viên tại các công ty lữ hành, đại lý du lịch bán sản phẩm du lịch, đặt dịch vụ, v.v...
- Giám sát viên, trưởng các bộ phận chức năng tại các cơ sở lưu trú du lịch khách sạn, resort và nhà hàng: Giám sát Bộ phận Lễ tân, Giám sát Bộ phận Nhà hàng, Trưởng bộ phận Buồng phòng, Trưởng bộ phận Kinh doanh, v.v...
- Chuyên viên tại các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch Sở Du lịch, Cục Du lịch Quốc gia, các hiệp hội nghề nghiệp du lịch: Nhân viên bộ phận đối ngoại, lễ tân tại các cơ quan, doanh nghiệp du lịch, doanh nghiệp tổ chức sự kiện.
- Nhà sáng lập hoặc quản lý các doanh nghiệp lưu trú và ẩm thực khởi nghiệp: Tự xây dựng, vận hành các mô hình kinh doanh lưu trú du lịch như khách sạn, resort, homestay, nhà hàng...

3.2 Nơi làm việc sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp chuyên ngành Quản trị Khách sạn - Nhà hàng, người học có thể làm việc tại nhiều vị trí và môi trường khác nhau trong lĩnh vực dịch vụ lưu trú, ăn uống và du lịch:

- Các doanh nghiệp kinh doanh lưu trú du lịch khách sạn, khu vui chơi nghỉ dưỡng (Resorts), Homestay, Motel, v.v...;
- Các doanh nghiệp kinh doanh nhà hàng và dịch vụ ăn uống;
- Các công ty tổ chức sự kiện và hội nghị;
- Các trung tâm tiệc cưới;
- Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Du thuyền, khai thác và vận hành Du thuyền;
- Các công ty du lịch lữ hành;
- Các trường đại học, cao đẳng có ngành du lịch, khách sạn, nhà hàng;
- Khởi nghiệp tự chủ kinh doanh ẩm thực, nhà hàng, khách sạn hoặc công ty dịch vụ du lịch, v.v...

4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Chương trình đào tạo chuyên ngành Quản trị Khách sạn - Nhà hàng được xây dựng theo định hướng phát triển năng lực, đảm bảo người học sau khi tốt nghiệp có khả năng học tập suốt đời, thích ứng linh hoạt với bối cảnh nghề nghiệp thay đổi nhanh chóng ở quy mô khu vực và toàn cầu.

Người học có năng lực để tiếp tục theo học các chương trình sau đại học Thạc sĩ, Tiến sĩ trong cùng lĩnh vực hoặc các chuyên ngành gần. Với nền tảng kiến thức vững chắc cùng kỹ và tư duy hệ thống giúp người học nhanh chóng thích nghi và phát triển năng lực chuyên sâu về quản trị, lãnh đạo và hoạch định chính sách trong ngành dịch vụ du lịch và lưu trú. Bên cạnh đó, người học cũng có khả năng chuyển tiếp linh hoạt sang các chương trình cao học thuộc khối ngành Kinh tế, Kinh doanh, Quản trị, Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng, v.v... Việc được trang bị nền tảng liên ngành từ chương trình đại học giúp người học không chỉ thích nghi vận dụng hiệu quả trong công việc, đồng thời có khả năng tiếp tục học lên bậc Tiến sĩ.

Sau 5 đến 7 năm tích lũy kinh nghiệm thực tiễn kết hợp với hoạt động nghiên cứu, người học hoàn toàn có thể đáp ứng các yêu cầu để trở thành giảng viên tại các cơ sở giáo dục đại học trong và ngoài nước.

Chương trình tích hợp các học phần giúp người học phát triển năng lực và đổi mới sáng tạo, hình thành tư duy doanh nhân, phát triển kỹ năng xây dựng và vận hành doanh nghiệp trong lĩnh vực khách



sạn, nhà hàng, dịch vụ du lịch. Người học có khả năng phân tích thị trường, xây dựng mô hình kinh doanh khả thi, tự tin triển khai các dự án khởi nghiệp phù hợp với xu hướng phát triển bền vững và hội nhập toàn cầu.

KHOA DU LỊCH VÀ DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG
NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH
Chuyên ngành Quản trị Lữ hành

PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Thông tin về chương trình đào tạo

1.1 Tên ngành đào tạo:

- + Tên tiếng Việt : Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành
- + Tên tiếng Anh : Tourism and Travel Management

1.2 Chuyên ngành

- + Tên tiếng Việt : Quản trị Lữ hành
- + Tên tiếng Anh : Travel Management

1.3 Ngôn ngữ đào tạo : Tiếng Việt

1.4 Thời gian đào tạo : 8 học kỳ

1.5 Trình độ đào tạo theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam: Bachelor

1.6 Tên văn bằng sau tốt nghiệp

- + Tên tiếng Việt : Bằng cử nhân Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành
- + Tên tiếng Anh : The Degree of Bachelor in Tourism and Travel Management

1.7 Khoa được giao nhiệm vụ đào tạo:

- + Khoa Du lịch và dịch vụ hàng không
- + Địa chỉ: số 104 Nguyễn Văn Trỗi, Phường Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.
- + Điện thoại: 0911.9595.05, Email: ftas@vaa.edu.vn, Website: ftas@vaa.edu.vn

2. Thông tin tuyển sinh

Theo đề án tuyển sinh hàng năm của Học viện Hàng không Việt Nam.

3. Các điều kiện tốt nghiệp

Theo Quy chế đào tạo trình độ đại học của Học viện Hàng không Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 572/QĐ-HVHK-ĐT ngày 30/06/2023 của Giám đốc Học viện Hàng không Việt Nam.

Sinh viên được xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ quy định;
- Hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;
- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ trung bình trở lên;
- Tại thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Hoàn thành các học phần Giáo dục quốc phòng - An ninh, Giáo dục thể chất;
- Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.
- Ngoại ngữ: Người học tốt nghiệp chương trình đại học chuyên ngành Quản trị khách sạn – nhà hàng của Học Viện Hàng không Việt Nam phải đạt năng lực ngoại ngữ Tiếng Anh bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam hoặc tương đương.

PHẦN II. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu của chương trình đào tạo

1.1 Mục tiêu chung

Mục tiêu chung của ngành: Chương trình đào tạo cử nhân ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành tại Học viện Hàng không Việt Nam (VAA) nhằm trang bị cho người học có phẩm chất chính trị, đạo đức, sức khỏe tốt, năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc trong ngành du lịch lữ hành, khách sạn – nhà hàng, dịch vụ thương mại hàng không; Có kiến thức về kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội, chuyên môn nghiệp vụ và năng lực quản trị điều hành kinh doanh du lịch lữ hành, khách sạn nhà hàng và dịch vụ thương mại hàng không; Có khả năng vận dụng kiến thức linh hoạt trong hoạch định, phân tích, tổng hợp, đánh giá, đề xuất giải pháp phù hợp để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, tư duy và làm việc của một công dân toàn cầu đặc biệt trong giai đoạn chuyển đổi số và tự tin làm việc trong môi trường đa văn hóa và đảm nhiệm nhiều vị

trí khác nhau trong lĩnh vực du lịch lữ hành, khách sạn nhà hàng và dịch vụ thương mại hàng không trong môi trường hội nhập quốc tế.

Mục tiêu chung của chuyên ngành: Chương trình đào tạo cử nhân chuyên ngành Quản trị lữ hành theo định hướng ứng dụng, có chất lượng cao, nhằm giúp người học phát triển toàn diện, có đầy đủ sức khỏe, phẩm chất đạo đức, bản lĩnh chính trị vững vàng; Có năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc hiệu quả trong ngành du lịch và quản trị lữ hành; Nắm vững kiến thức nền tảng về kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội, kiến thức chuyên môn và nghiệp vụ chuyên sâu, cùng với năng lực quản trị kinh doanh lữ hành.

Sau khi tốt nghiệp, người học có khả năng vận dụng một cách sáng tạo kiến thức vào thực tiễn nghề nghiệp, thành thạo các kỹ năng thực hành chuyên môn. Bên cạnh đó, người học hình thành và phát triển tư duy độc lập, đổi mới, sáng tạo nhằm đáp ứng yêu cầu công việc, tự tin làm việc trong môi trường đa văn hóa và có thể đảm nhiệm được nhiều vị trí công việc khác nhau trong lĩnh vực du lịch, quản trị lữ hành. Chương trình cũng trang bị nền tảng vững chắc để người học có khả năng tiếp tục học tập ở bậc cao hơn, trở thành nhà quản trị trong lĩnh vực du lịch, quản trị lữ hành.

1.2 Mục tiêu cụ thể

- Kiến thức:

Trang bị hệ thống kiến thức toàn diện và có hệ thống giúp người học nắm vững kiến thức nền tảng liên ngành, kiến thức cốt lõi của ngành, kiến thức chuyên sâu về nghiệp vụ và tư duy chiến lược để phân tích, đánh giá và giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực khách sạn - nhà hàng và dịch vụ du lịch.

- Kỹ năng:

Rèn luyện và phát triển kỹ năng chuyên nghiệp giúp người học vận dụng thành thạo các kỹ năng nghề nghiệp, bao gồm kỹ năng giao tiếp và ngoại ngữ, kỹ năng ứng dụng công nghệ, kỹ năng tổ chức, vận hành và năng lực quản lý, giám sát công việc hiệu quả.

- Mức tự chủ và trách nhiệm:

Xây dựng phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội, năng lực làm việc độc lập và làm việc

nhóm, ý thức học tập suốt đời cùng tư duy lãnh đạo, đổi mới sáng tạo để thích ứng và phát triển trong môi trường kinh doanh toàn cầu.

2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

2.1. Chuẩn đầu ra kiến thức

- Vận dụng được kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, pháp luật đại cương và pháp luật chuyên ngành để hành nghề trong khuôn khổ pháp lý.
- Áp dụng kiến thức nền tảng về kinh tế, quản trị học, văn hóa - xã hội để lý giải các vấn đề trong môi trường kinh doanh du lịch.
- Ứng dụng các phần mềm công nghệ, tin học và chuyển đổi số trong việc tối ưu hóa vận hành công việc và nâng cao trải nghiệm khách hàng.
- Vận dụng được kiến thức về quy trình nghiệp vụ và các công cụ quản lý chất lượng để giám sát hoạt động tại các bộ phận chức năng.
- Phân tích được các yếu tố cần thiết để lập kế hoạch, tổ chức, điều phối và giám sát hoạt động hiệu quả của các bộ phận chuyên môn trong khách sạn, nhà hàng.

2.2. Chuẩn đầu ra kỹ năng

- Thực hiện thành thạo các kỹ năng nghiệp vụ cốt lõi (Lễ tân, Buồng, Nhà hàng, Bar) tại các loại hình cơ sở lưu trú và ẩm thực.
- Sử dụng hiệu quả kỹ năng giao tiếp, đàm phán, làm việc nhóm và ứng xử chuyên nghiệp trong môi trường đa văn hóa.
- Sử dụng tiếng Anh hiệu quả trong giao tiếp và công việc chuyên môn (tương đương bậc 3/6 Khung NLNN Việt Nam).
- Xây dựng và triển khai các kế hoạch kinh doanh, bán sản phẩm, dịch vụ và chăm sóc khách hàng hiệu quả.
- Lập kế hoạch, tổ chức, điều phối và giám sát các hoạt động của các bộ phận chuyên môn trong khách sạn, nhà hàng hoặc các sự kiện.

2.3. Chuẩn đầu ra về tự chủ và trách nhiệm

- Thể hiện phẩm chất chuyên nghiệp của nhà quản trị khách sạn, sức khỏe tốt, tinh thần tự chủ và trách nhiệm trong công

việc cá nhân và đội nhóm. Tuân thủ pháp luật, đạo đức nghề nghiệp và hành động vì lợi ích cộng đồng, hướng tới phát triển bền vững.

- Phát triển năng lực học tập suốt đời, tư duy lãnh đạo, khả năng tổ chức và hiện thực hóa các ý tưởng khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực dịch vụ khách sạn - nhà hàng.

3. Vị trí việc làm mà sinh viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

3.1 Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

- Nhân viên hướng dẫn du lịch: Hướng dẫn viên nội địa; Hướng dẫn viên quốc tế; Hướng dẫn viên tại điểm; Trưởng đoàn du lịch quốc tế.
- Nhân viên thiết kế và điều hành tour: Nhân viên thiết kế tour; Nhân viên điều hành tour.
- Nhân viên kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành: Nhân viên chăm sóc khách hàng, tiếp thị và bán sản phẩm dịch vụ du lịch; Nhân viên tổ chức sự kiện du lịch; Nhân viên bán/ booker vé máy bay tại phòng vé/ đại lý/ hãng/ sân bay.
- Giám sát viên, trưởng các bộ phận chức năng tại các đơn vị kinh doanh lữ hành: Giám sát điều hành tour; Trưởng phòng điều hành tour; Trưởng phòng sản phẩm lữ hành.
- Chuyên viên tại các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch Sở Du lịch, Cục Du lịch Quốc gia, các hiệp hội nghề nghiệp du lịch: Nhân viên bộ phận đối ngoại, lễ tân tại các cơ quan, doanh nghiệp du lịch, doanh nghiệp tổ chức sự kiện.
- Nhà quản lý các doanh nghiệp kinh doanh lữ hành: Tự xây dựng, vận hành các mô hình kinh doanh du lịch lữ hành như Đại lý lữ hành, Công ty điều hành tour, Đại lý du lịch trực tuyến (OTA - Online Travel Agency), Du lịch chuyên đề (Thematic Tourism), Du lịch bền vững & có trách nhiệm (Sustainable & Responsible Tourism)...

3.2 Nơi làm việc sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, người học có đủ năng lực để tiếp tục học tập và phát triển bản thân suốt đời, cụ thể:

Học tập nâng cao: Có khả năng tự học, tự nghiên cứu để cập nhật kiến thức, nâng cao trình độ chuyên môn. Người học có thể tiếp



tục theo học các chương trình đào tạo sau đại học (Thạc sĩ, Tiến sĩ) trong nước và quốc tế về các chuyên ngành như Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị kinh doanh, Quản trị du lịch bền vững.

Bồi dưỡng chuyên môn: Có thể tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn để cập nhật các xu hướng mới (du lịch MICE, du lịch sinh thái, du lịch thông minh), nâng cao kỹ năng nghề nghiệp (hướng dẫn viên du lịch, điều hành tour, marketing số) và lấy các chứng chỉ hành nghề cần thiết.

Phát triển kỹ năng: Liên tục rèn luyện và phát triển các kỹ năng mềm quan trọng như kỹ năng tự học, tư duy sáng tạo, tư duy phản biện, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng giao tiếp đa văn hóa và khả năng thích ứng cao trong môi trường làm việc năng động và hội nhập quốc tế.

Nâng cao năng lực ngoại ngữ và công nghệ: Có khả năng học thêm các ngoại ngữ mới và chủ động cập nhật các ứng dụng công nghệ, phần mềm quản lý chuyên dụng trong lĩnh vực du lịch và lữ hành để đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và quá trình chuyển đổi số.

4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Chương trình đào tạo chuyên ngành Quản trị Khách sạn - Nhà hàng được xây dựng theo định hướng phát triển năng lực, đảm bảo người học sau khi tốt nghiệp có khả năng học tập suốt đời, thích ứng linh hoạt với bối cảnh nghề nghiệp thay đổi nhanh chóng ở quy mô khu vực và toàn cầu.

Người học có năng lực để tiếp tục theo học các chương trình sau đại học Thạc sĩ, Tiến sĩ trong cùng lĩnh vực hoặc các chuyên ngành gần. Với nền tảng kiến thức vững chắc cùng kỹ và tư duy hệ thống giúp người học nhanh chóng thích nghi và phát triển năng lực chuyên sâu về quản trị, lãnh đạo và hoạch định chính sách trong ngành dịch vụ du lịch và lưu trú. Bên cạnh đó, người học cũng có khả năng chuyển tiếp linh hoạt sang các chương trình cao học thuộc khối ngành Kinh tế, Kinh doanh, Quản trị, Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng, v.v... Việc được trang bị nền tảng liên ngành từ chương trình đại học giúp người học không chỉ thích nghi vận dụng hiệu quả trong công việc, đồng thời có khả năng tiếp tục học lên bậc Tiến sĩ.



Sau 5 đến 7 năm tích lũy kinh nghiệm thực tiễn kết hợp với hoạt động nghiên cứu, người học hoàn toàn có thể đáp ứng các yêu cầu để trở thành giảng viên tại các cơ sở giáo dục đại học trong và ngoài nước.

Chương trình tích hợp các học phần giúp người học phát triển năng lực và đổi mới sáng tạo, hình thành tư duy doanh nhân, phát triển kỹ năng xây dựng và vận hành doanh nghiệp trong lĩnh vực khách sạn, nhà hàng, dịch vụ du lịch. Người học có khả năng phân tích thị trường, xây dựng mô hình kinh doanh khả thi, tự tin triển khai các dự án khởi nghiệp phù hợp với xu hướng phát triển bền vững và hội nhập toàn cầu.

HỌC VIỆN HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 104 Nguyễn Văn Trỗi, Phường Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 3844 2251 – Fax: (84-8) 3844 7523

Email: info@vaa.edu.vn – Website: www.vaa.edu.vn